

PHỤ LỤC VII

BẢNG GIÁ ĐẤT THƯỜNG MẠI, DỊCH VỤ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

DVT: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
1	Phường Ninh Kiều			
1.1	Đường Bà Huyện Thanh Quan	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Phan Đăng Lưu	18.480
1.2	Đường Bà Triệu	Đường Ngô Gia Tự	Cuối đường	22.720
1.3	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Đinh Tiên Hoàng	27.760
1.4	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Vòng xoay Bến xe	Đường Phạm Ngũ Lão	31.920
1.5	Đường Cao Bá Quát	Đường Phan Đình Phùng	Đường Điện Biên Phủ	15.120
		Đường Điện Biên Phủ	Đường Đồng Khởi	12.960
1.6	Đường Châu Văn Liêm	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	80.240
1.7	Đường Đề Thám	Đường Hòa Bình	Đường Nguyễn Khuyến	56.400
		Đường Nguyễn Khuyến	Đường Huỳnh Cương	51.040
1.8	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Văn Tần	Đường Ngô Đức Kế	29.520
		Đường Ngô Đức Kế	Cuối đường	15.120
1.9	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Hùng Vương	Cầu Xô Viết Nghệ Tĩnh	45.680
1.10	Đường Đồng Khởi	Đường Hòa Bình	Đường Châu Văn Liêm	50.480
		Đường Châu Văn Liêm	Cuối đường	25.680
1.11	Đường 3 Tháng 2	Đường Mậu Thân	Giáp ranh phường Tân An	51.040
1.12	Đường 30 Tháng 4	Đường Hòa Bình	Đường Trần Ngọc Quế	78.400
1.13	Đường cặp bờ kè Hồ Búng Xáng	Hẻm 51, Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh Trường Đại học Cần Thơ (Khu II)	19.040
1.14	Đường cặp bờ kè Rạch Khai Luông	Giáp ranh Nhà khách Đoàn 30	Cầu Ninh Kiều	16.800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
1.15	Đường nội bộ Vincom Xuân Khánh	Cả khu		25.200
1.16	Đường Hai Bà Trưng	Nhà hàng Ninh Kiều	Đường Nguyễn An Ninh	80.240
		Đường Nguyễn An Ninh	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	44.720
1.17	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	27.760
1.18	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Hùng Vương	Đường Bùi Thị Xuân	18.480
		Đường Hùng Vương	Hẻm 67, Đường Phan Đăng Lưu	13.440
1.19	Đường Hòa Bình	Đường Nguyễn Trãi	Đường 30 Tháng 4	142.240
1.20	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Nguyễn Trãi	Đường Trần Hưng Đạo	38.080
1.21	Đường Hùng Vương	Cầu Nhị Kiều	Vòng xoay Bến xe	50.160
1.22	Đường Huỳnh Cương	Đường Hoàng Văn Thụ - quanh Hồ Xáng Thối	Đường Hoàng Văn Thụ	37.440
1.23	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Mậu Thân	33.520
1.24	Đường Lê Anh Xuân (Hẻm 132 - Đường Hùng Vương)	Cầu Nhị Kiều	Đường Yết Kiêu	16.800
1.25	Đường Lê Lai	Các đoạn trái nhựa, giáp Đường Phan Văn Trị		16.800
1.26	Đường Lê Thánh Tôn	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Ngô Quyền	62.800
1.27	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Ngô Quyền	Đường Ngô Gia Tự	44.560
1.28	Đường Phan Văn Trị	Trường Đại học Cần Thơ (Khu III)	Đường 30 Tháng 4	57.120
1.29	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Trường Đại học Cần Thơ (Khu III) - Đường Trương Định	87.520
		Đường Trương Định	Đường Hòa Bình	57.120
1.30	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Trương Định	Cuối đường	15.120
1.31	Đường Mạc Thiên Tích (Đường cấp Rạch Bần)	Đường Mậu Thân	Đường 3 Tháng 2	15.120

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
1.32	Đường Mạc Thiên Tích (Đường cấp Rạch Tham Tướng)	Sông Cần Thơ	Đường Mậu Thân	13.440
1.33	Đường Mậu Thân	Đường Tầm Vu	Đường 30 Tháng 4	28.720
		Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Hưng Đạo	68.080
		Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Rạch Ngỗng 1	58.560
1.34	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hòa Bình	67.600
1.35	Đường Ngô Đức Kế	Đường Hai Bà Trưng	Đường Phan Đình Phùng	44.720
		Đường Phan Đình Phùng	Đường Điện Biên Phủ	25.680
		Đường Điện Biên Phủ	Đường Đồng Khởi	17.120
1.36	Đường Ngô Gia Tự	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Trãi	47.520
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Võ Thị Sáu	27.760
1.37	Đường Ngô Hữu Hạnh	Đường Hòa Bình	Đường Trương Định	27.760
		Đường Hòa Bình	Đường Lý Thường Kiệt	27.760
1.38	Đường Ngô Quyền	Bờ sông Cần Thơ	Đường Hòa Bình	70.240
		Đường Hòa Bình	Đường Trương Định	60.160
1.39	Đường Ngô Văn Sở	Đường Hòa Bình	Đường Phan Đình Phùng	36.960
1.40	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	80.240
1.41	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương	36.960
1.42	Đường Nguyễn Du	Đường Châu Văn Liêm	Đường Ngô Đức Kế	15.120
1.43	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ngô Hữu Hạnh	27.760
1.44	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Ngô Quyền	Đường Đề Thám	36.960
1.45	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	80.240
1.46	Đường Nguyễn Thành Hiến	Đường Lý Tự Trọng	Cuối đường	18.480
1.47	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Phan Đình Phùng	Cầu Quang Trung	27.760
		Cầu Quang Trung	Đường Tầm Vu	16.800
1.48	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hòa Bình	Vòng xoay Bến xe	91.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
1.49	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Phan Văn Trị	Đường Mậu Thân	31.440
1.50	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Hẻm 85	26.080
		Hẻm 85	Cuối đường	16.800
1.51	Đường Phan Bội Châu	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	50.480
1.52	Đường Phan Chu Trinh	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	50.480
1.53	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Bà Huyện Thanh Quan	31.440
1.54	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hòa Bình	Đường Ngô Đức Kế	70.240
		Đường Ngô Đức Kế	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	58.560
1.55	Đường Quang Trung	Đường 30 Tháng 4	Hẻm 33 và Hẻm 50	31.440
		Hẻm 33 và Hẻm 50	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	20.960
1.56	Đường Tầm Vu	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Vincom Xuân Khánh	11.760
		Vincom Xuân Khánh	Đường Trần Ngọc Quế	7.600
1.57	Đường Tân Trào	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	52.400
1.58	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Hai Bà Trưng	Đường Phan Đình Phùng	36.960
1.59	Đường Trần Bình Trọng	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	18.480
1.60	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Nhị Kiều	Đường Mậu Thân	85.120
1.61	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	38.080
		Đường 30 Tháng 4	Đường Tầm Vu	17.120
1.62	Đường Trần Quốc Toản	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	36.960
1.63	Đường Trần Văn Hoài	Đường 30 Tháng 4	Đường 3 Tháng 2	38.080
1.64	Đường Trương Định	Đường Ngô Hữu Hạnh	Đường Ngô Quyền	22.720
		Đường Ngô Quyền	Đường Đề Thám	11.760
		Đường Đề Thám	Đường Lý Tự Trọng	18.480
1.65	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ngô Quyền	33.600
1.66	Đường Võ Văn Tần	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	80.240

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
1.67	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Hòa Bình	Đường Hoàng Văn Thụ	50.480
1.68	Đường Yết Kiêu	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Lê Anh Xuân	15.120
1.69	Khu nội bộ Mậu Thân	Đường Cao Thắng		12.480
		Đường Đinh Công Tráng		12.480
		Đường Nguyễn Cư Trinh		12.480
		Đường Nguyễn Ngọc Trai		12.480
		Đường Nguyễn Văn Trỗi		12.480
1.70	Đường nội bộ Khu Tập thể Công ty Cấp thoát nước, khu công viên cây xanh (cũ) Đường 30 Tháng 4 (Khu dân cư số 5)	Các trục đường chính		15.120
1.71	Khu dân cư (Kế Chi cục Thú y) 30 Tháng 4 (Khu dân cư số 9)	Các trục đường chính		15.120
1.72	Khu dân cư Búng Xáng	Đường nội bộ		9.280
1.73	Khu dân cư Trần Khánh Dư	Đường 30 Tháng 4	Ngã ba hẻm	16.000
		Các trục chính còn lại		14.320
1.74	Hẻm 54, Đường Hùng Vương	Đường Hùng Vương	Hết trục đường chính	15.120
1.75	Hẻm 14; Hẻm 86, Đường Lý Tự Trọng	Đường Lý Tự Trọng	Đường Đề Thám	18.480
1.76	Hẻm 95, Đường Mậu Thân	Đường Mậu Thân	Trạm Y tế (cũ)	13.440
1.77	Hẻm 72B, Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Cuối hẻm	9.280
1.78	Hẻm 88, Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Cuối hẻm	9.280
1.79	Hẻm 93, Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối hẻm	15.120
1.80	Hẻm 218, Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối hẻm	13.440
1.81	Hẻm 50, Đường Quang Trung	Đường Quang Trung	Cuối hẻm	7.600
1.82	Hẻm 108, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Việt Hồng	15.120

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
2	Phường Cái Khế			
2.1	Đường Bế Văn Đàn	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	9.280
2.2	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Vòng xoay Bến xe	Hẻm 86, Đường Cách Mạng Tháng Tám (Bên phải)	31.920
		Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Nguyễn Huệ (Bên trái)	28.040
2.3	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Ngã ba	11.760
		Ngã ba	Cuối đường	7.600
2.4	Đường nội bộ Khu dân cư Quận khu 9	Đường Trần Quang Khải	Đường Lý Hồng Thanh	22.720
2.5	Đường Sông Hậu và các trục đường quanh Công viên nước	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Khách sạn Victoria)	9.280
2.6	Đường vào Công an quận Ninh Kiều (cũ)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	13.440
2.7	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Trần Phú	Đường Trần Văn Khéo	46.240
2.8	Đường Lê Anh Xuân (Hẻm 132 - Đường Hùng Vương)	Đường Yết Kiêu	Cầu Rạch Ngỗng 1	16.800
		Cầu Rạch Ngỗng 1	Cầu Rạch Ngỗng 2	16.400
2.9	Đường Lê Lợi	Đường Trần Phú	Đường Trần Văn Khéo	27.760
		Đường Trần Văn Khéo	Khách sạn Victoria	13.440
2.10	Đường Lương Định Của	Đường Trần Văn Khéo	Cuối đường	27.760
2.11	Đường Lý Hồng Thanh	Khu chung cư	Bờ kè Cái Khế	36.960
2.12	Đường Mậu Thân	Chân cầu Rạch Ngỗng 1	Đường Nguyễn Văn Cừ	44.720
		Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Huệ	14.880
2.13	Đường Nguyễn Bình	Đường Lê Lợi	Đường Ung Văn Khiêm	13.440
2.14	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ung Văn Khiêm	36.960
2.15	Đường Nguyễn Huệ (Vành đai Phi trường)	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Võ Văn Kiệt	21.040
2.16	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Trần Phú	Đường Trần Văn Khéo	46.240

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
2.17	Đường Nguyễn Hữu Cầu (Đường số 1, Khu dân cư Hoàn Mỹ)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	9.280
2.18	Đường Nguyễn Hữu Trí (Đường số 5, Khu dân cư Vạn Phát)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường số 7, Khu dân cư Vạn Phát	5.920
2.19	Đường Nguyễn Trãi	Cầu Nguyễn Trãi	Vòng xoay Bến xe	91.200
2.20	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Rạch Ngỗng 2	Đường Cách Mạng Tháng Tám	38.080
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Cồn Khương	25.680
		Chân cầu Cồn Khương	Rạch Khai Luông (Đường hai bên chân cầu)	11.440
		Cầu Cồn Khương	Sông Hậu	11.440
2.21	Đường Phạm Công Trứ (Đường số 2, Khu dân cư Vạn Phát)	Đường Trần Văn Giàu	Cuối đường	5.920
2.22	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Trần Văn Khéo	Cuối đường	41.920
2.23	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Yết Kiêu	26.080
2.24	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Trần Văn Khéo	Cuối đường	27.760
2.25	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi	41.920
		Đường Lê Lợi	Hai bên phà Cần Thơ	20.960
2.26	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ung Văn Khiêm	33.600
		Đường Ung Văn Khiêm	Đường Lê Lợi	15.120
2.27	Đường Trần Văn Giàu (Đường Khu dân cư Linh Thành)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	9.280
2.28	Đường Trần Văn Khéo	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi	76.080
2.29	Đường Trần Văn Ỗn	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Đệ	9.280
2.30	Đường Trần Việt Châu	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Phạm Ngũ Lão	26.080
2.31	Đường Ung Văn Khiêm	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Bình Khiêm	36.960
2.32	Đường Võ Trường Toản	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Đệ	13.440
2.33	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Nguyễn Văn Cừ	Giáp ranh phường Bình Thủy	16.000
2.34	Khu chung cư C Mậu Thân	Cả khu		5.040

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
2.35	Khu chung cư Cơ Khí	Cả khu		5.920
2.36	Khu dân cư Miền Tây - Cần Đô	Cả khu		18.480
2.37	Khu dân cư Vạn Phát (Giai đoạn 1); Khu dân cư Hoàn Mỹ (Trừ trục đường đã được đặt tên)	Cả khu		9.280
2.38	Khu tái định cư Trường Tiểu học Cái Khế	Cả khu		15.120
2.39	Đường Yết Kiêu	Đường Lê Anh Xuân	Đường Phạm Ngũ Lão	15.120
2.40	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cuối đường	10.960
2.41	Hẻm 86, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cuối đường	7.040
2.42	Hẻm 38, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	7.600
2.43	Hẻm 42, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	7.600
2.44	Hẻm 54, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	10.080
2.45	Hẻm 62, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	7.600
3	Phường Tân An			
3.1	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 3 Tháng 2	41.520
3.2	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Rạch Ngỗng 2	Cầu Cái Sơn 2	26.560
3.3	Đường Quán Trọng Hoàng	Đường 3 Tháng 2	Tập thể Tỉnh ủy (cũ)	9.280
3.4	Đường Tầm Vu	Đường Trần Ngọc Quế	Chợ Tầm Vu	15.120
		Chợ Tầm Vu	Cầu Mương Lộ	7.600
		Cầu Mương Lộ	Cuối đường	7.600
3.5	Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh phường Ninh Kiều	Cầu Đầu Sáu (Giáp ranh phường An Bình)	47.440

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
3.6	Đường Trần Hoàng Na	Đường Tâm Vu (Đường dân sinh hai bên cầu)	Chân cầu Trần Hoàng Na	14.400
		Chân cầu Trần Hoàng Na	Đường 3 Tháng 2	24.720
		Đường 3 Tháng 2	Cầu Đầu Sáu (Giáp ranh phường An Bình)	18.720
3.7	Đường Lê Văn Thuấn (Hẻm 132, Đường 3 Tháng 2)	Đường 3 Tháng 2	Nhánh hẻm 25, Đường Nguyễn Văn Linh	8.400
3.8	Đường Nam Cao (Đường B12 - Khu dân cư 91B)	Đường Lê Chân	Đường A3	7.600
3.9	Đường Ngô Tất Tố (Đường B26 - Khu dân cư 91B)	Đường Lê Chân	Đường A3	7.600
3.10	Đường Chu Văn An (Đường số 4 - Khu tái định cư Thới Nhựt 2)	Đường số 5	Đường Trần Minh Sơn (Đường số 04 - Khu tái định cư Đại học Y Dược Cần Thơ)	5.920
3.11	Đường Phạm Sơn Khai (Trừ các tuyến đường thuộc Khu nhà ở cán bộ giáo viên Đại học Cần Thơ)	Quốc lộ 91B	Đường Búng Xáng	13.440
3.12	Đường Búng Xáng	Hẻm 51, Đường 3 Tháng 2	Cầu Rạch Ngỗng	19.040
3.13	Đường cặp bờ kè Rạch Ngỗng	Đường Búng Xáng	Cầu Rạch Ngỗng 2	10.080
3.14	Đường Lê Bình	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	18.480
3.15	Đường Lê Chân (Đường A2 - Khu dân cư 91B)	Đường số B21	Đường số 23	7.600
3.16	Đường Lý Chính Thắng	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Văn Linh	9.280
3.17	Đường Ngô Sĩ Liên (Đường số 01 - Khu dân cư Metro)	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường số 3	7.600
3.18	Đường Ngô Thị Nhậm (Trực phụ Khu dân cư Thới Nhựt 1)	Đường số 6	Đường Trần Minh Sơn	5.920
3.19	Đường Nguyễn Hiền	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Trần Hoàng Na	13.440
		Đường Trần Hoàng Na	Cuối đường	13.440

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
3.20	Đường Nguyễn Minh Quang (Đường số 24 - Khu dân cư Thới Nhựt 1)	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Nguyễn Minh Quang	5.920
3.21	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	13.360
3.22	Đường Phạm Thế Hiển (Đường 11A, Khu dân cư dự án Nâng cấp đô thị)	Đường Trần Minh Sơn	Đường Nguyễn Minh Quang	5.920
3.23	Đường Phan Huy Chú (Trục phụ Khu dân cư Thới Nhựt 1)	Đường Trần Minh Sơn	Đường Nguyễn Minh Quang	5.920
3.24	Đường Trần Bạch Đằng (Trục chính Khu dân cư nâng cấp đô thị)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Giáp ranh phường Long Tuyền	13.360
3.25	Đường Trần Minh Sơn (Đường số 04 - Khu tái định cư Đại học Y Dược Cần Thơ)	Đường Trần Bạch Đằng	Đường số 05 - Khu tái định cư Đại học Y Dược Cần Thơ	7.600
3.26	Đường Trần Nam Phú	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường cặp Hồ Búng Xáng	14.320
3.27	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	38.080
		Đường 30 Tháng 4	Đường Tầm Vu	17.120
3.28	Đường Trần Văn Long	Đường số 5 - Khu dân cư Thới Nhựt 2	Đường cặp Rạch Bà Bộ	7.600
3.29	Đường Tô Hiến Thành	Đường Trần Bạch Đằng	Đường số 6, Khu dân cư Thới Nhựt 2	5.920
3.30	Đường Nguyễn Văn Hưởng	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường Trần Minh Sơn	5.920
3.31	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường Trần Minh Sơn	5.920
3.32	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Chân cầu Hưng Lợi	Đường Nguyễn Văn Cừ	23.760
		Đường Nguyễn Văn Cừ	Rạch Bà Bộ	18.400
		Hai bên chân cầu Hưng Lợi	Sông Cần Thơ	18.480
3.33	Khu dân cư 91B - Giai đoạn 3 (Trừ các tuyến đường đã đặt tên)	Trục chính		13.440
		Trục phụ		5.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
3.34	Khu chung cư Đường 3 Tháng 2 (Trừ các tuyến đường đã đặt tên)	Trục đường chính dẫn vào khu chung cư A, B, C, D, do Nhà nước đầu tư		9.280
		Trục phụ		7.600
3.35	Khu dân cư 91B (Giai đoạn 1, tính từ Quốc lộ 91B - Trần Hoàng Na dự mở (Trừ các tuyến đường đã đặt tên)	Trục chính		13.440
		Trục phụ		7.600
3.36	Khu dân cư 148, Đường 3 Tháng 2	Đường 3 Tháng 2	Hết đường trải nhựa	7.600
3.37	Khu dân cư 351, Đường 30 Tháng 4	Các trục đường chính		11.760
3.38	Khu dân cư 274, Đường 30 Tháng 4	Đường nội bộ		11.760
3.39	Khu dân cư 515, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Hết đường trải nhựa	7.600
3.40	Khu dân cư dự án Nâng cấp đô thị	Các đường còn lại		5.920
3.41	Khu dân cư Hàng Bàng	Cả khu		5.920
3.42	Khu dân cư Metro Cash (Trừ Đường số 1)	Trục chính		7.600
		Trục phụ		5.920
3.43	Khu dân cư Phước Kiến, Tầm Vu	Đường nội bộ		6.720
3.44	Khu tái định cư Thới Nhựt 2 (Giai đoạn 1 và 2)	Cả khu		5.920
3.45	Khu tái định cư Thới Nhựt - Lô 1A (Công ty Hồng Quang làm chủ đầu tư)	Phần tiếp giáp Đường Trần Bạch Đằng		11.760
		Các trục đường còn lại		6.000
3.46	Khu tái định cư Trường Đại học Y Dược (Giai đoạn 1)	Trục chính		11.760
		Trục phụ		7.600
3.47	Hẻm 12, Đường 3 Tháng 2	Đường 3 Tháng 2	Hết đoạn trải nhựa	8.400
3.48	Hẻm 483, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Hẻm 17, Đường Trần Hoàng Na	8.400
3.49	Hẻm 577, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Đường Tầm Vu	8.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
4	Phường An Bình			
4.1	Đường 3 Tháng 2	Cầu Đầu Sáu	Chân cầu Cái Răng	23.440
		Hai bên chân cầu Cái Răng	Sông Cần Thơ	15.840
4.2	Đường Trần Hoàng Na	Cầu Đầu Sáu	Đường Nguyễn Văn Cừ	18.720
4.3	Đường Hậu Giang	Đường 3 Tháng 2	Cuối đường	10.960
4.4	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Rạch Ngỗng 2	Cầu Cái Sơn 2	22.480
		Cầu Cái Sơn 2	Đường Mỹ Khánh - Bông Vang	13.280
		Đường Mỹ Khánh - Bông Vang	Giáp ranh xã Phong Điền	4.480
4.5	Đường Tú Xương (Đường số 6, Khu dân cư Hồng Phát)	Đường Xuân Thủy	Cuối đường	7.040
4.6	Đường Xuân Thủy (Đường số 7 và Đường số 15, Khu dân cư Hồng Phát)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Hoàng Quốc Việt	7.040
4.7	Đường Hoàng Quốc Việt	Lộ Vòng Cung	Cầu Hàng Bàng	6.960
4.8	Đường Nguyễn Văn Trường	Lộ Vòng Cung	Cầu Ngã Cái	5.440
4.9	Đường Trần Vĩnh Kiết	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Văn Cừ	6.640
4.10	Lộ Vòng Cung	Cầu Cái Răng	Cầu Rau Răm	7.040
		Cầu Rau Răm	Giáp ranh xã Phong Điền	5.440
4.11	Khu dân cư Cái Sơn - Hàng Bàng (Khu B)	Phần mở rộng		7.040
4.12	Khu dân cư Hồng Phát (Các trục đường nội bộ chưa có tên trong bảng giá đất)	Trục chính		10.080
		Trục phụ		7.040
4.13	Khu đô thị mới An Bình	Cả khu		7.040
4.14	Khu tái định cư Đường tỉnh 923	Cả khu		3.920
4.15	Khu tái định cư Rạch Ngã Ngay	Cả khu		4.720

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
4.16	Khu chợ Mỹ Khánh và XD Thương mại thuộc Khu tái định cư hai bên Đường Nguyễn Văn Cừ (Công ty Mặt Trời Đỏ trúng đấu giá)	Cặp Đường Nguyễn Văn Cừ		7.920
4.17	Khu tái định cư xã Mỹ Khánh (Thuộc dự án khai thác quỹ đất)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Trường Tiền - Bông Vang	5.920
4.18	Đường Trường Tiền - Bông Vang (Trừ đoạn qua Khu tái định cư xã Mỹ Khánh)	Lộ Vòng Cung	Cầu Rạch Dinh	2.720
		Cầu Rạch Dinh	Cầu Rạch Nhum	2.320
		Các trục đường nội bộ Khu nhà ở cán bộ Học viện chính trị hành chính khu vực 4		2.320
4.19	Đường Rạch Kè - Bờ Hồ	Rạch Kè	Rạch Bờ Hồ	1.600
4.20	Đường cặp Rạch Cái Sơn (Hai bên)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Vòng Cung	1.600
4.21	Hẻm 234, Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Hoàng Quốc Việt	Cuối đường	2.000
4.22	Hẻm 170, Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Hoàng Quốc Việt	Cuối đường	1.600
4.23	Hẻm 36, Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Hoàng Quốc Việt	Cuối đường	2.800
4.24	Đường Rau Mui - Mỹ Hòa	Cầu Rau Mui	Giáp ranh khu vực Mỹ Hòa	1.600
4.25	Đường cặp Rạch Sao	Cầu Trường Tiền	Giáp ranh xã Phong Điền	1.600
4.26	Khu tái định cư An Bình	Trục chính		9.600
		Trục phụ		8.800
4.27	Khu tái định cư Ninh Kiều	Trục chính		9.600
		Trục phụ		8.800
4.28	Khu tái định cư Phong Điền (Giai đoạn 1)	Trục chính		5.200
		Trục phụ		4.400
5	Phường Bình Thủy			
5.1	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Bình Thủy	Đường Huỳnh Phan Hộ (Bên trái)	14.240
			Hết ranh Cảng Cần Thơ (Bên phải)	14.240

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
5.2	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Truyền Thanh	17.840
		Đường Nguyễn Truyền Thanh	Cầu Ngã Tư	10.000
		Cầu Ngã Tư	Cầu Rạch Chanh	4.960
5.3	Đường Lạc Long Quân (Đường số 13, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Đường Võ Văn Kiệt	13.600
5.4	Đường Nguyễn Chánh Tâm (Đường số 6, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Đường Kinh Dương Vương	6.960
5.5	Đường Kinh Dương Vương	Đường Đặng Văn Dầy	Đường số 25, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	11.840
5.6	Đường Đặng Thùy Trâm	Đường Đặng Văn Dầy	Đường số 7, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	11.840
5.7	Đường Đỗ Trọng Văn (Đường số 13, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Hết trục Đường số 13, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	11.840
5.8	Đường Đặng Văn Dầy (Trục Đường số 1, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Cuối đường	11.840
5.9	Đường Đinh Công Trứ (Trục Đường số 29, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Đặng Văn Dầy	Đường số 20, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	11.840
5.10	Đường Trần Nhật Duật (Đường số 36, 37, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Đặng Văn Dầy	Trục Đường số 15, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	11.840
5.11	Đường Huỳnh Phan Hộ (Phía bên trái hướng Đường Lê Hồng Phong vào)	Đường Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường Long Tuyền	7.840
5.12	Đường Nguyễn Truyền Thanh	Đường Lê Hồng Phong	Đường Bùi Hữu Nghĩa	10.320

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
5.13	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh phường Cái Khế	Cầu Bà Bộ	16.000
		Cầu Bình Thủy 2	Cầu Rạch Chanh	11.840
5.14	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Nguyễn Đệ, Hẻm 86 Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Bình Thủy	22.720
5.15	Đường Lê Phước Thọ	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cổng Rạch Sao (Giáp phường Long Tuyền)	10.000
5.16	Đường Đồng Ngọc Sứ	Đường Trần Quang Diệu	Ngã ba	9.600
		Ngã ba	Đường Phạm Hữu Lầu	4.800
5.17	Đường Đồng Văn Cống	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Trần Quang Diệu	10.320
5.18	Đường Lê Quang Chiêu	Đường Lê Văn Sô	Đường Nguyễn Thông	4.080
5.19	Đường Lê Văn Bì	Đường Lê Văn Sô	Đường Lê Phước Thọ	4.080
5.20	Đường Lê Văn Sô	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quang Diệu	4.800
5.21	Đường Nguyễn Đệ	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Võ Văn Kiệt	21.040
5.22	Đường Nguyễn Thông	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quang Diệu	8.000
5.23	Đường Nguyễn Việt Dũng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quang Diệu	8.000
5.24	Đường Phạm Hữu Lầu	Đường Trần Quang Diệu	Đường Đồng Văn Cống	4.080
5.25	Đường Phạm Ngọc Hưng	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Võ Văn Kiệt	4.800
5.26	Đường Thái Thị Nhạn	Suốt tuyến		3.200
5.27	Đường Trần Quang Diệu	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Ván	13.760
		Cầu Ván	Chợ Ngã Tư	6.080
		Chợ Ngã Tư	Cầu Bình Thủy	4.080
5.28	Đường Trần Văn Nghiêm	Đường Trần Quang Diệu	Cuối hẻm 172, Đường Trần Quang Diệu	4.080
5.29	Đường Đặng Thị Nường	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Rạch Khai Luông	4.080

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
5.30	Đường Huỳnh Mãn Đạt	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Rạch Khai Luông	7.280
5.31	Đường Nguyễn Thị Tính	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cuối đường	4.800
5.32	Khu tập thể Cầu Đường 675	Cả khu		4.800
5.33	Khu dân cư phường Bình Thủy (kho 301), dự án chủ đầu tư Ngân Thuận (Trừ các trục đường đã đặt tên và có giá cụ thể trong bảng giá đất)	Trục chính		11.840
		Trục phụ		6.960
5.34	Khu tái định cư công trình bồi thường, giải phóng mặt bằng cơ sở hạ tầng Khu hành chính và Trung tâm thể dục thể thao quận Bình Thủy	Đường trục chính trên 10 mét		12.960
		Đường trục phụ dưới 10 mét		11.600
5.35	Khu dân cư Công ty Cổ phần Xây lắp PTKD nhà đầu tư	Đường nội bộ toàn khu		4.800
5.36	Khu dân cư An Thới	Trục chính		6.400
		Trục phụ		4.800
5.37	Khu tái định cư Hẻm 115, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cả khu		3.200
5.38	Khu tái định cư Bành Văn Khuê, Đường Trần Quang Diệu	Suốt tuyến		3.200
5.39	Hẻm 180, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Suốt tuyến		4.800
5.40	Hẻm 412, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Hết đoạn trải nhựa	4.080
5.41	Hẻm 512, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Khu dân cư An Thới	6.400
6	Phường Long Tuyền			
6.1	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Rạch Bà Bộ	Giáp ranh phường Thới An Đông	6.560

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
6.2	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Cầu Rạch Chanh	Ngã ba Đường Nguyễn Văn Trường	3.680
		Ngã ba Đường Nguyễn Văn Trường	Hết ranh phường Long Tuyền	3.040
6.3	Đường Võ Văn Kiệt	Cầu Bà Bộ	Cầu Bình Thủy 2	12.000
		Cầu Rạch Chanh	Hết ranh phường Long Tuyền	9.200
6.4	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Võ Văn Kiệt	Rạch Chanh	9.040
6.5	Đường Đinh Công Chánh	Chợ Phó Thọ	Đường Võ Văn Kiệt	4.080
		Đường Võ Văn Kiệt	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	3.064
6.6	Đường Lê Phước Thọ	Cổng Rạch Sao	Đường tỉnh 918 (Bờ kè rạch Cái Sơn - Hàng Bàng)	9.440
6.7	Đường Xuân Hồng (Đường số 1 - Khu tái định cư phường Long Tuyền và Đường số 36 - Khu đô thị hai bên Đường Nguyễn Văn Cừ)	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường số 5 - Khu đô thị mới hai bên Đường Nguyễn Văn Cừ	5.120
6.8	Khu dân cư P2 (Đối diện chợ Bà Bộ)	Cả khu		3.200
6.9	Khu dân cư Cái Sơn - Hàng Bàng	Cả khu		3.680
6.10	Khu tái định cư Bình Nhựt (12,8 ha)	Trục chính		5.520
		Trục phụ		3.680
6.11	Khu tái định cư phường Long Tuyền	Cả khu		4.720
6.12	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	Đường trục chính trên 10 mét		12.960
		Đường trục phụ dưới 10 mét		11.200
6.13	Khu đô thị tái định cư Cừ Long (Các vị trí đã hoàn thiện CSHT và được cấp GCN QSDĐ)	Trục chính		9.040
		Trục phụ		5.680
6.14	Đường Nguyễn Thanh Sơn	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Đường Võ Văn Kiệt	3.200
6.15	Đường Nguyễn Thị Tạo	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Đường Võ Văn Kiệt	4.080

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
6.16	Đường Nguyễn Văn Trường	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Hết ranh phường Long Tuyền	4.400
6.17	Đường Tạ Thị Phi	Đường Nguyễn Văn Trường	Khu dân cư đường Nguyễn Văn Cừ	3.200
6.18	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường Nguyễn Văn Trường	Khu tái định cư phường Long Tuyền	4.080
6.19	Đường Rạch Chanh	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Rạch Bà Cầu	3.200
		Đường Võ Văn Kiệt	Đường Hồ Trung Thành	2.320
6.20	Bờ kè Rạch Cam	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Hết đoạn bờ kè	6.240
6.21	Đường vào Làng hoa kiểng Bà Bộ	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Ranh Khu đô thị tái định cư Cừ Long (Các vị trí đã hoàn thiện CSHT và được cấp GCN QSDĐ)	4.080
6.22	Đường Trường Tiền - Bông Vang	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Hết ranh phường Long Tuyền	2.480
6.23	Đường Nguyễn Văn Cừ (Dự án khai thác quỹ đất)	Cầu Cái Sơn 2 (Phường Long Tuyền)	Hết ranh phường Long Tuyền	9.600
6.24	Đường Kè Cái Sơn - Mương Khai	Đường Lê Phước Thọ	Đường Âu Thuyền Hàng Bàng	8.960
6.25	Đường Rạch Hàng Bàng	Cầu Bà Bộ (Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh))	Đường Âu Thuyền Hàng Bàng	3.200
7	Phường Thới An Đông			
7.1	Đường Lê Hồng Phong	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cầu Trà Nóc	14.240
		Cầu Trà Nóc	Cầu Sang Trắng 1	9.600
7.2	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Rạch Gừa	3.920
		Cầu Rạch Gừa	Cầu Trà Nóc 2	2.400
		Cầu Trà Nóc 2	Quốc lộ 91B	3.120
7.3	Đường Hồ Trung Thành (Đường Công Bình)	Đường Lê Hồng Phong	Đường Huỳnh Phan Hộ - Rạch Chanh	6.320
7.4	Đường Huỳnh Phan Hộ (Bên phải)	Đường Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường Long Tuyền	7.840
7.5	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Xẻo Mây	4.640
7.6	Đường kè chống sạt lở sông Trà Nóc	Cầu Xẻo Mây	Rạch Chùa	3.600
7.7	Đường Âu Cơ	Đường Lê Hồng Phong	Đường Võ Văn Kiệt	11.120

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
7.8	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Lê Hồng Phong	Rạch Xẻo Mây - Lê Thị Hồng Gấm	3.920
		Rạch Xẻo Mây	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	2.400
		Ngã ba Trạm y tế phường Thới An Đông	Hết ranh Trạm Y tế phường Thới An Đông	2.240
7.9	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Giáp ranh phường Long Tuyền	Giáp ranh phường Phước Thới (Cầu Giáo Dẫn)	14.800
7.10	Đường Phạm Thị Ban (Tuyến Ngã Ba - ông Tư Lợi, phường Thới An Đông)	Cầu Trà Nóc 2 (Đường Nguyễn Chí Thanh)	Cầu Giáo Dẫn (Quốc lộ 91B)	3.120
7.11	Đường Trần Thị Mười	Quốc lộ 91B	Kênh Ông Tường	2.400
7.12	Khu dân cư vượt lũ phường Trà Nóc (cũ)	Cả khu		6.880
7.13	Khu tái định cư Vành Đai Sân bay	Đường Âu Cơ	Hết đoạn trải nhựa	8.160
7.14	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	Đường trục phụ dưới 10 mét		11.200
7.15	Hẻm 19, Đường Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		3.120
7.16	Hẻm 29, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	3.920
7.17	Hẻm 44, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Hẻm 36, Đường Nguyễn Chí Thanh	2.480
7.18	Hẻm 65, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối đường	2.480
7.19	Hẻm liên tổ 2, 3, 4, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	2.480
7.20	Hẻm 71, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	3.120
7.21	Hẻm 3, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Hết đoạn trải nhựa (Nhà văn hóa khu vực 4)	3.120
7.22	Hẻm 129, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	2.480
7.23	Hẻm 40, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	2.480
7.24	Hẻm Khu Tập thể Hóa chất và Cơ điện Công nghiệp (Hẻm liên tổ 6, 7, 8)	Đường Lê Hồng Phong	Toàn khu	3.120

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
7.25	Đường vào Tổng Công ty phát điện 2, phường Trà Nóc (cũ)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cổng vào Tổng Công ty phát điện 2	2.400
7.26	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Hết đoạn trải nhựa	2.400
7.27	Hẻm 32, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Cuối hẻm	3.120
7.28	Hẻm 54, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Đường Âu Cơ	2.480
7.29	Hẻm 72, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Cuối hẻm	2.480
7.30	Hẻm 149, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Cuối hẻm	2.480
7.31	Các nhánh hẻm 54, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Hết đoạn trải nhựa	2.480
7.32	Hẻm 90, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cuối hẻm	2.480
7.33	Hẻm 48, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Rạch Chanh	2.480
7.34	Hẻm 28, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cuối hẻm	2.480
7.35	Hẻm 38, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Hết đoạn trải nhựa	3.120
7.36	Đường cặp Rạch Xẻo Khế (Bên trái)	Đường Phạm Thị Ban	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	2.400
7.37	Đường cặp Rạch Miễu Trắng	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Kênh Ông Tường	2.400
7.38	Hẻm 1, Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cuối hẻm	3.136
7.39	Hẻm 1A, Đường Nguyễn Chí Thanh (Khu vực 2)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cuối hẻm	3.136
7.40	Hẻm 2, Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cuối hẻm	2.744
7.41	Hẻm 1A, Đường Nguyễn Chí Thanh (Khu vực 1)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hẻm Khu Tập thể Hóa chất và Cơ điện Công nghiệp (Hẻm liên tổ 6,7,8)	2.744
7.42	Hẻm 36, Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hẻm 44, Đường Lê Hồng Phong	3.136

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
7.43	Đường vào chợ Trà Nóc	Khu vực chợ Trà Nóc	Rạch ông Táo	6.720
7.44	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Hết đoạn trái nhựa	7.784
7.45	Hẻm 44, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cuối hẻm	3.120
7.46	Hẻm 38, Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Viết Xuân	Cuối hẻm	1.920
7.47	Hẻm 95, Đường Âu Cơ	Đường Âu Cơ	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	7.784
7.48	Đường cặp Rạch Xẻo Khế (Bên phải)	Đường Phạm Thị Ban	Đường Nguyễn Văn Linh	1.920
7.49	Đường bờ trái Rạch Xẻo Điều	Đường Phạm Thị Ban	Đường Nguyễn Văn Linh	1.920
7.50	Đường bờ trái Rạch Mương Khai	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Trần Thị Mười	1.920
7.51	Đường cặp sông Trà Nóc	Rạch ông Bền	Giáp ranh phường Ô Môn	1.920
7.52	Đường vào chợ Ngã Tư	Cầu Thới Ninh	Kinh ông Huyện	1.920
8	Phường Cái Răng			
8.1	Quốc lộ 1	Quốc lộ 61C (Nút giao IC4)	Cầu Số 10 (Giáp ranh xã Thạnh Xuân)	7.280
8.2	Quốc lộ 61C	Quốc lộ 1	Sông Ba Láng	3.440
		Sông Ba Láng	Giáp ranh xã Nhơn Ái	1.840
8.3	Đường Phạm Hùng (Quốc lộ 1)	Đường Võ Tánh	Đường Nguyễn Trãi	9.280
		Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Nguyễn Trãi	9.280
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Bình	12.000
		Đường Lê Bình	Đường Hàng Gòn	9.680
		Đường Hàng Gòn	Nút giao IC4	8.560
8.4	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Giáp ranh phường Hưng Phú	Cầu Cái Da	4.480
		Cầu Cái Da	Quốc lộ 61C (Nút giao IC4)	3.440
8.5	Lộ Cái Chanh (Đường tỉnh 925)	Quốc lộ 1	Hết ranh Trụ sở UBND phường Thường Thạnh (cũ)	3.920
		Trụ sở UBND phường Thường Thạnh (cũ)	Giáp ranh Trường học và các đường Khu Thương mại Cái Chanh	4.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
8.6	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Hưng Lợi	Vòng xoay Đường dẫn cầu Cần Thơ	7.600
		Vòng xoay Đường dẫn cầu Cần Thơ	Giáp ranh phường Hưng Phú	9.360
8.7	Đường Duy Tân	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	15.600
8.8	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Phạm Hùng	Đường Ngô Quyền	15.600
8.9	Đường Hàm Nghi	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	15.600
8.10	Đường Hàng Gòn	Đường Phạm Hùng	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	3.440
		Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Yên Hạ	2.640
8.11	Đường Hàng Xoài	Đường Phạm Hùng	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Yên Hạ	2.640
8.12	Đường Lê Bình	Đường Phạm Hùng	Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	10.320
8.13	Đường Lê Hồng Nhi	Đường Phạm Hùng	Đường Nhật Tảo	3.920
		Đường Nhật Tảo	Chùa Ông Một	3.440
8.14	Đường Lê Tấn Quốc (Đường số 29, Khu dân cư Công ty Đầu tư và Xây dựng số 8)	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường số 15, Khu dân cư Công ty Đầu tư và Xây dựng số 8	7.840
8.15	Đường Lê Thái Tổ	Đường Hàm Nghi	Đường Nguyễn Trãi	15.600
8.16	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Ngô Quyền	Cầu Cái Răng	15.600
		Cầu Cái Răng	Đại Chung Viện	6.880
8.17	Đường Ngô Quyền	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trãi	15.600
8.18	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ngô Quyền	Đường Phạm Hùng	10.320
8.19	Đường Nguyễn Trãi nối dài	Đường Phạm Hùng	Đường Nhật Tảo	4.400
		Đường Nhật Tảo	Ngã ba Rạch Ranh	2.640
8.20	Đường Nguyễn Văn Quang (Đường số 7B, Khu dân cư Nam Long)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh Khu dân cư Nam Long - Hồng Phát	9.360
8.21	Đường Nguyễn Việt Dũng	Đường Phạm Hùng	Đường Võ Tánh	6.880
8.22	Đường Nhật Tảo	Đường Võ Tánh	Đường Lê Hồng Nhi (Đường Trường Chính trị)	3.440

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
8.23	Đường Trần Chiên (Lộ Hậu Thạnh Mỹ)	Cầu Cái Răng Bé	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	6.880
		Đường Trần Chiên (Lộ Hậu Thạnh Mỹ)	Cầu Nước Vặn	6.880
8.24	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Nguyễn Trãi	13.760
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Bình	8.560
		Đường Lê Bình	Đường Hàng Gòn	6.880
8.25	Đường Huỳnh Thị Nở	Đường Vành Đai phía Tây	Đường Nguyễn Thị Trâm	2.160
		Đường Nguyễn Thị Trâm	Lộ Cái Chanh (Đường tỉnh 925)	3.120
8.26	Đường Trưng Nữ Vương	Đường Phạm Hùng	Đường Ngô Quyền	15.600
8.27	Đường Võ Tánh	Đường Phạm Hùng	Hết ranh Đại Chung Viện	8.560
		Giáp ranh Đại Chung Viện	Đường Nguyễn Việt Dũng	6.880
		Đường Nguyễn Việt Dũng	Vàm Ba Láng	4.400
8.28	Đường Vũ Đình Liệu (Đường số 10, Khu dân cư Nam Long)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp Khu dân cư Nam Long - Hồng Phát	9.360
8.29	Các Khu dân cư thuộc Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ nằm trong giới hạn từ sông Cần Thơ đến ranh phường Hưng Phú (Trừ các tuyến đã đặt tên trong Bảng giá đất)	Trục đường chính đường A		9.360
		Trục đường chính đường B		7.840
8.30	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp Bộ chỉ huy Quân sự thành phố (Đường số 6)	8.000
8.31	Đường Nguyễn Văn Lưu	Đường dẫn cầu Cần Thơ	Đường Lê Trọng Tấn (Dự án TTVH Tây Đô)	9.600
8.32	Khu dân cư Thạnh Mỹ	Trục chính		3.120
		Trục phụ		2.320

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
8.33	Khu dân cư Hoàng Quân - An Phú - Thạnh Mỹ A	Trục chính		6.080
		Trục phụ		5.120
8.34	Dự án Chinh trang và Phát triển đô thị An Phú Cần Thơ	Cả khu		3.440
8.35	Khu Nhà ở phường Thường Thạnh - An Phú Eco City	Cả khu		3.840
8.36	Khu tái định cư cầu Cần Thơ (Phường Ba Láng cũ)	Cả khu		2.640
8.37	Khu tập thể số 9 (Ba Láng cũ)	Cả khu		7.440
8.38	Khu dân cư Quân đội (Yên Hạ A)	Cả khu		3.520
8.39	Khu tái định cư Thường Thạnh (Kế Nhà tạm giữ)	Cả khu		3.040
8.40	Đường Trương Vĩnh Nguyên (Lê Bình - Thường Thạnh)	Cầu Lê Bình	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	3.920
		Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Cầu Ngã Bát	3.120
8.41	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Yên Hạ	Cầu Cái Răng Bé	Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	2.640
		Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	Hết ranh Trường THCS Thường Thạnh	1.840
8.42	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Thạnh Mỹ	Ngã ba Vàm Nước Vặn	Giáp ranh phường Hưng Phú	1.840
8.43	Lộ Chợ số 10	Quốc lộ 1	Bến đò số 10	3.440
		Bến đò số 10	Đường Lê Hồng Nhi	2.160
8.44	Đường Đình Nước Vặn	Đường Trương Vĩnh Nguyên	Cầu Nước Vặn	3.440
8.45	Đường Nguyễn Thị Trâm (Lộ mới 10 mét)	Quốc lộ 1	Đường Trần Hưng Đạo	3.440
8.46	Đường Nguyên Hồng	Quốc lộ 1	Lộ Chợ số 10	4.400
8.47	Đường cặp sông Cái Răng Bé	Đình Nước Vặn	Hết cầu Mù U	1.440
8.48	Tuyến Lộ Hậu Tân Thạnh Tây (Toàn tuyến)	Đường cặp Rạch Cái Đồi	Đường cặp Rạch Bàng	1.440

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
9	Phường Hưng Phú			
9.1	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Cầu Cần Thơ	Nút giao thông IC3	4.720
9.2	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Hưng Lợi	Nút giao thông IC3	7.040
		Giáp ranh phường Cái Răng	Cầu Cái Cui	9.360
9.3	Đường Quang Trung	Cầu Quang Trung	Nút giao thông IC3	7.200
9.4	Đường Cái Cui	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Cảng Cái Cui	1.840
9.5	Đường số 1A	Đường Võ Nguyên Giáp	Sông Hậu	1.760
9.6	Đường Chí Sinh (Lộ Hậu Tân Phú)	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Ba Dầu	1.840
		Cầu Ba Dầu	Lộ Rạch Cây Tràm	1.680
9.7	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Chí Sinh	Đường Trương Vĩnh Nguyên	2.800
9.8	Đường Trương Vĩnh Nguyên	Cầu Ngã Bát	Rạch Cái Tắc	3.120
9.9	Đường Bùi Quang Trinh (Đường số 8, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 15 (Khu dân cư 586)	9.360
9.10	Đường Cao Minh Lộc (Đường số 10, Khu dân cư 586)	Đường số 46 (Khu dân cư 586)	Đường số 61 (Khu dân cư 586)	7.840
9.11	Đường Hoàng Thế Thiện (Đường B7 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường A5 - Khu dân cư Hưng Phú 1	7.840
9.12	Đường Hoàng Văn Thái (Đường A5 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Lý Thái Tổ	Đường dân sinh cấp Đường dẫn cầu Cần Thơ	9.360
9.13	Đường Lâm Văn Phận (Đường số 9, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Nhựt Tảo	7.840
9.14	Đường Lê Nhựt Tảo (Đường số 14, Khu dân cư 586)	Đường số 1 (Khu dân cư 586)	Đường số 9 (Khu dân cư 586)	9.360
9.15	Đường Lê Văn Tường (Đường số 47 - Khu dân cư Phú An)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 12 - Khu dân cư Phú An	9.360
9.16	Đường Lý Thái Tổ (Đường A1 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường A10 - Khu dân cư Hưng Phú 1	9.360

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
9.17	Đường Nguyễn Thái Sơn (Đường A6 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường dẫn Cầu Cần Thơ	Đường A6	7.840
9.18	Đường Đoàn Văn Chia (Đường B3-Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường B18	Đường A9	7.840
9.19	Đường Nguyễn Hùng Minh (Đường B26 - Khu tái định cư Hưng Phú)	Đường A12	Đường A15	6.000
9.20	Đường Mai Chí Thọ (Đường số 1, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Sông Hậu	9.360
9.21	Đường Nguyễn Chánh (Đường số 12 - Khu dân cư Phú An)	Đường Mai Chí Thọ	Đường Nguyễn Thị Sáu	9.360
9.22	Đường Nguyễn Ngọc Bích (Đường B6 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường B20 - Khu dân cư Hưng Phú 1	7.840
9.23	Đường Nguyễn Thị Sáu (Đường số 6, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 15, Khu dân cư 586	9.360
9.24	Đường Phạm Văn Nhờ (Đường số 9A, Khu dân cư Diêu Hiền)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Cái Răng	7.840
9.25	Đường Phan Trọng Tuệ (Đường số 1, Khu dân cư Diêu Hiền)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Cái Răng	9.360
9.26	Đường Trần Văn Sắc (Đường số 1, Khu dân cư Nông Thổ Sản)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Cái Răng	7.840
9.27	Đường Trần Văn Trà (Đường A3 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường A6 - Khu dân cư Hưng Phú 1	9.360
9.28	Đường Trần Văn Việt (Đường số 7 - Khu dân cư Công an)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 5 - Khu dân cư Công an	7.840
9.29	Khu tái định cư phường Hưng Phú (Lô số 3B)	Cả khu		6.000
9.30	Khu dân cư Điện lực	Cả khu		6.000
9.31	Khu Novaland Group	Cả khu		7.840

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
9.32	Các Khu dân cư thuộc Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ từ sông Cần Thơ đến Đường 2 Tháng 9, giáp ranh phường Cái Răng (Trừ các đường đã đặt tên)	Trục đường chính đường A		9.360
		Trục đường chính đường B		7.840
9.33	Các Khu dân cư thuộc Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ từ Ranh phường Cái Răng đến ranh xã Châu Thành (Trừ các đường đã đặt tên)	Trục đường chính đường A		8.400
		Trục đường chính đường B		7.680
9.34	Lộ cặp sông Bùng Binh	Sông Hậu	Kênh Thạnh Đông	1.440
9.35	Lộ cặp sông Bến Bạ	Sông Hậu	Kênh Thạnh Đông	1.440
9.36	Lộ cặp sông Cái Cui	Sông Hậu	BCH Quân sự phường	1.280
9.37	Đường liên khu vực Phú Thuận - Phú Thành	Cầu Ba Dầu	Sông Cái Cui	1.280
9.38	Tuyến lộ Rạch Cây Tràm	Sông Bến Bạ	Sông Cái Cui	1.280
9.39	Tuyến lộ cặp sông Cần Thơ	Cầu Hưng Lợi	Miếu Bà	1.280
9.40	Tuyến lộ cặp sông Hậu	Miếu Bà	Quảng trường 586	1.280
9.41	Tuyến Đường Kênh Thạnh Đông (Nối Mù U - Bến Bạ)	Rạch Mù U	Sông Bến Bạ	1.840
9.42	Tuyến hai bên Rạch Ngã Bát	Cầu Ngã Bát	Kênh Thạnh Đông	1.280
9.43	Tuyến hai bên Rạch Xẻo Lá	Cầu Xẻo Lá	Kênh Thạnh Đông	1.280
9.44	Tuyến Rạch Mật Cật	Cầu Mật Cật tại Rạch Xẻo Lá	Ngã tư Rạch (Mật Cật-Đường Gổ - Lòng Óng - Hàng Bần)	1.280
9.45	Tuyến hai bên Rạch Hàng Bần	Cầu Hàng Bần	Rạch Xẻo Gừa	1.280
9.46	Tuyến Đường Rạch Đường Gổ	Kênh Thạnh Đông	Đường Nguyễn Văn Quy	1.280
9.47	Tuyến Rạch Cái Đôi	Cầu Cái Đôi	Đường Mai Chí Thọ	1.280

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
9.48	Tuyến Rạch Lòng Óng	Ngã tư Rạch (Mật Cật - Đường Gõ - Lòng Óng - Hàng Bần)	Rạch Giồng Ôi	1.280
9.49	Tuyến Rạch Xẻo Gừa	Cầu Ngã Bát	Ngã ba Phú Trung	1.280
9.50	Tuyến Rạch Cái Tắc	Ngã ba Phú Trung	Ngã ba Bùng Bình	1.280
9.51	Rạch Giồng Ôi	Cầu Giồng Ôi	Kênh Thạnh Đông	1.280
9.52	Lộ Quận (Lò Mỏ)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Rạch Cái Tắc	1.840
9.53	Đường dân Cao tốc Bắc - Nam	Đường Võ Nguyên Giáp	Rạch Ngã Bát	1.840
10	Phường Ô Môn			
10.1	Quốc lộ 91	Cầu Ô Môn	Giáp ranh phường Thới Long	2.960
		Giáp ranh phường Phước Thới	Cầu Tắc Ông Thục	2.800
		Cầu Tắc Ông Thục	Cầu Ông Thành	2.640
10.2	Đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 91)	Cầu Ông Thành	Cầu Ô Môn (Bên phải)	10.960
			Cầu Ô Môn (Bên trái)	7.680
10.3	Đường tỉnh 922	Quốc lộ 91	Cầu Rạch Nhum (Bên phải)	6.400
		Quốc lộ 91	Cầu Rạch Nhum (Bên trái)	4.256
		Cầu Rạch Nhum	Giáp ranh xã Trường Thành (Bên trái)	3.920
		Cầu Rạch Nhum	Giáp ranh xã Trường Thành (Bên phải)	3.584
10.4	Đường Trần Kiết Tường (Đường tỉnh 920B)	Quốc lộ 91	Cầu Ba Rích (Bên phải)	2.720
		Quốc lộ 91	Cầu Ba Rích (Bên trái)	2.240
		Cầu Ba Rích	Cầu Tầm Vu (Bên phải)	2.560
		Cầu Ba Rích	Cầu Tầm Vu (Bên trái)	2.240
		Cầu Tầm Vu	Đình Thới An (Bên phải)	3.440
		Cầu Tầm Vu	Đình Thới An (Bên trái)	2.080
		Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Cảnh	Hết ranh UBND phường Thới An cũ (Bên phải)	3.280
		Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Cảnh	Hết ranh UBND phường Thới An cũ (Bên trái)	2.080
		UBND phường Thới An cũ	Cầu Cái Đâu (Bên phải)	2.240
		UBND phường Thới An cũ	Cầu Cái Đâu (Bên trái)	1.440

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
10.5	Đường Bến Bạch Đằng	Đầu vòm Tắc Ông Thục	Hết dãy phố 06 căn	17.280
10.6	Đường Bến Bạch Đằng nối dài	Cầu Ô Môn	Giáp dãy phố 06 căn	6.480
10.7	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quốc Toản	Cổng Bệnh viện Ô Môn	12.080
10.8	Đường Châu Văn Liêm	Quốc lộ 91	Đường Cách Mạng Tháng Tám	13.760
10.9	Đường Đắc Nhẫn (Đường vào Trường Dân tộc Nội trú)	Đường Tôn Đức Thắng	Rạch Sáu Thước	2.720
10.10	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bến Bạch Đằng	16.000
10.11	Đường 26 Tháng 3	Quốc lộ 91	Đường Kim Đồng	26.640
10.12	Đường 3 Tháng 2	Đường Kim Đồng	Đường Huỳnh Thị Giang	11.120
10.13	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp Bệnh viện Ô Môn	9.440
10.14	Đường Huỳnh Thị Giang	Đường Châu Văn Liêm	Đường 26 Tháng 3	12.080
10.15	Đường Kim Đồng	Đường 26 Tháng 3	Rạch Cây Me	13.760
10.16	Đường Lê Quý Đôn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bến Bạch Đằng	12.960
10.17	Đường Lê Văn Tám	Đường 26 Tháng 3	Đường Cách Mạng Tháng Tám	12.000
10.18	Đường Lưu Hữu Phước	Đường 26 Tháng 3	Đường Châu Văn Liêm	13.760
10.19	Đường Lý Thường Kiệt	Đường 26 Tháng 3	Đường Bến Bạch Đằng	7.200
10.20	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bến Bạch Đằng	17.200
10.21	Đường Nguyễn Du	Đường Lưu Hữu Phước	Đường Nguyễn Trãi	11.200
10.22	Đường Nguyễn Trãi	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Phú	9.600
10.23	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 26 Tháng 3	Chợ Ô Môn	16.160
10.24	Đường Phan Đình Phùng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quốc Toản	11.200
10.25	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Kim Đồng	Cầu Huyện đội	24.000
10.26	Đường Trần Nguyên Hãn	Đường 26 Tháng 3	Đường Bến Bạch Đằng	7.680
10.27	Đường Trần Quốc Toản	Đường 26 Tháng 3	Đường Châu Văn Liêm	13.600

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
10.28	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	Hết Xưởng cưa Quốc Doanh (cũ)	4.080
		Xưởng cưa Quốc Doanh (cũ)	Hết Thánh Thất Cao Đài	2.400
10.29	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Huyện đội	Trường Lương Định Của	7.680
		Trường Lương Định Của	Cổng chào	5.200
10.30	Đường Trưng Nữ Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Cây Me	8.640
		Cầu Cây Me	Đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 91)	6.000
10.31	Đường nội bộ Khu Dân tộc Nội trú (Trừ tuyến đường đã đặt tên)	Toàn bộ các tuyến đường		2.720
10.32	Đường Bến Hoa Viên	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu đúc ngang Nhà máy Liên Hiệp	3.600
		Cầu đúc ngang Nhà máy Liên Hiệp	Cầu đúc vào Chùa Long Châu	2.720
10.33	Chợ Thới An	Hẻm nhà Thương	Đình Thới An	4.800
10.34	Đường vào Trung tâm Y tế dự phòng	Đường Tôn Đức Thắng	Hết ranh đất Cơ quan Quản lý thị trường	2.720
10.35	Tuyến tránh sạt lở Quốc lộ 91	Đường Trần Kiệt Tường (Đường tỉnh 920B)	Giáp ranh phường Thới Long	2.400
10.36	Đường Viện Lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long (Bên trái)	Quốc lộ 91 (cũ)	Giáp ranh xã Trường Thành	2.080
10.37	Khu phố Thương mại Thịnh Vượng	Trục số 1 tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo		7.200
		Các trục đường còn lại		5.600
10.38	Khu tái định cư Đường tỉnh 920B	Cả khu		3.440
10.39	Khu tái định cư Trung tâm văn hóa quận Ô Môn (cũ)	Cả khu		4.240
10.40	Khu tái định cư quận Ô Môn (Khu 1)	Cả khu		6.320
10.41	Khu tái định cư sau Trường Dân tộc Nội trú quận Ô Môn (Do Công ty TNHH MTV Xây dựng Sao Vàng Tây Đô làm chủ đầu tư)	Cả khu		3.680

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
11	Phường Phước Thới			
11.1	Đường tỉnh 922	Cầu Bà Cai	Cầu Mương Huyện	3.840
11.2	Khu dân cư phường Phước Thới	Cả khu		2.000
11.3	Khu tái định cư và nhà ở công nhân Khu công nghiệp Trà Nóc II	Cả khu		2.880
11.4	Khu dân cư Công đoàn Giáo Viên	Cả khu		2.400
11.5	Chợ Phước Thới	Đường Tôn Đức Thắng	Cầu Chùa (Trừ hành lang đường sông)	6.080
11.6	Đường Đặng Thanh Sử (Đường số 2, Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn)	Đường Tôn Đức Thắng	Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn	1.600
11.7	Đường tỉnh 920B	Rạch Cái Chôm	Đường Đặng Thanh Sử	3.200
11.8	Hai bên Chợ Ba Se	Sông Tắc Ông Thục	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923)	4.800
11.9	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923)	Đường Tôn Đức Thắng	Cầu Giáo Dẫn	1.920
		Cầu Giáo Dẫn	Giáp ranh xã Phong Điền	1.920
11.10	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Đoạn thuộc phường Phước Thới		2.480
11.11	Đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 91)	Cầu Sang Trắng I	Nút giao Quốc lộ 91B	5.520
		Nút giao Quốc lộ 91B	Chợ bến đò Đu Đủ	4.400
		Chợ bến đò Đu Đủ	Giáp ranh phường Ô Môn (Trạm thu phí)	3.120
11.12	Đường Trương Văn Diễn (Đường tỉnh 920C)	Đường Tôn Đức Thắng	Nhà máy xi măng Tây Đô	3.440
12	Phường Thới Long			
12.1	Khu dân cư Thương mại Bằng Tăng	Quốc lộ 91 trở vào		6.880
12.2	Lộ chùa	Đường Thái Thị Hạnh	Cầu Dì Tho	1.440

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
12.3	Quốc lộ 91	Giáp ranh phường Ô Môn	Cầu Bánh Tét (Bên phải)	1.760
		Giáp ranh phường Ô Môn	Đường Trần Ngọc Hoằng (Bên trái)	1.280
		Đường Trần Ngọc Hoằng	Cầu Bánh Tét (Bên trái)	1.760
		Cầu Bánh Tét	Cầu Thơm Rom	2.640
		Cầu Thơm Rom	Giáp ranh phường Thuận Hưng (Bên trái)	1.760
		Cầu Thơm Rom	Giáp ranh phường Thuận Hưng (Bên phải)	1.848
		Quốc lộ 91	Cầu Rạch Sung	5.200
		Cầu Rạch Sung	Kênh Thủy lợi Lò Gạch	1.760
12.4	Tuyến tránh sạt lở Quốc lộ 91	Giáp ranh phường Ô Môn	Quốc lộ 91	1.760
12.5	Chợ Thới Long	Rạch Bà Kiếu	Rạch Ông Hiền	2.389
12.6	Đường Viện Lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long	Quốc lộ 91	Giáp ranh xã Trường Thành (Bên phải)	1.200
13	Phường Trung Nhứt			
13.1	Đường tỉnh 921	Cầu Trà Bay	Cầu Rạch Rích	3.440
		Cầu Rạch Rích	Cầu Ông Tùng	2.400
		Cầu Ông Tùng	Cầu Mương Trâu	4.400
		Cầu Mương Trâu	Cầu Xẻo Cách	2.400
		Cầu Xẻo Cách	Cầu Xẻo Chàm	4.000
		Cầu Xẻo Chàm	Giáp ranh xã Trung Hưng (Rạch Xẻo Xây Lớn)	2.400
13.2	Đường Sĩ Công (Bên trái)	Đường tỉnh 921	Đường tỉnh 921E	1.600
		Đường tỉnh 921E	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	960
13.3	Đường số 14 vào Trường THCS Trung An	Đường tỉnh 921	Trường THCS Trung An	2.400
13.4	Khu dân cư Chợ Phúc Lộc 1	Cả khu		1.440
13.5	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Cầu Thốt Nốt	Cầu Tràng Thọ	3.600
13.6	Đường tỉnh 921E	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Rạch Mương Chuối	1.600
		Rạch Mương Chuối	Giáp ranh xã Trung Hưng	1.200
13.7	Đường Trà Bay	Cầu Trà Bay	Cầu Tràng Thọ	960

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
14	Phường Thuận Hưng			
14.1	Đường Lê Thị Tạo	Quốc lộ 91	Cầu 3 Tháng 2	5.120
14.2	Đường Lộ mới (Cấp Kênh Thốt Nốt)	Cầu Thốt Nốt	Kho Mai Anh	4.080
14.3	Đường Lộ Chùa	Quốc lộ 91	Sông Hậu	2.480
14.4	Đường Lộ Rẫy	Quốc lộ 91	Sông Hậu	2.480
14.5	Đường Lộ Ông Ba	Quốc lộ 91	Sông Hậu	4.800
14.6	Đường Sân Banh	Quốc lộ 91	Sông Hậu	4.080
14.7	Quốc lộ 91	Giáp ranh phường Thới Long	Đường Mai Văn Bộ (Bên phải)	1.840
		Giáp ranh phường Thới Long	Đường Mai Văn Bộ (Bên trái kênh lộ)	1.680
		Đường Mai Văn Bộ	Cầu Cần Thơ Bé	2.320
		Cầu Cần Thơ Bé	Cầu Cái Ngãi	1.840
		Cầu Cần Thơ Bé	Tịnh Thất Thường Tịnh (Kênh lộ)	1.680
		Cầu Ngãi	Lộ Cai Tư	3.440
		Lộ Cai Tư	Lộ Sân Banh	5.200
		Lộ Sân Banh	Lộ Ông Ba	12.960
		Lộ Ông Ba	Cầu Thốt Nốt	14.800
		Khu dân cư khu vực Phụng Thạnh 1 (Ngang lộ Ông Ba)		2.160
		Cầu Cái Ngãi	Giáp ranh phường Thới Long	1.440
14.8	Đường Mai Văn Bộ	Quốc lộ 91	Ranh Trung tâm Chợ Thuận Hưng	1.680
		Hết ranh Trung tâm Chợ Thuận Hưng	Sông Hậu	1.600
14.9	Đường Nguyễn Trọng Quyền	Quốc lộ 91	Cầu Thủy Lợi	1.840
		Cầu Thủy Lợi	Giáp ranh xã Trung Hưng	1.600

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
14.10	Khu dân cư phường Thuận Hưng (phường Trung Kiên cũ)	Khu dân cư chợ dân lập khu vực Lân Thạnh 2		1.920
		Quốc lộ 91 - Bến đò Tân Lộc (Đường bến đò Trung Kiên - Tân Lộc) khu vực Qui Thạnh 1		1.920
14.11	Khu tái định cư phường Thuận Hưng (Khu tái định cư phường Thuận Hưng cũ)	Cả khu		1.840
14.12	Khu tái định cư phường Thuận Hưng (Khu tái định cư phường Trung Kiên cũ)	Cả khu		1.840
14.13	Khu tái định cư phường Thuận Hưng (Khu tái định cư quận Thốt Nốt cũ)	Cả khu (Khu 1)		1.840
14.14	Các Khu dân cư còn lại của khu vực Qui Thạnh 1			1.760
14.15	Trung tâm cầu Cần Thơ Bé - Chợ cầu Cần Thơ Bé	Từ cầu vào 157 mét		2.480
14.16	Trung tâm chợ Thuận Hưng (Trung tâm Chợ Thuận Hưng cũ)	Ranh chợ ra 4 phía (mỗi phía 200 mét)		2.480
14.17	Tuyến đường khu vực Phụng Thạnh 2	Cầu Thốt Nốt	Cầu Trà Cui	1.760
14.18	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Quốc lộ 91	Cầu Thốt Nốt 2	1.920
14.19	Ven Sông Hậu (Tính thâm hậu 50m)	Gáp ranh phường Thới Long	Vàm Cai Tư	1.680
		Vàm Cai Tư	Lộ Sân Banh	1.840
		Lộ Sân Banh	Vàm Kênh Thốt Nốt (Góc Kênh Thốt Nốt tiếp giáp Sông Hậu)	3.200
14.20	Ven Kênh Thốt Nốt	Cầu Thốt Nốt	Cầu Trà Cui	1.680

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
15	Phường Thốt Nốt			
15.1	Quốc lộ 91	Cầu Thốt Nốt	Đường Sur Vạn Hạnh	22.160
		Đường Sur Vạn Hạnh	Đường tái định cư Mũi Tàu	11.120
		Đường tái định cư Mũi Tàu	Rạch Cái Sơn	7.360
		Rạch Cái Sơn	Cầu Trà Uối	3.440
		Cầu Trà Uối	Đường Thới Thuận - Thanh Lộc	2.640
		Đường Thới Thuận - Thanh Lộc	Cầu Bò Ót	6.080
		Cầu Bò Ót	Đường vào Công ty Vạn Lợi	6.080
		Đường vào Công ty Vạn Lợi	Cống Rạch Rập	3.047
		Cống Rạch Rập	Hết ranh phường Thốt Nốt (Cầu Cái Sắn)	4.400
15.2	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Cầu Tràng Thọ	Đường Nguyễn Thị Lưu	2.480
		Đường Nguyễn Thị Lưu	Quốc lộ 91 (Khu vực Thới An 1)	2.880
15.3	Đường cặp Quốc lộ 80	Trung tâm Ngã ba Lộ Tẻ	Cầu Ngã ba đình	4.080
		Cầu Ngã ba đình	Cầu số 1 (Hết ranh phường Thốt Nốt)	2.480
15.4	Tuyến đường nối Quốc lộ 80 đến tuyến Đường Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Quốc lộ 80	Giáp ranh xã Vĩnh Trinh	1.920
15.5	Đường tỉnh 921	Cầu Chùa	Hết ranh phường Thốt Nốt (Cầu Trà Bay)	6.400
15.6	Đường Bờ Kè	Cầu Thốt Nốt	Sông Hậu	22.160
15.7	Đường Bạch Đằng	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	22.160
15.8	Đường Lê Lợi	Quốc lộ 91	Sông Hậu	22.160
		Quốc lộ 91	Cầu Chùa	18.480
15.9	Đường Hòa Bình	Đường Bờ Kè	Đường Nguyễn Thái Học	22.160
15.10	Đường Tự Do	Đường Bờ Kè	Đường Nguyễn Thái Học	22.160
15.11	Đường Nguyễn Thái Học	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	22.160

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
15.12	Đường Nguyễn Thái Học nối dài	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	17.200
15.13	Đường Nguyễn Văn Kim	Đường Lê Lợi	Đường Sư Vạn Hạnh nối dài	6.400
15.14	Đường Trưng Nữ Vương	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	6.400
15.15	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	12.000
15.16	Đường Sư Vạn Hạnh	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	8.000
15.17	Đường Sư Vạn Hạnh nối dài	Đường Nguyễn Văn Kim	Hết ranh Trường Mầm non Thốt Nốt	4.080
15.18	Đường Nguyễn Trung Trực	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	17.200
15.19	Đường Thoại Ngọc Hầu	Các tuyến đường thuộc Khu Trung tâm dân cư Thương mại Thốt Nốt		22.160
15.20	Đường Huỳnh Năng Nhiều	Quốc lộ 91	Cổng Trường Tiểu học Thốt Nốt 1	9.600
		Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Công Trứ	11.200
15.21	Đường Nguyễn Công Trứ	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	13.760
15.22	Đường Nhà máy Ngõ Nguyên Thạnh	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu (Nhà máy Ngõ Nguyên Thạnh)	6.400
15.23	Đường Phan Đình Giót	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	8000
15.24	Đường Vàm Rạch Chùa (Cấp Trường Trung học Cơ sở Thốt Nốt)	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	8.000
15.25	Đường Lê Thị Tạo	Cầu 3 Tháng 2	Đường Phan Đình Giót	22.160
		Đường Phan Đình Giót	Mũi Tàu	16.640
15.26	Đường Kênh Rạch Nhà thờ	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	4.800
15.27	Đường vào Trụ sở Công an phường	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	3.360
15.28	Hai bên Đường tái định cư Mũi Tàu	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	4.080
15.29	Đường Thanh Niên	Quốc lộ 91	Cầu Thanh Niên	2.480

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
15.30	Đường Thanh Niên nối dài	Cầu Thanh Niên	Tuyến tránh Quốc lộ 91	2.080
15.31	Đường Nguyễn Hữu Cánh	Quốc lộ 91	Đường Thanh Niên	6.400
15.32	Đường Nguyễn Hữu Cánh nối dài (Khu Hoàng Gia)	Đường Thanh Niên	Tuyến tránh Quốc lộ 91	6.400
15.33	Khu tái định cư Long Thạnh 2	Đường Nguyễn Tuân (Đường số 2)		4.800
		Đường Trịnh Hoài Đức (Đường số 3)		4.640
		Đường Lương Thế Vinh (Đường số 6)		3.840
		Đường Võ Duy Dương (Đường số 7)		4.320
		Đường số 8		4.800
		Đường Sông Hành (Đường số 10)		3.723
		Các đường còn lại		3.696
15.34	Đường Nguyễn Thị Lưu	Quốc lộ 91	Rạch Mương Miếu	1.680
15.35	Đường Thới Thuận - Thạnh Lộc	Quốc lộ 91	Cầu Rạch Rây	1.920
		Cầu Rạch Rây	Hết ranh phường Thốt Nốt	1.680
15.36	Khu dân cư phường Thuận An (cũ)	Cả khu		1.920
15.37	Khu dân cư Chợ Bò Ót và phần mở rộng	Cả khu		4.800
15.38	Khu tái định cư phường Thới Thuận (cũ), giai đoạn 2	Cả khu		4.080
15.39	Khu dân cư Chợ Gạo	Cả khu		2.480
15.40	Tuyến Đường Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Cầu Vàm Cống	Hết ranh phường Thốt Nốt	1.920
15.41	Ven sông Hậu	Vàm Cái Sắn	Vàm lò gạch Mũi Tàu	2.880
		Vàm lò gạch Mũi Tàu	Sông Thốt Nốt	3.200
15.42	Ven sông Thốt Nốt	Cầu Thốt Nốt	Cầu Chùa	4.560
		Cầu Chùa	Rạch Trà Bay	4.080
15.43	Ven sông Cái Sắn	Vàm Cái Sắn	Cầu Cái Sắn	2.480
		Cầu Cái Sắn	Cầu Ngã ba đình	2.480
16	Phường Tân Lộc			
16.1	Hương Lộ Tân Lộc	Điểm đầu Hương Lộ (Bến đò Long Châu)	Điểm cuối Hương Lộ (Cầu Ông Nghi)	1.760

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
16.2	Khu dân cư Phước Lộc - Lai Vung	Cả khu		1.760
16.3	Tuyến đường giao thông (Trái tuyến)	Cầu Ông Nghi	Cầu Chùa (KV Đông Bình)	1.440
16.4	Tuyến đường giao thông	Cầu Chùa (KV Đông Bình)	Vườn sinh thái Tân Lộc (KV Tân Mỹ 2)	1.440
16.5	Tuyến đường giao thông	Cầu Chùa (KV Đông Bình)	Bến đò Tắc Cây Bàng	1.440
17	Phường Phú Lợi			
17.1	Đường Hai Bà Trưng	Suốt tuyến		40.000
17.2	Đường Đồng Khởi	Suốt tuyến		32.000
	Hẻm 122	Suốt hẻm		4.800
17.3	Đường 3 Tháng 2	Suốt tuyến		32.000
17.4	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Suốt tuyến		24.000
	Hẻm 33	Suốt hẻm		4.800
	Hẻm 45	Suốt hẻm		3.600
17.5	Đường Đào Duy Từ	Suốt tuyến		17.600
17.6	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 Tháng 2	28.000
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	20.800
	Hẻm 36	Suốt hẻm		4.000
17.7	Đường Phan Chu Trinh	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 Tháng 2	28.000
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	20.000
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Đề Thám	14.400
	Hẻm 124	Suốt hẻm		4.240
	Hẻm 118	Suốt hẻm		4.800
17.8	Đường Hàm Nghi	Suốt tuyến		28.000
17.9	Đường Hoàng Diệu	Suốt tuyến		32.000
17.10	Các hẻm vào khu vực Chợ Bàn Cờ Đường Hoàng Diệu	Suốt hẻm		7.200
17.11	Đường Nguyễn Hùng Phước	Suốt tuyến		28.400
17.12	Đường Ngô Quyền	Suốt tuyến		21.200
17.13	Đường Đinh Tiên Hoàng	Suốt tuyến		17.600

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.14	Đường Nguyễn Văn Cừ	Suốt tuyến		13.600
	Hẻm 12	Suốt hẻm		2.960
	Hẻm 49	Suốt hẻm		2.400
17.15	Đường Trần Minh Phú	Suốt tuyến		21.200
17.16	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	14.400
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Hai Bà Trưng	24.800
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Du	28.400
		Đường Nguyễn Du	Hết đất Chùa Đại Giác	17.600
		Giáp đất Chùa Đại Giác	Đường Lê Duẩn	6.800
	Hẻm 103 (P1)	Suốt hẻm		4.400
	Hẻm 155 (P1)	Suốt hẻm		3.600
	Hẻm 79 (P1)	Suốt hẻm		4.000
17.17	Đường Nguyễn Du	Suốt tuyến		14.000
17.18	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Suốt tuyến		8.400
	Hẻm 89, 113	Suốt hẻm		2.160
	Hẻm 129	Suốt hẻm		1.760
17.19	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lợi	Đường 30 Tháng 4 - Cổng Bộ Đội Biên Phòng	28.400
	Hẻm 93	Suốt hẻm		4.240
	Hẻm 83	Suốt hẻm		3.920
	Hẻm 98	Suốt hẻm		3.920
	Hẻm 76	Suốt hẻm		4.240
17.20	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	24.800
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Nguyễn Văn Hữu	17.600
	Hẻm 58	Suốt hẻm		4.240
17.21	Đường Lý Thường Kiệt	Đầu Voi	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	8.800
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Đồng Khởi	24.000
		Đường Đồng Khởi	Đường Lê Duẩn	8.800
		Đường Lê Duẩn	Chợ Sông Đĩnh	8.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.21	Hẻm 176 (P1)	Suốt hẻm		3.920
	Hẻm 168 (P1)	Suốt hẻm		3.920
	Hẻm 306B, 730 (P4)	Suốt hẻm		2.160
	Hẻm 310 (P4)	Suốt hẻm		2.160
	Hẻm 584, 730, 764, 944 (P4)	Suốt hẻm		2.160
17.22	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 30 Tháng 4	Đường Phú Lợi	32.000
		Đường Phú Lợi - Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh - Dương Minh Quan	24.000
		Đường Nguyễn Văn Linh - Dương Minh Quan	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	14.400
	Hẻm 174, 98, 144 (P2)	Suốt hẻm		3.600
	Hẻm 45, 51 (P3)	Suốt hẻm		3.920
	Hẻm 357 (Đường vào Trường Quân Sự tỉnh)	Suốt hẻm		3.600
	Hẻm 449 (P3)	Suốt hẻm		3.600
	Hẻm 27, 71, 101, 137 (P3)	Suốt hẻm		3.600
	Hẻm 191, 199, 227, 249, 265, 285, 427, 491 (P3)	Suốt hẻm		3.600
	Hẻm 140	Suốt hẻm		2.800
	Hẻm 567	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 51	2.560
		Giáp thửa đất số 82, tờ bản đồ số 51	Đường Vành Đai II (đoạn 2)	1.600
17.23	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Đường Dương Kỳ Hiệp	Đường Phú Túc	3.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.24	Đường Lê Hồng Phong	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	17.600
		Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Đoàn Thị Điểm	12.800
		Đường Đoàn Thị Điểm	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	8.800
	Hẻm 90 (P3)	Suốt hẻm		2.960
	Hẻm 33 (P3)	Suốt hẻm		3.600
	Hẻm 508 (P3)	Suốt hẻm		2.720
	Hẻm 604 (P3)	Đường Lê Hồng Phong	Hết thửa đất 214, tờ bản đồ 60	2.720
	Hẻm 585 (P3)	Suốt hẻm		2.960
	Hẻm 462	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 655 (P3)	Suốt hẻm		3.600
	Hẻm 639, 673	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 719	Đường Lê Hồng Phong	Hết thửa đất 185, tờ bản đồ số 56	1.280
		Giáp thửa đất 185, tờ bản đồ số 56	Đường 30 Tháng 4	880
17.25	Đường Phú Lợi	Suốt tuyến		32.000
	Hẻm 263, 244, 155, 333	Suốt hẻm		3.920
	Hẻm 73	Đường Phú Lợi	Cuối hẻm (Giáp đất bà Lâm Thị Mười)	2.960
	Hẻm 73/26	Suốt hẻm		2.480
	Hẻm 188	Suốt hẻm		2.880
	Hẻm 99	Suốt hẻm		3.920
	Hẻm 293	Suốt hẻm		2.880
17.26	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Hồng Phong	21.600
		Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 Tháng 4	17.600
		Đường 30 Tháng 4	Đường Mạc Đĩnh Chi	12.800
		Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Lý Thường Kiệt	8.800
	Hẻm 24 (P3)	Suốt hẻm		3.920
	Hẻm 546 (P4)	Suốt hẻm		3.920
17.27	Đường dân sinh cấp chân cầu qua sông Maspero	Đường Lê Duẩn	Đường Lý Thường Kiệt	4.800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.28	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 1A cũ)	Cầu Kênh Xáng	Cổng Trắng	8.000
		Cổng Trắng	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	6.000
	Hẻm 472, 389, 526 (P2)	Suốt hẻm		2.720
	Hẻm 417, 448, 538, 607, 547, 638, 699, 757, 825, 726, 882; 789, 901 (P2)	Suốt hẻm		1.440
	Hẻm 416 (P2)	Suốt hẻm		1.280
	Hẻm 437 (P2)	Đường Võ Văn Kiệt	Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ 04 của ông Dương Văn Thâm	2.720
		Cả Khu dân cư 437		2.000
	Hẻm 792 (P2)	Đường Võ Văn Kiệt	Hết thửa đất số 23, tờ bản đồ số 24	1.440
		Đầu ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24	Hết thửa đất số 2234, tờ bản đồ số 53	1.440
17.29	Đường Trần Nhân Tông (P2)	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh Thiền viện Trúc Lâm Sóc Trăng	2.800
17.30	Đường 30 Tháng 4	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Nguyễn Du	19.200
		Đường Nguyễn Du	Ngã tư Đường Lê Duẩn	12.000
		Ngã tư đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	4.800
	Hẻm 290 (P3)	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm từ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến hẻm 278, Đường Trương Công Định	Suốt hẻm		3.600
	Hẻm 496 (P3)	Suốt hẻm		2.480
	Hẻm 625	Suốt hẻm		1.040
17.31	Đường Hồ Minh Luân	Suốt tuyến		17.600
17.32	Đường Trần Phú	Suốt tuyến		8.800
17.33	Đường Trần Văn Sắc	Suốt tuyến		8.800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.34	Đường Hồ Hoàng Kiếm	Suốt tuyến		8.800
17.35	Đường Quảng Trường Bạch Đằng	Suốt tuyến		10.400
17.36	Đường Trương Công Định	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Văn Linh	14.000
		Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Văn Kiệt	10.400
	Hẻm 9, 93 (P2)	Suốt hẻm		3.600
	Hẻm 267, 278 (P2)	Suốt hẻm		1.760
	Hẻm 37 (P2)	Suốt hẻm		1.520
	Hẻm 46, 56, 86, 98, 140, 246, 292, 109 (P2)	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 195 (P2)	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 109 nối dài (Cặp Chùa Hương Sơn)	Suốt hẻm		1.120
	Hẻm 167 (P2)	Suốt hẻm		1.600
17.37	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Phú Lợi	Đường 30 Tháng 4 - Cổng Biên Phòng	8.800
17.38	Đường Trần Bình Trọng	Suốt tuyến		7.600
	Hẻm 31, 59	Suốt hẻm		1.200
17.39	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Bình Trọng	7.600
	Hẻm 25	Suốt hẻm		1.760
17.40	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trương Văn Quới	6.400
17.41	Đường Trương Văn Quới	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	7.600
17.42	Đường Nhật Lệ (Đường Nhánh Phú Lợi)	Đường Phú Lợi	Đường Trương Văn Quới	7.600
17.43	Đường Nguyễn Trãi	Suốt tuyến		20.800
17.44	Đường Bạch Đằng	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Mạc Đĩnh Chi	4.800
		Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường 30 Tháng 4	2.800
	Hẻm 22, 66, 196, 255, 88, 118 (P4)	Suốt hẻm		880

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.45	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Đồng Khởi	Ngã tư Đường Lê Duẩn	11.200
		Ngã tư Đường Lê Duẩn	Đường Bạch Đằng	8.800
	Hẻm 9, 45, 233 (P4)	Suốt hẻm		2.160
	Hẻm 119	Suốt hẻm		2.160
	Hẻm 33 (P4)	Suốt hẻm		1.920
	Hẻm 537, 539, 759 (P4)	Suốt hẻm		1.120
	Hẻm 70 (P9)	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 80 (P9)	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 218 (P9)	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 230 (P9)	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 266 (P9)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Nguyễn Huệ	1.040
	Hẻm 456 (P9)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Kênh 3 Tháng 2	1.040
	Hẻm 548 (P9)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Hết ranh thửa đất số 590 tờ bản đồ 20	1.040
17.46	Đường Mạc Đĩnh Chi nối dài (Đê bao ngăn mặn)	Cầu Mạc Đĩnh Chi	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1.040
17.47	Đường Võ Nguyên Giáp (P4)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Lý Thường Kiệt	2.800
17.48	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Huệ	Đường Mạc Đĩnh Chi	9.600
		Đường Mạc Đĩnh Chi	Hẻm 150, Đường Phan Đình Phùng	7.200
17.49	Đường Vành Đai II (P3)	Đường Dương Minh Quan	Hết ranh đất Công ty Satraco	4.000
		Giáp ranh đất Công ty Satraco	Đường Văn Ngọc Chính	2.400
17.50	Đường dân sinh cấp chân cầu Khánh Hưng (Bên phải)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Trương Công Định	3.600
	Đường dân sinh cấp chân cầu Khánh Hưng (Bên trái)	Suốt tuyến		3.600
17.51	Đường Mai Thanh Thế	Suốt tuyến		12.000
	Hẻm 1, 12	Suốt hẻm		1.760
	Hẻm 64, 76, 152	Suốt hẻm		1.760
	Hẻm cuối Đường Mai Thanh Thế	Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 05	Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 05 (P9)	1.760
	Hẻm cuối Đường Mai Thanh Thế thông qua Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Mai Thanh Thế	Đường Mạc Đĩnh Chi	3.680

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.52	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 Tháng 4	8.800
	Hẻm 65, 143, 181	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 83	Suốt hẻm		1.600
17.53	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	8.800
17.54	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Phan Bội Châu	Đường 30 Tháng 4	7.600
17.55	Đường Trần Quang Diệu	Suốt tuyến		7.600
17.56	Đường Nguyễn Văn Thém	Suốt tuyến		8.800
17.57	Đường Nguyễn Văn Hữu	Suốt tuyến		11.200
17.58	Đường Bùi Viện	Suốt tuyến		7.200
	Hẻm 2	Suốt hẻm		1.200
17.59	Đường Đề Thám	Suốt tuyến		11.200
	Hẻm 6	Suốt hẻm		2.960
17.60	Đường Lê Văn Tám	Suốt tuyến		4.000
	Hẻm 68	Suốt hẻm		720
	Hẻm 122	Suốt hẻm		720
17.61	Đường Châu Văn Tiếp	Suốt tuyến		8.800
17.62	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phú Lợi	13.600
		Đường Phú Lợi	Cầu Chữ Y	11.200
	Hẻm 160, 222	Suốt hẻm		1.760
	Hẻm 48, 366, 358, 414, 468	Suốt hẻm		1.760
	Hẻm 44	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết thửa số 433, tờ bản đồ số 12	1.760
	Hẻm 175	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37	3.200
	Hẻm 206	Đường Nguyễn Văn Linh	Hẻm 244, Đường Phú Lợi	1.600
	Hẻm 305	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết ranh đất Lương Thanh Hải (Thửa 226, tờ bản đồ số 44)	1.840
	Hẻm 367	Suốt hẻm		1.760
	Hẻm 468	Suốt hẻm		1.760
17.63	Đường Dương Kỳ Hiệp	Đường Nguyễn Văn Linh	Kênh 16 mét	5.600
		Kênh 16 mét	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	1.760
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1.440
	Hẻm 197	Suốt hẻm		440
	Hẻm 75	Đường Dương Kỳ Hiệp	Hết thửa đất 594, tờ bản đồ số 53	720
	Hẻm 189 (P2)	Suốt hẻm		480

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.64	Đường Dương Minh Quan	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Văn Ngọc Chính	8.000
	Hẻm 243	Đường Dương Minh Quan	Giáp thửa đất số 52, tờ bản đồ số 16	1.200
	Hẻm 175	Suốt hẻm		1.200
17.65	Đường Văn Ngọc Chính	Đường Lê Hồng Phong (Đầu ranh thửa 75, tờ bản đồ 31)	Đường Vành Đai II	7.200
		Đường Vành Đai II	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	4.000
	Hẻm 10, 26, 120, 69, 91	Suốt hẻm		1.040
	Hẻm 153 (Hẻm 135 cũ)	Suốt hẻm		1.040
	Hẻm 259, 295	Suốt hẻm		1.040
	Hẻm 237	Suốt hẻm		1.040
	Hẻm 279, 312, 420, 384, 434	Suốt hẻm		1.040
	Hẻm 217	Suốt hẻm		1.040
	Hẻm 185	Suốt hẻm		880
17.66	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 Tháng 4	5.600
	Hẻm 122	Đường Đoàn Thị Điểm	Hết thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57	1.040
		Đầu ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 57	Bờ kênh Thủy lợi (Phường Mỹ Xuyên)	1.040
	Hẻm 179	Đường Đoàn Thị Điểm	Hết thửa đất số 146, tờ bản đồ số 37	880
	Hẻm 152, 194, 204	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 30, 74	Suốt hẻm		720
	Hẻm 157	Suốt hẻm		880
17.67	Đường Trần Văn Bảy	Đường 30 Tháng 4	Đường Lê Hồng Phong	3.600
	Hẻm 99, 134	Suốt hẻm		720
	Hẻm 163	Suốt hẻm		720
17.68	Đường Phú Túc	Cổng Trắng (Đường Võ Văn Kiệt)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	2.000
17.69	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Duẩn	7.200
17.70	Đường Trần Quang Khải	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Sương Nguyệt Anh	5.600

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.71	Đường Sương Nguyệt Anh	Đường Dương Kỳ Hiệp	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1.440
		Đoạn còn lại (Đường nhựa cặp kênh 8 mét - Phường 2 cũ)		1.040
17.72	Đường Triệu Quang Phục (Đường Cổng Trắng)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường nhựa Quân Khu IX	2.800
	Hẻm 12	Suốt hẻm		880
17.73	Đường dân sinh trước Bệnh viện Đa khoa Tỉnh song song với Đường Lê Duẩn (Đường Kênh Nhân Lực)	Kênh Cô Bắc	Kênh 3 Tháng 2	4.800
17.74	Đường cặp Kênh 3 Tháng 2 (P9)	Đường Kênh Nhân Lực	Đường Bạch Đằng	720
17.75	Đường Lê Đại Hành	Suốt tuyến		1.280
17.76	Đường Phan Văn Chiêu (Đường Kênh Quảng Khuôn cũ)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường 30 Tháng 4	1.520
17.77	Đường Trần Thủ Độ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	2.400
17.78	Đường Lưu Khánh Đức (Lộ nhựa cặp Quân Khu IX cũ) P2	Suốt tuyến		2.400
17.79	Đường đất 2 bên kênh 16 mét (P2)	Suốt tuyến		1.040
17.80	Các tuyến thuộc dự án LIA 1 (P4)	Suốt tuyến		4.000
17.81	Đường nhánh các cơ quan tư pháp tuyến Đường Võ Nguyên Giáp (P4)	Phía dãy các cơ quan hiện hữu Đường N2 trong quy hoạch phân khu hướng Đông		1.440
17.82	Đường N3	Suốt tuyến		2.880
17.83	Đường D7	Suốt tuyến		2.880
17.84	Đường D2	Suốt tuyến		2.880

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.85	Khu tái định cư số 01			
	Đường N2	Suốt tuyến		7.280
	Các tuyến đường còn lại trong Khu tái định cư	Suốt tuyến		5.200
17.86	Lộ đá khu dân cư Bình An	Suốt tuyến		5.600
17.87	Khu dân cư Hạnh Phúc	Cả khu		4.000
17.88	Khu dân cư của Hẻm 357 (Điểm dân cư Trường Quân Sự tỉnh)	Cả khu		3.600
17.89	Khu dân cư Sáng Quang (Phường 2 cũ)	Cả khu		5.600
17.90	Khu dân cư xung quanh trường Quân sự Quân Khu 9 (Khu dân cư 586)			
	Khu A	Các lô nền A5, A8, A12		8.000
	Khu B	Có mặt tiền giáp Đường Trần Hưng Đạo		12.800
	Đường số 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường số 9	4.800
		Đường số 9	Đường số 7	4.400
	Đường số 2, 3, 4, 5, 6, 6A, 7, 8, 9, 10	Suốt tuyến		3.200
17.91	Dự án Phát triển đô thị và tái định cư khu 5A			
	Đường 14, 20, 22 và 23	Suốt tuyến		5.600
	Đường 9A, 9B	Suốt tuyến		5.600
	Đường số 5, 6, 16	Suốt tuyến		7.200
	Đường số 2, 3, 4, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 21, N24	Suốt tuyến		5.600
	Các đường còn lại trong Khu dân cư	Suốt tuyến		4.800
17.92	Khu nhà ở thương mại Trần Quang Diệu (P2)	Đường số 1		5.600
		Các đường còn lại trong khu nhà ở thương mại Trần Quang Diệu		4.800
17.93	Khu nhà phố Thương mại VinCom ShopHouse Sóc Trăng (P2)	Suốt tuyến		9.600

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18	Phường Sóc Trăng			
18.1	Đường Lê Lợi	Đường Tôn Đức Thắng	Nút giao thông Tượng Đài Trung Tâm	24.800
	Hẻm 63	Suốt hẻm		3.600
18.2	Đường Hùng Vương	Bên phải tuyến hết ranh Hồ Nước Ngọt; Bên trái tuyến giáp Đường Dã Tượng	Đường Trần Quốc Toản	32.000
	Hẻm 28	Đường Hùng Vương	Hẻm 2, Đường Huỳnh Phan Hộ	4.000
	Hẻm 63	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	4.000
	Hẻm 93	Đường Hùng Vương	Hẻm 63, Đường Hùng Vương	4.000
	Hẻm 3	Đường Hùng Vương	Hẻm 42, Đường Yết Kiêu	4.000
	Hẻm 7	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	4.000
	Hẻm 101, 121, 149	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	3.200
	Hẻm 129	Suốt hẻm		2.800
	Hẻm 135	Suốt hẻm		4.800
	Hẻm 159	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	3.200
18.3	Đường Lý Thánh Tông	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	6.400
		Đường Hùng Vương	Kênh Trường Thọ	5.600
	Hẻm 29 (P6 cũ)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Kênh 30 Tháng 4	1.600
18.4	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lợi	Đường Điện Biên Phủ	24.800
	Hẻm 145 (P6 cũ)	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hẻm 81, Đường Ngô Gia Tự	3.200
18.5	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	4.800
		Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường Dương Kỳ Hiệp	4.000
18.6	Đường Lê Duẩn	Cầu Lê Duẩn (Sông Maspero)	Đường Phạm Hùng	7.200
18.7	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã An Ninh	Giao điểm giữa Tuyến tránh Quốc lộ 1 và Tuyến tránh Quốc lộ 60	4.560
18.8	Đường Võ Văn Kiệt	Giao điểm giữa Tuyến tránh Quốc lộ 1 và Tuyến tránh Quốc lộ 60	Bên trái giáp hẻm 121; Bên phải hết ranh Viện Kiểm sát	8.000
		Bên trái giáp hẻm 121; Bên phải hết ranh Viện Kiểm sát	Bên trái giáp Đường Trần Quốc Toản; Bên phải hết ranh hẻm 298	12.000
		Bên trái giáp Đường Trần Quốc Toản; Bên phải hết ranh hẻm 298	Cầu Kênh Xáng	8.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.8	Hẻm 54	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Lê Hoàng Chu	800
	Hẻm 367 (P6 cũ)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Điện Biên Phủ	1.440
	Hẻm 121	Đường Võ Văn Kiệt	Hết ranh thửa đất số 819, tờ bản đồ 103 (16 cũ)	1.040
	Hẻm 170	Đường Võ Văn Kiệt	Cuối hẻm	2.000
	Hẻm 222	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Lê Hoàng Chu	1.040
	Hẻm 238	Suốt hẻm		1.280
	Hẻm 298	Suốt hẻm		1.920
	Hẻm 334	Suốt hẻm		1.280
18.9	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Sóc Vồ	Hết ranh thửa đất số 122, tờ bản đồ 112 (25 cũ)	1.600
18.10	Đường Điện Biên Phủ	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Yết Kiêu	8.000
		Đường Yết Kiêu	Đường Lý Thánh Tông	6.400
		Đường Lý Thánh Tông	Đường Võ Văn Kiệt	4.800
18.11	Đường Kênh 19 Tháng 5	Đường Tôn Đức Thắng	Kênh Thanh Niên	800
		Kênh Thanh Niên	Kênh 30 Tháng 4	640
18.12	Đường Kênh 22 Tháng 3	Đường Lương Định Của	Cuối Kênh (Hết thửa 106, tờ bản đồ 49)	640
18.13	Đường Kênh Liêu Sơn	Đường đá Kênh Cầu Xéo	Kênh 2 Tháng 9	800
18.14	Đường Ngô Gia Tự	Ngã ba Đường Dã Tượng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	16.000
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lai	14.400
	Hẻm 81	Suốt hẻm		3.200
	Hẻm 95	Suốt hẻm		2.800
18.15	Đường Lê Vĩnh Hoà	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Pasteur - Bà Triệu	7.200
	Hẻm 2	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hết ranh thửa 107, tờ bản đồ số 155 (30)	1.040
		Giáp ranh thửa 107, tờ bản đồ số 30	Hết ranh thửa số 80, tờ bản đồ số 29	800
18.16	Đường Lê Lai	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lê Lợi	8.000
18.17	Đường Calmette	Đường Ngô Gia Tự	Đường Nguyễn Chí Thanh	8.000
	Hẻm 33	Từ Calmette	Đường Lai Văn Tụng	1.840
18.18	Đường Yết Kiêu	Đường Điện Biên Phủ	Đường Yết Kiêu	12.000
	Hẻm 42	Đường Yết Kiêu	Hẻm 218, Đường Điện Biên Phủ	1.840
18.19	Đường Dã Tượng	Đường Điện Biên Phủ	Đường Ngô Gia Tự	12.000
18.20	Đường Võ Đình Sâm	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	7.200
	Hẻm 5	Đường Võ Đình Sâm	Hết thửa đất số 112, tờ bản đồ số 154 (29)	1.040
	Hẻm 9	Đường Võ Đình Sâm	Đường Trần Văn Hòa	1.040
18.21	Đường Đặng Văn Viễn	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	7.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.22	Đường Pasteur	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm 196, Đường Tôn Đức Thắng	7.200
	Hẻm 50	Suốt hẻm		1.040
18.23	Đường Nguyễn Chí Thanh	Ranh Hồ Nước Ngọt	Đường Tôn Đức Thắng	16.000
	Hẻm 4	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết thửa đất số 57, tờ bản đồ 28	2.800
	Hẻm 79	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Lai Văn Túng	2.400
18.24	Đường Trần Văn Hòa	Đường Lê Vĩnh Hòa	Đường Võ Đình Sâm	7.200
	Hẻm 36, 74	Đường Trần Văn Hòa	Đường Bà Triệu	1.040
	Hẻm 12	Đường Trần Văn Hòa	Hết thửa đất số 113, tờ bản đồ số 162 (37)	1.040
18.25	Đường Bà Triệu	Đường Lê Vĩnh Hòa	Đường Võ Đình Sâm	7.200
18.26	Đường Sơn Đê	Suốt tuyến		8.000
18.27	Đường Lai Văn Túng	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Sơn Đê	8.800
	Hẻm 2	Suốt hẻm		1.840
18.28	Đường Dương Kỳ Hiệp	Kênh 16 mét	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	1.600
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Giáp lộ giao thông khu vực 24 phường Sóc Trăng	1.440
18.29	Đường Kênh 30 Tháng 4 (Nhánh phía Đông)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Vành Đai I	4.800
		Đường Vành Đai I	Kênh 19 Tháng 5	1.440
18.30	Đường Kênh 30 Tháng 4 (Nhánh phía Tây)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Vành Đai I	4.800
		Đường Vành Đai I	Giáp khu công nghiệp Minh Châu	2.400
18.31	Đường Sóc Vồ	Giao điểm giữa tuyến tránh Quốc lộ 1 và tuyến tránh Quốc Lộ 60	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	960
18.32	Đường Lê Hoàng Chu	Cầu Kênh Xáng (Quốc lộ 1A)	Hẻm 222, Đường Võ Văn Kiệt	2.000
		Hẻm 222, Đường Võ Văn Kiệt	Đường Sóc Vồ	1.600
18.33	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cầu Đen (Quốc lộ 1A)	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	4.400
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Bia tường niệm - Hết thửa đất số 13 tờ bản đồ số 105	3.600
		Bia tường niệm - Hết thửa đất số 13 tờ bản đồ số 105	Giáp ranh xã An Ninh	2.000
	Hẻm 91	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Hết ranh thửa đất số 3; Thửa 64 tờ bản đồ 126	1.440
18.34	Đường Lý Đạo Thành	Đường Tôn Đức Thắng	Trung tâm phòng chống bệnh xã hội (cũ)	3.600
	Hẻm 8	Suốt hẻm		800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.35	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Hùng Vương	Đường Trần Quốc Toản	5.600
	Hẻm 2	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30 Tháng 4	2.400
	Hẻm 36	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30 Tháng 4	4.400
	Hẻm 64, 76, 110, 117	Suốt hẻm		960
18.36	Đường Trần Quốc Toản	Đường Hùng Vương	Đường Huỳnh Phan Hộ	5.600
	Hẻm 46, 104, 109	Suốt hẻm		960
18.37	Lộ giao thông khu vực 24 phường Sóc Trăng	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Dương Kỳ Hiệp	960
18.38	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Đường Võ Văn Kiệt	Cổng sau Khu Công nghiệp An Nghiệp (Khu Thiết chế Công Đoàn)	4.000
		Cổng sau Khu Công nghiệp An Nghiệp (Khu Thiết chế Công Đoàn)	Giáp ranh xã An Ninh	3.200
		Giáp ranh xã Thuận Hòa	Đường Lương Định Của	3.484
	Hẻm 192	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Hết thửa đất số 91 và 350, tờ bản đồ số 94	1.040
	Hẻm 334	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Hết thửa đất số 98, tờ bản đồ số 43	720
18.39	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Sương Nguyệt Anh	Giáp ranh xã An Ninh	1.440
18.40	Đường Phan Đăng Lưu	Giáp hẻm 91, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 126 (40))	Giáp ranh xã An Ninh	1.200
18.41	Đường Nguyễn Văn Khuynh	Đường Phạm Hùng	Cầu Thanh Niên (Giáp Đường Chông Chác)	1.200
18.42	Đường Sóc Mò Côi	Đường Phạm Hùng	Giáp ranh xã Tân Thạnh	800
18.43	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Phạm Hùng	Giáp ranh xã Tân Thạnh	800
18.44	Đường Lộ Châu Khánh	Đường Trần Đại Nghĩa	Giáp ranh xã Tân Thạnh	720
18.45	Đường Tôn Đức Thắng	Cầu C247	Đường Lê Vĩnh Hòa	16.000
		Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm Chùa Phước Nghiêm	12.000
		Hẻm Chùa Phước Nghiêm	Đường Vành Đai I	8.000
		Đường Vành Đai I	Đường Vành Đai II	6.400
	Hẻm 87	Suốt hẻm		3.600
	Hẻm 163	Suốt hẻm		2.800
	Hẻm 189	Suốt hẻm		2.800
	Hẻm 196	Suốt hẻm		2.800
	Hẻm 222	Suốt hẻm		3.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.45	Hẻm 250	Suốt hẻm		2.800
	Hẻm 278, 322, 352	Suốt hẻm		3.200
	Hẻm 354A	Suốt hẻm		2.800
	Hẻm 283	Suốt hẻm		2.800
	Hẻm 368	Suốt hẻm		2.400
	Hẻm 580	Suốt hẻm		1.920
	Hẻm 49	Suốt hẻm		3.200
	Hẻm 55	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 4, Đường Nguyễn Chí Thanh	2.400
	Hẻm 74	Suốt hẻm		3.200
	Hẻm 146	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Văn Hòa	3.600
	Hẻm 166	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2, Đường Lê Vĩnh Hòa	3.600
	Hẻm 178	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2, Đường Lê Vĩnh Hòa	3.200
	Hẻm 311, 319, 337, 389, 398, 472, 498	Suốt hẻm		1.360
	Hẻm 382	Suốt hẻm		2.400
18.46	Hẻm 420, 452, 532, 542, 552, 589, 573, 596, 638, 726, 744, 762, 780, 788, 792	Suốt hẻm		1.280
	Hẻm 525, 593, 674, 708, 716, 806, 814	Suốt hẻm		960
	Đường Phạm Hùng	Đường Bà Triệu	Đường Vành Đai I	8.800
		Đường Vành Đai I	Đường Vành Đai II	7.200
		Đường Vành Đai II	Cầu Saintard	5.600
	Hẻm 5	Suốt hẻm		1.280
	Hẻm 117	Đường Phạm Hùng	Cuối hẻm	1.280
	Hẻm 54	Suốt hẻm		960
	Hẻm 98	Suốt hẻm		1.280
	Hẻm 112	Suốt hẻm		960
18.47	Đường Cao Thắng	Đường Coluso	Đường Huỳnh Cương	3.360
		Đường Huỳnh Cương	Cụm Công nghiệp Tân Phú	2.000
		Cụm Công nghiệp Tân Phú	Đường Phạm Hùng	2.000
18.48	Đường vào Cảng Sông	Đường Phạm Hùng	Đường Cao Thắng	2.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.49	Đường Chông Chác	Đường Nguyễn Văn Khuynh (Cầu Thanh Niên)	Đường Tôn Đức Thắng	960
18.50	Đường Lương Định Của	Đường Vành Đai II	Giáp ranh xã Trường Khánh	4.800
	Hẻm 131	Đường Lương Định Của	Giáp thửa đất số 89, tờ bản đồ 44 (4)	880
18.51	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Bà Triệu	Đường Coluso	2.400
18.52	Đường Cầu Đen	Thửa đất số 39, tờ bản đồ 156 (31)	Thửa đất số 51, tờ bản đồ 163 (38)	720
18.53	Đường Kênh Xáng	Thửa 189, 227, tờ bản đồ 163 (38)	Thửa 87, tờ bản đồ 163 (38)	1.200
18.54	Đường Coluso	Đường Phạm Hùng	Đường Phạm Ngọc Thạch	2.800
		Đường Phạm Hùng	Lộ đá cặp kênh Cầu Xéo	2.400
18.55	Đường Huỳnh Cương	Đường Cao Thắng	Cụm Công nghiệp Tân Phú	2.000
		Cụm Công nghiệp Tân Phú	Hết ranh phường Sóc Trăng	1.600
18.56	Lộ đá cặp kênh Cầu Xéo	Hẻm 5 Đường Phạm Hùng	Đường Vành Đai II	960
18.57	Đường đê bao Trà Quýt	Giáp ranh phường Phú Lợi	Đường Nguyễn Trường Tộ	960
18.58	Lộ nhựa 7 mét	Cầu Maspero	Khán đài đua Ghe Ngo	1.600
18.59	Lộ Kênh Trường Thọ	Kênh 30 Tháng 4	Đường Kênh 19 Tháng 5	1.200
18.60	Khu dân cư Hưng Thịnh	Cả khu		8.000
18.61	Khu dân cư Tuấn Lan (P6 cũ)	Cả khu		5.600
18.62	Khu dân cư Đức Nguyên (Khu dân cư Nguyên Hưng Phát)	Các tuyến Đường nội bộ trong Khu dân cư (Trừ các thửa đất có cạnh tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ)		4.800
		Các thửa đất có cạnh tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ (Đoạn từ Đường Yết Kiêu đến Đường Lý Thánh Tông)		6.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.63	Khu dân cư Minh Châu:			
	Đường A1, A2	Suốt tuyến		4.800
	Đường B	Đường Võ Văn Kiệt	Đường A2	8.000
		Đường A2	Đường A1	5.600
		Đường A1	Kênh 30 Tháng 4	4.000
	Đường C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7	Suốt tuyến		4.000
	Đường C8, C9, C10, C11	Suốt tuyến		4.000
	Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8, D9, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16, D17, D18, D19	Suốt tuyến		4.000
19	Phường Mỹ Xuyên			
19.1	Quốc lộ 1A	Ngã ba Trà Tim	Hết ranh Chùa Chén Kiểu (Chùa Sà lôn)	4.160
		Giáp ranh Chùa Chén Kiểu (Chùa Sà Lôn)	Cổng Sà Lôn	4.000
		Cổng Sà Lôn	Giáp ranh xã Nhu Gia	3.360
19.2	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Quốc lộ 1A	Giáp ranh phường Phú Lợi	4.160
19.3	Đường tỉnh 934	Đường Đoàn Minh Bảy	Cầu Cái Xe (Kênh Tiếp Nhựt)	5.120
		Cầu Cái Xe (Kênh Tiếp Nhựt)	Giáp ranh xã Tài Văn	3.840
	Hẻm 108 (Nghĩa trang)	Đường tỉnh 934	Kênh Xáng	1.280
	Hẻm 111	Suốt hẻm		1.360
	Hẻm 1 (Thanh Lợi)	Suốt hẻm (Đường tỉnh 934 đến hết ranh đất ông Tạ Kim Sủng)		1.200
	Hẻm 2 (Chùa Xén Cón)	Đường tỉnh 934	Đường Huỳnh Văn Chính	1.360
19.4	Đường tỉnh 939 (Đại Tâm - Phú Mỹ)	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Mỹ Hương	720
19.5	Đường tỉnh 936 (Đại Tâm - Tham Đôn)	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1.360
19.6	Đường huyện 56	Ngã tư Phước Kiện	Giáp ranh xã Ngọc Tố	2.800
19.7	Đường Trần Hưng Đạo (Phường 10 cũ)	Giáp ranh phường Phú Lợi	Nút giao Ngã ba Trà Tim	12.800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
19.8	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh phường Phú Lợi	Ngã ba Trà Tim	5.600
	Hẻm 962 (Phường Mỹ Xuyên)	Đường Võ Văn Kiệt	Hết tuyến	1.200
19.9	Đường Lê Hồng Phong (Đường tỉnh 934 cũ)	Giáp ranh phường Phú Lợi (Cầu Trắng)	Ngã tư Phước Kiện	6.800
19.10	Đường Văn Ngọc Chính	Giáp ranh phường Phú Lợi (Cầu Tà Lách)	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1.360
19.11	Đường An Dương Vương	Nút giao Ngã ba Trà Tim	Ngã tư Phước Kiện	3.600
19.12	Đường Trần Thủ Độ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	2.240
19.13	Đường Trưng Vương 1	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hoàng Diệu	10.400
19.14	Đường Trưng Vương 2	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hoàng Diệu	10.400
19.15	Đường Lê Lợi	Đường Lê Hồng Phong	Đường Phan Đình Phùng	9.600
	Hẻm 1, Đường Lê Lợi	Suốt hẻm		2.400
	Hẻm 2, Đường Lê Lợi	Suốt hẻm		1.760
19.16	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Triệu Nương	9.200
19.17	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Triệu Nương	7.200
19.18	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Diệu	Đường Phan Đình Phùng	6.800
19.19	Đường đi Tài Công	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Tài Văn	1.360
19.20	Đường đê bao Phú Hữu	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Thạnh Thới An	1.440
19.21	Đường Triệu Nương	Ngã tư Phước Kiện	Đường Đoàn Minh Bảy	7.600
19.22	Đường Ngô Quyền	Cầu Bà Thủy	Cống thủy lợi	960
19.23	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hoàng Diệu	Hẻm 2, Đường Lê Lợi	2.160
		Đoạn còn lại		1.200
19.24	Đường Trần Hưng Đạo (Thị trấn Mỹ Xuyên cũ)	Cầu Chà Và	Cống gần nhà Mẹ Việt Nam Anh Hùng Trần Thị Năm	3.600
		Cống gần nhà Mẹ Việt Nam Anh Hùng Trần Thị Năm	Giáp ranh phường Phú Lợi	2.800
19.25	Đường Phan Chu Trinh	Đường Ngô Quyền	Hết ranh Miếu Thành Hoàng (Miếu Ông Hổ)	1.040
		Đoạn còn lại		720

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
19.26	Đường Phan Thanh Giản	Đường Triệu Nương	Hết tuyến	1.040
19.27	Đường Văn Ngọc Tố	Rạch Chà Và	Rạch Bà Thủy	4.400
19.28	Đường Đoàn Minh Bảy	Rạch Chà Và	Rạch Bà Thủy	4.400
19.29	Đường Huỳnh Văn Chính	Đường tỉnh 934 (Dưới chân cầu Ông Diệp)	Đường vào cống Bà Thủy	1.760
		Đoạn còn lại		1.360
19.30	Đường Thầy Cùi	Đường Triệu Nương	Cầu Đình Thần	880
19.31	Đường Lê Văn Duyệt	Đường Hoàng Diệu	Hẻm 5, Đường Triệu Nương	1.200
19.32	Đường Hoàng Diệu	Cầu Chà Và	Cầu Bà Thủy	8.800
19.33	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Lò Heo	1.760
		Đoạn còn lại		1.360
19.34	Đường Bạch Đằng	Đường Lê Hồng Phong	Cống Hitech	2.800
		Cống Hitech	Giáp ranh phường Phú Lợi	3.200
19.35	Đường vào Trường Tiểu học Mỹ Xuyên 2	Suốt tuyến		4.960
19.36	Đường vào Khu dân cư Điện Lực	Đường Lê Hồng Phong	Khu dân cư Điện lực	1.760
19.37	Khu dân cư Sáng Quang (Phường Mỹ Xuyên)	Cả khu		2.240
19.38	Khu dân cư Lê Thìn (Phường Mỹ Xuyên)			
	Đường số 01	Suốt tuyến		4.000
	Các đường còn lại trong khu dân cư	Suốt tuyến		2.560
19.39	Khu dân cư Điện lực	Cả khu		2.000
19.40	Khu dân cư Đại Thành	Cả khu		3.200
19.41	Khu dân cư Hồng Phát			
	Đường D1	Suốt tuyến		5.200
	Đường D2, D3; Đường N5	Suốt tuyến		4.400
	Các tuyến đường nội bộ còn lại	Suốt tuyến		3.200
19.42	Khu dân cư Hòa Mỹ	Cả khu		2.400
20	Phường Ngã Năm			
20.1	Quốc lộ 61B	Giáp ranh xã Tân Long	Cầu Đò mới	1.200
		Cầu Đò mới	Đường 30 Tháng 4	720
		Đường 30 Tháng 4	Cầu Trà Ban	640

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
20.2	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 3 Tháng 2	Đường D4	6.400
		Đường D4	Cầu Thanh Niên (Khu vực 1)	3.200
		Cầu Thanh Niên (Khu vực 1)	Cầu Quản Lộ - Phụng Hiệp (Khu vực 7)	2.000
		Cầu Quản Lộ - Phụng Hiệp (Khu vực 7)	Kênh 90	1.600
		Kênh 90	Cầu ngã ba Chêch Cầm	800
20.3	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Văn Bảy	6.400
		Đường Trần Văn Bảy	Hết ranh Chùa Phật Mẫu	5.600
		Giáp ranh Chùa Phật Mẫu	Hết ranh đất Cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	4.400
		Giáp ranh đất Cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	Cầu Cống đá	4.000
20.4	Đường Lê Hồng Phong	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	5.600
20.5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	6.400
20.6	Đường Võ Thị Sáu	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	6.000
20.7	Đường Trần Văn Bảy	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	6.000
20.8	Đường Mai Thanh Thế	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Văn Bảy	6.400
		Đường Trần Văn Bảy	Đường Phạm Hùng	6.000
20.9	Đường Hùng Vương	Cầu Ngã Năm mới (Ngang Khu hành chính)	Đường Nguyễn Trãi (Cầu Đỏ cũ)	5.760
		Đường Nguyễn Trãi (Cầu Đỏ cũ)	Cầu Đỏ mới	2.800
		Cầu Đỏ mới	Cầu Bến Long	1.600
20.10	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Bến Long	Cầu Tư Bí	640
		Cầu Bến Long	Giáp ranh xã Tân Long	480
20.11	Đường 30 Tháng 4	Đường 1 Tháng 5	Hết ranh đất ông Năm Miên	1.600
		Giáp ranh đất ông Năm Miên	Quốc lộ 61B	1.200
20.12	Đường 1 Tháng 5	Đường 30 Tháng 4	Rạch Xẻo Cạy	720
		Rạch Xẻo Cạy	Cầu Trà Kết	560
20.13	Đường Lê Văn Tám	Cầu Chùa Ông Bồn đến Đầu Voi	Hết ranh đất bà Ba Đê	880
		Giáp ranh đất bà Ba Đê	Cầu Bào Nhum (Cầu Vú Sữa)	720
20.14	Đường Lê Văn Tám (Đoạn mới làm)	Cầu Chùa Ông Bồn	Hết ranh đất Hai Thời	640
20.15	Đường Lạc Long Quân	Đường Mậu Thân	Hết ranh cầu Ông Bồn cũ	800
		Giáp ranh cầu Ông Bồn cũ	Cầu Đường Trâu (trong)	480

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
20.16	Đường Mậu Thân	Đường Lạc Long Quân	Cầu Treo	1.600
		Cầu Treo	Cầu Đường Trâu (ngoài)	1.360
20.17	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương (mố cầu Đổ cũ)	Đường Phạm Văn Đồng (vòng xoay)	3.600
		Đường Phạm Văn Đồng (vòng xoay)	Quốc lộ 61B	2.200
20.18	Đường Lê Hoàng Chu	Cầu ngã ba Chêch Cắm	Giáp ranh xã Tân Long	640
20.19	Đường Huỳnh Thị Tân	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Hùng	3.080
		Đường Phạm Hùng	Rạch Cống Đá (Trừ phía Khu tái định cư)	880
20.20	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	Đường 3 Tháng 2	2.800
20.21	Đường Nguyễn Huệ	Đường Mai Thanh Thế	Cầu bệnh viện	4.800
		Cầu bệnh viện	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	3.280
20.22	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hùng Vương	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	2.800
		Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Quốc lộ 61B	2.400
20.23	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Trãi	4.400
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	3.600
20.24	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Kênh Cống Đá	Cầu Kênh Phú Lộc - Ngã Năm	880
		Cầu Kênh Phú Lộc - Ngã Năm	Kênh Bến Long	800
		Kênh Bến Long	Cầu Tư Bí	640
		Cầu Tư Bí	Hết ranh đất Trường THCS - Phường 2 cũ	560
		Giáp ranh đất Trường THCS - Phường 2 cũ	Cầu kênh Xáng Mỹ Phước	720
		Cầu kênh Xáng Mỹ Phước	Giáp ranh xã Long Hưng	600

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
20.25	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cổng Lý Thanh	Đường Âu Cơ	3.360
		Cổng Lý Thanh	Đường vào Trường THCS Long Tân	1.120
		Đường vào Trường THCS Long Tân	Cầu Tư Bí	560
20.26	Đường Lý Tự Trọng	Đường Âu Cơ	Kênh 8 Tháng 3	2.000
		Kênh 8 Tháng 3	Kênh Mỹ Lợi	1.040
		Kênh Mỹ Lợi	Cầu Kênh Bình Hưng	800
		Cầu Kênh Bình Hưng	Giáp ranh xã Tân Long	640
20.27	Đường Âu Cơ	Đường Lý Tự Trọng	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	1.440
20.28	Đường Khu vực Trà Cú	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Giáp ranh Trung tâm Thương Mại - Phường 2 cũ	2.800
20.29	Đường huyện 79B	Cầu Kênh Bình Hưng	Giáp ranh xã Mỹ Phước	640
20.30	Đường huyện 77	Cầu Đường Trâu (Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	440
20.31	Đường huyện 73	Cầu Vú Sữa	Cầu Sóc Sãi	440
		Cầu Sóc Sãi	Cầu Đường Tắc	480
20.32	Đường huyện 72	Cầu ngang UBND xã Vĩnh Quới cũ	Cầu Đường Trâu (trong)	440
20.33	Đường Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	Giáp ranh xã Long Hưng	Đầu ranh đất Cây xăng Trường Thịnh	480
		Đầu ranh đất Cây xăng Trường Thịnh	Cầu Treo	640
		Cầu Treo	Đường 1 Tháng 5	480
20.34	Đường N1 (Cụm công nghiệp khu vực 4)	Suốt tuyến		640
20.35	Đường số 4	Đường Nguyễn Trãi	Đường N11 (trường THCS phường Ngã Năm)	2.800
20.36	Đường N11	Đường số 4	Đường D14	2.800
20.37	Đường D14	Đường N11	Quốc lộ 61B	2.800
20.38	Đường D2	Đường 3 Tháng 2	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	4.400
20.39	Đường D3	Đường Phạm Hùng	Đường N1	4.400
20.40	Đường N1	Đường D3	Đường D2	4.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
20.41	Khu dân cư khu vực 3, phường Ngã Năm	Đường N1		2.640
		Đường N2		2.640
		Đường số 22		2.640
20.42	Các tuyến đường Trung tâm Phường 1 (cũ)			
	Đường N1	Đường Mai Thanh Thế	Đường D1	4.800
	Đường N2	Đường D4	Đường D1	4.800
	Đường D1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trục	4.800
	Đường D2	Đường Nguyễn Huệ	Đường N1	4.800
	Đường D3	Đường N2	Đường Nguyễn Trung Trục	4.800
	Đường D4	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trục	4.800
20.43	Khu tái định cư phường 1 cũ			
	Đường Huỳnh Thị Tân	Đoạn thuộc phía Khu tái định cư		2.241
	Đường D1	Suốt tuyến trong Khu tái định cư		2.129
	Đường NB1	Suốt tuyến trong Khu tái định cư		2.017
21	Phường Mỹ Quới			
21.1	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cầu Cống Đá	Cống Tám Xưa	680
		Cống Tám Xưa	Cống Hai Cường	520
		Cống Hai Cường	Cầu Nàng Rền	680
		Cầu Nàng Rền	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	520
21.2	Đường tỉnh 937B	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Ngã ba Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây	520
21.3	Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cầu Vượt Mỹ Bình	480
		Cầu Vượt Mỹ Bình	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	480

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
21.4	Đường nhựa ven Kênh Xáng Phụng Hiệp (Đường huyện 74)	Cầu Cống Đá	Hết ranh đất UBND phường 3 cũ	1.280
		Giáp ranh đất UBND phường 3 cũ	Hết cầu Chợ Vĩnh Biên	960
		Cầu Chợ Vĩnh Biên	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	560
		Khu vực đất quy hoạch chợ Vĩnh Biên		1.520
21.5	Đường huyện 75 (Đường Mỹ Quới - Rộc Lá)	Cầu Mới	Giáp ranh Trường Mầm non Mỹ Quới	560
		Giáp ranh Trường Mầm non Mỹ Quới	Cầu 3 Si	560
		Cầu 3 Si	Cầu Mỹ Hưng	480
		Ngã ba Chợ đầu lộ (Điện máy xanh)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thực	1.120
		Giáp ranh đất ông Phạm Văn Thực	Đầu ranh đất Trường Mầm non Mỹ Bình	480
		Trường Mầm non Mỹ Bình	Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây	520
		Cầu Nàng Rền (Mỹ Bình cũ)	Giáp ranh ấp Mỹ Hòa, xã Tân Long	480
21.6	Đường huyện 79A	Toàn tuyến (Cầu Mới đến giáp Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây)		440
21.7	Đường huyện 79C	Cầu Chợ Mỹ Quới	Cầu Lung Sen	800
		Cầu Lung Sen	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	600
21.8	Đường huyện 76 (Đường tỉnh 937B)	Cầu chợ Mỹ Quới	Hết ranh đất Trường THPT Lê Văn Tám	1.120
		Giáp ranh đất Trường THPT Lê Văn Tám	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	760
21.9	Ấp Mỹ Thành	Đầu ranh đất ông Trần Văn Lắm	Cầu Mới	1.120
		Giáp ranh Đường Cống thoát nước (Hết ranh quy hoạch Chợ Mỹ Quới)	Ngã ba nhà ông Phạm Văn Thực	600
21.10	Ấp Mỹ Tây A - Mỹ Tường B (Chợ Mỹ Quới giai đoạn 2)	Cầu Mới (Cầu Sắt)	Hết ranh đất Đình Nguyễn Trung Trực	1.040

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
21.11	Ấp Mỹ Tường B	Giáp ranh đất Đình Nguyễn Trung Trực	Cầu Ông Xi	680
21.12	Ấp Mỹ Thọ	Cầu Năm Châu	Hết ranh đất Châu Thị Mỹ	560
21.13	Ấp Mỹ Tây A	Cầu Mới	Hết ranh đất ông Dương Huỳnh Long	680
		Đất ông Dương Huỳnh Long	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	440
21.14	Lộ kênh Huỳnh Yến (2 bên)	Cầu Cống Đá cũ	Kênh Trà Chiên	480
		Kênh Trà Chiên	Hết tuyến	440
21.15	Các tuyến đường trung Tâm Chợ Mỹ Quới			
	Tuyến Số 1	Nhà ông Thường	Nhà ông Huệ	2.800
	Tuyến Số 2	Nhà ông Tường	Nhà bà Mai	2.800
	Tuyến Số 3	Nhà Kim Lý	Nhà ông Tân	2.800
	Tuyến Số 4	Nhà ông Khoa	Nhà ông Giang	2.800
	Tuyến Số 5	Từ ranh đất ông Đạt Em	Đường cống thoát nước (Đến hết ranh đất quy hoạch Chợ hướng cặp kênh Thầy Cai Nhâm)	2.800
	Tuyến Số 6	Hết ranh đất ông Đạt Em	Cầu Mới (Hướng về Cầu Mỹ Hưng)	3.200
	Tuyến Số 7	Giáp ranh đất ông Nguyễn Trung Tính	Hết ranh đất ông Trần Văn Lắm	2.800
22	Phường Khánh Hòa			
22.1	Đường tỉnh 935	Cầu Mỹ Thanh	Đường Đal Châu Khánh	1.760
		Đường Đal Châu Khánh	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	1.440
22.2	Đường trục Phát triển kinh tế Đông Tây (Đường tỉnh 937B)	Đường tỉnh 935	Giáp sông Vĩnh Châu	800
		Cầu Vĩnh Châu	Giáp sông Cỏ Cò	720
22.3	Đường tỉnh 936	Cầu Dù Há	Cầu Ngã tư	720
		Cầu Ngã tư	Trường THCS Vĩnh Hiệp	800
		Trường THCS Vĩnh Hiệp	Giáp sông Cỏ Cò (đầu voi)	720
22.4	Đường huyện 45	Kênh Dâu	Đường huyện 40 (Đê cấp 1)	440

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
22.5	Đường huyện 46A	Đường tỉnh 936	Giáp rạch Trà Nho	560
22.6	Đường huyện 46B	Đường huyện 42	Đường huyện 40 (Đê cấp 1)	440
22.7	Đường huyện 40 (Đê cấp 1)	Đường tỉnh 936	Cổng Trà Nho	480
		Giáp sông Mỹ Thanh	Hết ranh đất đình Hòa Giang	440
22.8	Đường huyện 42	Đường tỉnh 936	Giáp Rạch Trà Nho	440
22.9	Đường huyện 41	Đường tỉnh 935	Cầu Dù Hiên	880
		Cầu Dù Hiên	Ngã ba đường tránh điện gió	1.120
		Ngã ba đường tránh điện gió	Cầu Thanh Niên (Đường huyện 40)	720
22.10	Đường vào Trung tâm xã Hoà Đông	Ngã ba từ Chợ Hòa Đông (Đường huyện 41)	Giáp Rạch Trà Niên	1.200
22.11	Đường Đal Trà Teo Thạch Sao	Chùa Phước Trường An (Đường huyện 41)	Đê quốc phòng (Đường huyện 40)	560
22.12	Tuyến lộ đal trong khu vực chợ Hòa Đông	Suốt tuyến		464
23	Phường Vĩnh Châu			
23.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	Đường vào Chùa Cà Săng	3.600
		Giáp đường vào Chùa Cà Săng	Giáp ranh xã Vĩnh Hải	1.840
	Hẻm 2	Đường huyện 48	Đường Nam Sông Hậu	800
	Hẻm 239	Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	1.120
23.2	Đường tỉnh 935	Cầu Giồng Dú	Hết ranh đất Nghĩa trang Triều Châu	1.840
		Giáp ranh đất Nghĩa trang Triều Châu	Giáp ranh phường Khánh Hòa	1.280
23.3	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	Giáp ranh xã Vĩnh Hải	Giáp ranh Cổng số 10	480
		Giáp ranh Cổng số 10	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1.040

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
23.4	Đường huyện 45	Đường Đồng Khởi	Giáp ranh đất Trại giam	480
		Giáp ranh đất Trại giam	Giáp ranh phường Khánh Hòa	440
23.5	Đường huyện 48 (Giồng Nhãn)	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	Giáp ranh đường vào Tịnh Xá Ngọc Châu Như	2.000
		Giáp ranh đường vào Tịnh Xá Ngọc Châu Như	Giáp cổng Chùa Mới (Đường Nam Sông Hậu)	1.440
23.6	Đường huyện 43	Đường 30 Tháng 4	Hết ranh cầu Giồng Dú	1.680
		Cầu Giồng Dú	Giáp ranh đất Cây xăng Hữu Còn	1.280
		Ranh đất cây xăng Hữu Còn	Hết ranh đất Chùa Hải Phước An	1.840
		Ranh đất Chùa Hải Phước An	Giáp ranh xã Vĩnh Hải	720
23.7	Đường Lý Thường Kiệt	Suốt tuyến		3.520
23.8	Đường Trưng Trắc	Suốt tuyến		13.120
23.9	Đường Trưng Nhị	Suốt tuyến		13.120
23.10	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã ba Đường Nam Sông Hậu	Cầu Ngang	3.600
		Cầu Ngang	Hết ranh đất Thiên Hậu Cổ Miếu	5.440
		Ranh đất Thiên Hậu Cổ Miếu	Ngã tư Đường Lê Lai	6.160
		Ngã tư Đường Lê Lai	Ngã tư Đường 30 Tháng 4	8.640
		Ngã tư Đường 30 Tháng 4	Đường Phan Thanh Giản	7.200
		Đường Phan Thanh Giản	Đường Thanh Niên	3.200
23.11	Đường Đề Thám	Suốt tuyến		4.720
23.12	Đường 30 Tháng 4	Đường Nam Sông Hậu	Ngã tư Nguyễn Huệ	5.760
		Ngã tư Nguyễn Huệ	Cầu Vĩnh Châu	7.200
		Cầu Vĩnh Châu	Hết đất Cây xăng Trương Tuấn Dũ	5.040
		Giáp đất Cây xăng Trương Tuấn Dũ	Cầu Giồng Dú	4.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
23.13	Hẻm 102 (Vào nhà trọ Huy Hoàng cũ)	Suốt tuyến		1.120
23.14	Đường 30 Tháng 4 nối dài	Đê Biển	Giáp ranh đất ông Châu Mền Xên (Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 42)	2.912
23.15	Đường 1 Tháng 5	Đường 30 Tháng 4	Đường số 6	5.440
23.16	Đường Lê Lợi	Cầu Vĩnh Châu	Đường Lê Lai	6.160
		Cầu Vĩnh Châu	Đường Phan Thanh Giản	5.200
		Ngã ba Đường Phan Thanh Giản	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	2.800
23.17	Đường Phan Thanh Giản	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Huệ	3.520
23.18	Đường Phan Thanh Giản nối dài	Đường Nguyễn Huệ	Đường Châu Văn Đơ	2.400
23.19	Đường Nguyễn Huệ	Đầu ranh đất Thanh Minh Cổ Miếu	Ngã tư Đường 30 Tháng 4	8.400
		Ngã tư Đường 30 Tháng 4	Ngã tư Đường Phan Thanh Giản	6.800
		Ngã tư Đường Phan Thanh Giản	Đường Thanh Niên	6.000
		Đường Thanh Niên	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	3.840
	Hẻm 375 (Cặp Trường Dân tộc Nội trú)	Suốt tuyến		800
23.20	Đường Thanh Niên	Suốt tuyến		4.000
23.21	Đường Đồng Khởi	Đường 30 Tháng 4	Giáp sông Vĩnh Châu	7.520
		Đường 30 Tháng 4	Cổng Ông Tràm	3.280
		Cổng Ông Tràm	Cầu Vĩnh Châu 2	2.160
23.22	Đường Nguyễn Trãi	Đường Đồng Khởi	Cầu Chợ mới	4.480
		Cầu Vĩnh Châu	Cổng Ông Tràm	1.840
23.23	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Suốt tuyến		8.720
	Hẻm 35 (Trong Chợ mới)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Sông Vĩnh Châu	1.440
23.24	Đường Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		8.800
23.25	Đường Lê Hồng Phong nối dài	Đầu ranh đất Chợ cũ	Hết ranh đất Khu Thương mại mới xây dựng	5.440
23.26	Đường Châu Văn Đơ	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Huệ	3.760
	Hẻm 8 (Vào Khu tập thể giáo viên)	Suốt tuyến		720
23.27	Đường số 1	Đường số 8	Đường Lê Hồng Phong	4.480
		Đường Lê Hồng Phong	Hết ranh đất Công an	3.760

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
23.28	Đường số 2	Đường 1 Tháng 5	Giáp ranh đất Khu Thương mại	3.760
		Đường 1 Tháng 5	Đường số 1	3.760
23.29	Đường số 3	Đường Lê Hồng Phong	Đường số 6	4.480
23.30	Đường số 6	Suốt tuyến		5.440
23.31	Đường số 7	Đường số 8	Đường Lê Hồng Phong	5.440
		Đường Lê Hồng Phong	Đường số 2	3.520
23.32	Đường số 8	Suốt tuyến		5.600
23.33	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Trưng Nhị	Đường Lê Lai	5.600
23.34	Đường Lê Lai	Cầu Mậu Thân (Cầu Nước Mắm)	Đường Nam Sông Hậu	5.440
		Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	3.040
		Đường huyện 48	Đê Biển	2.560
	Hẻm 70 (Cặp Ngân hàng Chính sách)	Đầu hẻm	Hết đất ông Quảng Thanh Cường	960
		Đoạn còn lại		800
	Hẻm 85 (Vào nhà ông Lâm Hoàng Viên)	Đầu hẻm	Hết ranh đất bà Lai Thị Xiếu Láo	880
		Giáp ranh đất bà Lai Thị Xiếu Láo	Hết ranh đất ông Trần Văn Thêm	800
		Đoạn còn lại		640
	Hẻm 99 (Vào nhà ông Trạng)	Đầu hẻm	Hết ranh đất ông Tạ Ngọc Trí	880
		Giáp ranh đất ông Tạ Ngọc Trí	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Thanh Liễu	800
23.35	Đường Giồng Giữa (khu 5)	Suốt tuyến		1.200
23.36	Đường Mậu Thân	Suốt tuyến		880
23.37	Đường Đinh Tiên Hoàng	Suốt tuyến		720
23.38	Đường Tăng Du	Suốt tuyến		560
23.39	Lộ Vĩnh Bình - Giồng Me	Suốt tuyến		560
23.40	Lộ Đol Chêl	Suốt tuyến		480
23.41	Lộ Đol Chát	Suốt tuyến		480
23.42	Lộ vô Chùa Cà Săng	Suốt tuyến		560
23.43	Đường Ca Lạc Đại Bái	Suốt tuyến		560
23.44	Đường vào Chùa Đại Bái	Lộ chùa Đại Bái	Đường Nam Sông Hậu	440
23.45	Đường trong Khu tái định cư Hải Ngư	Suốt tuyến		720
23.46	Khu tái định cư Lê Lai	Cả khu		1.328

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
24	Phường Vĩnh Phước			
24.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Cổng Wáth Pích	3.360
		Cổng Wáth Pích	Hết ranh đất trường Tiểu học Vĩnh Phước 2	2.400
		Giáp ranh trường Tiểu học Vĩnh Phước 2	Cổng PiPu	1.200
		Cổng PiPu	Hết ranh UBND phường Vĩnh Phước	3.360
		Giáp ranh UBND phường Vĩnh Phước	Hết ranh Salatel khóm Sở Tại B	5.520
		Giáp ranh Salatel khóm Sở Tại B	Cổng Xã Hạo	1.200
		Cổng Xã Hạo	Cổng Chùa Tham Chu	1.600
		Cổng Chùa Tham Chu	Giáp ranh xã Lai Hòa	1.200
24.2	Đường tỉnh 936	Đường Nam Sông Hậu	Cầu Làng Mới	1.760
		Cầu Làng Mới	Giáp ranh phường Khánh Hòa	880
24.3	Đường tỉnh 940	Đường Nam Sông Hậu	Cầu 41	880
		Cầu 41	Cầu 47	720
		Cầu 47	Giáp ranh xã Hòa Tú	880
24.4	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Giáp ranh xã Lai Hòa	480
24.5	Đường huyện 40	Giáp ranh xã Lai Hòa	Giáp ranh phường Khánh Hòa	480
24.6	Đường huyện 42	Suốt tuyến		480
24.7	Đường huyện 47	Đường Nam Sông Hậu	Cầu Chợ	5.760
		Cầu Chợ	Đường huyện 40	1.440
		Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	480
		Đường huyện 48	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	440
24.8	Đường huyện 47B	Đường Nam Sông Hậu	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	560
24.9	Đường huyện 48	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Đường vào Trạm khuyến nông	1.120
		Đường vào Trạm khuyến nông	Hết ranh Miếu Thượng Đê Cỏ Miếu	720
		Giáp ranh Miếu Thượng Đê Cỏ Miếu	Cổng Nô Puôl	880
		Cổng Nô Puôl	Giáp ranh xã Lai Hòa	1.120
24.10	Đường Nguyễn Huệ	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Ngã tư Đường Nam Sông Hậu	4.000
24.11	Hẻm trong chợ Xẻo Me	Suốt tuyến		4.720

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
24.12	Hẻm cấp Trường DT Nội trú	Suốt tuyến		560
24.13	Lộ Phước Tân	Đường huyện 47	Hết tuyến	480
24.14	Lộ Tà Lét	Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	480
24.15	Lộ Vĩnh Thành	Đường Nam Sông Hậu	Sông Vĩnh Thành (Hết tuyến)	1.120
		Đường Nam Sông Hậu	Chợ Vĩnh Thành	1.120
		Đoạn còn lại		440
24.16	Đường công Wáth Pích	Cổng Wáth Pích	Đường huyện 48	480
25	Phường Vị Thanh			
25.1	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu 2 Tháng 9	Cầu Cái Nhúc	18.080
		Cầu Cái Nhúc	Đường Nguyễn Viết Xuân	12.640
		Đường Nguyễn Viết Xuân	Cầu Chủ Chệt	9.040
		Cầu Chủ Chệt	Ngã ba Chợ (Đường Nguyễn Trung Trực)	6.480
		Ngã ba Chợ (Đường Nguyễn Trung Trực)	Cầu Rạch Gốc	8.960
25.2	Đường Châu Văn Liêm	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	17.440
25.3	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	17.440
25.4	Đường Trung Trắc	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Thái Học	17.440
25.5	Đường Trung Nhị	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Thái Học	17.440
25.6	Đường Lê Lai	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đoàn Thị Điểm	15.440
25.7	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đoàn Thị Điểm	15.440
25.8	Đường 1 Tháng 5	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	17.440
25.9	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	17.440
		Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Lưu Hữu Phước	12.400
25.10	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Châu Văn Liêm	Đường Nguyễn Thái Học	17.440

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
25.11	Đường Nguyễn Công Trứ	Cầu Lữ Quán	Đường Nguyễn Thái Học	17.440
		Đường Nguyễn Thái Học	Cầu Nguyễn Công Trứ	10.480
		Cầu Nguyễn Công Trứ	Đường Lê Quý Đôn	7.360
		Đường Lê Quý Đôn	Đường Hồ Biểu Chánh	5.200
25.12	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Thái Học	10.880
25.13	Đường Cô Giang	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	10.880
25.14	Đường Cô Bắc	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	10.880
25.15	Đường Cai Thuyết	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	10.880
25.16	Đường Cai Hoàng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	10.880
25.17	Đường Phó Đức Chính	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	10.880
25.18	Đường Chiêm Thành Tấn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	13.120
25.19	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Lê Văn Tám	Kênh Quan Đế	13.120
25.20	Đường Lê Văn Tám	Đường 1 Tháng 5	Đường Hải Thượng Lãn Ông	7.680
25.21	Đường Kim Đồng	Đường 1 Tháng 5	Đường Hải Thượng Lãn Ông	9.120
25.22	Đường Trần Quang Diệu	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết đường	7.680
25.23	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết vòng Hồ Sen	7.280
25.24	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Chiêm Thành Tấn	10.160
25.25	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Chiêm Thành Tấn	10.160
25.26	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Chiêm Thành Tấn	8.560
25.27	Đường Trần Ngọc Quế	Đường Nguyễn Công Trứ	Cầu Bảy Tuốt	7.120
		Cầu Bảy Tuốt	Cầu Xáng Hậu	5.440
25.28	Đường Trần Quốc Toản	Đường 1 Tháng 5	Đường Châu Văn Liêm	7.680
25.29	Đường Trương Định	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường 30 Tháng 4	7.600
25.30	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Trỗi	11.120
25.31	Đường Phạm Hồng Thái	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Thị Sáu	9.520

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
25.32	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Thị Sáu	8.800
25.33	Đường Lê Văn Nhung	Đường Lê Quý Đôn	Đường Lý Tự Trọng	8.800
25.34	Đường Trần Hoàng Na	Đường Lê Quý Đôn	Đường Lý Tự Trọng	8.800
25.35	Đường Lê Bình	Đường Lê Quý Đôn	Đường Lý Tự Trọng	8.800
25.36	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Cầu Cái Nhúc 2	Đường Lê Quý Đôn	9.520
		Đường Lê Quý Đôn	Cổng 1	8.400
25.37	Đường Võ Thị Sáu	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	8.800
25.38	Đường Lê Quý Đôn	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Lê Quý Đôn	9.520
		Cầu Lê Quý Đôn	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	8.080
25.39	Đường Đồ Chiểu	Đường Nguyễn Công Trứ	Kênh Quan Đế	6.400
25.40	Đường Lưu Hữu Phước	Đường Đồ Chiểu	Đường Trần Ngọc Quế	6.400
25.41	Đường Ngô Hữu Hạnh	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Triệu Thị Trinh	10.480
25.42	Đường Nguyễn Trung Trực	Ngã ba chợ	Chùa Ông Bồn	9.040
25.43	Đường Phan Văn Trị	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	9.040
25.44	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	9.040
25.45	Đường Chu Văn An	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hồ Sen	7.040
25.46	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hồ Sen	7.040
25.47	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Trỗi	7.600
25.48	Đường Cao Thắng	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	6.880
25.49	Đường Trần Văn Hoài	Đường vào Khu dân cư khu vực 9	Hết đường	5.520
25.50	Đường Triệu Thị Trinh	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Công Trứ	6.400
25.51	Đường vào Khu dân cư khu vực 9	Đường Cao Thắng	Đường Cổng 1	5.520
25.52	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường ô tô về trung tâm xã Hỏa Lựu	6.160
25.53	Đường Lương Đình Của	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Trường Tộ	6.640
25.54	Đường Cao Bá Quát	Đường Võ Văn Tần	Đường Võ Văn Kiệt	6.160
25.55	Đường Trần Văn Ôn	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	6.640
25.56	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	6.640

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
25.57	Đường Võ Văn Tần	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	6.640
25.58	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	6.640
25.59	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lê Quý Đôn	Hết đường	6.640
25.60	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Lê Quý Đôn	Hết đường	6.640
25.61	Đường Lê Văn Sĩ	Đường Lê Quý Đôn	Hết đường	6.640
25.62	Đường Nguyễn Thông	Đường Phan Đình Phùng	Đường Thi Sách	6.640
25.63	Đường Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Văn Sĩ	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	6.640
25.64	Đường Phùng Khắc Khoan	Đường Trần Văn Ôn	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	6.640
25.65	Đường Lê Anh Xuân	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	6.640
25.66	Đường Nguyễn Hữu Cầu	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	6.640
25.67	Đường Nguyễn Văn Siêu	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	6.640
25.68	Đường Hồ Biểu Chánh	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	6.640
25.69	Đường Thi Sách	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Võ Văn Kiệt	6.640
25.70	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Võ Văn Kiệt	6.640
25.71	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Nguyễn Cư Trinh	Đường Võ Văn Kiệt	6.640
25.72	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Nguyễn Du	Đường Đặng Minh Khiêm	6.640
25.73	Đường Nguyễn Du	Đường Lê Quý Đôn	Đường Hồ Biểu Chánh	7.280
25.74	Đường Lương Thế Vinh	Đường Thi Sách	Đường Lê Anh Xuân	6.640
25.75	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Thi Sách	Đường Nguyễn Khuyến	6.640
25.76	Đường Nguyễn Biểu	Đường Thi Sách	Đường Nguyễn Khuyến	6.640
25.77	Đường Nguyễn Cư Trinh	Đường Lê Quý Đôn	Đường Hồ Biểu Chánh	7.280
25.78	Đường Đào Duy Từ	Đường Thi Sách	Hết đường	5.840
25.79	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Nguyễn Biểu	6.640

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
25.80	Đường vào Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh Cụm công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp	6.240
25.81	Hai tuyến đường vào Khu dân cư - Thương mại phường VII (586)	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh Khu dân cư - Thương mại	4.720
25.82	Đường 1 Tháng 5 nối dài	Kênh Quan Đế	Kênh Xáng Hậu	7.120
		Kênh Xáng Hậu	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	5.440
25.83	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Nguyễn Viết Xuân	3.920
		Cầu Nguyễn Viết Xuân	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	2.320
25.84	Đường Vị Bình	Kênh Mương lộ Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	1.520
25.85	Đường Vị Bình B	Kênh Vị Bình	Kênh ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1.200
25.86	Đường Kênh Tắc Vị Bình	Cầu Xáng Hậu	Kênh Vị Bình	1.520
25.87	Đường Đồng Khởi	Ranh Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	2.160
25.88	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	2.400
25.89	Đường Ung Văn Khiêm	Đường Trần Hưng Đạo	Trung tâm phòng, chống bệnh xã hội	4.160
25.90	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	3.680
25.91	Đường Cống 1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	4.480
25.92	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	Cầu Trần Ngọc Quế	Đường Lê Quý Đôn	2.560
		Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	2.240
		Đường Phan Đình Phùng	Cầu Kênh Công (Cống 1)	2.080
		Cầu Kênh Công (Cống 1)	Đường Đồng Khởi	1.920
25.93	Đường Nguyễn Đắc Thắng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	9.040
25.94	Đường Tạ Quang Tỹ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	9.040

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
25.95	Khu đô thị mới Cát Tường	Đường Nguyễn Công Hoan		6.560
		Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Gồm: Đường Thi Sách, Đường Hồ Thị Kỷ, Đường Cống Quỳnh, Đường Đặng Minh Khiêm, Đường Đặng Nguyên Cẩn, Đường Đinh Công Tráng, Đường Trần Nguyên Hãn, Đường Bùi Văn Ba, Đường Nguyễn Thị Du)		4.240
25.96	Đường Lê Quý Đôn nối dài	Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Lợi	Quốc lộ 61C	3.120
25.97	Đường tỉnh 931	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	2.080
25.98	Khu dân cư 425 Trần Hưng Đạo	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường Trần Hưng Đạo)		6.320
25.99	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 1 Tháng 5 nối dài	6.880
		Đường Phan Đình Phùng	Đường Hồ Thị Kỷ	6.240
25.100	Hẻm 427, Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Triệu Thị Trinh	9.200
25.101	Hẻm 437, 451, 465, 481, 529 thuộc Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Triệu Thị Trinh	8.240
25.102	Hẻm 73, Đường Nguyễn Thái Học	Suốt hẻm		7.200
25.103	Hẻm 1, Đường Lưu Hữu Phước	Suốt hẻm		5.120
25.104	Hẻm 19, Đường Chiêm Thành Tấn	Suốt hẻm		7.840
25.105	Đường cặp kênh Hậu Bệnh Viện (Tỉnh Hậu Giang cũ)	Đường 1 Tháng 5	Đường Trần Ngọc Quế	2.800
25.106	Đường cặp Kênh Xáng Hậu	Đường 1 Tháng 5	Đường Trần Ngọc Quế	2.800
25.107	Đường cặp Kênh Trung Đoàn	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Lợi	2.560
25.108	Đường Phan Huy Chú	Đường Mạc Đĩnh Chi	Kênh thủy lợi	4.240
25.109	Đường Trần Quý Cáp	Đường Mạc Đĩnh Chi	Kênh thủy lợi	4.240
25.110	Khu đô thị mới Cát Tường II	Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng		4.240
		Đường số 1		5.520
		Các lô (nền) tái định cư		4.240
25.111	Hẻm 147 (3,5 mét)	Đường Trần Ngọc Quế	Kênh phân lô	3.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
25.112	Hai bên tuyến đường bê tông (4 mét; Kênh phân lô)	Kênh Hậu Bệnh Viện	Đường Võ Văn Kiệt	1.200
25.113	Hai bên tuyến đường bê tông (4 mét; Kênh phân lô)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường cặp Kênh Xáng Hậu	1.200
26	Phường Vị Tân			
26.1	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu 2 Tháng 9	Đường Ngô Quốc Trị	16.000
		Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Xà No	16.000
		Cầu Xà No	Cầu Ba Liên	11.200
26.2	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh xã Vị Thủy	Cầu Tràm Cửa	8.240
		Cầu Tràm Cửa	Cầu Mường lộ 62	6.960
26.3	Đường Lê Hồng Phong	Đường 3 Tháng 2	Cầu 30 Tháng 4	9.200
		Cầu 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Trãi	7.040
		Đường Nguyễn Trãi	Hẻm 141	5.040
		Hẻm 141	Đường 19 Tháng 8	3.600
		Đường 19 Tháng 8	Giáp ranh tỉnh An Giang	3.132
26.4	Đường Nguyễn Huệ	Kênh Mường Lộ 62	Cầu Xà No	2.000
		Cầu Xà No	Giáp ranh xã Vị Thanh 1	1.440
		Kênh 59	Kênh Tắc Huyện Phương	4.240
		Kênh Tắc Huyện Phương	Cầu Bà Quyền	1.280
		Cầu Bà Quyền	Sông Ba Voi	1.040
26.5	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Ngô Quốc Trị	14.880
		Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Miếu	10.640
		Cầu Miếu	Giáp ranh xã Vị Thủy	7.600
		Cầu 2 Tháng 9	Cầu Xà No	14.160
		Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Xà No	9.920
		Cầu Xà No	Cầu Ba Liên	10.400
26.6	Đường Võ Văn Kiệt	Đường 3 Tháng 2	Kênh Ba Liên	8.240
26.7	Đường Hùng Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	7.200
		Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh xã Vị Thủy	5.120

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
26.8	Khu dân cư Phát triển Đô thị Khu vực 2 và 3 phường V	Các đường nội bộ (Trừ các vị trí Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt và Đại lộ Võ Nguyên Giáp)		5.920
26.9	Khu đô thị Cát Tường Western Pearl 2	Đường D6 lộ giới 27 mét (6 - 15 - 6) và Đường D13 lộ giới 35 mét (6 - 23 - 6) đầu nối vào đường Võ Văn Kiệt		7.280
		Đường D9, D10 có lộ giới 27 mét (6 - 15 - 6); Đường N9 có lộ giới 29 mét (7 - 15 - 7); Đường D21 có lộ giới 26 mét (5 - 16 - 5)		7.120
		Đường D9, D10 có lộ giới 22 mét (6 - 10 - 6)		6.640
		Đường N4A, N4B lộ giới 20,5 mét (5 - 10,5 - 5)		6.240
		Đường D8, D11, N1A, N1B lộ giới 17 mét (4 - 7 - 6; 5 - 7 - 5)		5.920
		Các tuyến đường còn lại có lộ giới từ 12 mét đến 15 mét		5.520
26.10	Khu đô thị Cát Tường Western Pearl	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường Hòa Bình nối dài và Đường Trần Hưng Đạo)		9.600
26.11	Khu nhà ở xã hội thấp tầng liền kề tại Phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	Đường số 1, 2, 3		5.040
26.12	Khu dân cư Thương mại Vị Thanh	Đối với phần đất được giao theo Phân kỳ 1 của dự án (Trừ thửa đất tiếp giáp Đại lộ Võ Nguyên Giáp)		5.040
		Đối với phần đất được giao theo Phân kỳ 2 của dự án (Trừ thửa đất tiếp giáp Đại lộ Võ Nguyên Giáp)		4.400
26.13	Khu tái định cư thành phố Vị Thanh - giai đoạn 1	Đường số 4 (Lộ giới 24 mét)		4.880
		Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Gồm: Đường số 3 (lộ giới 17 mét) và các Tuyến đường 1, 13 (lộ giới 15 mét))		4.400
26.14	Khu tái định cư Tỉnh ủy - Giai đoạn 3	Đường D12, lộ giới 24 mét		4.880
		Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Gồm: Đường số 1, 2, 4)		4.400
26.15	Đường Âu Cơ	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Thành Đô	5.040
26.16	Đường Nguyễn Thành Đô	Đường An Dương Vương	Đường Hùng Vương	5.040
26.17	Đường Lý Nam Đế	Đường Triệu Quang Phục	Đường Âu Cơ	5.040
26.18	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường Triệu Quang Phục	Đường Âu Cơ	5.040
26.19	Đường Lạc Long Quân	Đường Hùng Vương	Đường D11 (Hết ranh Khu tái định cư giai đoạn 2)	5.760
26.20	Đường An Dương Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	5.760

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
26.21	Đường Triệu Quang Phục	Đường Lạc Long Quân	Đường Nguyễn Thành Đô	5.040
26.22	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Trần Thủ Độ	Đường Hùng Vương	5.040
26.23	Đường Bé Văn Đàn	Đường Âu Cơ	Đường Trần Quang Khải	5.040
26.24	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Trần Thủ Độ	Đường Hùng Vương	5.040
26.25	Đường Trần Thủ Độ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	5.760
26.26	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Văn Thụ	5.040
26.27	Đường Phạm Văn Nhờ	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Văn Thụ	5.040
26.28	Đường Nguyễn Văn Quang	Đường Phạm Văn Nhờ	Đường Nguyễn Kim	5.040
26.29	Đường Nguyễn Kim	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Văn Thụ	5.040
26.30	Đường Phan Đình Giót	Đường Lê Đại Hành	Đường Trần Thủ Độ	5.040
26.31	Đường Mạc Cửu	Đường Lê Đại Hành	Đường Trần Thủ Độ	5.040
26.32	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Trần Thủ Độ	Đường Hùng Vương	5.040
26.33	Đường Trần Bình Trọng	Đường Lê Đại Hành	Đường Trần Thủ Độ	5.040
26.34	Đường Trần Khánh Dư	Đường Lê Đại Hành	Đường D11 (Hết ranh Khu tái định cư giai đoạn 2)	5.040
26.35	Đường Lê Đại Hành	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Võ Văn Kiệt	5.040
26.36	Đường Nguyễn Ngọc Trai	Đường Lạc Long Quân	Đường Trần Khánh Dư	5.040
26.37	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Hữu Trí	Đường Nguyễn Ngọc Trai	5.040
26.38	Đường Nguyễn Thị Sáu	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Văn Tạo	5.040
26.39	Đường Nguyễn Văn Tạo	Đường Nguyễn Hữu Trí	Đường Nguyễn Ngọc Trai	5.040
26.40	Đường Đoàn Văn Chia	Đường Lạc Long Quân	Đường Võ Văn Kiệt	5.040
26.41	Đường Nguyễn Hữu Trí	Đường Lạc Long Quân	Đường Trần Khánh Dư	5.040
26.42	Đường Điện Biên Phủ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	5.760
26.43	Đường Hòa Bình	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ	5.760
26.44	Đường Hòa Bình nối dài	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Hết ranh dự án Khu đô thị Cát Tường Western Pearl	4.960
26.45	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Hòa Bình	Đường Võ Văn Kiệt	5.760
26.46	Đường Thống Nhất	Đường Hòa Bình	Đường Võ Văn Kiệt	5.760
26.47	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	5.760
26.48	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 3 Tháng 2	14.880
26.49	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ	5.760

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
26.50	Đường Nguyễn An Ninh	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Cầu Nguyễn An Ninh	7.120
26.51	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Đen	7.040
		Cầu Đen	Kênh Tắc Huyện Phương	5.440
26.52	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	4.240
26.53	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Hồng Phong	5.840
26.54	Đường 19 Tháng 8	Đường Lê Hồng Phong	Kênh 59	3.920
		Kênh 59	Cầu Sông Lá	2.480
		Cầu Sông Lá	Đường Chiến Thắng	1.680
26.55	Đường dự mở (Chợ Phường IV cũ)	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Lê Tấn Quốc	3.040
26.56	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh Mương lộ 62	Cầu Mò Om	2.640
		Cầu Mò Om	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	1.840
		Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Hồng Phong	1.440
26.57	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Kênh Mương Lộ 62	Đường Nguyễn Huệ nối dài	1.760
26.58	Đường Nội vi Trường phụ nữ	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1.440
26.59	Đường Vị Nghĩa	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh Mương lộ 62	1.600
26.60	Đường Nguyên Hồng	Đường Trừ Văn Thố	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	5.520
26.61	Đường Nguyễn Thi	Đường Nguyễn Sơn	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	5.520
26.62	Đường Nguyễn Sơn	Đường Nguyên Hồng	Đường Lê Hiền Tài	5.520
26.63	Đường Phạm Xuân Ẩn	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	5.520
26.64	Đường Nguyễn Lữ	Đường Ngô Tất Tố	Đường Phạm Xuân Ẩn	5.520
26.65	Đường Ngô Tất Tố	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	5.520
26.66	Đường Chu Cẩm Phong	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	5.520
26.67	Đường Nguyễn Nhạc	Đường Trừ Văn Thố	Đường Chu Cẩm Phong	5.520
26.68	Đường Trừ Văn Thố	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	5.520
26.69	Đường Lê Hiền Tài	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	5.520
26.70	Đường Bùi Thị Cúc	Kênh 59	Kênh Ba Quảng	2.880
26.71	Đường Kênh Lộ 1 (phường IV cũ)	Kênh 59	Kênh Ba Quảng	1.920
26.72	Đường Lê Tấn Quốc	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Văn Nét	5.840
26.73	Đường Nguyễn Văn Nét	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Lê Tấn Quốc	5.840
26.74	Đường Chiến Thắng	Khu căn cứ Thị xã ủy	Đường Nguyễn Huệ	720
26.75	Đường Lung Nia - Vị Tân	Đường Lê Hồng Phong	Kênh 59	800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
26.76	Khu dân cư Kho bạc Hậu Giang	Đường nội bộ (Mặt đường 5,5 mét)		2.320
26.77	Đường Kênh Tắc Huyện Phương	Đường Nguyễn Huệ	Đường 19 Tháng 8	720
26.78	Đường Nàng Chăng	Đường Kênh Tắc Huyện Phương	Kênh KH9	720
26.79	Đường kênh Mương Lộ 62 (4 mét)	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Rạch Tràm Cửa	2.160
		Cầu Nguyễn An Ninh	Rạch Mò Om	2.160
26.80	Hạng mục: LIA 3 của dự án Mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Vị Thanh	Các hẻm còn lại thuộc địa bàn phường IV (cũ)		1.920
26.81	Hẻm 76, Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Trãi	Kênh Tắc Huyện Phương	3.280
26.82	Đường giao thông nông thôn (Từ 3,5 mét trở lên)	Các khu vực trên địa bàn phường Vị Tân		720
27	Phường Long Bình			
27.1	Đường Nguyễn Huệ	Cầu Phú Xuyên	Đường Phạm Văn Nhờ	7.120
		Đường Phạm Văn Nhờ	Đường dự mở theo quy hoạch	6.880
27.2	Quốc lộ 61B	Ngã ba Vĩnh Tường	Cầu Long Bình	3.760
		Cầu Long Bình	Vòng xuyên	5.200
		Vòng xuyên	Cầu Long Mỹ	6.480
27.3	Đường tỉnh 927B	Ngã ba Vĩnh Tường	Đường tỉnh 927	2.800
27.4	Khu tái định cư khu vực Bình Thạnh B	Vòng xuyên	Ranh Khu dân cư thị xã Long Mỹ	7.680
		Các đường nội bộ khu vực đấu giá		7.680
		Các đường nội bộ còn lại		6.000
27.5	Đường vào Cầu Vĩnh Rẫy	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Long Mỹ	2.160
		Cầu Long Mỹ	Cầu Vĩnh Rẫy	1.760
27.6	Đường Trần Hưng Đạo	Vòng xuyên	Cầu Ba Ly	2.880
27.7	Đường Phạm Văn Nhờ	Đường Trần Hưng Đạo	Đập Bờ Dừa	2.320
		Đập Bờ Dừa	Cầu Nước Đục	1.680
27.8	Đường Khu vực Bình Thạnh B về Khu vực Bình An	Cầu Nước Đục	Khu vực Bình An	1.280
27.9	Đường Khu vực Bình Thạnh B	Cầu Ba Ly	Đường Phạm Văn Nhờ	2.880
27.10	Quốc lộ 61	Giáp ranh xã Vị Thủy	Kênh Sáu Điện	4.720
		Kênh Sáu Điện	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xẻo Trâm)	3.920

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
27.11	Tuyến cặp Kênh Xáng Nàng Mau II ngang qua Cầu lộ Ba Suy đến Cầu Út Tiêu	Cầu Giồng Sao	Cầu Út Tiêu	960
27.12	Đường nối vào Trường Mẫu giáo Phụng Hồng	Quốc lộ 61	Rạch Giồng Sao	1.360
27.13	Tuyến Rạch Giồng Sao đến Cầu Nóc Mít	Cầu Giồng Sao	Cầu Nóc Mít	1.440
27.14	Tuyến cặp Kênh Xáng Nàng Mau II	Khu vực Bình Thạnh B	Cầu Ba Suy	960
27.15	Tuyến Kênh Tắc	Quốc lộ 61	Kênh Ông Cả	960
27.16	Tuyến Kênh Xáng Lái Hiếu	Cầu Vĩnh Rẫy	Kênh Tắc	1.200
27.17	Tuyến cặp sông Cái Lớn	Cầu Vĩnh Rẫy	Bến đò Chín Mun	880
27.18	Tuyến Lý Vàng	Quốc lộ 61B	Sông Cái Lớn	880
27.19	Tuyến Cựa Gà (Khu vực Bình An)	Quốc lộ 61B	Kênh Xáng Nàng Mau II	1.040
27.20	Tuyến Cựa Gà (Khu vực An Hòa)	Quốc lộ 61B	Kênh Xáng Nàng Mau II	960
27.21	Chợ Vĩnh Tường	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Quốc lộ 61B)		2.000
27.22	Chợ Bình Tân	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1.360
27.23	Chợ Bình Hiếu	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1.120
27.24	Tuyến 4 Thước	Cầu Giồng Sao	Kênh Xáng Lái Hiếu	720
27.25	Khu tái định cư thị xã Long Mỹ	Đường số 1, 2, 3 theo quy hoạch xây dựng		4.480
		Đường số 4, 5, 6, 7 theo quy hoạch xây dựng		4.240
27.26	Đường về Trung tâm xã Long Bình	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xẻo Trâm)	Cầu Vàm Xáng	720
27.27	Đường giao thông nông thôn về xã Long Bình	Quẹo Bào Muồng	Cầu Vàm Xáng	720
27.28	Tuyến cặp Kênh Ông Cả	Quốc lộ 61B	Sông Cái Lớn	720
27.29	Tuyến cặp Kênh Hồ Tỷ	Kênh Tắc	Quốc lộ 61B	720
27.30	Tuyến Chủ Mỹ	Sông Cái Lớn	Kênh Xáng Lái Hiếu	720

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
28	Phường Long Mỹ			
28.1	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 61B	Đường Cách Mạng Tháng Tám	9.600
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Nguyễn Huệ	10.800
		Đường Nguyễn Huệ	Đường tỉnh 930	12.000
28.2	Quốc lộ 61B	Đoạn tránh Trung tâm phường Long Mỹ		4.080
		Vòng xoay Quốc lộ 61B	Cổng Năm Khai	3.120
		Cổng Năm Khai	Cầu Hậu Giang 3	2.800
28.3	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 30 Tháng 4	7.360
		Đường 30 Tháng 4	Đường Cách Mạng Tháng Tám	5.280
28.4	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Hai Bà Trưng	Đường tỉnh 930	7.680
		Đường tỉnh 930	Nhà thờ Thánh Tâm	5.360
		Nhà thờ Thánh Tâm	Cổng Hai Thiên	3.760
28.5	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	7.360
28.6	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	6.320
28.7	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	5.760
28.8	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Phú	10.800
		Đường Chiêm Thành Tấn	Đường tỉnh 930	6.800
		Đường tỉnh 930	Sông Cái Lớn	5.680
28.9	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Chiêm Thành Tấn	7.200
28.10	Đường 3 Tháng 2	Cầu Trà Ban	Đường Cách Mạng Tháng Tám	9.200
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Long Mỹ	9.040
		Cầu Long Mỹ	Kênh Ba Nghiệp	7.680
28.11	Đường Nguyễn Huệ	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Phú Xuyên	9.360
28.12	Đường Trần Phú	Cầu Trà Ban 1	Đường Cách Mạng Tháng Tám	2.880
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Vòng xoay Quốc lộ 61B	3.360

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
28.13	Đường tỉnh 930	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	4.800
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Trạm Bơm	4.320
		Cầu Trạm Bơm	Cầu Trắng	4.000
28.14	Lộ vòng cung khu vực 1	Bến dò sông Cái Lớn	Nhà máy điện sinh khối	1.600
		Nhà máy điện sinh khối	Cầu Trắng	1.440
28.15	Đường Chiêm Thành Tấn	Cầu Trà Ban	Đường Cách Mạng Tháng Tám	4.240
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường vào Chùa Ba Cô	3.360
		Đường vào Chùa Ba Cô	Am Cô Năm	2.880
		Am Cô Năm	Cầu Quan Ba	2.320
28.16	Đường Nguyễn Quốc Thanh	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	5.040
		Đường 30 Tháng 4	Đường Cách Mạng Tháng Tám	5.760
28.17	Khu dân cư khu vực 2, phường Thuận An	Các nền mặt tiền Đường Cách Mạng Tháng Tám		10.800
		Các nền vị trí còn lại		9.600
28.18	Tuyến đường song song Đường tỉnh 930	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	3.600
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Trạm Bơm	2.560
		Cầu Trạm Bơm	Cầu Trắng	1.760
28.19	Dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực 1, phường Long Mỹ	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường Cách Mạng Tháng Tám)		1.600
28.20	Tuyến đường bê tông giáp Kênh Năm Tùng thuộc khu vực 1	Cầu Trạm bơm	Kênh ranh khu vực 1 - 3	1.600
28.21	Tuyến đường bê tông giáp hàng rào Nhà máy điện sinh khối thuộc khu vực 1	Đường tỉnh 930	Sông Cái Lớn	2.240
28.22	Tuyến đường bê tông giáp Rạch Cái Bần thuộc khu vực 1	Đường tỉnh 930	Ngã tư (Đất ông Trần Ngọc Anh)	1.600
28.23	Tuyến đường bê tông giáp Kênh Hậu thuộc khu vực 4	Đoạn tránh Trung tâm phường Long Mỹ	Kênh Năm Khai	2.240
		Kênh Năm Khai	Kênh Hậu Giang 3	1.520

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
28.24	Đường ô tô về Chợ Cái Nai	Kênh Ba Nghiệp	Cầu Cái Nai	1.680
28.25	Đường Lộ Tổng	Chợ Cái Nai	Cầu Lộ Tổng	1.360
28.26	Chợ Cái Nai	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1.440
28.27	Đường Chùa Hưng Trị Tự	Cầu Cái Nai	Cầu Năm Tiễn	800
28.28	Đường Cái Bần A	Cầu Cái Bần	Cầu Ngọn Đường Cày	800
28.29	Đường Cái Bần B	Cầu Cái Bần	Cầu Tư Hoc	800
28.30	Đường Sáu Hạnh	Đường Lộ Tổng	Đường cặp sông Cái Lớn	1.040
28.31	Đường Xẻo Xu A	Đường cặp sông Cái Lớn	Cầu Hậu Giang 3	800
28.32	Đường cặp sông Cái Lớn	Chợ Cái Nai	Cầu Lộ Tổng	1.360
		Cầu Lộ Tổng	Giáp ranh xã Phương Bình	800
29	Phường Long Phú 1			
29.1	Đường tỉnh 928B (Hiện hữu)	Quốc lộ 61B	Cầu Hào Bửu	2.400
		Cầu Hào Bửu	Cầu Tám Cựa	2.160
		Cầu Tám Cựa	Cầu Ván	1.680
		Ngã tư Long Khánh	Cầu Xẻo Xu (Giáp ranh xã Phương Bình)	2.400
		Đường tỉnh 928B	Ngã tư Long Khánh	2.400
29.2	Tuyến giáp Trung tâm phường Trà Lồng (cũ)	Kênh Nhà Thờ (Buru Điện)	Kênh Tư Kiến (Cặp Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)	2.400
		Kênh Tư Kiến	Giáp ranh xã Phương Phú (Cặp Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)	1.680
		Kênh Tư Tiên	Giáp ranh phường Ngã Năm	2.080
		Cầu Tám Cựa	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	2.400
		Cầu Xẻo Xu	Cầu Ba Giáp	1.680
		Cầu Xẻo Xu	Cầu Tư Kiến	1.200
29.3	Chợ phường Trà Lồng	Chợ phường Trà Lồng theo quy hoạch chi tiết xây dựng		5.440
29.4	Đường Giữa	Kênh Tư Tiên	Ngã tư Đường về Trụ sở UBND phường Trà Lồng (cũ)	2.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
29.5	Đường Đê Năm Thước	Cầu Tám Cựa (Đường tỉnh lộ 928B)	Quốc lộ 61B	1.600
29.6	Quốc lộ 61B	Kênh Hậu Giang 3	Cảng Trà Ban	2.400
29.7	Các Chợ thuộc địa bàn xã Long Phú	Chợ Tân Bình 1 theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1.680
		Chợ Long Hòa 1 theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1.040
29.8	Đường ô tô về Trung tâm xã Tân Phú	Quốc lộ 61B	Kênh Thầy Phó	2.160
29.9	Tuyến Hào Bửu	Đường tỉnh 928B	Kênh Trà Cú	1.040
29.10	Tuyến Hào Hậu	Đường tỉnh 928B	Đường ô tô về xã Tân Phú (cũ)	1.440
29.11	Đường Xẻo Cỏ - Xẻo Su - Long Trị (Địa bàn phường Long Phú 1)	Ngã tư Xẻo Cỏ	Kênh Hậu Giang 3 (Giáp ranh phường Long Mỹ)	880
29.12	Tuyến Ngã năm Trụ đá	Ngã năm Trụ đá	Cầu Ba Giáp	1.600
29.13	Tuyến Kênh Trâm Bầu	Đường tỉnh 928B	Đường ô tô về xã Tân Phú (cũ)	1.600
29.14	Tuyến lộ phụ 928B	Cầu Tám Minh	Cầu Hào Bửu	1.600
29.15	Tuyến Kênh Ngang	Đường tỉnh 928B	Đường ô tô về xã Tân Phú (cũ)	1.600
29.16	Tuyến Kênh Murop B	Ngã tư Xẻo Cỏ	Cầu Tám Giử	1.600
30	Phường Đại Thành			
30.1	Đường tỉnh 927C	Đường 3 Tháng 2	Kênh Ba Ngàn	5.760
		Kênh Ba Ngàn	Kênh Mái Dầm	4.000
		Kênh Mái Dầm	Kênh Đứng	2.800
		Kênh Đứng	Giáp ranh xã Phú Hữu	2.480
30.2	Đường 3 Tháng 2	Đường Hùng Vương	Cầu Kênh Mang Cá	8.160
30.3	Đường Trương Nguyệt Thu	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Minh Quang	4.880
30.4	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Văn Sơn	4.000
		Đường Trần Văn Sơn	Cổng Hai Đào (Giáp ranh xã Thạnh Hòa)	2.560
30.5	Đường Nguyễn Truyền Thanh	Kênh Tám Nhái	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	960
30.6	Đường Nguyễn Minh Quang	Giáp ranh phường Ngã Bảy	Cầu Ba Ngàn	3.280
		Cầu Ba Ngàn	Cầu Tân Thành	2.320
		Cầu Tân Thành	Giáp ranh xã Phú Hữu	1.600

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
30.7	Đoạn nhánh Nguyễn Minh Quang (Lộ cũ)	Ngã ba lộ mới (Đường tránh)	Cầu Tân Thành	960
		Ngã ba lộ mới (Đường tránh)	Cầu Ba Ngàn	1.040
30.8	Đường Trần Văn Sơn	Đường Hùng Vương	Cầu Kênh 500	3.680
		Cầu Kênh 500	Kênh Đào	960
30.9	Đường Nguyễn Thị Lụa	Cầu Kênh Đào (Đường 3 Tháng 2)	Giáp ranh xã Thanh Hòa	1.200
30.10	Đường Lâm Thị Hai	Cơ sở cai nghiện ma túy thành phố Cần Thơ	Cầu Kênh Tám Nhái đầu trong giáp phường Ngã Bảy	880
30.11	Lộ Kênh Láng Sen - Láng Sen A	Vàm Láng Sen	Kênh Mười Ninh (Giáp ranh xã Phụng Hiệp)	880
30.12	Đường Bùi Duy Phần	Đường 3 Tháng 2	Kênh Mười Lành	2.320
30.13	Tuyến dân cư vượt lũ Cái Côn	Kênh Mười Lành	Bưng Thầy Tàng	1.920
		Bưng Thầy Tàng	Hết tuyến dân cư vượt lũ Cái Côn	1.440
	Tuyến dân cư vượt lũ Cái Côn	Cầu Bưng Thầy Tàng	Giáp ranh xã Phú Hữu	1.760
30.14	Tuyến Kênh Ba Ngàn (Tuyến trái)	Cầu Ba Ngàn	Ngã tư Cả Mới (Giáp ranh xã Phú Hữu)	1.280
		Cầu Trạm Y tế	Chợ Ba Ngàn	880
30.15	Tuyến Kênh Ba Ngàn (Tuyến phải)	Trụ sở Công an phường Đại Thành	Ngã tư Cả Mới (Giáp ranh xã Phú Hữu)	1.280
		Vàm Kênh Mái Dầm	Vàm Kênh Ba Ngàn	720
30.16	Tuyến Kênh Tám Nhái	Vàm Kênh Tám Nhái	Đường Lâm Thị Hai	800
30.17	Tuyến Xẻo Tre - Sáu Cụt	Kênh Láng Sen	Đập Mười Ninh	800
30.18	Tuyến Xẻo Tre - Mương Khai	Kênh Láng Sen	Kênh Chín Khéo (Giáp ranh xã Thanh Hòa)	800
30.19	Hẻm cặp Thành đội	Đường Hùng Vương	Cuối hẻm	960
30.20	Tuyến Kênh Mương Khai	Đường Nguyễn Truyền Thanh	Giáp ranh xã Phụng Hiệp	800
30.21	Tuyến Kênh Đứng (Tuyến trái)	Ngã tư Sơn Phú 2A	Sông Xáng Cái Côn	800
30.22	Tuyến Kênh Đứng (Tuyến phải)	Ngã tư Sơn Phú 2A	Cầu Sáu Tình	800
		Cầu Sáu Tình	Sông Xáng Cái Côn	720

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
30.23	Tuyến cặp sông Cái Côn (Tuyến phải)	Cầu Rạch Côn	Vàm Bung Thầy Tàng	720
		Vàm Bung Thầy Tàng	Giáp ranh xã Phú Hữu	800
30.24	Tuyến cặp sông Cái Côn (Tuyến trái)	Kênh Đứng	Giáp ranh xã Phú Hữu	800
		Cầu Rạch Côn	Kênh Đứng	720
30.25	Tuyến Kênh Bảy Thưa (Tuyến trái)	Cầu Tân Thành	Giáp ranh xã Phú Hữu	880
30.26	Tuyến Kênh Bảy Thưa (Tuyến phải)	Trường Trung học cơ sở Lê Hồng Phong	Giáp ranh xã Phú Hữu	800
30.27	Kênh Bờ Đê	Đường Hùng Vương	Kênh Đào	800
30.28	Tuyến Kênh Sơn Phú (Tuyến phải)	Cầu Trạm Y tế	Cầu Thanh Long	800
30.29	Tuyến Lộ Sơn Phú 2 dọc Kênh Thầy Cai (Tuyến phải)	Cầu Thanh Long	Giáp ranh xã Phú Hữu	800
30.30	Tuyến Kênh Ông (Tuyến trái)	Cầu Kênh Ông	Kênh Chữ T	800
30.31	Tuyến Kênh Mười Sơ	Cầu Mười Sơ (Tuyến phải và trái)	Kênh Ông	800
30.32	Tuyến Chín Rù Rì (Tuyến phải)	Cầu Chín Rù Rì	Kênh Ông	800
30.33	Tuyến Kênh Hoàng Anh	Vàm Kênh Ba Vũ (Ngang Kênh Chín Rù Rì, tuyến trái)	Giáp ranh xã Phú Hữu	800
30.34	Tuyến Kênh Chữ T	Vàm Kênh Chữ T (Tuyến phải)	Giáp ranh xã Phú Hữu (Tuyến phải)	800
		Vàm Kênh Chữ T (Tuyến trái)	Giáp ranh xã Phú Hữu (Tuyến trái)	800
30.35	Tuyến Kênh nhỏ dài	Cầu Chín Ân	Cầu Đoàn Thanh Niên	800
30.36	Tuyến Chín Ân - Rạch Ngây	Cầu Đoàn Thanh Niên	Vàm Rạch Ngây	800
		Vàm Rạch Ngây	Giáp ranh xã Phú Hữu	800
30.37	Tuyến Lộ Kênh Sáu Xinh	Vàm Rạch Ngây	Giáp ranh xã Phú Hữu	800
30.38	Lộ Cầu Tư Đồ - Cầu Rạch Ngây	Cầu Tư Đồ	Vàm Gạch Ngây (Nhà Văn hóa khu vực Đông An 2A)	800
30.39	Tuyến Kênh Út Quế (Tuyến trái và phải)	Cầu Kênh Út Quế	Kênh Bảy Thưa	800
30.40	Tuyến Kênh Rạch Ngây (Tuyến trái)	Bến đò Bảy Lực	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
30.41	Tuyến Kênh Rạch Ngây (Tuyến phải)	Trường THCS Tân Thành 2 cũ	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	800
30.42	Tuyến Kênh Thầy Tăng (Tuyến trái)	Vàm Bưng Thầy Tăng	Giáp ranh xã Đại Hải	800
30.43	Tuyến Kênh Thầy Tăng (Tuyến phải)	Vàm Bưng Thầy Tăng	Giáp ranh xã Đại Hải	720
30.44	Tuyến Kênh Cống Đá (Tuyến phải)	Vàm Kênh Cống Đá (Tuyến phải)	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	800
30.45	Tuyến Kênh Tư Dương	Kênh Tư Dương	Đập Nhà Lắm	800
30.46	Tuyến Kênh ranh xã Phú Hữu	Vàm Bưng Cây Sắn	Kênh Sáu Xinh	800
30.47	Tuyến Kênh Thái Tử (Tuyến trái)	Cầu Thái Tử	Kênh Cây Da	800
30.48	Tuyến Kênh Thái Tử (Tuyến phải)	Cầu Thái Tử	Kênh Cây Da	800
30.49	Tuyến Kênh Cây Da (Tuyến phải)	Cầu Út Quế	Kênh Cả Mới	664
30.50	Tuyến Kênh Cây Da (Tuyến trái)	Cầu Út Quế	Ngã Tư Cả Mới	704
30.51	Tuyến Kênh Chính Phinh	Cầu Chính Phinh	Giáp ranh xã Phú Hữu	800
30.52	Kênh Đám Tràm	Cầu Đoàn Thanh Niên	Giáp ranh xã Phú Hữu	440
30.53	Tuyến Kênh Bà Chồn (Tuyến trái và phải)	Kênh Ba Ngàn	Kênh Út Quế	720
30.54	Tuyến Lộ Hậu Đông An	Chợ Ba Ngàn	Kênh Ba Phấn (Lộ Hậu Đông An)	880
30.55	Tuyến Kênh Cà Ốt (Tuyến trái)	Kênh Ba Phấn (Tuyến kênh Cà Ốt)	Kênh Ba Phấn (Lộ Hậu Đông An)	720
30.56	Tuyến Kênh Mái Dầm (Tuyến phải)	Giáp ranh phường Ngã Bảy	Vàm Kênh Ba Ngàn	960
30.57	Tuyến Kênh Đào (Tuyến phải)	Giáp ranh phường Ngã Bảy	Ngã ba Cả Mới (Kênh Đào)	720
30.58	Tuyến Kênh Cả Mới (Tuyến phải)	Ngã ba Cả Mới (Kênh Đào)	Ngã tư Cả Mới	720
30.59	Tuyến Kênh Mang Cá (Tuyến trái)	Đường 3 Tháng 2 (Tuyến kênh Mang Cá)	Giáp ranh xã Đại Hải	720
30.60	Tuyến Kênh Quế Thụ (Tuyến trái)	Vàm Kênh Quế Thụ (Tuyến trái)	Cầu Út Quế (Đầu trong)	720
30.61	Tuyến Kênh Quế Thụ (Tuyến phải)	Vàm Kênh Quế Thụ (Tuyến trái)	Cầu Út Quế (Đầu trong)	720

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
30.62	Tuyến Kênh Đào (Áp Mang Cá, tuyến trái)	Cầu Thanh Niên (Tuyến kênh Mang Cá)	Kênh Mười Lành (Tuyến phải)	720
30.63	Tuyến Kênh Bảy Chánh (Tuyến phải và trái)	Vàm Kênh Bảy Chánh (Tuyến phải và trái)	Giáp ranh xã Đại Hải	720
30.64	Tuyến Kênh Mười Lành (Tuyến phải)	Vàm kênh Mười Lành (Tuyến phải)	Giáp ranh xã Đại Hải	720
30.65	Tuyến Kênh Năm Ngày (Tuyến trái)	Vàm Kênh Năm Ngày (Tuyến trái)	Giáp ranh xã Đại Hải	720
30.66	Tuyến Kênh Tám Tỉnh (Tuyến phải và trái)	Vàm Kênh Tám Tỉnh (Tuyến phải và trái)	Giáp ranh xã Đại Hải	720
30.67	Khu dân cư nông thôn mới Đại Thành, thị xã Ngã Bảy (Nay là phường Đại Thành)	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường 3 Tháng 2 và Đường tỉnh 927C)		4.880
		Các lô (nền) tái định cư		4.880
30.68	Khu tái định cư thành phố Ngã Bảy	Đường số 3 (13 mét)		3.200
		Đường số D2 (13 mét)		3.200
30.69	Khu tái định cư phường Hiệp Lợi	Đường Cao Thị Ngọc, Đường Lê Thị Thuyền, Đường Dương Thị Út, Đường Phạm Thị Nhân, Đường Hà Thị Chấn		2.800
30.70	Tuyến lộ vượt đồng	Kênh đào	Kênh Ba Ngàn	800
31	Phường Ngã Bảy			
31.1	Đường Bạch Đằng	Đường Hùng Vương	Cầu Đen	15.120
31.2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	19.360
31.3	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Xẻo Vông	19.360
31.4	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	19.360
31.5	Đường Triệu Ẩu	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	17.120
31.6	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	17.120
		Đường Lê Lợi	Đường Hùng Vương	17.120

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
31.7	Đường Hùng Vương	Đường Bạch Đằng	Vòng xoay Ngã năm	14.400
		Vòng xoay Ngã năm (Đường Phạm Hùng)	Cầu Cái Đôi	13.840
		Cầu Cái Đôi	Đường 3 Tháng 2	10.000
		Đường Trương Thị Hoa	Đường 3 Tháng 2	9.840
		Đường 3 Tháng 2	Hết Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	6.880
		Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	Giáp ranh xã Đại Hải	4.800
31.8	Đường 3 Tháng 2	Đường Hùng Vương	Cầu Sóc Trăng (Gồm cả đường dẫn)	8.160
		Cầu Sóc Trăng	Cầu Hai Dướng	5.360
31.9	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	6.720
		Đường Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường Đại Thành	4.720
31.10	Đường 30 Tháng 4	Cầu Đen	Hết Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngã Bảy	7.920
		Hết Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngã Bảy	Đường tỉnh 927C	4.720
		Đường tỉnh 927C	Cầu Sậy Niều	2.720
31.11	Đường Nguyễn Trãi	Cầu Xẻo Vông	Đường 30 Tháng 4	13.200
31.12	Đường Phạm Hùng	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Minh Quang	14.240
31.13	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Thị Ёn	Đường Phạm Hùng	10.720
		Đường Phạm Hùng	Đường cặp bờ kè Cái Côn	8.320
31.14	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	14.240
		Đường Lê Hồng Phong	Cầu Kênh Đào (Đường Nguyễn Huệ)	13.200
		Cầu Kênh Đào (Đường Nguyễn Huệ)	Đường 3 Tháng 2	12.320
31.15	Đường Châu Văn Liêm	Đường Phạm Hùng	Đường Đoàn Văn Chia	9.280
31.16	Đường Đoàn Văn Chia	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	9.280
31.17	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	9.280

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
31.18	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường số 1 (Khu đô thị mới)	Siêu thị Co.opmart	14.240
31.19	Đường Nguyễn Văn Nét	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Huệ	7.920
31.20	Đường Nguyễn Thị Xem	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Huệ	7.920
31.21	Đường Phạm Thị Bảy	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	7.920
31.22	Đường Trương Thị Hoa	Cầu Phụng Hiệp	Đầu Doi Cát (Kênh Sóc Trăng)	6.320
31.23	Đường Trần Nam Phú	Đường Hùng Vương	Hết ranh Trụ sở Khu vực 2 (Phường Hiệp Thành cũ)	3.680
		Giáp ranh Trụ sở Khu vực 2 (Phường Hiệp Thành cũ)	Hết Trường Tiểu học Trần Quốc Toản (Cơ sở 2)	2.640
		Trường Tiểu học Trần Quốc Toản (Cơ sở 2)	Giáp ranh xã Đại Hải	2.160
31.24	Đường Ngô Quyền	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Trãi	5.280
31.25	Tuyến Cầu Đình - Giáp ranh phường Đại Thành	Cầu Đình	Cầu Xẻo Môn	1.360
		Cầu Xẻo Môn	Kênh Tám Nhái	1.040
31.26	Đường Lê Thị Tặng	Cầu Đình	Cầu Xẻo Vông	1.360
		Cầu Xẻo Vông	Cầu Kênh Tám Nhái	1.440
31.27	Đường Cao Thắng	Đường 1 Tháng 5	Cầu Sóc Trăng (Đường 3 Tháng 2)	1.440
		Cầu Sóc Trăng (Đường 3 Tháng 2)	Cầu số 1	1.440
		Cầu số 1	Giáp ranh xã Đại Hải	1.440
31.28	Đường 1 Tháng 5	Cầu 1 Tháng 5	Đường 3 Tháng 2	4.320
31.29	Đường Hoàng Hoa Thám	Cầu Chữ Y	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng	1.360
31.30	Kênh Búng Tàu (Doi Chành)	Cầu 1 Tháng 5	Giáp ranh Cụm Công nghiệp, Tiểu thủ Công nghiệp thị xã Ngã Bảy	960
		Giáp ranh Cụm Công nghiệp, Tiểu thủ Công nghiệp thị xã Ngã Bảy	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng	704

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
31.31	Lộ cấp nhà máy đường	Đường 3 Tháng 2	Kênh Búng Tàu	1.520
31.32	Đường Triệu Vĩnh Tường	Cầu Sậy Niều	Trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Ngã Bảy (UBND phường Lái Hiếu cũ)	1.360
31.33	Đoi Tân Thới Hòa - Xã Hiệp Hưng	Đầu Doi (Nhà văn hóa khu vực 9)	Kênh Hậu Giang 3	960
31.34	Đoi Tân Thới Hòa - Xã Tân Phước Hưng	Đầu Doi (Nhà văn hóa khu vực 9)	Cầu Mười Lê	960
31.35	Đường Kênh Cầu Cái Đôi	Cầu Cái Đôi (Tuyến trái - Khu vực V)	Cầu Cái Đôi Trong	1.760
		Cầu Cái Đôi Trong	Cầu Kênh Đào (Đường tỉnh 927C)	1.360
31.36	Đường Nguyễn Văn Thống	Cầu Cái Đôi (Tuyến phải - Khu vực III)	Hồ Xáng Thối	2.560
		Hồ Xáng Thối	Cầu Cái Đôi Trong	1.360
31.37	Đường Nguyễn Thị Định	Kênh Lái Hiếu	Cầu Mười Lê	1.200
31.38	Đường Lê Anh Xuân	Đường Hùng Vương	Trạm Y tế phường Hiệp Thành	3.520
31.39	Đường Trần Thị Năm	Đường Lê Anh Xuân	Đường D6 (12 mét)	3.520
31.40	Đường Đặng Thị Bảy	Đường Trần Thị Năm	Đường D7 (12,5 mét)	3.520
31.41	Tuyến Kênh Tám Nhái	Vàm Kênh Tám Nhái	Kênh Láng Sen	720
31.42	Lộ Kênh Sáu Mầu	Đường 3 Tháng 2 (Nút giao Cầu Sóc Trăng)	Đập Năm Đẽ	880
31.43	Đường Nguyễn Du	Đường Hùng Vương	Đường Trần Nam Phú	3.440
31.44	Đường Nguyễn Trung Trực	Cầu Doi	Cầu Xẻo Môn	2.560
		Cầu Xẻo Môn	Đường Triệu Vĩnh Tường	1.760
31.45	Tuyến Đường Bùi Văn Hoành (Hẻm Tài Chính)	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	10.080
31.46	Tuyến Đường Nguyễn Văn Thạnh	Siêu Thị Co.opmart	Đường Nguyễn Minh Quang	7.200
31.47	Đường Kênh Sáu Láo	Đường 3 Tháng 2	Kênh Búng Tàu	960
31.48	Đường Lương Chí	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	10.080
31.49	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	10.080
31.50	Đường Vũ Đình Liệu	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	12.480

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
31.51	Đường 2 Tháng 9	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Hùng	12.480
		Đường Phạm Hùng	Đường cặp bờ kè Cái Côn	9.600
31.52	Các tuyến đường trong Khu đô thị mới Hồng Phát	Đường Nguyễn Thị Ёn, Đường Trần Thị Nhi, Đường Bùi Thị Quới, Đường Huỳnh Thị Sáu, Đường Lê Thị Tư, Đường Trần Thị Vàng, Đường Trần Thị Mười		10.080
31.53	Các tuyến đường trong Khu đô thị trung tâm (Quy hoạch Khu A1, A2)	Đường số 7,8		12.960
31.54	Các tuyến đường trong Khu đô thị trung tâm (Quy hoạch Khu C2)	Đường số 2, 3, 6		14.400
31.55	Các tuyến đường trong Khu đô thị trung tâm (Quy hoạch khu C2)	Đường số 2, 4		11.520
31.56	Hẻm 3295 (Cặp Trường Cao đẳng Cộng Đồng Hậu Giang)	Đường Hùng Vương	Cuối hẻm	960
31.57	Tuyến cặp Kênh Mái Dầm	Cầu Tư Cảnh	Giáp ranh phường Đại Thành	2.320
31.58	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	5.760
31.59	Tuyến Kênh Mang Cá	Kênh Cái Côn	Đường 3 Tháng 2 (Cầu Mang Cá)	560
31.60	Tuyến Kênh Cái Côn	Kênh Mang Cá	Đường 3 Tháng 2 (Cầu Rạch Côn)	560
		Đường 2 Tháng 9	Cầu Rạch Côn (Giáp ranh phường Đại Thành)	2.080
31.61	Tuyến Kênh Mái Dầm - Kênh Rạch Côn	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường 2 Tháng 9	1.600
31.62	Kênh 500 (Khu vực V)	Đường 3 Tháng 2	Kênh Cái Đôi	560
31.63	Khu Đô thị mới thị xã Ngã Bảy 2	Các lô (nền) tái định cư		4.960
31.64	Khu tái định cư phục vụ Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn từ thị xã Ngã Bảy (Nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Đường số 36 - Quy hoạch chi tiết (30 mét)		4.240
		Đường số 20 - Quy hoạch chi tiết (28 mét)		4.240
		Đường số 3 - Quy hoạch chi tiết (19 mét)		3.520
		Đường D1, D2, D5 (13 mét)		3.520
		Đường D6 (12 mét)		3.520
		Đường D7 (12,5 mét)		3.520
31.65	Khu dân cư thương mại phường Lái Hiếu	Đường số 1		6.800
		Đường số 2, 3, 4, 5, 6, 7		6.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
31.66	Tuyến Kênh Đào (Tuyến phải)	Cầu Kênh Đào (Nguyễn Minh Quang)	Cầu Kênh Đào (Đường 3 Tháng 2)	960
31.67	Đường tỉnh 927C	Đường 30 Tháng 4	Kênh Xẻo Vông	3.456
32	Xã Phong Điền			
32.1	Các Trục hành chính Trung tâm huyện Phong Điền	Trục số 4, 5, 8, 10, 14 Khu dân cư Thương mại, dịch vụ thị trấn (cũ)		2.320
		Trục Đường số 12		1.920
32.2	Đường Chiêm Thành Tấn (Trục số 7, Khu Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện - nay là xã Phong Điền)	Đường tỉnh 923 (mới)	Đường Trương Duy Toàn	2.320
32.3	Đường Trương Duy Toàn	Đường Chiêm Thành Tấn	Trục số 4 (Khu Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện - nay là xã Phong Điền)	2.720
32.4	Đường vào Khu mộ cụ Phan Văn Trị	Lộ Vòng Cung	Cầu Cái Tắc	1.520
		Cầu Cái Tắc	Hết ranh đất Khu mộ cụ Phan Văn Trị	1.280
		Ranh đất Khu mộ cụ Phan Văn Trị	Rạch Tre	1.040
32.5	Khu Trung tâm Thương mại huyện Phong Điền (nay là xã Phong Điền)	Trục chính		3.760
		Trục phụ		2.640
32.6	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Giáp ranh phường An Bình	Cầu Trà Niên	2.480
		Cầu Trà Niên	Cầu Tây Đô	5.040
		Cầu Tây Đô	Cống Rạch Bần	4.576
		Cống Rạch Bần	Cầu Rạch Miếu	2.880
		Cầu Rạch Miếu	Giáp ranh phường Phước Thới	1.920
32.7	Đường Nguyễn Thái Bình	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Đường tỉnh 923 (mới)	2.480
32.8	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài	Giáp ranh phường An Bình	Cầu Trà Niên (Đường tỉnh 923 mới)	3.760
		Cầu Trà Niên	Đường tỉnh 923 (mới)	4.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
32.9	Đường Phan Văn Trị (Trục số 2, Khu Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện Phong Điền - nay là xã Phong Điền)	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Đường Chiêm Thành Tấn	6.320
		Đường Chiêm Thành Tấn	Hết ranh Trung tâm Y tế dự phòng huyện Phong Điền (cũ)	4.000
32.10	Trục Đường số 26 và khu vực Đình Thần Nhơn Ái và các hẻm	Trục Đường số 26 và khu vực Đình Thần Nhơn Ái		4.480
		Các hẻm		3.760
32.11	Tuyến Đường nối từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Cầu Tây Đô	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Tây Đô	3.760
32.12	Đường vào Trường THPT Phan Văn Trị	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài	Trường THPT Phan Văn Trị	2.320
32.13	Tuyến Đường dẫn Cầu Vàm Xáng	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	3.600
32.14	Đường tỉnh 918 (Hương lộ 28)	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Giáp ranh phường Long Tuyền	1.920
		Cầu Xẻo Tre	Đường tỉnh 918 nâng cấp	1.200
32.15	Khu dân cư xã Tân Thới (cũ)	Cả khu		1.280
32.16	Tuyến Đường Cầu Nhiễm - Trường Thành	Cầu Nhiễm	Giáp ranh xã Trường Thành	960
32.17	Tuyến Đường Đê KH9 (Đường cấp 5 đồng bằng)	Giáp ranh phường Phước Thới	Tuyến Đường Cầu Nhiễm - Trường Thành	960
		Tuyến Đường Cầu Nhiễm - Trường Thành	Giáp ranh xã Nhơn Ái	960
32.18	Đường đi quanh Nhà khách Thành ủy	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Hết ranh Nhà khách Thành ủy	1.280
32.19	Đường vào Trung tâm dạy nghề	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Hết ranh Trung tâm dạy nghề	960
32.20	Đường Điều Huyền (Trục đường 13, Khu Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện Phong Điền - nay là xã Phong Điền)	Đường số 12	Đường Nguyễn Thái Bình	2.720

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
33	Xã Nhơn Ái			
33.1	Quốc lộ 61C	Giáp ranh phường Cái Răng	Cầu So Đũa	2.400
		Cầu So Đũa	Giáp ranh xã Tân Hòa	2.400
33.2	Đường tỉnh 926	Cầu Tây Đô	Cầu Cây Cắm - Nhơn Ái	1.280
		Cầu Cây Cắm - Nhơn Ái	Giáp ranh xã Trường Long	1.040
33.3	Đường tỉnh 932	Trường Trung học Nhơn Nghĩa	Ngã ba Trung tâm xã Nhơn Nghĩa (cũ)	1.280
		Khu tái định cư xã Nhơn Nghĩa (cũ)	Giáp ranh xã Tân Hòa	1.200
		Đường tỉnh 932	Giáp Khu tái định cư xã Nhơn Nghĩa (cũ)	2.160
33.4	Tuyến Đường Đê bao bảo vệ vườn cây ăn trái xã Nhơn Ái	Suốt tuyến		800
33.5	Tuyến Đường Đê KH9 (Đường cấp 5 đồng bằng)	Giáp ranh xã Phong Điền	Đường đầu nối cầu Tây Đô	800
		Đường tỉnh 926	Giáp ranh xã Tân Hòa	800
33.6	Tuyến Đường Nhơn Ái - Trường Long	Cổng KH9	Giáp ranh xã Trường Long	800
33.7	Tuyến Đường dẫn Cầu Vàm Xáng đến Quốc lộ 61C	Giáp ranh phường An Bình (Cầu Vàm Xáng)	Quốc lộ 61C	840
		Ngã ba Đường dẫn Cầu Vàm Xáng	Đường tỉnh 932	800
33.8	Đường dẫn Cầu Tây Đô xã Nhơn Ái	Suốt tuyến		816
33.9	Đường Vàm Xáng - Ba Láng	Suốt tuyến		840
33.10	Đường vào Khu di tích lịch sử Giàn Gừa	Suốt tuyến		800
33.11	Khu tái định cư 7,24 ha xã Nhơn Nghĩa (cũ)	Trục chính (Đường số 01), Đường tỉnh 932		2.160
		Trục phụ (Các Trục Đường số 2, 3, 4, 5 và 6)		1.680
33.12	Khu tái định cư xã Nhơn Ái	Cả khu		1.280
33.13	Khu vực chợ Vàm Xáng	UBND xã Nhơn Nghĩa (cũ)	Đường tỉnh 932	880

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
34	Xã Trường Long			
34.1	Đường tỉnh 926	Cầu Mương Cao	Cầu Kinh Tắc	832
		Cầu Kinh Tắc	Cầu Ba Chu	1.768
		Cầu Càng Đước	Kênh Một Ngàn	832
34.2	Khu dân cư vượt lũ xã Trường Long (Ấp Trường Thuận)	Cả khu		936
34.3	Khu dân cư vượt lũ xã Trường Long (Ấp Trường Hòa)	Cả khu		936
34.4	Khu dân cư thương mại xã Trường Long (Giáp Đường tỉnh 926, xã Trường Long cũ)	Cả khu		1.768
34.5	Tuyến Đường Án Khám - Ông Hào	Suốt tuyến		832
34.6	Tuyến Đường Càng Đước - Vàm Bi	Suốt tuyến		572
34.7	Tuyến Đường Nhơn Ái - Trường Long	Cổng KH9	Vàm Ông Hào	572
34.8	Tuyến Đường Trường Long - Vàm Bi	Cầu Ba Chu	Vàm Bi	572
34.9	Tuyến Đường Vàm Bi - Trường Hòa - Bốn Tổng	Suốt tuyến		572
35	Xã Thới Lai			
35.1	Khu Chợ Thới Lai (cũ)	Phía bên chợ và hai bên nhà lồng chợ (Thị trấn phía bên chợ và hai bên nhà lồng chợ cũ)		6.000
		Bên kia sông xáng Ô Môn Chợ Thới Lai từ Vàm Kinh Đứng (Bên kia sông chợ thị trấn Thới Lai từ Vàm Kinh Đứng cũ)	Vàm Nhà Thờ	1.120
35.2	Đường Hồ Thị Thuởng	Ngã ba Thới Lai - xã Trường Thắng cũ về Trung tâm xã Trường Xuân	Hết ranh Trường Cao đẳng nghề	1.680
			Ngã ba vào nhà lồng chợ Thới Lai hiện hữu	2.400
35.3	Khu dân cư Huệ Phát	Trục chính		2.400
		Trục phụ		1.440
35.4	Khu hành chính xã Thới Lai (Trừ phần tiếp giáp Đường tỉnh 922)	Cả khu		2.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
35.5	Đường Nguyễn Thị Huỳnh (Đường tỉnh 922)	Cầu Sắt Lớn	Cầu Cồn Chen (Bên trái)	1.840
			Cầu Cồn Chen (Bên phải)	2.080
35.6	Tuyến Lộ giao thông 4 mét cấp sông Xáng Ô Môn, trừ Khu dân cư Huệ Phát (Thị trấn Thới Lai (Trừ Khu dân cư Huệ Phát cũ))	Cầu Sắt Lớn	Cầu Bà Đàm (Ranh xã Trường Thắng cũ)	800
35.7	Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Đông Thuận (Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Đông Bình cũ)	Đường tỉnh 922	Cầu Đông Pháp	1.200
		Cầu Đông Pháp	Giáp ranh xã Đông Thuận	1.040
35.8	Tuyến đường thị trấn Thới Lai - Trường Thành (Tuyến đường thị trấn Thới Lai - xã Tân Thạnh cũ)	Cầu Kênh Đứng	Cầu Rạch Đình (Giáp ranh xã Trường Thành)	880
35.9	Đường huyện 21	Đường Hồ Thị Thương	Giáp ranh xã Trường Thành	880
35.10	Đường Võ Thị Diệp (Đường tỉnh 922)	Cầu Tắc Cà Đi	Cầu Xẻo Xào (Bên trái)	3.520
			Cầu Xẻo Xào (Bên phải)	4.160
		Cầu Xẻo Xào	Cầu Sắt Lớn	6.960
35.11	Đường nội bộ thuộc dự án Mở rộng, phát triển đô thị mới và nâng cấp chợ Thới Lai hiện hữu, thị trấn Thới Lai (cũ) (Giai đoạn 01 và 02)	Đường số 01		6.000
		Đường số 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15 và 16		5.440
35.12	Khu đô thị mới huyện Thới Lai (cũ) (Các vị trí đã Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Đường số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13		2.400
35.13	Đường tỉnh 922 mới (Tuyến tránh Thới Lai)	Cầu Tắc Cà Đi	Cầu Cồn Chen	2.240
35.14	Đường tỉnh 922 mới	Ngã ba Tuyến tránh	Cầu Đường Xuồng (Giáp ranh xã Trường Thành)	2.240

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
35.15	Tuyến Đường Thới Lai - Trường Xuân (Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Trường Xuân A cũ)	Giáp ranh trường cao đẳng nghề	Cầu Búng lớn giáp ranh xã Trường Xuân (Bên trái)	1.600
			Cầu Búng lớn giáp ranh xã Trường Xuân (Bên phải)	1.280
36	Xã Đông Thuận			
36.1	Đường tỉnh 919	Giáp ranh xã Cờ Đỏ	Hết ranh xã Đông Thuận	1.144
36.2	Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Đông Thuận	Giáp ranh xã Thới Lai	Giáp ranh tỉnh An Giang (Bên phải)	880
		Giáp ranh xã Thới Lai	Giáp ranh tỉnh An Giang (Bên trái)	1.280
36.3	Khu dân cư vượt lũ xã Đông Bình (cũ)	Trục chính		800
		Trục phụ		720
36.4	Khu dân cư xã Đông Thuận	Trục chính		880
		Trục phụ		800
36.5	Đường dẫn hai bên Cầu Đông Thuận	Bên phải		880
		Bên trái		880
37	Xã Trường Xuân			
37.1	Đường tỉnh 919	Giáp ranh xã Đông Thuận	Kênh Xáng Ô Môn	1.144
		Kênh Xáng Ô Môn	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1.144
37.2	Khu Thương mại Trường Xuân	Cả khu		2.548
37.3	Tuyến Đường Thới Lai - Trường Xuân A (từ ranh xã Thới Lai đến Kênh Ranh)	Giáp ranh xã Thới Lai	Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân	686
		Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân	Hết ranh Khu Thương mại Trường Xuân	1.664
		Ranh Khu Thương mại Trường Xuân	Cổng Sáu Sung	572
		Cổng Sáu Sung	Kênh Ranh (Giáp ranh tỉnh An Giang)	572
37.4	Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân (Ấp Phú Thọ)	Trục chính		1.144
		Trục phụ		832
37.5	Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân A (Ấp Trường Ninh 1)	Trục chính		832
		Trục phụ		572
38	Xã Trường Thành			
38.1	Đường tỉnh 922 (cũ)	Giáp ranh phường Ô Môn (Cầu Vàm Nhon)	Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Tắc Cà Đi, Bên trái)	960
			Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Tắc Cà Đi, Bên phải)	1.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
38.2	Đường tỉnh 922 (mới)	Giáp ranh phường Phước Thới (Cầu KH8)	Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Đường Xuồng)	880
		Ngã ba Đường tỉnh 922 cũ	Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Tắc Cà Đi)	1.200
38.3	Tuyến Định Môn - Trường Thành	Cầu Mường Huyện	Cầu Ba Đá	880
38.4	Tuyến Đường Ba Mít - Cây Dầu (Trừ đoạn Cụm dân cư vượt lũ Trường Thành)	Cầu Ba Đá	Giáp ranh xã Phong Điền (Rạch Cây Dầu)	912
38.5	Tuyến Chợ Ba Mít (Trừ đoạn Cụm dân cư vượt lũ Trường Thành)	Ngã ba Cầu Ba Đá	Ngã ba tuyến Rạch Rừa	640
38.6	Tuyến Thới Lai - Tân Thạnh	Giáp ranh xã Thới Lai (Rạch Đình)	Hết Khu Trung tâm xã Tân Thạnh (cũ)	880
38.7	Tuyến Thới Lai - Trường Thành	Giáp ranh xã Thới Lai (Kênh KH8)	Giáp ranh Cụm dân cư vượt lũ Trường Thành	632
38.8	Tuyến Rạch Rừa	Rạch Cầu Nhiêm	Tuyến Đường Ba Mít - Cây Dầu	632
38.9	Cụm dân cư vượt lũ Định Môn (Áp Định Mỹ)	Trục chính		880
		Trục phụ		640
38.10	Cụm dân cư vượt lũ Trường Thành (Áp Trường Trung)	Trục chính		1.200
		Trục phụ		880
39	Xã Cờ Đỏ			
39.1	Chợ Cờ Đỏ	Cầu Cờ Đỏ	Kênh Đứng (Trừ Khu Chính trang đô thị và cải thiện môi trường sống tại thị trấn Cờ Đỏ cũ)	2.800
		Cầu Cờ Đỏ	Kênh số 1 (Trừ Khu Chính trang đô thị và cải thiện môi trường sống tại thị trấn Cờ Đỏ cũ)	2.160
		Kênh số 1	Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ xã Thới Đông (cũ)	1.040
39.2	Đường vào Trường Tiểu học thị trấn Cờ Đỏ	Đường Hà Huy Giáp (Đường tỉnh 919)	Đường thị trấn Cờ Đỏ - xã Thới Đông	3.120
39.3	Đường Hà Huy Giáp (Đường tỉnh 919)	Giáp ranh xã Thạnh Phú	Cầu Cờ Đỏ	4.080

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
39.4	Khu Chính trang đô thị và cải thiện môi trường sống tại thị trấn Cờ Đỏ (cũ)	Các lô nền tiếp giáp trực Đường Lê Đức Thọ và Hà Huy Giáp		4.720
		Trục chính (Chiều rộng 25 mét) (Đường số 4)		4.080
		Trục phụ (Chiều rộng 15 mét) (Đường số 12 và 13)		3.360
		Các trục còn lại		2.720
39.5	Khu dân cư Khmer, xã Cờ Đỏ	Cả khu		640
39.6	Khu hành chính xã Cờ Đỏ (Trừ phần tiếp giáp đường Hà Huy Giáp)	Cả khu		2.480
39.7	Khu tái định ấp Thới Hòa B, thị trấn Cờ Đỏ (cũ)	Đường số 01, Đường số 03, Đường số 04, Đường số 09		2.160
		Đường số 07, Đường số 02		2.080
		Đường số 05, Đường số 06		1.760
		Đường số 08		1.360
39.8	Đường Lê Đức Thọ (Đường tỉnh 922) (Bên phải tiếp giáp trục đường giao thông; Bên trái tiếp giáp mương lộ hướng từ huyện Thới Lai cũ đến thị trấn Cờ Đỏ cũ)	Ngã ba giao Đường Lê Đức Thọ - Hà Huy Giáp	Cầu Kênh Ngang	4.400
		Cầu Kênh Ngang	Giáp ranh xã Đông Hiệp (Bên trái)	2.000
		Cầu Kênh Ngang	Giáp ranh xã Đông Hiệp (Bên phải)	1.360
39.9	Đường Nguyễn Văn Nhung (Đường tỉnh 921)	Đường Hà Huy Giáp	Cầu Kinh Bốn Tổng (Thâm hậu tới sông Xáng Thốt Nốt)	3.360
		Cầu Kênh Bốn Tổng	Cầu Năm Châu (Giáp ranh xã Thạnh Phú)	2.720
39.10	Đường ô tô đến Trung Tâm xã Thới Xuân (cũ)	Đường tỉnh 919	Cầu Kênh Lồng Ống (Hai bên)	1.280
		Cầu Kênh Lồng Ống	Cầu Kênh Lò Thiêu (Hai bên)	720
		Cầu Kênh Lò Thiêu	Cầu số 4 (Sông Xáng Thốt Nốt) (Bên trái)	640
		Cầu số 4	Cầu Nóc Bàng	560
39.11	Cụm dân cư vượt lũ xã Thới Đông (cũ)	Các lô nền tiếp giáp Đường Cờ Đỏ - xã Thới Đông		1.120
		Trục chính (Hai bên nhà lồng chợ)		880
		Các trục còn lại		640

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
40	Xã Đông Hiệp			
40.1	Đường tỉnh 922 (Bên phải tiếp giáp trực đường giao thông, Bên trái tiếp giáp nương lộ Hướng từ ranh xã Thới Lai đến xã Đông Hiệp)	Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Cồn Chen)	Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Bên trái)	640
		Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Cồn Chen)	Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Bên phải)	880
		Ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Trừ Khu dân cư vượt lũ)	Hết ranh đất Trường THCS Đông Hiệp (Bên trái)	720
		Ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Trừ Khu dân cư vượt lũ)	Hết ranh đất Trường THCS Đông Hiệp (Bên phải)	1.120
		Ranh Trường THCS Đông Hiệp	Giáp ranh xã Cờ Đỏ (Bên trái)	640
		Giáp ranh đất Trường THCS Đông Hiệp	Giáp ranh xã Cờ Đỏ (Bên phải)	880
40.2	Đường tỉnh 922 (mới)	Giáp ranh xã Thới Lai	Ngã ba giao Đường tỉnh 922 (cũ)	752
40.3	Đường vào Trường Mẫu giáo, Tiểu học Đông Hiệp 1	Đường tỉnh 922	Hết ranh đất Trường Tiểu học Đông Hiệp	640
40.4	Đường vào Trường Tiểu học Đông Thắng	Đường tỉnh 922	Hết ranh đất Trường Tiểu học Đông Thắng	720
40.5	Đường ô tô đến Trung tâm xã Thới Hưng	Đường tỉnh 922	Giáp ranh xã Thới Hưng	1040
40.6	Khu Chợ Đông Hiệp	Cả khu		1.280
40.7	Cụm dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp	Các lô nền tiếp giáp Đường tỉnh 922		1.120
		Đường nội bộ có lộ giới (4 - 7 - 4) mét		880
		Đường nội bộ có lộ giới (3 - 5 - 3) mét		720
		Các trục còn lại		640
41	Xã Trung Hưng			
41.1	Đường tỉnh 921	Cầu Xẻo Xây lớn	Cầu Cái He	1.520
		Cầu Cái He	Cầu Ngã Tư (Chợ xã) (Trừ Cụm dân cư vượt lũ)	1.920
		Cầu Ngã Tư	Giáp ranh xã Thạnh Phú	720
41.2	Đường tỉnh 921B	Giáp ranh phường Trung Nhứt	Đường tỉnh 921	640
41.3	Đường ô tô đến Trung tâm xã Trung Thạnh (cũ)	Cầu Bắc Đương (Trừ Khu dân cư xã Trung Thạnh (cũ), Điểm Bắc Đương)	Giáp ranh Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Thạnh (cũ) (Điểm Lấp Vò)	1.120
41.4	Đường số 12 vào Trường Mầm non Trung Hưng 1	Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Hưng (Điểm chợ Trung Hưng)	Rạch Ngã Tư	1.040

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
41.5	Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Hưng	Các lô nền xung quanh chợ Trung Hưng (Điểm chợ xã Trung Hưng)		2.480
		Các lô nền tiếp giáp Đường tỉnh 921 (Điểm chợ xã Trung Hưng)		1.920
		Các lô nền còn lại (Điểm chợ xã Trung Hưng)		1.040
		Toàn cụm dân cư vượt lũ xã Trung Hưng (Điểm chợ Ba Đá)		640
41.6	Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Thạnh (cũ)	Các lô nền tiếp giáp trục chính cặp sông Thốt Nốt và trục Đường từ Cầu Lấp Vò đến trục Đường số 2 Cụm dân cư vượt lũ		880
		Các lô nền còn lại		640
41.7	Khu tái định cư Bắc Đương (Xã Trung Thạnh cũ)	Cả khu		1.840
42	Xã Thạnh Phú			
42.1	Đường tỉnh 921	Ranh xã Trung Hưng	Cầu Huyện Chơn	720
		Cầu Huyện Chơn	Cầu Hội Đồng Khương (Trừ Cụm dân cư vượt lũ)	960
		Cầu Hội Đồng Khương	Giáp ranh xã Cờ Đỏ (Cầu Năm Châu)	720
42.2	Đường Nông trường Cờ Đỏ (Trục Đường vào Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Cờ Đỏ) (Hai bên)	Đường tỉnh 919	Kênh 1	960
		Kênh 1	Kênh 4	720
		Kênh 4	Kênh 8 (Giáp ranh xã Thạnh An)	480
42.3	Đường tỉnh 919	Giáp ranh xã Cờ Đỏ	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	1.840
42.4	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Phú	Các lô nền tiếp giáp Đường tỉnh 921		1.200
		Các lô nền còn lại		720
43	Xã Thới Hưng			
43.1	Đường ô tô đến Trung tâm xã Thới Hưng	Đường tỉnh 922 (Giáp ranh xã Đông Hiệp)	Cầu Kinh Ấp 3	960
		Cầu Kinh Ấp 3 (cầu số 5)	Kinh 200 (Giáp ranh phường Thới Long)	1.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
44	Xã Vĩnh Thạnh			
44.1	Quốc lộ 80	Giáp ranh tỉnh An Giang	Cổng số 7,5	1.200
		Cổng số 7,5	Cổng số 9,5	800
		Cổng số 9,5	Cổng Lý Chiêu	1.360
		Cổng Lý Chiêu	Cổng Thầy Pháp (Trung tâm xã)	3.360
		Cổng Thầy Pháp (Trung tâm xã)	Giáp ranh xã Thạnh Quới (Cổng Nhà Thờ)	3.360
44.2	Trung tâm hành chính huyện Vĩnh Thạnh (Nay là Trung tâm hành chính xã)	Toàn bộ các tuyến Đường số: 34, 41, 43, 47, 53, 8, 7		2.480
		Tuyến Đường số 11 (Từ Đường số 41 đến Đường số 55)		2.480
44.3	Khu tái định cư Trung tâm Thương mại và Dân cư Thương mại huyện Vĩnh Thạnh (Nay là xã Vĩnh Thạnh)	Toàn bộ các tuyến Đường số: 38, 40		1.040
		Đường số 6 (Từ Đường số 37 đến Đường số 40)		1.040
		Đường số 8 (Từ Đường số 37 đến Đường số 40)		1.040
		Đường số 37 (Từ Đường số 6 đến Đường số 8)		1.040
44.4	Khu tái định cư và dân cư hành chính huyện Vĩnh Thạnh (Nay là xã Vĩnh Thạnh)	Các lô nền tiếp giáp Đường nội bộ song song với Đường Phù Đồng Thiên Vương		2.480
		Các lô nền còn lại		1.040
		Các lô nền đã có Quyết định giá đất cụ thể gồm: B2 - 11, B2 - 12, B2 - 13, B2 - 14, B2 - 15, B2 - 16, B2 - 17, B2 - 18, B2 - 19, B2 - 20, B2 - 21, B2 - 22, B2 - 23, B2 - 24, B2 - 25, B2 - 35, B2 - 36, B2 - 37, B2 - 38, B2 - 39, B2 - 40, B2 - 41, B2 - 42, B2 - 43, B2 - 44, B2 - 45, B2 - 46, B2 - 47, B2 - 48, B2 - 49, B5 - 21, B5 - 23, B5 - 24, B5 - 45, B2 - 27, B2 - 28, B2 - 29, B2 - 30, B2 - 31, B2 - 32, B2 - 33, B5 - 26, B5 - 27, B5 - 28, B5 - 29, B5 - 30, B5 - 31, C2 - 12, C2 - 13, C2 - 14, C2 - 15, C2 - 16, C2 - 17, C2 - 18, C2 - 19, C2 - 20.		1.216
		B2 - 27, B2 - 28, B2 - 29, B2 - 30, B2 - 31, B2 - 32, B2 - 33, B5 - 26, B5 - 27, B5 - 28, B5 - 29, B5 - 30, B5 - 31, C2 - 12, C2 - 13, C2 - 14, C2 - 15, C2 - 16, C2 - 17, C2 - 18, C2 - 19, C2 - 20.		1.216
		B5 - 25, B5 - 32, C2 - 01, C3 - 01, C3 - 20, B2 - 1, B2 - 26, B2 - 34.		1.216

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
44.5	Cụm dân cư vượt lũ thị trấn Vĩnh Thạnh (cũ)	Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 80		3.200
		Vị trí lô nền tiếp giáp các đường nội bộ trong cụm dân cư vượt lũ		640
		Các tuyến đường chính trong cụm Khu dân cư vượt lũ		600
44.6	Trung tâm Thương mại và Dân cư thương mại huyện Vĩnh Thạnh (Nay là xã Vĩnh Thạnh)	Vị trí lô nền cặp đường nội bộ song song đường Phù Đồng Thiên Vương		2.480
44.7	Đường Bờ Tràm	Kênh Thắng Lợi 1	Kênh Bốn Tổng	400
44.8	Đường ô tô vào Trung tâm xã Thạnh Lộc (T7) (Nay là xã Vĩnh Thạnh)	Sau 50 mét Quốc lộ 80	Kênh Thắng Lợi 1 (Hết Đường T7)	400
44.9	Đường Thắng Lợi 1	Ngã ba giao Đường T7 với Kênh Thắng Lợi 1	Đường Bờ Tràm	480
44.10	Đường Sĩ Công	Kênh Bà Chiêu	Giáp ranh phường Trung Nhứt	400
44.11	Tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Giáp ranh xã Vĩnh Trinh	Kênh Bốn Tổng (Kênh số 10)	480
44.12	Tuyến Đường nổi lên Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Đường Phù Đồng Thiên Vương (Đường tỉnh 919)	Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	480
44.13	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Lộc (cũ)	Suốt tuyến		400
44.14	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Lộc (Sáu Bọng) (cũ)	Suốt tuyến		400
44.15	Đường Phù Đồng Thiên Vương (Đường tỉnh 919)	Sau Quốc lộ 80	Cầu vượt Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	2.720
		Cầu vượt Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Giáp ranh xã Thạnh Quới	3.080
44.16	Khu dân cư chợ Số 8	Các lô nền tiếp giáp Quốc lộ 80		1.040
		Các lô nền tiếp giáp các đường nội bộ		400
44.17	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Mỹ (số 8) (cũ)	Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 80		1.040
		Vị trí lô nền tiếp giáp các Đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ		400
45	Xã Vĩnh Trinh			
45.1	Quốc lộ 80	Cầu Đường Xuồng (Giáp phường Thốt Nốt)	Giáp ranh tỉnh An Giang (Trừ Cụm dân cư vượt lũ)	1.512
45.2	Đường T3 Bờ Ót	Giáp ranh Cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Trinh	Kênh Thắng Lợi 1	364

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
45.3	Tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Giáp ranh phường Thốt Nốt	Tuyến tránh thành phố Long Xuyên	936
45.4	Cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Trinh	Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 80		936
		Vị trí lô nền tiếp giáp các đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ		364
		Vị trí các lô nền tiếp giáp từ đoạn Quốc lộ 80 đến đường T3 Bờ Ót (Trong Cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Trinh)		800
45.5	Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (Giai đoạn 1)	Trục chính		3.184
		Trục phụ		2.960
45.6	Đường Thới Thuận - Thạnh Lộc	Giáp ranh phường Thốt Nốt	Đường T3 Bờ Ót	520
45.7	Tuyến tránh thành phố Long Xuyên	Trên địa bàn xã Vĩnh Trinh		936
45.8	Tuyến Đường nối từ đường dẫn vào Cầu Vàm Cống vào Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)	Tuyến tránh thành phố Long Xuyên	Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)	552
45.9	Tuyến Đường nối từ Quốc lộ 80 đến Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)	Quốc lộ 80	Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)	552
45.10	Tuyến Đường Rạch Ngã Chùa	Quốc lộ 80	Cầu Đình Vĩnh Trinh	552
		Cầu Ba Mao	Giáp ranh phường Thốt Nốt	552
45.11	Tuyến Đường Kênh Thắng Lợi 1	Đường T3 Bờ Ót	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	552
45.12	Tuyến Đường Kênh Bà Chiêu	Kênh Ông Xếp (Giáp ranh phường Thốt Nốt)	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	552
45.13	Tuyến Đường Kênh Thắng Lợi 2	Giáp ranh phường Thốt Nốt	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	552
45.14	Tuyến Đường Kênh Lộ Mới	Kênh Bà Chiêu	Giáp ranh phường Thốt Nốt	552

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
46	Xã Thạnh An			
46.1	Quốc lộ 80	Giáp ranh xã Thạnh Quới	Cổng Sao Mai	2.400
		Cổng Sao Mai	Cầu Thầy Ký	3.920
		Cầu Thầy Ký	Kênh B (Giáp ranh tỉnh An Giang)	3.760
46.2	Đường Kênh Thầy Ký (Bờ phía Đông)	Quốc lộ 80	Cầu Bờ Bao	480
46.3	Đường Kênh E (Đường tỉnh 916)	Bờ Kênh Cái Sắn	Kênh 600 (Giáp ranh xã Thạnh Quới)	480
		Kênh Đòn Đông (Giáp ranh xã Thạnh Quới)	Giáp ranh tỉnh An Giang	512
46.4	Cụm dân cư vượt lũ thị trấn Thạnh An (nay là xã Thạnh An)	Vị trí lô nền tiếp giáp các Đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ		640
46.5	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Thắng (nay là xã Thạnh An)	Cả khu		480
46.6	Đường tỉnh 921C	Giáp ranh xã Thạnh Quới	Cầu Kênh C1	512
46.7	Đường huyện 54	Đường tỉnh 916 (Ngã ba xã Thạnh Lợi (cũ))	Kênh C2	480
47	Xã Thạnh Quới			
47.1	Quốc lộ 80	Cổng Nhà Thờ	Đầu cầu Láng Sen	1.512
		Đầu cầu Láng Sen	Giáp ranh xã Thạnh An (Cổng số 15,5)	1.064
47.2	Đường tỉnh 919 (Bốn Tổng - Một Ngàn)	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh (Cầu Láng Chim)	Giáp ranh xã Thạnh Phú	686
47.3	Đường Kênh E (Đường tỉnh 916)	Kênh 600 (Giáp ranh xã Thạnh An)	Giáp ranh xã Thạnh An	364
		Quốc lộ 80	Cầu Cái Sắn	364
47.4	Đường Nam Kênh Đòn Đông (Đoạn D - H)	Giáp ranh xã Thạnh An	Hết ranh xã Thạnh Quới (Giáp ranh tỉnh An Giang)	364
47.5	Đường số 12 (Trung tâm hành chính xã Thạnh Quới)	Kênh Cổng 12	Kênh FM (Nhà thờ)	364
47.6	Chợ Láng Sen và Dân cư nông thôn xã Thạnh Quới	Đường số 03, 09 và các lô nền tiếp giáp Quốc lộ 80		1.404
		Toàn bộ các tuyến Đường số 01, 02, 04, 05, 06, 07, 08		936
47.7	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh An (cũ)	Cả khu		364

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
47.8	Cụm dân cư vượt lũ Thạnh Mỹ (mở rộng) xã Thạnh Quới	Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp đường nội bộ cấp Quốc lộ 80		1.404
		Vị trí lô nền tiếp giáp các đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ		468
48	Xã Hòa Tú			
48.1	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	Trường THCS Hòa Tú 2	880
		Trường THCS Hòa Tú 2	Đường tỉnh 940	1.120
		Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Ngọc Tố	720
48.2	Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Nhu Gia	Kênh Thạnh Mỹ (Cầu Hữu Cận 2)	1.760
		Kênh Thạnh Mỹ (Cầu Hữu Cận 2)	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1.360
48.3	Đường tỉnh 940 (cũ)	Đường tỉnh 940	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1.120
48.4	Đường huyện 15	Đường tỉnh 940 (Vòng xoay ấp Hòa Phương)	Giáp ranh xã Ngọc Tố	880
48.5	Đường huyện 50	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh xã Nhu Gia	360
48.6	Đường huyện 54	Đường huyện 15	Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ)	1.040
		Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ)	Đường huyện 51	880
48.7	Đường huyện 51	Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1.040
48.8	Đường huyện 52 (Dự án Đầu tư Cơ sở hạ tầng vùng sản xuất Tôm - Lúa hữu cơ)	Giáp ranh xã Nhu Gia	Đường đal Hòa Đê - Hòa Đức	480
48.9	Đường tỉnh 937 (Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ))	Giáp ranh xã Nhu Gia	Giáp Sông Đinh	1.520
		Giáp Sông Đinh	Giáp ranh xã Ngọc Tố	720
48.10	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây (Đường tỉnh 937B)	Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Ngọc Tố	560
48.11	Khu trung tâm xã			
48.11.1	Đường D2	Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ) (Đường tỉnh 937)	Đường huyện 51	1.094
48.11.2	Đường D4; Đường D5	Đường tỉnh 940	Đường D1	1.094

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
48.12	Đường vào Trung tâm Văn hóa Thể thao Truyền thanh	Đường tỉnh 940	Trung tâm Văn hóa Thể thao Truyền thanh	400
48.13	Đường đal khu vực Chợ Dương Kiển	Đường tỉnh 936B	Đường tỉnh 940 cũ	656
48.14	Đường đal Dương Kiển (Cấp UBND xã)	Đường tỉnh 936B	Kênh Cô Hai	320
48.15	Đường đal (Hòa Nhờ A)	Đường tỉnh 940 (cũ)	Đường tỉnh 940	320
49	Xã Gia Hòa			
49.1	Quốc lộ 1	Cầu Xẻo Tra	Hết ranh đất Cửa hàng xăng dầu Vạn Xuân	2.240
		Giáp ranh đất Cửa hàng xăng dầu Vạn Xuân	Hết ranh đất Quán Cafe Thùy Trang	1.920
		Giáp ranh đất Quán Cafe Thùy Trang	Hết ranh đất Cơ sở sản xuất nước lọc Việt Thái	2.240
		Giáp ranh đất Cơ sở sản xuất nước lọc Việt Thái	Giáp ranh xã Nhu Gia	1.680
49.2	Đường huyện 53	Quốc lộ 1	Hết ranh đất Nhà máy nước đá Trường Hưng	640
		Giáp ranh đất Nhà máy nước đá Trường Hưng	Giáp ranh tỉnh Cà Mau (xã Vĩnh Lợi)	440
49.3	Đường huyện 52	Cầu Gia Hòa	Hết ranh đất Nhà ông Nguyễn Văn Trình	480
		Giáp ranh đất Nhà ông Nguyễn Văn Trình	Giáp ranh xã Nhu Gia	400
49.4	Đường huyện 50	Giáp ranh xã Nhu Gia	Giáp ranh tỉnh Cà Mau (xã Vĩnh Lợi)	360
49.5	Khu vực chợ Hòa Khanh	Quốc lộ 1	Chùa Trà Cuôn	800
		Chùa Trà Cuôn	Kênh Đê ngăn mặn	640
49.6	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh xã Nhu Gia	Giáp ranh xã Phú Lộc	400
49.7	Đường đal Đào Viên	Quốc lộ 1	Hết đường	400
49.8	Đường đal Đất Đỏ	Quốc lộ 1	Cổng Phú Lộc	320
49.9	Đường đal Trà Ế	Quốc lộ 1	Vào hết tuyến đường đal	320
49.10	Đường đal vào Đay sô	Quốc lộ 1	Giáp Đường đal Bung Thum (Gần Nhà văn hóa)	400
49.11	Đường đal đi Bung Thum	Quốc lộ 1	Trường Tiểu học Bung Thum	400
		Trường Tiểu học Bung Thum	Hết Đường đal giáp xã Lâm Tân	320

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
49.12	Đường đal ấp Nhơn Hòa - Thanh Thới	Đường huyện 53	Giáp ranh xã Phú Lộc	320
49.13	Đường đal Thanh Bình	Quốc lộ 1	Chùa Huệ Quang	360
49.14	Đường đal Lung Lá	Đường huyện 53	Đường huyện 50	360
50	Xã Nhu Gia			
50.1	Quốc lộ 1	Cầu Nhu Gia mới	Cầu Cần Đước	2.800
		Cầu Cần Đước	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	2.240
		Cầu Nhu Gia mới	Đường tỉnh 940	3.040
		Đường tỉnh 940	Hết ranh đất Trường Tiểu học Thạnh Phú 2	2.400
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Thạnh Phú 2	Giáp ranh xã Gia Hòa	2.000
50.2	Đường tỉnh 940	Quốc lộ 1	Cầu Kênh Nhất	1.440
		Cầu Kênh Nhất	Cầu Chàng Ré	1.040
		Cầu Chàng Ré	Giáp ranh xã Hòa Tú	1.120
		Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Lâm Tân	800
50.3	Đường huyện 58	Quốc lộ 1	Đường huyện 57	360
50.4	Đường huyện 57	Đường huyện 58	Giáp ranh xã Ngọc Tố	360
50.5	Đường huyện 52	Giáp ranh xã Gia Hòa (Cổng Tân Hòa)	Đường đal ấp Vĩnh A	560
		Đường đal ấp Vĩnh A	Ngã tư giao với Đường tỉnh 940	400
		Ngã tư giao với Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Hòa Tú	360
50.6	Đường huyện 50	Ngã tư Phước Hòa	Giáp ranh xã Hòa Tú	360
		Ngã tư Phước Hòa	Giáp ranh xã Gia Hòa	360
50.7	Đường huyện 56	Đường Trưng Nhị	Đường đal vào Trường Tiểu học Thạnh Phú 1	1.120
		Đường đal vào Trường Tiểu học Thạnh Phú 1	Hết ranh đất Nhà văn hóa ấp khu 2	760
		Giáp ranh đất Nhà văn hóa ấp khu 2	Giáp ranh xã Mỹ Tú	760
		Quốc lộ 1	Kênh Phú Thuận	640
		Kênh Phú Thuận	Ngã ba Đê ngăn mặn	480
		Ngã ba Đê ngăn mặn	Giáp ranh xã Ngọc Tố	400
50.8	Đường Trưng Nhị (Quốc lộ 1 (cũ))	Quốc lộ 1	Sông Nhu Gia	2.560

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
50.9	Đường Trung Trắc (Quốc lộ 1 (cũ))	Sông Nhu Gia	Quốc lộ 1	3.200
50.10	Đường đal hẻm Chụng Ken	Đường Trung Trắc	Kênh Chùa	1.040
50.11	Đường đal vào Chùa Nhu Gia	Đường Trung Trắc	Giáp ranh xã Lâm Tân	960
50.12	Khu vực chợ Nhu Gia	Các tuyến đường nội bộ trong khu trung tâm chợ		3.840
50.13	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh xã Hòa Tú	Cầu Long Hòa 1	800
		Cầu Long Hòa 1	Giáp ranh xã Gia Hòa	400
50.14	Đường đal vào Khu du lịch sinh thái Vườn Cò	Đường tỉnh 940	Hết đất Nhà ông Lê Minh Chính	400
50.15	Đường nhựa Vĩnh B - Phước Hòa	Đường huyện 52	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	384
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Ngã tư Phước Hòa	360
50.16	Tuyến Cầu Cần Đước	Cầu Cần Đước	Kênh 19 Tháng 5	320
50.17	Đường đal vào Khu dân cư ấp Rạch Sên	Quốc lộ 1 (Đường loại 3)	Hết ranh đất Trường học Rạch Sên	360
50.18	Đường đal ấp Cần Đước	Quốc lộ 1	Cầu Chùa Cần Đước	440
		Cầu Chùa Cần Đước	Kênh 19 Tháng 5	320
50.19	Đường đal Trường Mẫu giáo Cần Đước (Hai bên)	Quốc lộ 1	Kênh Phú Thuận	520
		Kênh Phú Thuận	Đê ngăn mặn	400
50.20	Đường Đê ngăn mặn	Đường huyện 56	Giáp ranh xã Ngọc Tố	464
50.21	Đường nhựa Khu 4	Đường Trung Trắc	Cổng Tư Hơ	496
		Cổng Tư Hơ	Ngã ba Cây xăng Đông Tú	464
		Ngã ba Cây xăng Đông Tú	Đường tỉnh 940	408
51	Xã Ngọc Tố			
51.1	Đường tỉnh 936	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937	560
		Ngã ba Đường tỉnh 937	Bến phà Dù Tho	680
		Bến phà Dù Tho	Ngã ba ấp Hòa Hình (Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936)	560
		Ngã ba ấp Hòa Hình (Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936)	Cổng Đập Đá	520

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
51.2	Đường tỉnh 936B	Ngã ba ấp Hòa Hình (Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936)	Giáp ranh xã Hòa Tú	560
51.3	Đường huyện 51	Giáp ranh xã Hòa Tú	Đường tỉnh 936	360
51.4	Đường huyện 55 (Tuyến nhánh)	Đường huyện 51	Hết ranh đất Nhà ông Trần Văn Sang (Đoạn trái nhựa)	360
51.5	Đường huyện 15	Đường tỉnh 936	Hết ranh đất Trường Tiểu học Ngọc Đông 1	400
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Ngọc Đông 1	Hết ranh Trạm Y tế xã Ngọc Đông (cũ)	536
		Giáp ranh Trạm Y tế xã Ngọc Đông (cũ)	Giáp ranh xã Hòa Tú	400
51.6	Đường tỉnh 937 (Đường huyện 56 cũ)	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937	1.040
51.7	Đường huyện 56	Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937	Ngã ba Đường huyện 56 (Cấp Khu Thề thao Đa năng Tham Đôn cũ)	480
		Ngã ba Đường huyện 56 (Cấp Khu Thề thao Đa năng Tham Đôn cũ)	Giáp ranh xã Nhu Gia	360
51.8	Đường huyện 56 (cũ)	Ngã ba Đường huyện 56 (Cấp Khu Thề thao Đa năng Tham Đôn cũ)	Ngã ba Đường huyện 56 (Hướng về xã Nhu Gia)	360
51.9	Đường huyện 57	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Đường tỉnh 936	560
		Đường tỉnh 936	Giáp ranh xã Nhu Gia	360
51.10	Đường tỉnh 937 (Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ))	Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937	Cầu Dù Tho	880
		Cầu Dù Tho	Giáp ranh xã Hòa Tú	720
		Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936		440
51.11	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh phường Khánh Hòa (Sông Cỏ Cò)	Giáp ranh xã Hòa Tú	400
51.12	Đường đal trước UBND xã Ngọc Tổ (cũ)	Đường tỉnh 936	Hết ranh đất Trường THCS Ngọc Tổ	1.120
51.13	Khu vực chợ Cỏ Cò	Khu Trung tâm chợ (Giới hạn bởi: Cầu Hòa Lý, Sông Cỏ Cò, Đường đal vào Cầu Miểu Lắm, Đường tỉnh 936 và 936B)		1.440

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
51.14	Khu tái định cư Tham Đôn	Các tuyến đường trong Khu tái định cư		1.556
51.15	Đường nhựa Bưng Chum - Trà Mệt	Chùa Tắc Gồng	Cầu Trà Mệt	360
		Cầu Trà Mệt	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	400
52	Xã Trường Khánh			
52.1	Quốc lộ 60	Giáp ranh xã Đại Ngãi	Hết ranh đất Trường THCS Dương Kỳ Hiệp	1.040
		Giáp ranh đất Trường THCS Dương Kỳ Hiệp	Cầu Trường Khánh	2.240
		Cầu Trường Khánh	Giáp ranh phường Sóc Trăng	2.240
52.2	Đường tỉnh 932D	Quốc lộ 60	Cầu Thanh Niên Trường Thành B	600
		Cầu Thanh Niên Trường Thành B	Giáp ranh xã Phú Tâm	480
52.3	Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Đại Ngãi	Giáp ranh xã Tân Thạnh	400
52.4	Đường huyện 21	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	Quốc lộ 60	400
		Quốc lộ 60	Cầu Kênh Cây Dương	360
		Cầu Kênh Cây Dương	Rạch Mây Hắt	320
52.5	Đường huyện 22 (Đê tả sông Saintard)	Giáp ranh xã Đại Ngãi	Giáp ranh xã Tân Thạnh	360
52.6	Đường huyện 23	Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Đại Ngãi (Cầu Ngang)	360
52.7	Đường cấp hông Chợ	Quốc lộ 60	Kênh Cầu Đen	2.160
		Đầu ranh đất ông Ngoãn	Hết ranh đất ông Rết	1.920
		Đầu ranh đất Ký Tuôi	Hết ranh đất ông Nghĩa	1.680

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
52.8	Các Đường còn lại trong khu vực chợ Trường Khánh	Đầu ranh đất ông Bình	Hết ranh đất Năm Kha	520
		Quốc lộ 60	Cầu Bà Chín	456
		Quốc lộ 60	Cầu Ông Tích	456
		Cầu Trường Khánh	Cầu Năm Thắng	560
		Đầu ranh đất ông Kia	Hết ranh đất Trường Tiểu học Trường Khánh B	560
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Trường Khánh B	Suốt tuyến	584
		Cầu Bà Chín	Cầu Thanh Niên Trường Thành B	440
		Hẻm Bắc Sĩ Năm	Hết ranh đất nhà ông Lót	880
		Hẻm Hai Tráng	Suốt hẻm	480
52.9	Đường đal ấp Trường Thọ	Suốt tuyến		440
52.10	Các Đường còn lại khu vực phía Nam sông Giăng Cơ	Lộ cặp Kênh Thầy Rùa: Quốc lộ 60	Cầu Chữ Y (ấp Trường An)	560
		Cầu Chữ Y (Ấp Trường An)	Cầu Rạch Cọt	480
52.11	Các Đường còn lại khu vực phía Bắc Sông Giăng Cơ	Hẻm nhà Út Bá (đối diện ông Thạch Ngọc Bình, thửa đất số 346, tờ bản đồ số 05)	Suốt hẻm	424
		Hẻm Đào Chúc (đối diện ông Tăng Lang, thửa đất số 279, tờ bản đồ số 05)	Rạch Trường Bình	424
		Hẻm ông Trần Tốt (đối diện thửa 283,1128, tờ bản đồ số 05)	Rạch Trường Bình	424
		Đường cặp Kênh Ông Cả: Quốc lộ 60	Hết đất ông Diệu (đối diện đất bà Trần Thị Pho, thửa số 1103, tờ bản đồ số 01)	360
		Cầu Đen	Hết ranh đất ông Giới	464
		Cầu Đen	Hết ranh đất ông Són (đối diện thửa 407, 408, tờ bản đồ số 05)	760
52.12	Đường vào Trường Cấp 2 - 3	Quốc lộ 60	Hết đường	640

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
53	Xã Đại Ngãi			
53.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	Cầu Đại Ngãi	1.320
		Cầu Đại Ngãi	Đường tỉnh 935B	960
		Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Long Phú	720
53.2	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (cũ)	Giao Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) và Đường tỉnh 935B	Hết ranh đất Trung tâm Điện lực Long Phú	520
		Giáp ranh đất Trung tâm Điện lực Long Phú	Hết ranh đất ông Đặng Văn Gỡ	520
53.3	Quốc lộ 60	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Mương Điều	1.200
		Cầu Mương Điều	Giáp ranh xã Trường Khánh	1.040
53.4	Đường nối Quốc lộ 60 - Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Quốc lộ 60	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1.040
53.5	Đường tỉnh 935B	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Phú Hữu	520
53.6	Đường huyện 20	Cầu Mương Điều	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	480
53.7	Đường huyện 22 (Đê tả sông Saintard)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Trường Khánh	416
53.8	Đường huyện 23 (Đường đal cặp kinh mới cũ)	Kênh Bà Xắm	Giáp Kênh Ông Chín Giàn Bầu	416
		Giáp Kênh Ông Chín Giàn Bầu	Đường đal liền 3 ấp	400
53.9	Đường huyện 27	Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Tân Thạnh	416

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
53.10	Các tuyến đường nội bộ xã	Ngã ba Vĩnh Thuận	Hẻm Bưu điện	1.600
		Đường 2 bên nhà lồng chợ Đại Ngãi		3.840
		Ngã ba Vĩnh Thuận	Ngã tư ông Vui (Tên cũ Ngã tư ông Thép)	2.400
		Ngã tư ông Vui (Tên cũ Ngã tư ông Thép)	Hết ranh đất Trạm cấp nước	1.440
		Ngã ba Vĩnh Thuận	Ngã ba Năm Lân	2.400
		Ngã ba Năm Lân	Hết đất Bến phà cũ	1.360
		Đường cặp Nhà thờ Đại Ngãi	Suốt tuyến	720
		Đầu ranh đất Bến phà Đại Ngãi	Hết ranh đất UBND thị trấn cũ (Giáp lộ hai chiều)	600
		Các tuyến đường còn lại trong khu vực Nhà máy Lợi Dân (cũ)		1.920
		Sông Hậu	Hết ranh đất ông Sĩ	1.280
53.11	Đường cặp sông Saintard	Giáp ranh đất ông Sĩ	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1.440
		Đầu ranh đất Bến phà cũ	Hẻm Tây Nam	1.920
		Hẻm Tây Nam	Hết ranh đất Tư Sơn	1.360
		Giáp ranh đất Tư Sơn	Hẻm Bảy Công	880
53.12	Đường xuống Bến phà Đại Ngãi	Hẻm Bảy Công	Cầu An Đức	760
		Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp Bến phà Đại Ngãi	1.040
53.13	Đường nối vào Khu tái định cư Trung tâm Điện lực Long Phú	Đường huyện 27	Giáp ranh Khu tái định cư Trung tâm Điện lực Long Phú	1.230
53.14	Khu tái định cư Trung tâm Điện lực Long Phú	Đường N2		1.369
		Đường D1; Đường N1		1.230

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
53.15	Các tuyến hẻm nội bộ xã	Hẻm cặp Tiệm vàng Di Long	Suốt hẻm	1.200
		Hẻm ông Chà	Suốt hẻm	680
		Hẻm ông Tỷ	Suốt hẻm	560
		Hẻm Ba Ánh	Suốt hẻm	680
		Hẻm Bảy Mol	Suốt hẻm	680
		Hẻm Năm Thắng	Suốt hẻm	680
		Hẻm ông Nu	Suốt hẻm	680
		Hẻm ông Huỳnh	Suốt hẻm	680
		Hẻm Bưu điện	Suốt hẻm	680
		Hẻm Thầy Nghĩa	Suốt hẻm	560
		Hẻm Ba Chấm	Suốt hẻm	680
		Hẻm Ngân hàng	Suốt hẻm	720
		Hẻm Tây Nam	Suốt hẻm	720
		Hẻm Lò Bún	Suốt hẻm	720
		Hẻm Cây Gòn	Suốt hẻm	680
		Hẻm Lợi Dân	Suốt hẻm	680
		Hẻm Bảy Công	Suốt hẻm	560
		Hẻm Điện Thờ Phật Mẫu	Suốt hẻm	680
		Hẻm Tổ Điện Lực	Suốt hẻm	640
		Hẻm Thiên Hậu Cung	Suốt hẻm	800
		Hẻm Đội thuế	Suốt hẻm	880
		Hẻm ông Trạng	Suốt hẻm	560
		Hẻm Hai Mành	Suốt hẻm	600
		Hẻm ông Hợp	Suốt hẻm	560
		Hẻm nhà ông Bọ	Hết nhà ông Vũ	800
		Bến phà Đại Ngãi	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	400
		Hẻm Ba Ngọt	Suốt hẻm	680
		Hẻm Ba Ngọt	Đường vào Trường Mẫu giáo	680
		Đường vào Trường Mẫu giáo	Hết ranh đất Trường Tiểu học Đại Ngãi A (cũ)	800
		Giáp ranh Trường Tiểu học Đại Ngãi A (cũ)	Hết đất ông Võ Văn Hai	560

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
53.16	Các tuyến đường nông thôn ấp Thạnh Đức	Đầu ranh đất Bến phà Thạnh Đức (cũ)	Giáp ranh đất Nhà máy nhiệt điện	400
		Đầu Vàm Sông Hậu (Cấp sông Saintard)	Đầu Kênh Bà Xắm	400
		Ngã ba Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Ngã ba Đường đal xuống Bến phà (cũ)	416
53.17	Đường ra Cống Bào Biền	Kênh Bà Xắm	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	416
53.18	Đường đal	Tuyến đường vào Khu tái định cư và các tuyến đường trong Khu tái định cư (Trừ các tuyến N2, D1, N1)		400
54	Xã Tân Thạnh			
54.1	Đường tỉnh 933	Giáp ranh xã Long Phú	Cầu Saintard	1.440
54.2	Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Trường Khánh	Cống Cái Xe (Cống số 1)	560
		Cống Cái Xe (Cống số 1)	Đường tỉnh 934B	400
54.3	Đường tỉnh 934B	Giáp ranh phường Phú Lợi	Giáp ranh xã Tài Văn	1.040
54.4	Đường huyện 22 (Đê tả sông Saintard)	Giáp ranh xã Trường Khánh	Giáp ranh phường Sóc Trăng	432
54.5	Đường huyện 24	Đường tỉnh 933	Đường tỉnh 935B	320
54.6	Đường huyện 25	Đường tỉnh 933	Cầu Xóm Rẫy	400
54.7	Đường huyện 26	Đầu cầu liên ấp Tân Qui A - Kokô	Giáp ranh xã Long Phú	320
54.8	Đường huyện 27	Sông Bào Biền	Giáp ranh xã Đại Ngãi	336
54.9	Đường huyện 28	Đường tỉnh 935B	Đường huyện 26	320
54.10	Khu vực chợ Tân Thạnh	Đường tỉnh 935B	Sông Saintard	480
54.11	Khu vực chợ Cái Quanh	Cầu Cái Quanh	Hết đất ông Út Tài	640
		Ngã ba chợ Cái Quanh	Cầu Nhà Thờ	640
54.12	Đường cấp sông Saintard	Cống Cái Quanh	Hết ranh đất Nhà quản lý Cống Cái Xe	384
54.13	Lộ Hàm Trinh	Sông Băng Long	Cống Bà Cầm	384
54.14	Đường đal còn lại	Đầu ranh đất ông Út Tài	Đập Hai Hải	400
		Cầu Sanitard	Hết ranh đất Nhà ông Đặng Văn Giữa	424
54.15	Đường đal ấp Nhất (Ấp Ba)	Giáp ranh phường Sóc Trăng	Cầu Thanh Niên Trường An	320

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
55	Xã Long Phú			
55.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Đại Ngãi	Giáp ranh xã Trần Đề	880
55.2	Đường tỉnh 933	Giáp ranh xã Tân Thạnh	Cầu Khoan Tang	2.560
55.3	Đường tỉnh 933C	Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	Kênh Hai Bào	2.400
		Kênh Hai Bào	Giáp ranh xã Trần Đề	1.440
55.4	Đường tỉnh 934B (Mạc Đĩnh Chi - Trần Đề)	Giáp ranh xã Tài Văn	Giáp ranh xã Liêu Tú	760
55.5	Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	Đường Đặng Quang Minh	Ngã ba giao Đường Đoàn Thế Trung với Đường tỉnh 933C	2.400
55.6	Đường huyện 26	Giáp ranh xã Tân Thạnh	Giáp ranh xã Tài Văn	360
55.7	Đường huyện 27	Đường tỉnh 933	Cầu số 2	504
		Cầu số 2	Cầu qua sông Bào Biền	400
55.8	Đường huyện 29	Giáp ranh xã Trần Đề	Giáp ranh xã Tài Văn	360
55.9	Đường Đoàn Thế Trung	Cầu Khoan Tang	Ngã ba giao Đường tỉnh 933C và Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	3.360
55.10	Đường Đặng Quang Minh	Vòng xuyên Ngã ba giao Đường Đoàn Thế Trung	Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh nối dài với Đường Lương Định Của	3.040
		Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh nối dài với Đường Lương Định Của	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	3.040
55.11	Đường Đặng Quang Minh nối dài	Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh với Đường Lương Định Của	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	2.640
55.12	Các tuyến hẻm thuộc Đường Đặng Quang Minh	Đường Đặng Quang Minh	Giáp ranh Khu tái định cư Chợ Đập Ấp 2	1.440
		Đường nội ô khu chợ Đập còn lại		1.200
		Đường Đặng Quang Minh	Suốt tuyến (Đà Lạt 3 cũ)	400
		Hẻm cặp Trường Tiểu học Long Phú C	Suốt hẻm	360
55.13	Đường đal cặp Trường Trung học cơ sở thị trấn Long Phú	Đường Đặng Quang Minh	Suốt tuyến	480

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
55.14	Đường Lương Định Của	Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh với Đường Đặng Quang Minh nối dài	Ngã ba Đình Thần Năm Ông	2.080
		Ngã ba Đình Thần Năm Ông	Cầu Tân Lập	3.696
55.15	Các tuyến hẻm thuộc Đường Lương Định Của	Hẻm cặp nhà lồng chợ Long Phú (Ấp 3)	Đường Lương Định Của (Đối diện Đình Ông)	1.520
		Các tuyến đường Khu Chăn nuôi (cũ)		800
55.16	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Đặng Quang Minh	Cầu Ba Tre	1.200
		Cầu Ba Tre	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ấp 2)	760
55.17	Đường đal cặp Đình Nguyễn Trung Trực	Đường Đặng Quang Minh	Suốt tuyến	400
55.18	Các tuyến hẻm thuộc Đường Đoàn Thế Trung	Ngã ba giao Đường Đoàn Thế Trung	Khu tái định cư ấp Tân Lập	920
		Đường nội ô Chợ Tân Long (ấp 5)	Suốt hẻm	1.600
55.19	Các tuyến hẻm thuộc Đường Đoàn Thế Trung	Hẻm Trường Tiểu học Long Phú A	Suốt hẻm	2.320
		Hẻm Tiệm vàng Sơn	Suốt hẻm	2.320
55.20	Đường đal cặp Ban chỉ huy Quân sự huyện Long Phú (cũ)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ngã tư)	Cổng vào Ban chỉ huy Quân sự huyện Long Phú (cũ)	400
		Cổng vào Ban chỉ huy Quân sự huyện Long Phú (cũ)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ngã ba)	320
55.21	Đường xuống Bến phà (Ấp 1)	Đường cặp Ban chỉ huy quân sự huyện Long Phú (cũ)	Sông Hậu	560
55.22	Đường đal cặp sông Băng Long (Ấp 4)	Cầu Băng Long (Đường Đoàn Thế Trung)	Cầu Tân Lập	2.320
		Cầu Tân Lập	Cầu Khoan Tang	1.200
55.23	Đường đal cặp sông Băng Long (Ấp 5)	Cầu Băng Long (Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C)	Cầu qua Chùa Hải Long Phước	920
55.24	Đường đal Ấp 5 (Đường vào Nhà máy Mậu Xương)	Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	Đường đal cặp sông Băng Long (Ấp 5)	360
55.25	Đường cặp Chùa Tứk - Pray	Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	Hết ranh đất Chùa Tứk - Pray	760
		Giáp ranh đất Chùa Tứk - Pray	Ngã ba Lò Rèn	360

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
55.26	Đường đal vào Ấp Khoan Tang	Cầu Khoan Tang	Hết ranh đất Nhà ông Thạch Com	360
55.27	Lộ Vành Đai Sóc Mới - Tân Lập	Cách cầu Tân Lập về hướng Tây 200 mét và hướng Bắc 200 mét		440
55.28	Khu tái định cư Chợ Đập Ấp 2	Các thửa đất có mặt tiếp giáp với đường rộng 5 mét		1.908
		Các thửa đất có mặt tiếp giáp với đường rộng 3,5 mét		1.565
55.29	Khu tái định cư Ấp Tân Lập	Các tuyến đường trong Khu tái định cư		1.565
55.30	Đường đal vào khu Tà Lờ	Đường tỉnh 933	Đường huyện 27	320
55.31	Đường đal Xả Chỉ	Đường tỉnh 933C	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	320
55.32	Đường cấp UBND xã Long Phú (cũ)	Đường tỉnh 933C	Cầu qua Kênh Bà Xắm	360
56	Xã Nhơn Mỹ			
56.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Thới An Hội	Cầu Mương Khai 2	1.120
		Cầu Mương Khai 2	Cầu Rạch Mộp	1.344
		Cầu Rạch Mộp	Đập Lớn	960
		Đập Lớn	Giáp ranh xã Đại Ngãi	1.120
56.2	Đường huyện 5B	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Mỹ Hội (Giáp ranh xã Thới An Hội)	880
56.3	Đường huyện 6	Giáp ranh xã Kế Sách	Giáp ranh xã Trường Khánh	560
56.4	Đường huyện 6 (Tuyến tránh khắc phục sạt lở)	Cầu Ba Miếu	Bến phà Năm Liêm	560
56.5	Đường huyện 20 (Lộ Khu 4)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Trường Tiền	440
		Cầu Trường Tiền	Giáp ranh xã Đại Ngãi	320
56.6	Đường xuống Bến phà	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Bến phà mới	840
56.7	Đường đal Cầu Trắng	Giáp ranh xã Thới An Hội	Cầu An Phú Đông	360
56.8	Đường đal	Cầu An Phú Đông	Cầu Kênh Tắc	320
		Cầu An Mỹ	Giáp đường đal Cầu Trắng	320
		Cầu An Phú Đông	Cầu Mương Khai 2 (Giáp Quốc lộ 91B (Đường Nam sông Hậu))	280

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
56.8	Đường đal	Cầu số 4	Cổng Năm Khù (Giáp Quốc lộ 91B (Đường Nam sông Hậu))	280
		Cầu số 6	Cầu Trâm Bầu (giáp Đường huyện 5B)	280
		Ngã tư Quốc lộ 91B (Ấp Mỹ Huề)	Cổng Âu Rạch Mọp	760
		Giáp ranh xã Kế Sách (Bờ Sông Quán)	Cổng Thầy Ba	392
		Giáp ranh xã Kế Sách	Cầu Hai Lép	392
56.9	Trục Đường giữa cồn Mỹ Phước	Cầu Khém	Đầu Cồn	280
56.10	Đường đal An Nghiệp	Giáp ranh xã Kế Sách	Cầu Sáu Hải	280
56.11	Đường đal Phụng An - An Nghiệp	Cầu Bảy Phụng	Đường huyện 6 (Cầu Ba Miếu)	280
56.12	Tuyến Đường khu vực Trung tâm xã	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Vàm Song Phụng	360
56.13	Đường đal Rạch Bần	Cầu Rạch Bần	Giáp ranh xã Đại Ngãi	280
56.14	Đường đal Năm Nhất	Đường huyện 20	Đường đal Rạch Bần	280
56.15	Đường đal Kênh Xáng	Giáp ranh Trụ sở Đảng ủy	Đập Lớn	480
56.16	Đường đal vào Cổng Âu Rạch Mọp	Đường huyện 20 (Nhà bà Nguyễn Thị Nga)	Cổng Âu Rạch Mọp	440
56.17	Đường khu vực Trung tâm xã An Mỹ (cũ)	Ranh đất Trụ sở Công an xã	Cầu Đình	400
56.18	Đường đal còn lại	Cầu Trường Tiền	Bến đò An Mỹ	280
56.19	Khu tái định cư	Quỹ đất tái định cư (04 tuyến đal khu vực chợ)		1.344
56.20	Đường đal Chợ Nhơn Mỹ	Ngã tư xuống Bến phà	Chợ Nhơn Mỹ	784
57	Xã An Lạc Thôn			
57.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Mương Khai	3.600
		Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Hết đất Trường cấp 2 - 3 (cũ)	3.600
		Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Hết ranh đất Mai Văn Dũng	3.600
		Cầu Mương Khai	Cầu Cái Cau	1.440
		Cầu Cái Cau	Cầu Cái Trâm	1.200
		Cầu Cái Trâm	Cầu Phên Đen (Giáp ranh xã Thới An Hội)	1.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
57.2	Đường huyện 1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Sông Hậu	1.440
57.3	Đường huyện 3	Cầu Lộ Đá	Cầu Lâu Bà	1.200
57.4	Đường huyện 3	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Kênh Lộ Đá	880
57.5	Đường huyện 4	Cầu Sóc Tổng (ranh xã Thới An Hội)	Giáp ranh xã Ba Trinh	640
57.6	Đường tỉnh 932	Giáp ranh xã Thới An Hội (Sông Rạch Vọp)	Giáp ranh Cầu Ấp Phên Đen xã An Lạc Thôn	560
57.7	Đường tỉnh 932B	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cống Rạch Bới	2.400
		Cống Rạch Bới	Cầu Rạch Bần (Ranh xã Xuân Hòa cũ)	2.400
		Cầu Rạch Bần (Ranh thị trấn An Lạc Thôn cũ)	Cầu Bờ Dọc	880
		Cầu Bờ Dọc	Đập Chín La	680
		Đập Chín La	Giáp ranh xã Đại Hải	560
57.8	Tuyến tránh Đường tỉnh 932B	Rạch Bần	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1.200
57.9	Đường chợ chính	Đầu ranh đất Hoàng Ba	Hết ranh đất ông Lê Trọng Lập	4.000
		Giáp ranh đất ông Lê Trọng Lập	Sông Hậu	2.560
		Đầu ranh đất ông Dur (Nước Đá)	Hết ranh đất Chùa Bà	2.560
		Đầu ranh đất ông Sành	Hết ranh đất ông Tư Minh	2.560
57.9	Đường chợ chính	Đầu ranh đất Tiệm vàng Hồng Nguyên	Cầu ông Lý Ớ	2.400
		Cầu ông Lý Ớ	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	3.840
		Đầu ranh đất bà Bảy Lành (Giáp ranh Chùa Bà)	Cầu Kênh Đào	1.440
57.10	Đường Khu Hành Chính	Đường tỉnh 932B	Rạch Mương Khai	1.440
57.11	Đường bờ sông	Đầu ranh đất Nguyễn Văn Lượng	Ngã ba Tám Khải	1.040
		Đầu ranh đất bà Nguyễn Ngọc Thảo	Sông Cái Côn	1.200
57.12	Đường vô phân viện	Đầu ranh đất ông Quốc Lương	Hết ranh đất Mười Kết	1.440

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
57.13	Đường đal Trường Tiểu học	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường Khu Hành Chính	1.440
57.14	Đường đal Trường Trung học	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường Khu Hành Chính	1.040
57.15	Đường Dân Sinh Hàng Cau ấp An Ninh	Giáp ranh Xưởng tôn Hồng Cúc	Sông Hậu	1.120
57.16	Khu tái định cư An Lạc Thôn	Đường D4 (Đường trục chính)		1.424
		Đường D3; Đường N1; Đường N2 (Đường nội bộ)		1.160
57.17	Đường huyện 1 đến Nghĩa trang liệt sĩ	Suốt tuyến		280
57.18	Đường mới về UBND xã Trinh Phú (cũ)	Đường tỉnh 932	UBND xã Trinh Phú (cũ)	576
57.19	Đường đal mở rộng	Cầu Hai Nam	Cầu Thanh Niên Ấp 1	280
		Cầu Ba Chợ	Giáp ranh xã Đại Hải	280
57.20	Đường Thanh Tâm - Tha La (Ấp 1)	Cầu số 1	Cầu Tha La	280
57.21	Đường Cái Cau bờ Bắc	Giáp ranh thị trấn An Lạc Thôn (cũ)	Hết ranh Chùa Thiên Phước	280
57.22	Đường vào Khu căn cứ Huyện ủy (xã Xuân Hòa cũ)	Đường tỉnh 932B	Giáp ranh xã Đại Hải	320
57.23	Đường xã Nông Thôn Mới xã Xuân Hòa (cũ) nối Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 932B	Giáp ranh thị trấn An Lạc Thôn cũ	480
57.24	Đường Cầu Lộ Đất	Cầu Lộ Đất	Đường huyện 3	280
58	Xã Kế Sách			
58.1	Đường tỉnh 932	Đường Phan Văn Hùng	Hết ranh đất Nghĩa trang xã Kế Sách	2.240
		Giáp ranh đất Nghĩa trang xã Kế Sách	Cầu NaTung	1.440
58.2	Đường tỉnh 932 (Đường Vòng cung cũ)	Trường Tiểu học Kế Sách 1	Cầu Trắng	1.680
58.3	Đường tỉnh 932C (Đường huyện 2 cũ)	Cầu Bưng Tiét	Cầu Kế Thành	576
58.4	Đường tỉnh 932C	Cầu Kế Thành	Cầu số 1	576

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
58.5	Đường huyện 7 (Ấp An Phú)	Đường tỉnh 932	Đường Vành Đai	960
58.6	Đường 30 Tháng 4	Đầu ranh đất Nhà Thầy Lén	Cầu sắt Kế Sách	6.560
58.7	Đường Ung Công Uẩn	Đầu cầu An Mỹ	Ngã tư Ung Công Uẩn	4.240
		Ngã Tư Ung Công Uẩn	Đường Cách Mạng Tháng Tám	3.840
		Cầu An Mỹ	Ngã ba Bến đò	5.040
		Ngã ba Bến đò	Cổng Mười Mốt	4.000
		Cổng Mười Mốt	Sông Quán (Giáp ranh xã Nhơn Mỹ)	2.400
58.8	Đường Phan Văn Hùng	Đường tỉnh 932	Cầu sắt Kế Sách	4.640
		Cầu sắt Kế Sách	Hết ranh đất Trường Mẫu giáo	3.760
		Giáp ranh đất Trường Mẫu giáo	Cầu Trắng	2.560
58.9	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường tỉnh 932	Cầu Lò Gạch (Cầu kênh Nổi)	1.600
58.10	Đường 3 Tháng 2	Suốt tuyến		4.000
58.11	Đường Bạch Đằng	Suốt tuyến		2.400
58.12	Đường Nguyễn Văn Thợ	Suốt tuyến		4.800
58.13	Đường Lê Văn Lợi	Đường 30 Tháng 4	Đường Phan Văn Hùng	2.400
58.14	Đường Nguyễn Trung Tĩnh	Đường 30 Tháng 4	Đường Lê Văn Lợi	1.280
58.15	Đường Thiều Văn Chỏi	Đường Phan Văn Hùng	Cổng 575	2.400
58.16	Đường Lê Lợi	Cầu Sắt	Đường Phan Văn Hùng	1.600
		Cầu Sắt	Kênh 8 mét	1.200
58.17	Đường Nguyễn Hoàng Huy	Cầu Suối Tiên	Bến đò cũ	2.400
58.18	Đường đal đi Kế Thành	Cầu Lò Gạch (Cầu kênh Nổi)	Cầu Bung Tiết (Kế Thành)	1.200
58.19	Đường xuống Bến đò cũ	Bến đò	Đường huyện 6	2.400
58.20	Đường đal Khu tái định cư Phương Nam (Đường vô Trụ sở Công an cũ)	Đường Ung Công Uẩn	Đường Thiều Văn Chỏi	1.200
58.21	Đường Lê Văn Tám (Ấp An Thành)	Đường Phan Văn Hùng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	2.240
58.22	Đường đal An Ninh 2 (Dọc Sông số 1)	Bến đò	Cổng Trạm Xăng dầu	1.040

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
58.23	Đường Đầu Nối vào Trung tâm Thương mại	Đường Nguyễn Hoàng Huy	Giáp Trung tâm Thương mại	1.200
		Giáp Trung tâm Thương mại	Rạch An Nghiệp	1.200
58.24	Đường đal Khu tái định cư Trung tâm thương mại ấp An Ninh 2	Suốt tuyến		1.200
58.25	Hẻm 1 (Vũ Hùng - 6 Gầm)	Đường Bạch Đằng	Đường 30 Tháng 4	2.160
58.26	Hẻm 2 (Nhà Châu Văn Lâm)	Đường Bạch Đằng	Đường 30 Tháng 4	1.200
58.27	Hẻm 3 (Bà Giàu)	Giáp ranh nhà bà Giàu	Hết đất ông Hà Ngọc Em	1.200
58.28	Hẻm 4 (Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị)	Suốt tuyến		2.160
58.29	Đường trong Khu dân cư - Thương mại	Khu A, K1, K2, I1, I2, G1, G2, E1, F1, F2		3.040
		Khu H1, H2, E2		2.800
		Khu B, C, D		2.400
58.30	Đường N11 (ấp An Khương)	Đường tỉnh 932 (Đường vòng cung cũ)	Cầu Bung Túc	800
59	Xã Thới An Hội			
59.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Trà Éch (Giáp ranh xã Nhơn Mỹ)	Cống Hai Liềm	1.200
		Cống Hai Liềm	Cầu Rạch Vọp	2.080
		Cầu Rạch Vọp	Cầu Phèn Đen (Giáp ranh xã An Lạc Thôn)	1.120
59.2	Đường tỉnh 932	Trụ sở Đảng ủy xã	Cầu Ninh Thới	2.240
		Cầu Ninh Thới	Cầu Hai Vọng	1.120
		Cầu Hai Vọng	Cầu Chùa PôThiThLâng	800
		Cầu Chùa PôThiThLâng	Cầu Trắng	1.040
59.3	Đường Phan Văn Hùng	Cầu Trắng	Giáp ranh xã Kế Sách	1.680
59.4	Đường huyện 5B	Cầu Chùa PôThiThLâng	Cầu Mỹ Hội (Giáp ranh xã Nhơn Mỹ)	800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
59.5	Đường huyện 4	Cầu Sóc Tổng (Giáp ranh xã An Lạc Thôn)	Cầu Xóm Đồng	1.440
		Cầu Xóm Đồng	Cổng 8 Chanh	1.920
		Cổng 8 Chanh	Hết ranh trụ sở Đảng ủy xã	2.240
		Cầu Ninh Thới	Cầu Thị Hồ	720
		Cầu Thị Hồ	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	696
		Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Hết ranh Trụ sở UBND xã	1.440
59.6	Đường về cầu đi Trinh Phú (tuyến mới)	Đường huyện 4	Cầu Thới An Hội - Trinh Phú	1.360
59.7	Đường vòng cung Trường Mậu giáo	Đường tỉnh 932	Đường huyện 4	1.440
59.8	Khu vực Chợ cũ	Cầu qua Chợ cũ	Nhà thờ Tin Lành	560
59.9	Đường đal Cầu Trắng	Cầu Trắng	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	560
59.10	Chợ Cầu Lộ	Các đường nội bộ trong Chợ		1.920
59.11	Chợ An Lạc Tây	Các đường nội bộ trong Chợ		1.040
60	Xã Đại Hải			
60.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	Giáp ranh phường Ngã Bảy	2.080
60.2	Đường tỉnh 932B (cũ)	Quốc lộ 1A	Cổng Vũ Đảo	1.440
		Cổng Vũ Đảo	Ngã ba đất bà Mạch Thị Quê	880
		Ngã ba đất bà Mạch Thị Quê	Cầu Mang Cá 1	1.080
		Cầu Mang Cá 1	Ngã ba giao Đường tỉnh 932B	640
		Ngã ba giao Đường tỉnh 932B	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	640
60.3	Đường tỉnh 932B	Quốc lộ 1A	Kênh thủy lợi (Cổng Vũ Đảo)	756
		Kênh thủy lợi (Cổng Vũ Đảo)	Giáp Đường dẫn cầu Mang cá 1 và Mang cá 2	656
		Đường tỉnh 932B (cũ)	Đường tỉnh 932C	600
		Đường tỉnh 932C	Ngã ba giao Đường tỉnh 932B (cũ)	656

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
60.4	Đường tỉnh 932C	Giáp ranh Trụ sở UBND xã Đại Hải	Cầu Số 1 (Giáp ranh xã Kế Sách)	560
60.5	Đường huyện 3	Đường tỉnh 932B	Rạch Đường Độn (Giáp ranh xã An Lạc Thôn)	320
60.6	Đường huyện 4	Đường tỉnh 932B	Hết ranh Cửa hàng xăng dầu Tuấn Phát	480
		Cửa hàng xăng dầu Tuấn Phát	Hết ranh Trường Tiểu học Ba Trinh	656
		Giáp ranh Trường Tiểu học Ba Trinh	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	560
60.7	Khu vực Chợ Mang Cá	Hết ranh Trụ sở UBND xã Đại Hải	Hết ranh Chùa Thánh Tịnh Phụng Thiên	1.040
		Khu vực nhà lồng Chợ Mang Cá		880
60.8	Đường Mang Cá - Đại Thành	Cầu Đen	Giáp ranh phường Ngã Bảy	800
60.9	Đường Kênh Lầu	Cầu Mang Cá 1	Hết ranh đất ông Đắc (Ấp Đông Hải)	680
		Ranh đất ông Đắc (Ấp Đông Hải)	Quốc lộ 1A	1.040
60.10	Đường cặp Kênh Nam Hải	Quốc lộ 1A	Hết lộ đal hiện hữu	320
		Quốc lộ 1A (Ranh Nhà thờ Đại Hải) hướng qua Nhà thờ Tân Hải	Hết lộ đal hiện hữu	360
60.11	Đường cặp Kênh 25 (Vnsat)	Trạm bơm Mang Cá	Quốc lộ 1A	280
60.12	Tuyến Đường Tập đoàn 2 ấp Đông Hải (Phía bên sông đối diện Quốc lộ1A)	Cống Tiếp Nhứt (Ấp Ba Rinh)	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien	320
60.13	Khu Trung tâm Đảng ủy xã Đại Hải	Giáp ranh Trụ sở Đảng ủy xã Đại Hải	Cầu Mạnh Chi	440
		Cầu Mạnh Chi	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	360
		Đường huyện 4	Hết ranh Đài tưởng niệm	400
60.14	Đường Đảng Ủy - Đường huyện 4 (Lầu Bà)	Hết đất Dương Phúc Mãi	Cầu Lầu Bà 2 (Đường huyện 3)	320

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
60.15	Khu tái định cư Quốc lộ 1A, giai đoạn 1, 2	Suốt tuyến		1.040
61	Xã Phú Tâm			
61.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien	Hết ranh đất Cây xăng Vạn Phúc Lộc (Hết thửa số 669, tờ bản đồ số 8)	2.000
		Giáp ranh đất Cây xăng Vạn Phúc Lộc (Giáp thửa số 669, tờ bản đồ số 8)	Hết ranh đất UBND thị trấn (cũ)	3.600
		Giáp ranh đất UBND thị trấn (cũ)	Giáp ranh xã Thuận Hòa	2.240
61.2	Đường tỉnh 932	Cầu Phú Tâm	Hết ranh đất Trạm Y tế	2.400
		Giáp ranh đất Trạm Y tế	Kênh Ống Bọng	1.280
		Kênh Ống Bọng	Giáp ranh xã Kế Sách	880
61.3	Đường tỉnh 932D	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Thuận Hòa	400
61.4	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Thuận Hòa	Hết ranh đất Cây xăng Quang Minh	1.040
		Giáp ranh đất Cây xăng Quang Minh	Cầu Chợ Thuận Hòa	1.280
61.5	Đường Trần Phú (Đường tỉnh 939B)	Quốc lộ 1A	Đường vào Khu tái định cư Xây Đá	3.200
		Đường vào Khu tái định cư Xây Đá	Đường Trần Hưng Đạo	1.840
61.6	Đường tỉnh 939B	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu 30 Tháng 4	720
		Cầu 30 Tháng 4	Cầu Bảy Quýt	480
61.7	Đường Hùng Vương	Quốc lộ 1A	Đường Phạm Ngũ Lão	3.680
		Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Trần Hưng Đạo	3.200
61.8	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Phú (Đường tỉnh 939B)	Đường Hùng Vương	2.000
61.9	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Phú (Đường tỉnh 939B)	Đường Hùng Vương	1.040
61.10	Đường Bạch Đằng	Đường Hùng Vương	Giáp ranh xã Thuận Hòa	456
61.11	Đường Ngô Quyền	Đường tỉnh 939B	Cổng Ông Minh	880
		Cổng Ông Minh	Giáp ranh xã Thuận Hòa	600
61.12	Đường huyện 93	Cổng Thuận Hòa	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien	440

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
61.13	Đường huyện 94	Đường tỉnh 932	Cầu Kênh 79	640
		Cầu Kênh 79	Cầu Bảy Quýt	480
61.14	Đường huyện 97	Đường huyện 94	Giáp ranh xã Thuận Hòa	400
61.15	Đường A4 (Đường vào UBND thị trấn)	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Trụ sở UBND thị trấn	1.040
61.16	Đường Miếu Quan Đế	Giáp ranh đất Miếu Quan Đế	Kênh Lương Sơn Bá	320
		Kênh Lương Sơn Bá	Đường Cầu Chùa đi xã Trường Khánh	320
61.17	Đường Giồng Cát đi Mỏ Neo	Cầu Giồng Cát	Mỏ Neo (Giáp ranh xã Đại Hải)	336
61.18	Đường Cầu Chùa đi xã Trường Khánh	Đường tỉnh 932	Kênh Lương Sơn Bá	640
		Kênh Lương Sơn Bá	Giáp ranh xã Trường Khánh	400
61.19	Chợ Thuận Hòa	Đường hai bên nhà lồng Chợ		5.600
		Các Đường nội bộ trong khu vực Chợ		4.800
61.20	Chợ Phú Tâm	Đường hai bên nhà lồng Chợ		3.440
		Các Đường nội bộ trong khu vực Chợ		800
61.21	Khu tái định cư Xây Đá	Khu tái định cư Xây Đá đã đầu tư cơ sở hạ tầng		1.280
		Vị trí tiếp giáp Khu tái định cư chưa đầu tư cơ sở hạ tầng		880
61.22	Khu tái định cư Quốc lộ 1A	Các đường khác trong Khu tái định cư		1.840
		Các vị trí tiếp giáp Khu tái định cư		1.360
62	Xã An Ninh			
62.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Thuận Hòa	Hết ranh đất Cây xăng Mỹ Trân	2.800
		Giáp ranh đất Cây xăng Mỹ Trân	Hết cống (Gần Nhà bà Lý Sà Nen)	3.744
		Giáp cống (Gần Nhà bà Lý Sà Nen)	Giáp ranh phường Sóc Trăng	4.560
62.2	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Cầu Kênh 30 Tháng 4	Giáp ranh xã Thuận Hòa	3.600
62.3	Đường tỉnh 938	Giáp ranh phường Sóc Trăng	Đường tỉnh 932 nối dài (Đường đi Chông Nô cũ)	680
		Đường tỉnh 932 (Đường đi Chông Nô cũ)	Hết ranh đất Trường tiểu học An Ninh D	800
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học An Ninh D	Đường tỉnh 939	640

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
62.4	Đường tỉnh 939	Đường tỉnh 938 (Cầu Trắng)	Hết ranh đất Nhà máy Ông Ba Chiến (Thửa số 1521, tờ bản đồ số 04)	1.040
		Giáp ranh đất Nhà máy ông Ba Chiến (Thửa số 1521, tờ bản đồ số 04)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	480
62.5	Đường tỉnh 932 nối dài (Đường đi Chông Nô cũ)	Đường tỉnh 938	Cầu Kênh 76	320
		Cầu Kênh 76	Đường huyện 90	280
		Đường huyện 90	Cầu Bung Tróp A	640
		Cầu Bung Tróp A	Hết đất Chùa Peng Som Rath	480
		Chùa Peng Som Rath	Cầu An Trạch	1.040
		Cầu An Trạch	Quốc lộ 1A	1.360
62.6	Đường tỉnh 932	Quốc lộ 1A	Đường vào Trường Tiểu học An Hiệp A	1.600
		Đường vào Trường Tiểu học An Hiệp A	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1.280
62.7	Đường huyện 90 (Đi Sóc Vồ)	Đường Sóc Vồ	Kênh 26 Tháng 3	640
		Kênh 26 Tháng 3	Kênh 77	520
		Kênh 77	Đường tỉnh 932 nối dài	520
62.8	Đường huyện 93	Đường Sóc Vồ	Đường tỉnh 932 nối dài	400
		Đường tỉnh 932 nối dài	Giáp ranh xã Thuận Hòa	400
62.9	Đường huyện 90 (Đi xã Hồ Đắc Kiện)	Đường tỉnh 932 nối dài	Cầu An Hiệp B	400
		Cầu An Hiệp B	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	320
62.10	Đường Sóc Vồ	Quốc lộ 1A	Cầu Sóc Vồ	448
		Cầu Sóc Vồ	Đường tỉnh 938	360
62.11	Hẻm Ấp Châu Thành	Các Hẻm xóm 1, 2, 3, 4 thuộc Ấp Châu Thành		320
62.12	Chợ An Trạch	Hai bên và dẫy dưới nhà lồng chợ		1.440
62.13	Khu tái định cư	Cả khu		600
62.14	Đường vào Khu tái định cư	Suốt tuyến		680
62.15	Đường vào trường Tiểu học An Hiệp qua Khu tái định cư	Suốt tuyến		600
62.16	Hẻm Chợ Bó Thảo	Đầu ranh đất bà Lếng (Thửa đất số 1176, tờ bản đồ số 06)	Hết ranh đất bà Nguyên (Thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 6)	1.120
		Đầu ranh đất bà Dân (Thửa đất số 1178, tờ bản đồ số 6)	Hết ranh đất ông Xe (Thửa đất số 1226, tờ bản đồ số 6)	1.040
62.17	Các hẻm trung tâm xã An Ninh cũ (ấp Châu Thành, xã An Ninh mới)	Các hẻm thuộc ấp Châu Thành		480
		Hai bên nhà lồng Chợ cũ (Chợ Bó Thảo)		912
		Đường vào Sân bóng cũ		320

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
63	Xã Thuận Hòa			
63.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã An Ninh	Giáp ranh xã Phú Tâm	1.120
63.2	Quốc lộ 60	Giáp ranh xã An Ninh	Giáp ranh phường Sóc Trăng	3.466
63.3	Đường tỉnh 939B (Đường tỉnh 14)	Giáp ranh xã Phú Tâm	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	640
63.4	Đường tỉnh 932	Giáp ranh xã An Ninh	Hết ranh đất Trường Tiểu học Phú Tân A	800
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Phú Tân A	Hết ranh đất Tịnh Xá Ngọc Tâm	1.120
		Giáp ranh đất Tịnh Xá Ngọc Tâm	Giáp ranh xã Phú Tâm	1.840
63.5	Đường huyện 90	Đường tỉnh 939B (Đường tỉnh 14)	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	280
63.6	Tuyến Đê Bao Thuận Hòa (Đường huyện 93)	Giáp ranh xã Phú Tâm	Hết ranh đất Chùa Trà Quýt (cũ)	400
		Giáp ranh đất Chùa Trà Quýt (cũ)	Giáp ranh xã An Ninh	360
63.7	Đường huyện 95	Cầu Ông Cường	Giáp ranh xã Phú Tâm	400
63.8	Đường huyện 96	Đường đal Kênh 30 Tháng 4	Giáp ranh xã Trường Khánh	400
63.9	Đường huyện 97	Quốc lộ 1A	Kênh Hai Sum	640
		Kênh Hai Sum	Giáp ranh xã Phú Tâm	560
63.10	Đường vào Trại Giồng	Quốc lộ 1A	Trại thực nghiệm giống vật nuôi	360
63.11	Đường bao quanh Đảng ủy xã Thuận Hòa	Đường huyện 97	Hết đất Trường Tiểu học Thuận Hòa B	400
		Suốt tuyến		360
		Đường huyện 97	Hết đất Trạm y tế xã Thuận Hòa	360
63.12	Đường vào UBND xã Thuận Hòa	Đường tỉnh 932	Hết ranh đất Trụ sở UBND xã Thuận Hòa	424
63.13	Đường vào Khu du lịch văn hoá Giếng Tiên	Đường tỉnh 932	Cổng vào Khu du lịch văn hóa Giếng Tiên	560
63.14	Đường đal Sa Bâu	Đường huyện 93	Đường đal Kênh Ông Ưống	280
63.15	Đường đal Kênh 6 A1	Quốc lộ 1A	Rạch Hàng Bần	280
63.16	Đường đal Kênh Ông Ưống	Đường huyện 93	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	280
63.17	Đường đal Tư Lung - Bảy Trang	Đường huyện 93	Giáp ranh xã An Ninh	280

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
63.18	Đường đal Kênh Cống 1	Đường tỉnh 939B (Đường tỉnh 14)	Đường đal Kênh Ông Uống	280
63.19	Đường đal Rạch Trà Canh Ruộng	Đường đal Kênh 85, Ấp Trà Canh	Đường đal Tư Lung - Bảy Trang	280
63.20	Đường đal kênh 30 Tháng 4	Hết ranh đất ông Hoàng	Cầu 30 Tháng 4	440
		Cầu 30 Tháng 4	Giáp ranh phường Sóc Trăng	320
63.21	Đường đal	Đường tỉnh 932	Chùa Bốn Mặt	280
		Đường tỉnh 932	Đường đal 135	360
		Đường tỉnh 932	Đường vào Đình Phước Hưng	360
		Giáp ranh đất ông Hoàng	Cổng Chùa ChamPa	392
		Cổng chùa ChamPa	Hết ranh đất bà Hạnh	440
64	Xã Hồ Đắc Kien			
64.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh xã Phú Tâm	1.520
64.2	Đường huyện 92	Đường huyện 93	Cầu Kênh Cũ	520
		Cầu Kênh Cũ	Đường bê tông Phân Trường Phú Lợi	480
64.3	Đường đal	Đường huyện 92	Cầu Kênh Gòn (Phía trước UBND xã Hồ Đắc Kien)	960
64.4	Đường huyện 93	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh xã Phú Tâm	360
64.5	Tuyến Đường vào Trường Mẫu giáo Hồ Đắc Kien	Đường huyện 93	Hết ranh đất Trường Mẫu giáo Hồ Đắc Kien	360
64.6	Đường Kênh 12	Cầu Hai Giỏi	Cầu Đắc Thắng (Cầu phía trước Trụ sở Đảng ủy xã)	280
64.7	Đường Kênh Sáu Lái	Đường huyện 93	Đường Bờ tây Kênh Ba Rinh mới	280
64.8	Đường bờ Tây Kênh Ba Rinh mới (Ba Rinh mới A)	Cầu Kênh Gòn (Từ tâm 54) đi xã Mỹ Hương	Hết đoạn bờ kè, ấp Đắc Thắng	320
		Giáp ranh đất Trạm Y tế xã Hồ Đắc Kien	Giáp ranh xã Đại Hải	320
		Hết đoạn bờ kè, ấp Đắc Thắng	Giáp ranh xã Mỹ Hương	320
64.9	Đường bờ Đông Kênh Ba Rinh mới "Ba Rinh mới B"	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh xã Mỹ Hương	280
64.10	Đường bờ Đông Kênh Ba Rinh cũ	Giáp ranh xã Đại Hải	Đường Kênh 12 (Cầu Đắc Thắng)	320

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
64.11	Đường bờ Tây Kênh Ba Rinh cũ	Giáp ranh xã Đại Hải	Kênh Tân Phước	320
64.12	Đường Bờ bao Phân Trường	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh xã Long Hưng	320
64.13	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Thuận Hòa	Cầu An Tập	2.000
		Cầu An Tập	Hết ranh đất Trụ sở VNPT	1.840
		Giáp ranh đất Trụ sở VNPT	Giáp ranh xã Mỹ Hương	640
64.14	Khu vực nhà lồng Chợ (Thiện Mỹ cũ)	Đường hai bên nhà lồng chợ		2.080
		Đường phía sau nhà lồng chợ		1.840
64.15	Đường huyện 90	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã An Ninh	720
64.16	Đường Mỹ Phú - Mỹ Tân	Cầu Năm Thơi	Giáp ranh xã Long Hưng	320
64.17	Đường Điện Huyện B	Đường huyện 90	Giáp ranh xã An Ninh	320
64.18	Đường Tân Phước	Vật liệu xây dựng Sáu Long	Giáp ranh xã Long Hưng	320
64.19	Đường Kênh Ông Ưống	Suốt tuyến		320
64.20	Đường Kênh Ranh Mỹ An - Mỹ Đức	Suốt tuyến		320
64.21	Đường đál Giao Thông A	Mương Khai A	Đường bờ Tây Kênh Ba Rinh mới (Ba Rinh mới A)	320
64.22	Đường Mương Khai A	Cầu Đường Láng	Cầu Sắt	320
64.23	Đường Mương Khai B	Cầu Sắt	Giáp ranh xã Mỹ Hương	320
65	Xã Mỹ Tú			
65.1	Đường tỉnh 940	Cầu số 1	Cầu số 2	600
		Cầu số 2	Cống Mỹ Phước	480
		Cống Mỹ Phước	Cầu Cái Trầu mới	680
		Cầu Cái Trầu mới	Giáp ranh xã Lâm Tân	480
65.2	Đường tỉnh 938	Giáp ranh xã Mỹ Hương	Đường đál Ô Quên	480
		Đường đál Ô Quên	Rạch Lộ Bể	560
		Rạch Lộ Bể	Giáp ranh xã Lâm Tân	560
65.3	Đường ô tô Trung tâm xã Hưng Phú cũ (Đường tỉnh 939)	Kênh Ba Hữu	Cầu Tư Thành	680
		Cầu Tư Thành	Giáp ranh xã Mỹ Phước	400
65.4	Đường A1 (Đường tỉnh 939)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	Đường Quang Trung	1.440
		Đường Quang Trung	Cầu Kênh 1 Tháng 5	3.200
		Cầu Kênh 1 Tháng 5	Kênh Ba Hữu	1.200
65.5	Đường huyện 82	Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Mỹ Phước (Cầu Kinh số 3)	480

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
65.6	Đường huyện 84	Cầu 1 Tháng 5 (Huyện đội cũ)	Giáp ranh Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1.040
		Giáp ranh Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Cầu Béc Trang	480
		Cầu Béc Trang	Giáp ranh xã Mỹ Phước	400
65.7	Đường huyện 86	Giáp ranh xã Long Hưng	Cầu Trà Cú Cạn	320
		Cầu Trà Cú Cạn	Hết ranh đất Trường Tiểu học Mỹ Tú A	440
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Mỹ Tú A	Đường tỉnh 940	320
65.8	Đường huyện 87 (Đường Rạch Rê)	Đường tỉnh 938	Giáp ranh xã Nhu Gia	280
65.9	Đường huyện 89	Đường huyện 87 (Đường Rạch Rê)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	280
65.10	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh xã Long Hưng	Kênh Ba Vội	560
		Kênh Ba Vội	Hết ranh đất Nhà ông Sáu Cao	1.120
		Giáp ranh đất Nhà ông Sáu Cao	Đập Chín Lờ	1.760
		Đập Chín Lờ	Cầu Ba Thắng	4.640
		Cầu Ba Thắng	Đập Sáu Giúp	2.160
		Đập Sáu Giúp	Kênh số 1 (Áp Mỹ Hòa)	1.200
65.11	Đường Phạm Ngũ Lão	Suốt tuyến		3.040
65.12	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Suốt tuyến		3.040
65.13	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Nhà bà Bé	1.920
65.14	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	Đường Trần Phú	3.360
		Đường Trần Phú	Đường Quang Trung	5.440
		Đường Quang Trung	Cầu 1 Tháng 5 (Huyện đội cũ)	3.600
65.15	Đường Lê Thánh Tông	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Quang Trung	3.040
65.16	Đường Ngô Quyền	Cầu Ba Thắng (Đường Trần Hưng Đạo)	Cầu Đê Mỹ Phước (Đường Quang Trung)	2.400
65.17	Đường Võ Thị Sáu	Cầu Bệnh Viện	Đê Bé Bùi	480
65.18	Đường Trần Phú	Giáp ranh xã Long Hưng	Đường Đồng Khởi	664
		Đường Đồng Khởi	Đường Võ Thị Sáu	3.360
		Đường Võ Thị Sáu	Kênh Út Biện	1.040
		Kênh Út Biện	Kênh số 1 (Áp Mỹ Hòa)	480

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
65.19	Đường Đồng Khởi	Đường Trần Phú	Giáp ranh xã Mỹ Hương	800
65.20	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	2.320
65.21	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	1.440
65.22	Đường Huỳnh Văn Triệu	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	1.200
65.23	Đường Lý Tự Trọng	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1.920
65.24	Đường Quang Trung (Đường tỉnh 940)	Giáp ranh xã Long Hưng	Cầu Sáu Xôi	1.520
		Cầu Sáu Xôi	Kênh Hậu Huyện Đội (cũ)	3.920
		Kênh Hậu Huyện Đội (cũ)	Cầu Đê Mỹ Phước	5.360
		Cầu Đê Mỹ Phước	Hết ranh đất bà Hân	4.800
		Giáp ranh đất bà Hân	Cầu số 1	2.080
65.25	Đường Điện Biên Phủ	Đường 30 Tháng 4	Đường 3 Tháng 2	2.400
65.26	Đường Trung tâm Thương mại thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa (cũ)	Dãy E		17.600
65.27	Đường F12	Cầu Ba Thắng	Nhà lồng Chợ mới	2.000
65.28	Đường D7 (Đường Trung tâm xã Long Hưng)	Đường Đồng Khởi	Giáp ranh xã Long Hưng	800
65.29	Đường đal (Kho lương thực cũ)	Đường tỉnh 940	Đường Trần Hưng Đạo	680
65.30	Đường đal (Chợ Cá)	Đường tỉnh 940	Giáp ranh đất ông Thom	1.440
65.31	Đường nhựa D9	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	1.120
65.32	Đường cũ Cầu Đồn	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	440
65.33	Đường đầu nối Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Đường tỉnh 940	Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	640
65.34	Khu tái định cư Đường A1	Cả khu		1.200
66	Xã Long Hưng			
66.1	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng	Cầu Mỹ Khánh	720
		Cầu Mỹ Khánh	Cầu 1 Tháng 5	880
		Cầu 1 Tháng 5	Cầu Đập Đá	720
		Kênh Đập Đá	Kênh Bắc Bộ	480
		Kênh Bắc Bộ	Kênh Miếu	600
		Kênh Miếu	Kênh Chín Mùi	560
		Kênh Chín Mùi	Kênh Tư Lang	600
		Kênh Tư Lang	Kênh Út Cứng	600
		Kênh Út Cứng	Kênh Ka Rê	600

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
66.2	Đường tỉnh 940	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Kênh Hai Bá	720
		Kênh Hai Bá	Cầu Nhà Thờ	640
		Cầu Nhà Thờ	Giáp ranh xã Mỹ Tú	440
66.3	Đường huyện 32 (Đường huyện 87C)	Cầu qua Nhà Văn hóa xã	Cầu vượt Tân Phước	480
		Cầu vượt Tân Phước	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien	360
66.4	Đường huyện 85	Đường huyện 87B	Đường tỉnh 940	736
		Đường tỉnh 940	Kênh Đập Đá	1.040
66.5	Đường huyện 86	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Giáp ranh xã Mỹ Tú	320
66.6	Đường huyện 87	Giáp ranh xã Mỹ Tú	Cầu vượt Mỹ Khánh	400
		Cầu vượt Mỹ Khánh	Cầu qua Nhà Văn hóa xã và nhánh đến Hết đất Trường Trung học cơ sở Long Hưng A	480
66.7	Đường huyện 87B	Giáp ranh xã Mỹ Tú	Kênh Hai Bá	320
		Kênh Hai Bá	Cầu Vượt Mỹ Khánh	480
		Cầu vượt Mỹ Khánh	Cầu qua UBND xã	600
		Cầu qua UBND xã	Hết ranh Trung tâm Thương mại	1.760
		Giáp ranh Trung tâm Thương mại	Hết ranh đất ông Lê Việt Hùng	680
		Giáp ranh đất ông Lê Việt Hùng	Kênh 1 Tháng 5	624
		Kênh 1 Tháng 5	Kênh Đập Đá	440
		Kênh Đập Đá	Kênh Bắc Bộ	320
		Kênh Bắc Bộ	Kênh Miếu	600
		Kênh Miếu	Kênh Chín Mùi	360
		Kênh Chín Mùi	Kênh Ka Rê	400
66.8	Đường huyện 80	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Kênh Hai Cao	400
		Kênh Hai Cao	Giáp ranh xã Mỹ Tú	320
66.9	Trung tâm Thương mại Long Hưng	Dãy Khu phố 1		2.560
		Dãy Khu phố 2, 3, 4		2.080
		Dãy Khu phố 5, 6		2.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
66.10	Đường D3 - N6	Suốt tuyến		1.440
66.11	Đường D1 - N3	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Hết đất Chợ Long Hưng	1.040
66.12	Đường Ô tô đến Trung tâm xã (Đường huyện 81)	Đầu ranh đất Trụ sở UBND xã	Cầu Kênh 1.000	600
		Cầu Kênh 1.000	Cầu Nguyễn Việt Hồng	320
		Cầu Nguyễn Việt Hồng	Giáp ranh xã Mỹ Phước	320
67	Xã Mỹ Hương			
67.1	Đường tỉnh 939	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Cầu Phú Mỹ 2	640
		Cầu Phú Mỹ 2	Đường vào Chùa Bung Cóc	480
		Đường vào Chùa Bung Cóc	Cầu Trắng	480
		Cầu Trắng	Giáp ranh xã An Ninh (Trạm Bom)	1.440
		Giáp ranh xã An Ninh (Trạm Bom)	Đường vào Chợ Mỹ Hương	800
		Đường vào Chợ Mỹ Hương	Trường THPT Mỹ Hương	1.920
		Trường THPT Mỹ Hương	Cầu Bà Lui	1.360
		Cầu Bà Lui	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1.440
67.2	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Mỹ Tú	Hết ranh đất Nghĩa trang liệt sĩ	800
		Giáp ranh đất Nghĩa trang liệt sĩ	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien	680
67.3	Đường tỉnh 938	Đường tỉnh 939	Cầu Trà Lây 1	1.280
		Cầu Trà Lây 1	Cầu Thuận Hưng	640
		Cầu Thuận Hưng	Giáp ranh xã Mỹ Tú	640
67.4	Đường huyện 88	Đường tỉnh 938	Cầu Ngang	480
		Cầu Ngang	Giáp ranh xã Mỹ Tú	360
67.5	Đường huyện 88B	Đường huyện 88	Đường tỉnh 939	280
		Đường tỉnh 939	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien	560
67.6	Đường huyện 89	Đường tỉnh 939	Kênh Phú Mỹ 1	400
		Kênh Phú Mỹ 1	Giáp ranh xã Mỹ Tú	360
67.7	Đường A1	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1.200
67.8	Đường Chợ Cá	Đường Cầu Xẻo Gừa vào chợ và 2 dãy bên nhà lồng chợ		2.400
67.9	Đường vào sau Chợ mới	Đường tỉnh 939 (đường mới)	Đường cũ (vào chợ)	1.600

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
67.10	Đường đal	Cầu Xẻo Gừa	Hết ranh đất Trường Mẫu giáo (Xóm Lớn)	1.120
		Cầu Xẻo Gừa	Cầu Ông Tám Bầu	1.120
		Cầu Ông Tám Bầu	Giáp sông Xẻo Gừa	800
		Đường tỉnh 939	Hết ranh đất Kho phân Sầu Địa	1.200
		Giáp ranh Chợ Xẻo Gừa	Hết ranh đất ông Trịnh Ngọc Ba	880
		Cổng ranh Chợ Xẻo Gừa	Hết ranh đất Trại cura ông Trần Văn Vạng	1.120
67.11	Đường Chợ Thuận Hưng	Đường hai bên nhà lồng Chợ Thuận Hưng		680
67.12	Đường Chợ Cầu Trắng	Đường hai bên nhà lồng Chợ Cầu Trắng		680
67.13	Đường Chợ Phú Mỹ	Đường hai bên nhà lồng Chợ Phú Mỹ		680
		Đường tỉnh 939	Kênh 2	480
67.14	Đường đal Phú Túc	Giáp ranh phường Phú Lợi	Cổng Thủy Lợi	440
		Cổng Thủy Lợi	Hết đường đal	400
67.15	Khu dân cư Bà Lui	Cả khu		480
67.16	Khu tái định cư xã Mỹ Hương	Đường số 01		1.817
67.17	Khu tái định cư Thuận Hưng	Giáp ranh Cầu Ngang đến Đường tỉnh 938 (tiếp giáp Đường huyện 88)		1.396
		Đường số 01		1.286

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
68	Xã Tân Long			
68.1	Quốc lộ 61B (Đường tỉnh 937)	Giáp ranh xã Phú Lộc	Hết ranh đất Trường Mầm non Thanh Tân	600
		Giáp ranh đất Trường Mầm non Thanh Tân	Cầu 14 Tháng 9	680
		Cầu 14 Tháng 9	Cầu Ông Tàu	600
		Cầu Ông Tàu	Hết ranh đất Cây xăng Mười Biết	800
		Giáp ranh đất Cây xăng Mười Biết	Cầu Cái Trầu	960
		Cầu Cái Trầu	Hết ranh đất Trường Tiểu học Tân Long 1	1.600
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Tân Long 1	Cầu Ba Bọng	1.200
		Cầu Ba Bọng	Hết ranh đất Nhà văn hóa ấp Tân Bình	720
		Giáp ranh đất Nhà văn hóa ấp Tân Bình	Giáp ranh phường Ngã Năm	560
68.2	Đường tỉnh 938	Quốc lộ 61B	Kênh Cầu Xéo	480
		Kênh Cầu Xéo	Giáp ranh xã Lâm Tân	400
68.3	Đường huyện 61	Cầu treo Đường huyện 61	Giáp ranh xã Phú Lộc	320
		Quốc lộ 61B	Giáp ranh xã Lâm Tân	320
68.4	Đường huyện 71	Cầu Ba Bọng	Giáp ranh phường Ngã Năm	320
68.5	Đường huyện 75 (đoạn Mỹ Hòa - Mỹ Hiệp)	Giáp ranh phường Ngã Năm	Giáp ranh phường Mỹ Quới	320
68.6	Đường huyện 64	Đường huyện 61	Giáp ranh xã Lâm Tân	320
68.7	Đường huyện 60	Quốc lộ 61B	Giáp ranh xã Lâm Tân	320
68.8	Đường Ấp Long Thạnh	Cầu Cái Trầu	Cầu Xéo	800
68.9	Đường vào phố	Đầu ranh đất Nhà ông Ty	Hết ranh đất Nhà ông Hiệp	400
69	Xã Phú Lộc			
69.1	Quốc lộ 1	Cầu Xẻo Tra	Hết ranh đất UBND xã Phú Lộc	3.040
		Giáp ranh đất UBND xã Phú Lộc	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	2.000
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh tỉnh Cà Mau (Cầu Nàng Rền)	1.120
69.2	Quốc lộ 61B	Quốc lộ 1	Kênh Hai Tài	2.800
		Kênh Hai Tài	Cầu Sa Di	1.680
		Cầu Sa Di	Giáp ranh xã Tân Long	600

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
69.3	Đường tỉnh 937B (cũ)	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	1.120
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Cầu Cống	1.040
		Cầu Cống	Đường đal vào Miếu Bang Ngọc Bang Ngà	1.680
		Đường đal vào Miếu Bang Ngọc Bang Ngà	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	760
69.4	Đường huyện 64	Đầu cầu Xẻo Tra	Cổng Thái Văn Ba	640
		Cổng Thái Văn Ba	Giáp ranh xã Lâm Tân	520
69.5	Đường huyện 61	Đường huyện 66	Đường huyện 65	400
69.6	Đường huyện 63	Giáp ranh xã Lâm Tân	Quốc lộ 61B	400
69.7	Đường huyện 65	Đường huyện 61	Giáp ranh xã Tân Long	560
69.8	Đường huyện 66	Quốc lộ 61B	Đường huyện 65	400
69.9	Đường huyện 68 (Lộ Kinh Ngay)	Vòng xuyên Đường tỉnh 937B	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	2.000
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1.440
69.10	Đường Văn Ngọc Chính	Cầu Phú Lộc	Đường Nguyễn Trung Trục	2.960
		Đường Nguyễn Trung Trục	Hết ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 16	1.120
		Cầu Phú Lộc	Đường Nguyễn Văn Trỗi	960
69.11	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Quốc lộ 1	Cầu Bào Lớn	880
		Cầu Bào Lớn	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	520
69.12	Đường 1 Tháng 5	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30 Tháng 4	2.960
69.13	Đường Nguyễn Đức Mạnh	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30 Tháng 4	3.200
69.14	Đường Trần Hưng Đạo	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Trung Trục	3.040
69.15	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30 Tháng 4	2.560
69.16	Đường Điện Biên Phủ	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30 Tháng 4	2.080
69.17	Đường cấp công Viên	Quốc lộ 1	Đường Trần Phú	1.920
69.18	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Trung Trục	3.200
		Đường Nguyễn Trung Trục	Cầu 30 Tháng 4	2.880
		Cầu 30 Tháng 4	Đầu Lộ Rẫy Mới	880
69.19	Đường Lý Tự Trọng	Quốc lộ 1	Bệnh viện Đa khoa (cũ)	1.920
69.20	Đường Ngô Quyền	Cầu Phú Lộc	Đường Nguyễn Trung Trục	1.760
		Đường Nguyễn Trung Trục	Miếu Bà	1.040
69.21	Đường Nguyễn Trung Trục	Quốc lộ 61B	Đường 30 Tháng 4	2.560
69.22	Đường Trần Văn Bảy	Quốc lộ 61B	Đường huyện 64	1.920

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
69.23	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Quốc lộ 1	Giáp ranh ấp Thạnh Điền (hết tuyến)	1.040
69.24	Đường Trần Phú	Cầu Công viên	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1.760
69.25	Đường Nguyễn Huệ	Cầu 30 Tháng 4	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	2.320
69.26	Đường nhà lồng Chợ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Văn Ngọc Chính	2.960
		Đường Văn Ngọc Chính	Giáp Bờ kè sông Phú Lộc	2.800
69.27	Đường số 1	Đường Văn Ngọc Chính	Đường Trần Hưng Đạo	1.600
69.28	Đường số 2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 30 Tháng 4	2.000
69.29	Đường Khu dân cư ấp 2	Suốt tuyến		1.040
69.30	Đường đal (Phía sau nhà ông Hai Minh)	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường cặp Công viên	1.440
69.31	Đường số 1	Đầu ranh đất ông Nguyễn	Hết ranh đất bà Đỗ	3.200
69.32	Đường số 2	Đầu ranh đất Bác sĩ Dũng	Hết ranh đất Nhà ông Quách Hưng Đại	2.400
69.33	Đường số 3	Đầu ranh đất Lý Phước Bình	Hết ranh đất Nhà ông Trần Ngọc Minh Thành	3.040
69.34	Đường số 4	Cầu Trương Từ	Hết ranh đất Nhà ông Hùng	3.200
69.35	Đường đal ấp Phú Tân	Giáp ranh xã Gia Hòa	Giáp ranh xã Lâm Tân	440
69.36	Đường đal ấp Thạnh Điền	Cầu Bào Lớn	Giáp ranh xã Gia Hòa	400
69.37	Đường đal cặp Nhà Văn Hóa	Quốc lộ 1	Đường Trần Văn Bảy	560
69.38	Hẻm 1 (Cầu Xẻo Tra)	Quốc lộ 1	Đường Cách Mạng Tháng Tám	560
69.39	Hẻm 4 (Cặp nhà bà Mai)	Quốc lộ 61B	Đường Ngô Quyền	560
69.40	Đường đal (Nhà ông Hòa)	Đường 30 Tháng 4	Hẻm 8	640
69.41	Đường đal (Nhà ông Kiềm)	Đường 30 Tháng 4	Hẻm 8	480
69.42	Đường đal (Cặp Chùa Xa Mau 2)	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	360
69.43	Đường đal (Cặp Nhà ông Tây)	Đường huyện 64	Đường Trần Văn Bảy	480
69.44	Hẻm 6 (Cặp Kênh Trạm Thủy Nông)	Suốt hẻm		480
69.45	Hẻm 7 (Cặp Huyện đội cũ)	Quốc lộ 1	Suốt hẻm	600
69.46	Hẻm 8 (Cặp UBND huyện cũ)	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	640
69.47	Hẻm 9 (Cặp Nhà ông Lai)	Suốt hẻm		600
69.48	Hẻm 10	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	560
69.49	Hẻm 11	Quốc lộ 1	Chùa Phật	560
69.50	Hẻm 12	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	480
69.51	Hẻm 13 (Cầu Đình)	Suốt hẻm		480

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
69.52	Đường cấp Trạm Y tế	Đường huyện 68	Suốt tuyến	1.920
69.53	Đường Chợ	Đường tỉnh 937B	Cầu Bà Kía	1.680
		Đầu ranh đất ông Hấu (Lý Đông)	Hết ranh đất Tiêu Thanh Đức	1.680
		Đầu ranh đất ông Lý Bạc Hó	Hết đất ông Ngô Ìa	880
69.53	Đường Chợ	Đầu ranh đất Nhà ông Lý Hún	Cầu Trương Từ	880
		Đầu ranh đất Nhà ông Quách Hùng Thương	Hết ranh đất Nhà ông Trịnh Thành Công	880
69.54	Đường đal (Kênh Ba Huê)	Đầu ranh đất Nhà ông Tăng Duol	Hết ranh đất Nhà ông Đinh Công Hùng	520
69.55	Đường cấp sông	Đường tỉnh 937B	Hết ranh đất Nhà ông Bành Thiệu Văn (ông Sô)	680
		Đầu ranh đất Nhà bà Lâm Thị Thủy	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	680
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Hết ranh đất Nhà bà Lê ấp Kinh Ngay	680
69.56	Kênh Giồng Chùa	Đầu ranh đất Nhà ông Lý Chấn Thạnh	Hết ranh đất Chùa Lộc Hòa	680
		Giáp ranh đất Nhà ông Lý Chấn Thạnh	Hết ranh đất Nhà ông Lâm Ngọc Giàu	680
69.57	Lộ ấp Công Điền	Quốc lộ 1	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	432
69.58	Đường đal cấp Trạm Thủy nông	Quốc lộ 61B	Đường đal ấp Trương Hiền	480
69.59	Đường đal ấp Xóm Tro 1	Đường tỉnh 937B (cũ)	Hết đất Nhà ông Dương Hoàng Đăng	600
		Giáp ranh Trạm cấp nước phía sau	Hết ranh đất Tô Nam Tin	600
69.60	Đường ấp số 8	Đầu ranh đất ông Tấn Cang	Hết ranh đất ông Trịnh Phol	600
		Đầu ranh đất ông Vũ Văn Hoàng	Hết ranh đất ông Tiền Buộì	1.040
		Đầu ranh đất ông Dương Phal	Hết ranh đất Ngô Văn Thắng	608
		Đường tỉnh 937B (cũ)	Hết ranh đất Nhà máy Lý Khoa	600
		Cầu Bà Kía	Hết ranh đất Nhà máy Lý Khoa	600
		Đầu ranh đất ông Ngô Sang	Hết ranh đất ông Danh Hiền	624

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
69.61	Đường ấp số 9	Đầu ranh đất ông Nguyễn Minh Luận	Hết ranh đất ông Hứa Đen	680
		Giáp ranh đất ông Hứa Đen	Hết đất Nhà máy Kim Hưng	800
69.62	Đường Bào Cát - Quang Vinh	Đường tỉnh 937B (cũ)	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	400
69.63	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh xã Gia Hòa	Quốc lộ 1	560
		Quốc lộ 1	Đường tỉnh 937B (cũ)	1.360
		Đường tỉnh 937B (cũ)	Đường huyện 68	640
		Đường huyện 68	Đường tỉnh 937B (cũ) (Ngã ba Kênh thủy lợi)	720
		Đường tỉnh 937B (cũ) (Ngã ba Kênh thủy lợi)	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	560
70	Xã Vĩnh Lợi			
70.1	Đường tỉnh 937B	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Cầu Chợ	560
		Cầu Chợ	Hết ranh đất ông Hà Văn Đường	720
		Giáp ranh đất ông Hà Văn Đường	Giáp ranh phường Mỹ Quới (Cầu Bò Tây)	560
70.2	Đường huyện 61 (Đường huyện 5 cũ)	Đầu ranh đất ông Bì (Đường tỉnh 937B)	Hết ranh đất bà Muối	560
		Giáp ranh đất Bà Muối	Hết ranh đất bà Lê Thị Nhung	440
		Giáp ranh đất bà Lê Thị Nhung	Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Thành cũ	520
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Thành cũ	Giáp ranh xã Phú Lộc	440
70.3	Đường huyện 65	Giáp ranh xã Tân Long	Giáp ranh xã Phú Lộc	440
70.4	Đường huyện 68	Giáp ranh phường Mỹ Quới (Đầu ranh đất ông Khẩn)	Cầu Bảy Âm	600
		Cầu Bảy Âm	Giáp ranh xã Phú Lộc	480
70.5	Đường huyện 67	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây (cầu ông Oanh)	Cầu số 8	480
		Cầu số 8	Cầu số 9 (Hết ranh đất ông Hòa)	520
		Cầu số 9 (Hết ranh đất ông Hòa)	Hết ranh đất ông Bành Phong (Ấp Quang Vinh)	520

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
70.6	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh phường Mỹ Quới	Đường tỉnh 937B	560
		Đường tỉnh 937B	Ngã ba giao với Đường tỉnh 937B (Cây xăng Hai Dương)	640
		Ngã ba giao với Đường tỉnh 937B (Cây xăng Hai Dương)	Giáp ranh xã Phú Lộc	720
70.7	Đường giao thông nông thôn Vĩnh Thành - Vĩnh Lợi	Đường tỉnh 937B	Hết ranh đất Thánh Thất Hư Vô Cảnh	640
		Giáp ranh Thánh Thất Hư Vô Cảnh	Kênh 30 mét (Kênh Xáng Nàng Rền)	480
70.8	Khu Chợ trung tâm	Các tuyến đường bộ trong khu vực chợ		640
70.9	Đường đal ấp 15	Đầu ranh đất ông Trần Văn Đạt (Chân Cầu Chợ)	Kênh Nàng Rền	560
		Đầu ranh đất ông Sang	Cầu Tây Nhỏ	440
		Đường tỉnh 937B	Cầu Treo (Cầu Ông Xe)	560
70.10	Đường đal ấp 17	Cầu Bà Út Đồn	Đường huyện 65	440
71	Xã Lâm Tân			
71.1	Đường tỉnh 938	Giáp ranh xã Tân Long	Giáp ranh xã Mỹ Tú	480
71.2	Đường tỉnh 940 (mới)	Giáp ranh xã Nhu Gia	Cổng Tuân Túc	480
		Cổng Tuân Túc	Giáp ranh xã Mỹ Tú	400
71.3	Đường tỉnh 940 (cũ)	Cổng Tuân Túc	Giáp ranh xã Nhu Gia (Chùa Thạnh Phú)	400
71.4	Đường huyện 69	Giáp ranh xã Tân Long (Cầu Rạch Chóc)	Kênh 85	432
71.5	Đường huyện 64 (Huyện 1 cũ)	Giáp ranh xã Phú Lộc	Hết ranh đất Nhà máy Lai Thành	384
		Giáp ranh đất Nhà máy Lai Thành	Giáp ranh xã Tân Long	320
71.6	Đường huyện 63 (Huyện 5 cũ)	Giáp ranh xã Phú Lộc	Cầu Tân Định	384
		Cầu Tân Định	Đường huyện 61	320
71.7	Đường huyện 61 (Huyện 2 cũ)	Giáp ranh xã Tân Long	Kênh Mương Điều Chắc Túc	320
		Kênh Mương Điều Chắc Túc	Kênh Rạch Trúc	400
		Kênh Rạch Trúc	Đường đal Kiết Thắng - Kiết Thống	320
		Đường đal Kiết Thắng - Kiết Thống	Đường huyện 63	400
		Đường huyện 63	Đường tỉnh 940	360
71.8	Đường huyện 62	Đường huyện 61	Giáp ranh xã Gia Hòa	320

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
71.9	Đường huyện 60 (Đường 14 Tháng 9 cũ)	Giáp ranh xã Tân Long	Kênh Rạch Trúc	320
71.10	Đường ấp Trung Hòa	Đường huyện 63	Cầu giáp ranh ấp Trung Bình	440
71.11	Đường Trung Thống - Tân Định	Đường huyện 63	Đường huyện 61	496
71.12	Khu vực Xóm Phố	Đầu đất Chùa Trà É (Chùa Muni Srăs Keo)	Đường huyện 61	640
71.13	Đường đal Kiết Lợi - Trà Do (Trung tâm xã)	Đường huyện 61	Đường tỉnh 940	440
71.14	Đường đal Kiết Thống - Kiết Thắng (Đường liên xã)	Đường huyện 61 (Ngã tư Kiết Thắng - Kiết Lợi)	Đường huyện 61 (Ngã ba Kiết Thống)	320
71.15	Đường đal ấp Kiết Hòa	Cổng Mương Côi	Kênh Rạch Trúc	320
71.16	Đường đal ông Thái (Đoạn 1)	Kênh Mương Điều Chắc Túc	Kênh Hai Trường	360
71.17	Đường đal Kiết Lợi - Trà Do (Trung tâm xã)	Đường đal Kiết Lợi - Trà Do	Đường huyện 61	360
72	Xã Thạnh Thới An			
72.1	Đường tỉnh 935	Giáp ranh xã Tài Văn	Cầu An Nô	640
		Cầu An Nô	Cầu So Đũa	600
		Cầu So Đũa	Cầu Mỹ Thanh (Giáp ranh phường Khánh Hòa)	480
72.2	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh xã Liêu Tú	Đường huyện 35	440
72.3	Đường huyện 35	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	360
72.4	Đường huyện 36	Đường tỉnh 935	Cầu Thạnh Thới An	400
		Cầu Thạnh Thới An	Giáp ranh xã Liêu Tú	360
73	Xã Tài Văn			
73.1	Đường tỉnh 934	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Hết ranh đất Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Hà Bô (cũ)	1.920
		Giáp ranh đất Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Hà Bô (cũ)	Cầu Tài Văn	1.440
		Cầu Tài Văn	Hết ranh đất Trụ sở UBND xã Tài Văn	1.600
		Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã Tài Văn	Cầu Trà Đức	1.200
		Cầu Trà Đức	Giáp ranh xã Liêu Tú	880

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
73.2	Đường tỉnh 935	Đường tỉnh 934 (Ngã ba Tài Văn)	Hết ranh đất Cây xăng Châu Khoa	800
		Giáp ranh đất Cây xăng Châu Khoa	Giáp ranh xã Thạnh Thới An	640
73.3	Đường tỉnh 934B	Giáp ranh xã Tân Thạnh	Cầu Bung Chông	880
		Cầu Bung Chông	Giáp ranh xã Long Phú	800
73.4	Đường huyện 32 (Đường vào chùa Lao Vên)	Đoạn trên địa bàn xã Tài Văn		560
73.5	Đường huyện 31	Đường tỉnh 934B	Cầu Trinh Sương	560
		Cầu Trinh Sương	Ranh Kênh Tiếp Nhựt	448
73.6	Khu vực chợ Tài Văn	Suốt tuyến		800
73.7	Đường đal	Kênh Tiếp Nhựt (cầu đối diện chùa Bâng Tone Sa)	Ngã ba (gần đường vào Chùa Chông Prek)	400
		Đường tỉnh 934	Cầu Bung Sa Trong (cầu ông Lùng)	400
		Đường đal vào ấp Bung Chông	Hết ranh đất ông Trần Văn Khải	320
		Kênh Tiếp Nhựt	Hết ranh đất Trường Trung học cơ sở Tài Văn	320
		Salatel ấp Chắc Tung (Xóm Giữa)	Đường đal vào ấp Bung Chông	320
		Cầu Tài Công	Đường tỉnh 934B	320
		Kênh Tiếp Nhựt (Cầu Chợ cũ)	Cầu ông Sóc (Xóm Ngọn)	320
73.8	Đường đal cặp kênh 96 Long Hưng (phía đông)	Suốt tuyến		320
73.9	Đường đal phía Tây kênh 96 Long Hưng	Kênh Tiếp Nhựt	Đường tỉnh 934B	320
73.10	Đường đê bao Phú Hữu - Mỹ Thanh	Suốt tuyến		320
73.11	Đường đal (Cặp Kênh Tiếp Nhựt)	Kênh Ông Liêm	Cầu Tài Công	320

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
74	Xã Liêu Tú			
74.1	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	Đường đal Giồng Chát (Trạm Y tế xã Liêu Tú)	1.200
		Đường đal Giồng Chát (Trạm Y tế xã Liêu Tú)	Hết ranh Trường Trung học cơ sở Liêu Tú	1.280
		Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Liêu Tú	Cầu Trà Mon	1.200
		Cầu Trà Mon	Hết ranh đất Cây xăng Thuận An	880
		Giáp ranh đất Cây xăng Thuận An	Giáp ranh xã Tài Văn	800
74.2	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	Cổng Tổng Cánh	384
		Cổng Tổng Cánh	Giáp ranh xã Thạnh Thới An	440
74.3	Đường tỉnh 934B	Giáp ranh xã Trần Đề	Giáp ranh xã Long Phú	880
74.4	Khu vực chợ Viên Bình	Đường hai bên hông chợ Viên Bình		656
74.5	Đường huyện 32	Đường tỉnh 934	Chùa Lao Vên (Cầu Chùa Lao Vên)	800
		Trường Mẫu giáo (Cầu Chùa Lao Vên)	Đường tỉnh 936B	400
74.6	Đường huyện 36	Suốt tuyến		400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
74.7	Đường Đại Nôn - Tổng Cánh	Đường tỉnh 934	Kênh Chệt Yệu	360
		Kênh Chệt Yệu	Cầu Tổng Cánh	360
		Cầu Tổng Cánh	Cổng Tổng Cánh (Đường tỉnh 936B)	360
74.8	Đường đal	Đầu ranh đất ông Trịnh Hữu Bình (Thầy Đức)	Cầu Ông Đáo	320
		Bến đò cũ Tổng Cánh qua đất ông Hải	Hết ranh đất ông Tám Tạo	320
		Cầu sắt ông Thại	Hết ranh đất ông Lâm Phel	320
		Giáp ranh đất ông Tám Tạo	Đê ngăn mặn	320
		Giáp ranh đất ông Tô Văn Tĩnh	Hết ranh đất ông Trần Phước Tâm	320
		Đầu ranh đất ông Châu Ngọc Tân	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cơ	400
		Đầu ranh đất Nhà ông Lưu Quốc Phong	Cổng Tổng Cánh (Đường tỉnh 936B)	320
		Chùa Bâng Phniết	Giáp ranh xã Trần Đề	320
		Đường tỉnh 934	Hết ranh Trường Mầm non Liêu Tú	400
74.9	Đường đal chợ Viên Bình	Chợ Viên Bình	Trường Mẫu giáo	400
75	Xã Lịch Hội Thượng			
75.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Trần Đề	Giáp ranh xã Vĩnh Hải (Cầu Mỹ Thanh 2)	440
75.2	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh xã Liêu Tú	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	440
75.3	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Trần Đề	Cầu Hội Trung	1.600
		Cầu Hội Trung	Cầu Huyện Đội	1.920
		Cầu Huyện Đội	Hết ranh đất Trần Huy làm bãi chứa vật liệu xây dựng	2.240
		Giáp ranh đất ông Trần Huy làm bãi chứa vật liệu xây dựng	Giáp ranh xã Liêu Tú	1.520

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
75.4	Đường tỉnh 933C	Giáp ranh xã Trần Đề	Kênh Ba Mới	560
		Kênh Ba Mới	Kênh Tư Mới	640
		Kênh Tư Mới	Cầu Nhà máy Khánh Hưng	800
		Đường tỉnh 934 (Lộ Sóc Giữa)	Ngã ba Chùa Pôthi Prúk	1.200
		Ngã tư Hòa Đức	Ngã tư cây Vông	2.720
		Ngã tư cây Vông	Ngã ba Chùa Hai Ông Cọp	1.760
		Ngã ba Chùa Hai Ông Cọp	Đường Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	960
		Đường Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Hết ranh đất chùa Sóc Tia	800
		Giáp ranh đất chùa Sóc Tia	Giáp ranh xã Trần Đề (Kênh Sáu Quế 1)	560
75.5	Đường Hai Bà Trưng	Đường tỉnh 934	Hết ranh đất Trường Trung học cơ sở Lịch Hội Thượng A	5.200
		Giáp ranh đất Trường Trung học cơ sở Lịch Hội Thượng A	Hết ranh đất Chợ mới xã Lịch Hội Thượng	7.600
		Giáp ranh đất Chợ mới xã Lịch Hội Thượng	Ngã tư Phố Dưới	4.000
75.6	Khu tái định cư Lịch Hội Thượng	Đường trong Khu tái định cư		1.600
75.7	Đường nhựa	Đầu ranh Nhà ông Ngô Văn Nguyên	Hết ranh đất Nhà ông Trần Văn Cam	7.600
		Đầu ranh đất Nhà bà Trần Huyền Trang	Hết ranh đất Nhà ông La Văn Trung	7.600
		Ngã tư Ông Xưa	Ngã tư Hòa Đức	5.200
		Ngã tư Thanh Vân	Hết ranh đất Nhà ông Hấu	5.600
		Ngã tư ông Nía	Hết ranh quán cafe ông Nỉ	5.600
		Ngã tư Hòa Thành	Hết ranh đất Trường Tiểu học A	3.200
		Ngã tư Hòa Đức	Hết ranh đất nhà bà Yến Ông Dín	3.360

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
75.7	Đường nhựa	Đầu quán Thanh Vân	Cổng Ông Hiệp	2.800
		Sân trước Chùa Ông Bồn	Giáp nhà lồng Chợ	3.600
		Sân trước Chùa Ông Bồn	Cầu Hội Đồng	2.720
		Ngã tư Phố Dưới	Hết ranh đất Nhà ông Xía	2.560
		Giáp ranh đất Nhà ông Xía	Đường Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1.120
		Cổng Ông Hiệp	Cầu Vĩnh Tường	2.560
		Đầu ranh đất Chùa Phước Đức Cổ Miếu	Cầu Vĩnh Tường	2.000
75.8	Các tuyến Hẻm	Hẻm cặp Nhà ông Liên Tấn	Trường Tiểu học B	1.440
		Hẻm cặp Trường Tiểu học B	Suốt hẻm	480
		Hẻm nhà ông Tám Điếc	Suốt hẻm	560
		Hẻm nhà ông Lâm Sướng	Suốt hẻm	560
		Hẻm Quán Thanh Vân (cặp nhà ông Hâu)	Giáp nhà lồng Chợ	4.000
		Hẻm Nhà ông Huỳnh Chứ	Suốt hẻm	480
75.9	Đường đal	Kênh Ông Thầy Pháp	Kênh Ông Vinh	640
		Đầu ranh đất Huyện Đội	Kênh Ông Vinh	480
		Đường Sóc Bì Hội Trung từ Đường tỉnh 934	Đường tỉnh 933C (Ngã tư Cây Vông)	640
		Kênh Thầy Pháp	Kênh Giồng Chát	400
		Đường đal cặp Nhà ông Dên	Suốt tuyến	480
		Cầu Vĩnh Tường	Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	880
		Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Ngã ba Bằng Lăng	640
		Ngã tư Chùa Hội Phước	Quốc lộ 936B	400
75.10	Đường gom Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Giáp ranh xã Trần Đề	Giáp ranh xã Liêu Tú	400
75.11	Đường tránh Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Ngã ba Đường tỉnh 933C (Chùa Hai Ông Cọp)	Ngã ba Đường tỉnh 933C (Ngã ba Bằng Lăng)	560
76	Xã Trần Đề			
76.1	Đường vào Khu tái định cư Nam Sông Hậu	Đường tỉnh 934	Đường Trục Đê bao An ninh Quốc phòng	1.680

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
76.2	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Ngan Rô (Ranh Đại Ân 2)	Kênh 1 (Ranh Khu Công nghiệp)	2.560
		Kênh 1 (Ranh Khu Công nghiệp)	Hết ranh đất Trạm biến áp 110 điện lực	3.040
		Giáp ranh đất Trạm biến áp 110 điện lực	Ngã ba đèn xanh, đèn đỏ (Đường tỉnh 934)	3.360
		Ngã ba đèn xanh, đèn đỏ (Đường tỉnh 934)	Cổng Bẫy Giá	3.040
		Cổng Bẫy Giá	Cổng Tầm Vu	2.400
		Cổng Tầm Vu	Hết ranh đất Trạm cấp nước Mỏ Ó	2.400
		Giáp ranh đất Trạm cấp nước Mỏ Ó	Cầu Sáu Quế 2	2.000
		Cầu Sáu Quế 2	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	2.000
		Cầu Ngan Rô	Kênh Quốc Hội	1.200
		Kênh Quốc Hội	Kênh Xả Chỉ - Long Phú	960
76.3	Quốc lộ Nam Sông Hậu (Phía Tây không giáp kênh)	Cầu Ngan Rô (Ranh Đại Ân 2)	Đường đal (Giáp ranh đất ông Huỳnh Tấn Phát)	2.400
76.4	Quốc lộ Nam Sông Hậu (Phía Tây, giáp kênh thủy lợi cũ)	Đầu ranh đất ông Huỳnh Tấn Phát	Ngã ba Đường tỉnh 934B	1.680
		Ngã ba Đường tỉnh 934B	Kênh 2 Mới	2.400
		Kênh 2 Mới	Hết ranh đất ông Trương Văn Đăng	2.560
76.5	Đường tỉnh 933C	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1.120
		Giáp ranh xã Long Phú	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng (Kênh 1 mới)	520
76.6	Đường tỉnh 934	Cầu Bẫy Giá	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ngã ba đèn xanh đèn đỏ)	2.400
		Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Nhà ông Nghiêm)	Đường 19 Tháng 5	2.240
		Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Đen	1.680
		Cầu Đen	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	1.200
76.7	Đường tỉnh 934B	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Kênh Bồn Bồn	1.200
		Kênh Bồn Bồn	Đường tỉnh 933C	1.040
		Đường tỉnh 933C	Giáp ranh xã Liêu Tú	800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
76.8	Đường huyện 34	Đầu ranh đất Nhà ông Chính Phương (Đối diện Thánh Thất Đại Ân 2)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	480
		Cầu Bung Cốc	Cổng Ông Til	560
		Cổng Ông Til	Đường tỉnh 933C	440
		Cầu Bung Cốc	Đập Ngan Rô	480
76.9	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường vào Cảng cá Trần Đề	2.400
76.10	Đường 19 Tháng 5	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Hết ranh đất Trạm Biên phòng Trần Đề	2.400
76.11	Đường vào Khu hành chính	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường Lăng Ông	2.400
76.12	Đường 27 Tháng 7	Đường tỉnh 934	Đường Lăng Ông	1.440
76.13	Đường 22 Tháng 12	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh đất Công an huyện (cũ)	1.440
76.14	Đường Lăng Ông	Đường 19 Tháng 5 (Đi Lăng Ông)	Đường vào Khu tái định cư	1.280
76.15	Đường Võ Thị Sáu (N1)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Trục Đê bao An ninh Quốc phòng	2.400
76.16	Đường từ Kênh Tư đến Cổng Bẫy Giá	Cầu Kênh Tư	Đê ngăn mặn	2.000
76.17	Đường vào Khu tái định cư Khu Công nghiệp Trần Đề	Suốt tuyến		3.200
76.18	Đường đál nổi bến phà Cù Lao Dung	Đầu ranh nhà ông Phan Văn Minh	Bến Phà đi Cù Lao Dung	1.040
76.19	Đê ngăn mặn	Đường 30 Tháng 4	Kênh 2	1.040
		Kênh 2	Hết ranh Khu công nghiệp	800
		Giáp ranh Khu công nghiệp	Hết ranh đất bà Trần Thị Thanh Trinh	800
		Giáp ranh Trung tâm thương mại	Ngã tư Khu hành chính	1.440
		Ngã tư Khu hành chính	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1.040
76.20	Đường Trục Đê bao và An ninh Quốc Phòng	Đầu ranh Bến tàu SuperDong	Ngã tư Khu hành chính	2.400
76.21	Khu vực trong Cảng cá Trần Đề	Khu vực dịch vụ gồm 02 khu vực: 4, 5		1.200
		Khu vực sản xuất gồm 03 khu vực: 1, 2, 3		1.040
76.22	Đường phía sau Công an huyện (cũ)	Đường 22 Tháng 12	Đường Đê ngăn mặn	800
76.23	Đường đál (Hướng đi Nhà ông Hóa)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cuối đường (Kênh Bạc Hia)	560

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
76.24	Đường đal Kinh 3	Suốt tuyến		560
76.25	Đường đal	Đường tỉnh 934	Hết ranh đất Trường Tiểu học Trần Đề A	800
		Giáp ranh đất Trụ sở Đảng Ủy (cũ)	Hết ranh đất Nhà Thầy Hòa	656
		Giáp ranh Nhà Thầy Hòa	Cổng sau Nhà thờ Bãy Giá	480
		Đường Quân khu từ Đường tỉnh 934	Hết ranh đất Nhà ông Mười Sọ	800
		Giáp ranh đất Nhà ông Mười Sọ	Cầu 30 Tháng 4	576
		Đường Mỏ Ó Tuyến 2	Suốt tuyến	656
76.26	Đường đal (Cấp Kênh 01)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường đal Đê ngăn mặn	560
76.27	Đường đal (Cấp Kênh Tiếp Nhựt)	Suốt tuyến		560
76.28	Đường đal trong Khu dân cư ấp Chợ	Đầu ranh Nhà ông Thầy Nhu (Đường huyện 34)	Suốt tuyến giáp Sông Ngan Rô (Đường huyện 34)	800
		Đầu ranh đất Nhà ông Trí Nguyễn	Hết ranh quán Cafe Ông Vinh (Đường huyện 34)	800
76.29	Đường cấp Chợ Bãy Giá (Hai bên)	Đường tỉnh 934	Hết ranh Chợ Bãy Giá	800
76.30	Đường trong Khu dân cư ấp Mỏ Ó	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 933C	560
		Các tuyến đường còn lại trong Khu dân cư		400
76.31	Đường đal Cống 2 (Ông Khinh)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Kênh Sáu Quế 1	480
76.32	Đường đal (Cấp kênh 6 Quế 2)	Đường tỉnh 933C	Kênh 80	480
76.33	Đường Kênh Ông Phục	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Kênh Sáu Quế 1	480
76.34	Đường đal Kênh Hai Dao	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 934	400
76.35	Đường đal cấp Trường Tiểu học Trần Đề B (mới)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 934	400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
76.36	Đường đal (sau Đường 19 Tháng 5)	Đường đal Lăng Ông	Ranh đất ông Nguyễn Văn Cờ	400
76.37	Đường đal Kênh 2	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường Đê ngăn mặn	400
76.38	Đường đal Kênh 1 trong	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường đal cặp Kênh Bồn Bồn	480
76.39	Đường đal (Đê ngăn mặn cũ)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 934	400
76.40	Đường đal cặp Nhà ông Triệu Sự	Đường tỉnh 934	Kênh Tiếp Nhựt	400
76.41	Đường đal cặp Nhà ông Châu Văn Liên	Đê ngăn mặn	Hết ranh đất Nhà ông Hứa Văn Dũng	400
76.42	Đường đal Khu 3	Đường tỉnh 934 (cũ)	Đường đal cặp Kênh Tiếp Nhựt	480
76.43	Đường đal trong Khu dân cư ấp Chợ	Ngã ba Trụ sở UBND xã Trần Đề	Hết ranh đất Nhà bà Nguyễn Thị Liễu	400
		Giáp ranh đất Nhà bà Nguyễn Thị Khánh	Hết ranh Nhà ông Dư Văn Lập (Đường huyện 34)	400
76.44	Đường đal	Giáp ranh Nhà thờ Bãy Giá (Nhà ông Tây)	Hết ranh đất Nhà ông Năm Mẫn	480
		Cầu 30 Tháng 4	Cống Tầm Vu	480
		Đường Quân Khu	Đường nhựa vào Nhà thờ	480
		Đê ngăn mặn từ Cổng Bãy Giá	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Hướng Mỏ Ó)	480
		Đập Ngan Rô (cũ)	Miếu Bà	440
		Kênh Bồn Bồn qua đầu cầu Chợ	Cầu Nhà Ông Mỏ	480
		Cầu Thanh Niên (Kênh Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu))	Kênh 1	480
		Ngã ba Kênh Tiếp Nhựt	Chùa Đon Kđôn	480
		Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Chùa Đon Kđôn	480
		Đường tỉnh 934	Chùa Đon Kđôn	440
76.45	Đường N2	Suốt tuyến		800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
77	Xã An Thạnh			
77.1	Quốc lộ 60 (Phà Đại Ngãi)	Bến phà phía sông Đại Ngãi	Bến phà phía sông Trà Vinh	1.600
77.2	Quốc lộ 60 (Cầu Đại Ngãi)	Cầu Đại Ngãi 1 (Thuộc ấp Đặng Trung Tiến)	Cầu Đại Ngãi 2 (Thuộc ấp An Phú A)	1.600
77.3	Đường tỉnh 933B	Bến phà Kênh Đào	Đường giao thông nông thôn Rạch Su	1.440
		Đường giao thông nông thôn Rạch Su	Ấp An Lạc (Ngã tư Chợ Rạch Sâu)	1.344
		Ấp An Lạc (Ngã tư Chợ Rạch Sâu)	Quốc lộ 60 (Nút giao cầu Đại Ngãi)	1.200
		Quốc lộ 60 (Nút giao cầu Đại Ngãi)	Đường Hùng Vương	1.200
77.4	Đường huyện 10	Ngã ba Đường tỉnh 933B (Nhà bà Lê Thị Nguyệt)	Hết ranh đất Cơ sở giáo dục Cồn Cát	720
		Cầu Cồn Cát	Giáp ranh xã Cù Lao Dung (Cầu Khém Sâu)	360
77.5	Đường nhựa dẫn ra đê Tả Hữu (Đường huyện 10)	Đường huyện 10 (Cồn Cát)	Đê Tả Hữu	360
77.6	Đường huyện 11	Nhà ông Mạnh Ngọc Phong	Quốc lộ 60 (Cầu Đại Ngãi 1)	600
		Quốc lộ 60 (Cầu Đại Ngãi 1)	Cầu Ông Út Quận + 80 mét	480
		Cầu ông Út Quận + 80 mét	Cầu Rạch Giữa	400
		Cầu Rạch Giữa	Cầu Tư Giáo (Ông Thầy Nhỏ)	360
77.7	Đường huyện 12A	Cầu Đoàn Thế Trung	Cầu Bần Cầu (giáp xã Cù Lao Dung)	680
77.8	Đường huyện 12B	Đường Hùng Vương	Cầu Bến Bạ	1.440
		Cầu Bến Bạ	Đường huyện 11	1.040
		Ngã ba ấp Trương Công Nhựt	Cầu Lòng Đàm	800
77.9	Đường huyện 13	Đường huyện 11	Giáp ranh xã Cù Lao Dung (Sông Bến Bạ)	360
77.10	Đường Đồng Khởi	Đường Xóm Cũi	Hết ranh đất Nhà văn hóa thị trấn Cù Lao Dung (cũ)	3.040
		Giáp ranh đất Nhà văn hóa thị trấn Cù Lao Dung (cũ)	Đường huyện 12B	2.720
		Đường Xóm Cũi	Cầu Bến Bạ nhỏ	3.040

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
77.11	Đường Xóm Cũi	Đường Đồng Khởi	Ngã ba giao Đường đal với Đường Lương Định Của nối dài	2.720
		Ngã ba giao Đường đal với Đường Lương Định Của nối dài	Đường số 1	1.120
77.12	Đường Đoàn Thế Trung	Chợ Bến Bạ	Ngã tư giao Đường Hùng Vương	3.360
		Ngã tư giao Đường Hùng Vương	Cầu Đoàn Thế Trung	2.960
77.13	Đường Hùng Vương	Đường tỉnh 933B	Đường 3 Tháng 2	1.200
		Đường 3 Tháng 2	Hết ranh đất Cây xăng Lê Vũ	2.400
		Giáp ranh đất Cây xăng Lê Vũ	Cầu Kinh Đình Trụ (Giáp xã Cù Lao Dung)	1.760
77.14	Đường 30 Tháng 4	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Bệnh viện mới	800
		Giáp ranh đất Bệnh viện mới	Sông Cồn Tròn	480
77.15	Đường 3 Tháng 2	Đường Đồng Khởi	Đường Hùng Vương	1.440
77.16	Đường số 1	Đường Đoàn Thế Trung	Đường Đoàn Văn Tố	1.680
77.17	Đường Lương Định Của (Đường 20 Tháng 11) (cũ)	Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Tố	1.120
		Đường Đoàn Văn Tố	Ngã ba giao Đường đal với Đường Xóm Cũi	1.120
77.18	Đường Đoàn Văn Tố	Đường Đồng Khởi	Đường Hùng Vương	1.440
77.19	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Đoàn Thế Trung	Hết ranh đất Trường Tiểu học Cù Lao Dung	560
77.20	Đường hai bên hông Chợ Bến Bạ	Suốt tuyến		4.800
77.21	Đường N2	Đường Đoàn Thế Trung	Giáp ranh đất Đình Nguyễn Trung Trực	520
77.22	Đường N4	Đường Nguyễn Trung Trực nối dài	Đường 30 Tháng 4	520
77.23	Đường N6	Đường 3 Tháng 2	Hết ranh đất Nhà mẹ Việt Nam Anh Hùng Phan Thị Tình (Ấp Chợ)	1.308
77.24	Đường D3	Đường tỉnh 933B	Đường Rạch Lá	1.308
77.25	Đường D4	Đường tỉnh 933B	Đường 1 Tháng 5	1.308
77.26	Đường Xóm 5	Đường Đoàn Thế Trung	Đường huyện 12B	1.120
77.27	Đường 1 Tháng 5	Đường 3 Tháng 2	Đường Hùng Vương	560
		Cầu Bến Bạ nhỏ	Ngã ba Đường 1 Tháng 5	440

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
77.28	Đường nhánh rẽ Rạch Vẹt - Rạch Sung	Đường 1 Tháng 5	Rạch Sung	480
		Ngã ba Đường nhánh rẽ Rạch Vẹt - Rạch Sung	Đê sông Bến Bạ	400
77.29	Đường đal (Đất Nhà ông Út Phiếu)	Đường bên hông Chợ Bến Bạ	Rạch Thông Hảo	1.680
77.30	Hẻm (Đất ông Mau)	Đường Đoàn Thế Trung	Rạch Thông Hảo	1.200
77.31	Hẻm (Đất ông 9 Mỹ)	Đường Đoàn Thế Trung	Rạch Thông Hảo	1.200
77.32	Hẻm (Đất ông Diệp Thanh Tùng)	Đường Đoàn Thế Trung	Rạch Thông Hảo	1.200
77.33	Đường giao thông nông thôn (Đường 3 Tháng 2 nối dài)	Đường Hùng Vương	Sông Cồn Tròn	560
77.34	Đường Rạch Lá	Đường 3 Tháng 2	Đường Rạch Già lớn	480
77.35	Đường đal (Cầu Bến Bạ - Trại cưa Ông Diệu)	Cầu Bến Bạ	Hết ranh đất Trại cưa Ông Diệu	1.680
		Giáp ranh đất Trại cưa Ông Diệu	Kênh Đình Trụ	1.280
77.36	Đường Rạch Già Lớn	Đường Hùng Vương	Sông Cồn Tròn	400
77.37	Đường giao thông nông thôn Kênh Đào - Đầu Cù Lao	Cầu Kênh Đào (Đầu ranh đất ông Hồ Văn Mạnh)	Đê Tả Hữu	880
77.38	Khu tái định cư An Thạnh Tây	Đường trong Khu tái định cư		1.442
77.39	Đường giao thông ra khu bố trí ổn định dân cư phòng, chống thiên tai	Đường trong Khu tái định cư		752
77.40	Đường giao thông ra khu bố trí ổn định dân cư phòng, chống thiên tai	Đường trong Khu tái định cư		694
77.41	Đường giao thông nông thôn Rạch Đồi	Đường tỉnh 933B (Nhà Hà Văn Thoàn)	Đê Tả Hữu	480
77.42	Đường đal Rạch Trầu	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất Hồng Văn Y)	Đê Tả Hữu	480
77.43	Đường đal Rạch Su	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất Tư Kiệt)	Đê Tả Hữu	480
77.44	Đường Trường Tiền Nhỏ (Phía trên)	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất ông Lê Quốc Tung)	Quốc lộ 60	640
77.45	Đường Trường Tiền Nhỏ (Phía dưới)	Đường tỉnh 933B (Cầu Phong Lưu)	Đường Trường Tiền Nhỏ (Phía trên)	640
77.46	Đường giao thông nông thôn Rạch Vượt (Phía trên)	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất ông Huỳnh Quốc Hoàng)	Đê Tả Hữu	480

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
77.47	Đường giao thông nông thôn Rạch Vượt (phía dưới)	Đường tỉnh 933B (Nhà ông Trần Văn Hùng)	Đê Tả Hữu	480
77.48	Đường đal Xóm Chùa	Đầu đất ông Đào Văn Oanh	Đường huyện 10 (chợ Long Ân)	480
77.49	Đường giao thông nông thôn Mương Củi	Đường huyện 10 (Đầu ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Điền)	Hết ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Kịch	480
		Đường huyện 10 (Đầu ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Điền)	Hết ranh đất Nhà ông Đào Văn Quyện	480
77.50	Đường giao thông nông thôn Rạch Trê (Phía trên)	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Cần)	Đê Tả Hữu (Hết đất Nhà ông Nguyễn Văn Trong)	440
77.51	Đường giao thông nông thôn Rạch Trê (Phía dưới)	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất bà Tự)	Cầu Rạch Trê (hết đất ông On)	480
77.52	Đường giao thông nông thôn Rạch Ông Cột	Đường tỉnh 933B (Cầu Rạch Ông Cột)	Hết ranh đất ông Võ Văn Phong	360
77.53	Đường giao thông nông thôn Rạch Sâu	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất ông Huỳnh)	Giáp ranh Cầu nhà Út Gia	680
77.54	Đường Rạch sâu (Lộ giao thông nông thôn Rạch Sâu)	Đường tỉnh 933B (nhà ông Trương Hoàng Vân)	Cầu Chín Khánh	560
77.55	Đường đal trước UBND xã An Thạnh Đông cũ	Đường huyện 11 (Cầu Lòng Dằm)	Hết ranh đất Trạm Y tế xã An Thạnh Đông (cũ)	440
77.56	Đường đền thờ Bác	Đường huyện 11 (Cầu Lòng Dằm)	Hết ranh đất Đền thờ Bác	440
77.57	Lộ Tẻ Vàm Tắc	Đường huyện 11 (Cầu Lòng Dằm)	Bến phà Vàm Tắc	320
77.58	Đường nhánh rẽ Quốc lộ 60 - Rạch Su	Quốc lộ 60 (Đầu ranh đất ông Thịnh)	Đường giao thông nông thôn Rạch Su	600
77.59	Đường nối giữa đường Đoàn Thế Trung với Đường 3 Tháng 2 qua nhà Sinh hoạt cộng đồng	Đường Đoàn Thế Trung	Đường 3 Tháng 2	400
77.60	Đường Bình Linh - Đầu Lá	Đường Bình Linh phía dưới	Đường Rạch Đầu Lá	400
77.61	Đường Rạch Đầu Lá	Đường tỉnh 933B (Chín Lâm)	Út Xứ	360
77.62	Đường Bình Linh (Phía trên)	Đường tỉnh 933B	Bến dò Bình Linh	360

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
77.63	Đường vào Bến đò Bình Linh	Đường Cồn Chính Liên Vai trước (Nhà Mười Hưu)	Bến đò Bình Linh	360
78	Xã Cù Lao Dung			
78.1	Đường tỉnh 933B	Cầu Kinh Đình Trụ (Giáp ranh xã An Thạnh)	Đường tỉnh 933	1.200
		Đường tỉnh 933	Đường đal ông Sáu	960
		Đường đal Ông Sáu	Cầu Rạch Tráng	1.600
		Cầu Rạch Tráng	Đê biển	680
		Cầu Rạch Tráng	Cầu Năm Lèn	720
		Cầu Năm Lèn	Đê biển	800
78.2	Đường tỉnh 933	Đường tỉnh 933B	Bến phà Đại Ân 1	688
78.3	Tuyến tránh Đường tỉnh 933B	Ngã ba Vòng xuyên (Giáp UBND xã)	Đường tỉnh 933B	800
78.4	Đường huyện 10	Cầu Khém Sâu	Rạch Đôi	560
		Rạch Đôi	Đê bao Tả Hữu (Đường huyện 10)	400
		Cầu Mười Kính	Đê bao Tả Hữu	656
78.5	Đường huyện 12A	Đường huyện 10	Giáp ranh xã An Thạnh (Cầu Bàn Cầu)	656
78.6	Đường huyện 13	Đường huyện 10	Đê bao sông Cồn Tròn	656
		Đường huyện 10	Đê bao sông Bến Bạ	536
78.7	Đường huyện 14	Đường huyện 10	Đê bao Tả Hữu	656
		Đường tỉnh 933B	Đường huyện 10	448
78.8	Đường bên hông chợ Rạch Tráng	Đầu ranh đất Nhà ông Út Nhịn	Hết ranh đất Nhà ông Trang Văn Gầm	1.920
		Đầu ranh đất Nhà ông Ứng	Hết ranh đất Nhà ông Lương Hoàng Thiện	1.920
78.9	Đường giao thông nông thôn vòng quanh chợ Rạch Tráng	Đầu ranh đất Nhà ông Nguyễn Văn Ân	Hết ranh đất Nhà ông Đước	1.920
78.10	Đường đal mé sông	Đầu ranh đất Nhà ông Sáu Cứng	Xẻo Ông Đồng	1.680
78.11	Đường giao thông nông thôn	Cầu Sáu Cứng	Hết ranh đất Nhà ông Gầm	1.440
		Giáp ranh đất Nhà ông Gầm	Đường tỉnh 933B	1.040
78.12	Đường đal	Cầu Mười Kính	Đê bao Tả Hữu	400
		Đường đal Trạm Y tế	Đường tỉnh 933B (Rạch Mương Cột)	600

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
78.13	Đường đal Trạm Y tế	Đường tỉnh 933B (Rạch Tráng)	Rạch Mương Cột	1.200
78.14	Đường đal Ông Tám	Đường tỉnh 933B	Cầu Bà Hời	520
78.15	Đường giao thông nông thôn Ba Hùm	Đường tỉnh 933B	Đường giao thông nông thôn vòng quanh chợ Rạch Tráng	440
79	Xã Phong Năm			
79.1	Đường huyện 1	Giáp ranh đất Tổ Điện lực	Bến phà đầu cồn hết ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Khoa, ấp Phong Thạnh	320
79.2	Khu vực xã	Đầu ranh đất Trụ sở UBND xã	Hết ranh đất Tổ Điện lực (Qua Ngã ba Trường THCS Phong Năm)	360
		Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã	Hết ranh đất Tư Suôi	360
		Giáp ranh đất Tư Suôi	Cầu Bà Xe	400
		Ngã ba Trường THCS Phong Năm	Cầu Bà Xe	360
80	Xã Mỹ Phước			
80.1	Đường tỉnh 939 (Đường Lâm Trường Phước Thọ)	Suốt tuyến		400
80.2	Đường huyện 81	Đường huyện 84	Giáp ranh xã Long Hưng	400
80.3	Đường huyện 82	Kênh số 3 (Giáp ranh xã Mỹ Tú)	Hết ranh đất Trạm Y tế	480
		Giáp ranh đất Trạm Y tế	Cầu Ba Trí	600
		Cầu Ba Trí	Giáp ranh phường Ngã Năm	480
80.4	Đường huyện 84	Suốt tuyến		280
80.5	Khu vực chợ	Các Đường bên dãy nhà lồng chợ		560
80.6	Đường vào Khu căn cứ	Đường huyện 82	Khu căn cứ	400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
80.7	Đường Bắc Quản lộ Nhu Gia	Suốt tuyến		344
81	Xã Lai Hòa			
81.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	Đầu ranh đất ông Nguyễn Hoàng Chánh và bà Lê Thị Thương	2.240
		Nhà ông Nguyễn Hoàng Chánh và bà Lê Thị Thương	Cổng Xẻo Cốc	2.800
		Cổng Xẻo Cốc	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1.680
81.2	Đường huyện 48	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	Giáp ranh Chùa Prey Chóp B và ranh đất bà Triệu Thị Thanh Thúy	680
		Giáp ranh Chùa Prey Chóp B và ranh đất bà Triệu Thị Thanh Thúy	Hết ranh đất Nhà ông Trần Lưu và bà Sơn Thị Sà Phưol	1.440
		Giáp ranh đất Nhà ông Trần Lưu và bà Sơn Thị Sà Phưol	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	680
81.3	Đường huyện 47C	Đường huyện 40 (Đê sông)	Hết ranh đất Miếu Ông Bồn	480
		Giáp ranh đất Miếu Ông Bồn	Hết ranh đất ông Thạch Váth	1.040
		Giáp ranh đất ông Thạch Váth	Cầu Kênh KN2	720
		Cầu Kênh KN2	Đường huyện 48	1.040
81.4	Đường huyện 40	Kênh Bảy Túc (Giáp ranh phường Vĩnh Phước)	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	280
81.5	Đường huyện 42	Kênh Bảy Túc (Giáp ranh phường Vĩnh Phước)	Đường huyện 47C	280
81.6	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	360

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
81.7	Đường đal Tà Bôn	Suốt tuyến		760
81.8	Đường đal Khu 5 Lai Hòa	Suốt tuyến		760
81.9	Đường đal Prey Chóp - Xung Thum A	Đường huyện 47C	Đường đal Prey Chóp (Hòa Hiệp đoạn trong)	1.040
		Đường đal Prey Chóp (Hòa Hiệp đoạn trong)	Giáp ranh Nhà bà Phan Thúy Mừng	720
		Giáp ranh Nhà bà Phan Thúy Mừng	Hết ranh Chùa Xung Thum	760
81.10	Đường đal Prey Chóp - Prey Chóp A	Đường huyện 47C	Hết ranh đất ông Đào Hên và ông Thạch Khêl	1.040
		Giáp ranh đất ông Đào Hên và ông Thạch Khêl	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	800
81.11	Đường chợ Lai Hòa	Hai bên nhà lồng chợ Lai Hòa		2.400
82	Xã Vĩnh Hải			
82.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Mỹ Thanh	Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 4	1.200
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 4	Đường vào Trường Mầm non Vĩnh Hải	1.040
		Đường vào Trường Mầm non Vĩnh Hải	Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 3	1.520
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 3	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	1.040
82.2	Đường tỉnh 113 (cũ)	Miếu Hên Vũ (Đường Nam Sông Hậu)	Hết ranh đất Công ty Ông Chái	600
		Giáp ranh đất Công ty Ông Chái	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	600
82.3	Đường huyện 43	Suốt tuyến		656
82.4	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	Cầu Giồng Chùa	Cổng 17	360
		Cổng 17	Khu dân cư An Lạc	360
		Khu dân cư An Lạc	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	360
82.5	Lộ Bà Len	Đường huyện 43	Đường Nam Sông Hậu	600
		Đường Nam Sông Hậu	Đường đal Khu dân cư An Lạc	600
82.6	Lộ vào Khu du lịch Hồ Bể	Đường Nam Sông Hậu	Đường đal giáp nước	560
		Đường đal giáp nước	Giáp Chùa Quan Âm Đông Hải	400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
83	Xã Hòa Lự			
83.1	Quốc lộ 61	Cầu Rạch Gốc	Cầu Cái Tur	4.040
83.2	Đường Đồng Khởi	Cầu Xáng Hậu	Cầu Vườn Cò	1.356
83.3	Đường Giải Phóng	Cầu Vườn Cò	Đường Phạm Hùng	1.440
83.4	Đường Rạch Gốc (Kênh mới)	Quốc lộ 61	Kênh Đê	880
83.5	Đường Phạm Hùng	Quốc lộ 61	Cầu Hóc Hỏa	912
		Cầu Hóc Hỏa	Đường Kênh 5	800
83.6	Đường Thanh Niên	Đường Kênh 5	Đường Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh (Giai đoạn 2)	704
83.7	Đường Độc Lập	Đường Thanh Niên	Đường Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh (Giai đoạn 2)	600
83.8	Đường Nguyễn Chí Thanh	Kênh Xáng Hậu	Quốc lộ 61C	2.200
83.9	Khu dân cư xã Tân Tiến (cũ)	Đường số 1, 2		2.240
		Đường số 3		1.600
83.10	Quốc lộ 61C	Giáp ranh phường Vị Thanh	Quốc lộ 61	2.304
83.11	Quốc lộ 61 (cũ)	Quốc lộ 61	Bến phà Cái Tur (cũ)	2.040
83.12	Khu dân cư nông thôn mới và chợ xã Hòa Lự	Đường số 1, số 2, số 3, số 4	Đường Phạm Hùng	1.680
83.13	Đường Sông Cái Lớn	Quốc lộ 61 (cũ)	Đường Phạm Hùng	800
83.14	Đường Hóc Hỏa	Cầu Hóc Hỏa	Cầu Hai Tường	500
84	Xã Vị Thủy			
84.1	Quốc lộ 61C	Kênh Ba Liên	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	2.800
		Kênh Ba Liên	Ranh xã Vị Thanh 1	2.112
84.2	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Vị Tân	Vòng xoay cầu Mương Lộ	4.160
84.3	Quốc lộ 61	Giáp ranh phường Vị Tân (Đường 3 Tháng 2)	Vòng xoay cầu Mương Lộ	4.160
		Vòng xoay Cầu Mương Lộ	Cầu thủy lợi	3.584
		Cầu thủy lợi	Cổng Hai Lai	2.880
		Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh phường Long Bình	3.840
84.4	Đường tỉnh 925D	Cầu Thủ Bồn	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1.598
84.5	Đường 30 Tháng 4	Cổng Hai Lai	Hết ranh Trạm Biến Điện	3.240
		Giáp ranh Trạm Biến Điện	Cầu Nàng Mau	6.780
		Cầu Nàng Mau	Đường 3 Tháng 2	3.240
84.6	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Chí Thanh	5.220
84.7	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Tri Phương	5.220

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
84.8	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trực	4.000
		Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Trung Trực	4.480
84.9	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Chí Thanh	3.660
84.10	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trực	3.360
		Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Chí Thanh	3.300
84.11	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Tri Phương	3.360
84.12	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Tri Phương	3.360
84.13	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	Cầu Kênh Hậu	2.700
		Cầu Kênh Hậu	Cầu Nàng Mau 2	3.000
		Cầu Nàng Mau 2	Đường 30 Tháng 4	2.040
84.14	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Lê Hồng Phong	3.300
84.15	Đường Nguyễn Du	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Lê Quý Đôn	2.674
84.16	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	2.674
84.17	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	2.674
84.18	Đường Tạ Quang Tỹ	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Đình Chiểu	2.674
84.19	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Đình Chiểu	2.674
84.20	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Lê Hồng Phong	3.300
84.21	Đường Nguyễn Văn Trỗi (Khu A - B)	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Tri Phương	4.000
84.22	Đường Nguyễn Hữu Trí (Khu A - B)	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Trung Trực	4.000
84.23	Đường Trần Ngọc Quế (Khu A - B)	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Trung Trực	4.000
84.24	Đường Trần Văn Sơn (Khu A - B)	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Trung Trực	4.000
84.25	Đường Phan Đình Phùng	Đường 30 Tháng 4	Đường số 1A (Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau)	2.556
		Đường số 1A (Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau)	Cầu Thủ Bồn	2.002

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
84.26	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Tư Tiềm	2.361
84.27	Đường Võ Thị Sáu	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Tri Phương	2.361
84.28	Đường Nguyễn Thị Định	Đường 30 Tháng 4	Rạch Phong Lưu	1.920
84.29	Đường Hùng Vương nối dài	Giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Tiềm	Hết ranh Khu dân cư Giáo viên	2.788
84.30	Đường Kênh Lộ Làng	Đường Nguyễn Tri Phương	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	2.361
84.31	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Tri Phương	4.480
84.32	Tuyến mương lộ song song Đường 30 Tháng 4 (Hướng về phường Vị Tân)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	2.837
84.33	Tuyến mương lộ song song Đường 30 Tháng 4 (Hướng về phường Long Bình)	Kênh Xáng Nàng Mau	Đường 3 Tháng 2	2.394
84.34	Tuyến mương lộ song song Quốc lộ 61 (Hướng về phường Long Bình)	Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh phường Long Bình	3.072
84.35	Đường Ba Liên - Ông Tà	Giáp ranh phường Vị Tân	Kênh 9 Thước	660
		Kênh 9 Thước	Đường tỉnh 925D	493
84.36	Đường ô tô về Trung tâm xã Vị Trung	Đường 30 Tháng 4	Đường Kênh Chín Thước	2.361
84.37	Đường vào Nông Trường Tràm	Quốc lộ 61	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1.944
84.38	Đường Kênh Xáng Nàng Mau 2	Quốc lộ 61	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1.800
84.39	Đường công vụ Kênh Ba Liên	Giáp ranh phường Vị Tân	Quốc lộ 61C	2.880
84.40	Đường Kênh Chín Thước	Đường ô tô về Trung tâm xã Vị Trung	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	560
84.41	Đoạn nối Quốc lộ 61C đến Quốc lộ 61 (cả 02 đoạn)	Quốc lộ 61	Quốc lộ 61C	2.912
84.42	Lộ nhựa 3,5 mét tuyến Kênh Xáng Nàng Mau	Đường Võ Thị Sáu	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1.892
84.43	Đường bờ xáng Nàng Mau	Tuyến mương lộ song song Đường 30 Tháng 4 (Hướng về phường Long Bình)	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1.892
84.44	Đường vào Đình Nguyễn Trung Trực	Tuyến mương lộ song song Quốc lộ 61 (Hướng về phường Long Bình)	Lộ nhựa 3,5 mét tuyến kênh Xáng Nàng Mau	700
84.45	Tuyến đường cặp kênh 9 Thước	Kênh Ba Liên	Kênh Hội Đồng	700

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
84.46	Đường Kênh Hội Đồng	Kênh Chín Thước	Giáp ranh xã Vị Thanh 1	700
84.47	Đường Kênh Tràng Tiền	Đường ô tô về Trung tâm xã Vị Trung	Cầu Năm Đẳng	700
84.48	Đường Kênh Nàng Bèn	Cầu Năm Đẳng	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	700
84.49	Dãy phố cặp nhà lồng chợ Nàng Mau (Chợ cũ)	Đường 30 Tháng 4	Kênh Hậu	5.220
84.50	Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau (Khu 1)	Các nền mặt tiền: Đường số 1A; Đường Phan Đình Phùng		4.006
		Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Không áp dụng các nền mặt tiền Đường số 1A; Đường Phan Đình Phùng)		3.998
84.51	Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau (Khu 2)	Các nền mặt tiền Đường số 11		5.440
		Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Không áp dụng các nền mặt tiền Đường số 11)		4.800
84.52	Khu dân cư tự cải tạo phù hợp quy hoạch đất ở liền kề Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy	Đường Nguyễn Chí Thanh (Đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường số D1)		4.480
		Đường số D1 (Đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường số N10)		2.674
84.53	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy	Đường Nguyễn Chí Thanh (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường Nguyễn Tri Phương)		4.480
		Đường Nguyễn Tri Phương (Đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường số N8)		3.666
		Đường số D14 (Đoạn từ Đường số N8 đến Đường số N10)		4.480
		Đường số N8 (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường Nguyễn Tri Phương)		3.300
		Đường số N10 (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường số D1)		3.300
		Đường số D1, D2 (Đoạn từ Đường số N8 đến Đường số N10)		2.674
84.54	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025	Đường Nguyễn Chí Thanh (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường số N1)		4.480
		Đường số D14		4.480
		Đường số N1		2.406
		Đường số N2 (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường số N1)		2.406

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
84.55	Khu dân cư Giáo viên	Các Đường nội bộ trong khu		2.361
84.56	Khu dân cư và tái định cư xã Vị Trung	Cả khu		2.148
84.57	Tuyến Đường Ấp 5, thị trấn Nàng Mau	Đường Nguyễn Thị Định	Ngã ba Phong Lưu	1.152
85	Xã Vĩnh Thuận Đông			
85.1	Tuyến Đường Nước Đục - Bến Ruộng - Đường Đào	Cầu Nước Đục (Nhà máy Phong Nga)	Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Đông 3	720
85.2	Tuyến Đường Nước Đục - Vịnh Chèo - Đường Đào	Cầu Nước Đục	Cầu cao tốc	720
		Cầu cao tốc	Ngã năm Đường Đào	720
85.3	Chợ Vĩnh Thuận Đông	Các đường nội bộ khu vực chợ		1.680
85.4	Tuyến Kênh Đồn	Kênh Đồn	Chợ Vĩnh Thuận Đông	739
85.5	Tuyến Đường Năm Trăm - Ấp 1	Cầu 500	Cầu Trạm Bơm	600
85.6	Tuyến Đường kênh Ba Doi - Quản Tấn	Trạm Y tế xã Vĩnh Thuận Đông	Cầu Sáu Thêm	600
85.7	Tuyến Đường Cầu Trường THCS Vĩnh Thuận Đông - Trạm Bơm Bàu Năng (Phía Nam)	Cầu Trường Học	Ngã ba Bàu Năng (Bảy Hè)	600
85.8	Tuyến Đông Kênh Lý Nét	Cầu Lý Nét	Giáp ranh Ấp 7	600
85.9	Tuyến lộ Trà Lồng	Cầu Trà Lồng	Cầu Hai Hoa	600
85.10	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Vị Thủy	Giáp ranh phường Vị Thanh	2.560
85.11	Đường Kênh Lộ Làng	Giáp ranh xã Vị Thủy	Cầu Đập Đá	720
85.12	Đường Kênh Lò Heo	Đường tỉnh 925D	Kênh Hai Cừ	720
85.13	Tuyến Đường cấp Trạm Y tế xã Vị Thủy (cũ)	Đường tỉnh 925D	Ngã tư Vườn Cò	648

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
85.14	Đường tỉnh 925D	Giáp ranh xã Vị Thủy	Hết ranh Trạm Y tế xã Vị Thủy (cũ)	2.400
		Giáp ranh Trạm Y tế xã Vị Thủy (cũ)	Đường tỉnh 931	2.160
85.15	Đường đi Trung tâm Thương mại Vĩnh Thuận Tây	Đường tỉnh 925D (Trạm Y tế Vĩnh Thuận Tây cũ)	Cầu Kênh Trường Học	3.267
		Cầu Kênh Trường Học	Kênh Nhà Thờ	2.938
		Kênh Nhà Thờ	Kênh Giải Phóng	1.780
85.16	Tuyến Đường Trà sắt	Đường tỉnh 925D	Kênh Ngang	600
85.17	Tuyến Đường Trường học	Đường đi Trung tâm Thương mại Vĩnh Thuận Tây	Kênh Ngang	560
85.18	Tuyến Đường Vàm Cái Su - Vườn Cò	Vàm Cái Su	Cầu Vườn Cò	600
85.19	Đường trục giữa	Kênh Trường Học	Giáp ranh Khu Thương mại Vĩnh Thuận Tây	2.694
85.20	Đường đi về xã Vĩnh Thuận Đông	Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Đông 3	Hết Chợ xã Vĩnh Thuận Đông	1.232
		Chợ xã Vĩnh Thuận Đông	Giáp ranh Chợ Vịnh Chèo	1.000
85.21	Tuyến mương lộ song song Quốc lộ 61 (hướng về phường Vị Thanh)	Ranh xã Vị Thủy	Quốc lộ 61C	1.200
		Quốc lộ 61C	Giáp ranh phường Vị Thanh	2.800
85.22	Khu Thương mại Vĩnh Thuận Tây	Lô A1, A2, A7		3.920
		Các lô (nền) còn lại (Không áp dụng đối với các lô (nền) tái định cư)		2.800
		Các lô (nền) tái định cư		1.728
85.23	Đường tỉnh 931	Đường đi Trung tâm Thương mại Vĩnh Thuận Tây	Kênh Nhà Thờ	2.696
		Kênh Nhà Thờ	Giáp ranh phường Vị Thanh	1.887
86	Xã Vị Thanh 1			
86.1	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Vị Thủy	Kênh 8.000	2.112

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
86.2	Đường tỉnh 931B	Cầu Ba Liên	Hết ranh đất Trụ sở UBND xã Vị Đông (cũ)	2.494
		Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã Vị Đông (cũ)	Hết ranh đất Nhà Văn hóa xã Vị Đông (cũ)	3.559
		Giáp ranh Nhà Văn hóa xã Vị Đông (cũ)	Kênh 15.000	2.138
		Kênh 15.000	Kênh 13.000	3.559
		Kênh 13.000	Kênh 8.000	3.200
86.3	Đường tỉnh 927B	Đường tỉnh 931B	Quốc lộ 61C	1.317
		Quốc lộ 61C	Kênh Chín thước (Giáp ranh xã Vĩnh Tường)	792
86.4	Đường tỉnh 926	Đê bao Ô Môn - Xà No	Kênh Cây Đông	1.728
		Kênh Cây Đông	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1.728
86.5	Đê bao Ô Môn - Xà No	Giáp ranh phường Vị Tân	Kênh 8.000	882
86.6	Chợ xã Vị Đông (cũ)	Khu vực trong chợ		2.196
86.7	Chợ xã Vị Thanh (cũ)	Mặt tiền Đường tỉnh 931B		3.559
		Khu vực trong chợ		2.635
86.8	Đường công vụ kênh 3 Hiếu	Đường tỉnh 931B	Giáp ranh xã Vị Thủy	1.280
86.9	Cụm dân cư vượt lũ xã Vị Thanh (cũ)	Các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 927B		1.968
		Các lô nền còn lại		1.968
86.10	Cụm dân cư vượt lũ xã Vị Đông (cũ)	Các lô nền mặt tiền đường công vụ kênh 3 Hiếu		1.968
		Các lô nền còn lại		1.968
86.11	Đường Kênh Ông Hai	Đê bao Ô Môn - Xà No	Kênh Ranh (ranh xã Hòa Hưng - tỉnh An Giang)	800
86.12	Đường Kênh 43.000	Đê bao Ô Môn - Xà No	Kênh Ba Thước	800
86.13	Đường Kênh 14.000	Kênh Thống Nhất	Kênh Chín Thước (Giáp ranh xã Vĩnh Tường)	880
86.14	Đường Kênh Hội Đồng	Đường tỉnh 931B	Giáp ranh xã Vị Thủy	1.200
86.15	Đường Kênh 8.000	Đường tỉnh 931B	Kênh Chín Thước (Giáp ranh xã Vĩnh Tường)	1.040
86.16	Đường 9.500	Đê bao Ô Môn - Xà No	Đường tỉnh 926	800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
87	Xã Vĩnh Tường			
87.1	Đường tỉnh 925D	Giáp ranh xã Vị Thủy	Hết ranh Trụ sở Đảng ủy xã Vĩnh Tường	1.598
		Giáp ranh Trụ sở Đảng ủy xã Vĩnh Tường	Cầu Kênh Xóm Huế	2.220
		Cầu Kênh Xóm Huế	Cầu Sáu Nhàn	1.602
		Cầu Sáu Nhàn	Hết ranh Trụ sở UBND xã Vĩnh Tường	2.220
		Giáp ranh Trụ sở UBND xã Vĩnh Tường	Kênh Xáng Nàng Mau 2	1.602
87.2	Đường tỉnh 927B	Đường tỉnh 925D	Giáp ranh xã Vị Thanh 1	1.120
87.3	Tuyến Kênh Xáng Nàng Mau (Song song Đường tỉnh 925D)	Kênh Long Điền	Giáp ranh Trạm Y tế xã Vĩnh Tường	1.040
87.4	Chợ xã Vĩnh Tường (cũ)	Giáp ranh Trạm Y tế xã Vĩnh Tường	Cầu Chợ	2.333
		Khu vực trong chợ		1.824
87.5	Chợ xã Vĩnh Trung (cũ)	Khu vực trong chợ		2.218
87.6	Đường nhựa Kênh Giữa	Cầu Chợ	Kênh Xáng Nàng Mau 2	1.120
87.7	Tuyến Kênh 13.000 nhỏ (Song song tuyến Đường tỉnh 927B)	Kênh Ba Què	Giáp ranh Trường THCS Vĩnh Trung	1.040
87.8	Đường vào Nông Trường Tràm (Lộ nhựa 3,5 mét)	Giáp ranh xã Vị Thủy	Ngã tư Kênh Long Điền	1.944
87.9	Đường Kênh Xáng Nàng Mau 2	Giáp ranh xã Vị Thủy	Giáp ranh Khu du lịch sinh thái Việt Úc - Hậu Giang	1.800
87.10	Đường Kênh Chín Thước	Đường tỉnh 927B	Ranh xã Vị Thủy	560
87.11	Tuyến Kênh Hãn (Bên trái)	Đường tỉnh 925D	Kênh 8.000	880
87.12	Đường Kênh 8.000	Kênh Chín Thước (Giáp ranh xã Vị Thanh 1)	Kênh Xáng Nàng Mau 2 (Giáp ranh xã Hòa An)	1.040
88	Xã Vĩnh Viễn			
88.1	Chợ Trục Thăng	Các đường nội bộ theo quy hoạch xây dựng chi tiết		1.008
88.2	Chợ Thanh Thủy	Các đường nội bộ theo quy hoạch xây dựng chi tiết		1.000
88.3	Đường huyện 4	Ngã tư Thanh Thủy	Sông Nước Đục	1.120
88.4	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Cổng Trục Thăng	Cầu Thanh Thủy 1	720
88.5	Đường Kênh Mười Thước B	Cầu Vĩnh Thuận Thôn	Cổng chào Ấp 9	720
		Cổng chào Ấp 9	Cầu Thanh Thủy 1	960

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
88.6	Đường ô tô về Trung tâm xã Vĩnh Viễn A	Kênh Trục Thăng	Đường huyện 4	884
88.7	Đường Tây Kênh Trục Thăng (Đường nhựa, ấp 6)	Đường ô tô về Trung tâm xã Vĩnh Viễn A	Giáp ranh Chợ Trục Thăng	800
88.8	Tuyến Đường Kênh Thanh Thủy (hai bên Đông, Tây)	Sông Nước Trong	Ngã tư Thanh Thủy	672
88.9	Đường Đông Kênh Năm	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Kênh Mương Cừ	672
88.10	Đường Nam Kênh Lò Than	Kênh Trỏ	Cổng Long Mỹ 1	672
88.11	Tuyến Kênh Thủy lợi 6	Kênh Mười Thước	Sông Nước Trong	672
88.12	Đường tỉnh 930	Giáp ranh xã Xà Phiên	Vòng xoay Trụ sở Công an xã	3.060
		Vòng xoay Trụ sở Công an xã	Cầu Hai Quyền	2.912
		Cầu Hai Quyền	Kênh Trục Thăng	3.060
88.13	Đường Kênh Cái Nhào	Đường tỉnh 930	Sông Nước Đục (Bến đò Năm Điền)	1.600
88.14	Tuyến giáp Trung tâm xã	Chợ Kênh 13	Ngã ba Bảy Kỳ	2.520
		Chợ Kênh 13	Kênh Trạm Bơm	2.520
		Kênh Trạm Bơm	Nhà văn hóa ấp 11	2.000
		Trường THPT Tây Đô	Cổng Ngăn Mặn (Sông Nước Trong)	1.600
		Kênh Mười Thước	Sông Nước Đục (Vàm 13)	1.600
		Khu di tích Chiến Thắng Chương Thiện	Kênh Chín Quyền	1.000
88.15	Chợ Vĩnh Viễn	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		5.200
88.16	Đường Lương Tâm - Vĩnh Thuận Đông (Ấp 12)	Đường nội ô Trung tâm xã	Giáp ranh xã Xà Phiên	1.600
88.17	Tuyến Kênh Trục Thăng	Cầu Trục Thăng	Cổng Trục thăng	800
88.18	Đường nội ô Trung tâm xã	Vòng xoay Trụ sở Công an xã	Đường tỉnh 930	3.600
88.19	Khu dân cư Thương mại xã Vĩnh Viễn	Đường nội ô Trung tâm xã		2.400
		Các tuyến đường nội bộ còn lại		1.960
88.20	Đường Kênh Củ Tre	Đường nội ô Trung tâm xã	Đường tỉnh 930	864
		Đường tỉnh 930	Sông Nước Đục	800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
88.21	Đường tỉnh 931	Cầu Vĩnh Chèo	Cầu Trâm Bàu	3.480
		Cầu Trâm Bàu	Kênh Mười Thước	2.516
		Kênh Mười Thước	Sông Nước Trong	2.516
88.22	Khu tái định cư ấp 3, thị trấn Vĩnh Viễn (cũ)	Đường số 1, lộ giới 30 mét		2.918
		Đường số B2, lộ giới 17,5 mét		2.432
		Đường số NB1, NB2, NB3, NB4, lộ giới 13 mét		2.432
88.23	Tuyến Đường sông Nước Đục (ấp 3)	Vàm Kênh 13	Ngã Ba Kênh Cái Dứa	1.000
88.24	Tuyến Đường sông Nước Đục (ấp 2)	Đầu Kênh Chín Quyền	Đường nuôi trồng thủy sản (Ranh xã Xà Phiên)	1.000
88.25	Tuyến Kênh Mười Thước	Trường THPT Tây Đô	Kênh Ngang	1.600
88.26	Đường dẫn lên Cầu số 1 vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang	Suốt tuyến		3.060
88.27	Tuyến Đường Kênh Lộ Lớn	Đường nội ô Trung tâm xã	Đường tỉnh 930	2.160
88.28	Tuyến Đường nuôi trồng thủy sản	Kênh 13	Giáp ranh xã Xà Phiên	1.510
88.29	Đường Tây Kênh Củ Tre	Đường nội ô Trung tâm xã	Đường tỉnh 930	2.160
88.30	Tuyến Sông Nước Đục	Cổng Kênh Trục Thăng	Bến đò Kênh Mới	800
88.31	Đường Bắc Kênh Ngang	Kênh 13	Kênh Sóc Miên	864
88.32	Đường Nam Cây Diệp (Ấp 3)	Kênh 13	Ngã tư Củ Tre	800
88.33	Tuyến Đê Kênh Trâm Bàu	Ngã tư Cái Nhào	Cầu Lộ Lớn	800
88.34	Khu tái định cư thị trấn Vĩnh Viễn phục vụ dự án thành phần đoạn Hậu Giang - Cà Mau thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam, phía Đông giai đoạn 2021 - 2025	Đường tỉnh 931 (Áp dụng trong phạm vi Khu tái định cư)		3.473
		Đường số 1 (Lộ giới 15 mét)		3.313
		Đường số 2 (Lộ giới 14,5 mét)		3.149
		Đường số 3, đường số 4 (Lộ giới 13 mét)		3.149
88.35	Tuyến Đường Cái Dứa	Cầu Đầu Lá	Sông Nước Đục (Đình Thần Nguyễn Trung Trục)	800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
88.36	Đường Tây Kênh Năm, ấp 7, 8	Cầu Kênh 5 (Đường ô tô về Trung tâm xã Vĩnh Viễn A)	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	792
89	Xã Xà Phiên			
89.1	Đường tỉnh 930	Cầu Trắng	Giáp ranh xã Vĩnh Viễn	1.904
89.2	Đường huyện 14	Cầu Miếu, ấp 7, xã Xà Phiên	Giáp ranh Chợ Xà Phiên	1.904
89.3	Chợ Xà Phiên	Các đường theo quy hoạch xây dựng chi tiết		3.360
89.4	Đường ô tô về Trung tâm xã Thuận Hòa	Cảng Trà Ban	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh (Kênh Cao Hột Lớn)	992
		Cổng Hai Tho	UBND xã Thuận Hòa (cũ)	992
89.5	Đường huyện 15	Đường tỉnh 930	Đường ô tô về Trung tâm xã Thuận Hòa	1.400
89.6	Tuyến Đường Kênh Cái Rắn	Cầu Trạm Y tế xã	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	1.000
89.7	Tuyến Đường Kênh Cái Rắn	Cầu Đình	Chùa ấp 4	1.344
89.8	Tuyến Đường Kênh Cái Rắn (Phía Tây)	Xã Đội	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	720
89.9	Tuyến Đường Kênh Cái Rắn (Phía Đông)	Cầu Châu	Sông Cái Trầu	720
89.10	Đường Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Cảng Trà Ban	Giáp ranh xã Lương Tâm	800
89.11	Tuyến Đường Kênh Long Mỹ 2	Cầu Trạm Y tế xã	Cầu Nhật Tảo	1.000
		Cầu Nhật Tảo	Bến đò Xí nghiệp	1.400
89.12	Đường Đê bao nuôi trồng thủy sản	Cầu Sáu Phước	Kênh Cái Nhàu	800
89.13	Đường Kênh Tràm Chóc	Đường tỉnh 930	Cầu Thuận Hưng	800
89.14	Tuyến Đường Kênh Tràm Chóc (phía Tây)	Cầu Thuận Hưng	Sông Nước Đục	1.142
89.15	Tuyến Đường Kênh Trà Ban	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Kênh Quan Ba	840

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
89.16	Đường rẽ vào Chợ Xà Phiên tiếp nối Đường tỉnh 930B	Đường tỉnh 930B	Chợ Xà Phiên	1.280
89.17	Tuyến Kênh Chông Mỹ	Đường tỉnh 930B	Sông Cái Trầu	1.344
89.18	Tuyến Đường Kênh Cây Me	Đầu Kênh Cây Me Ngoài	Chùa Ấp 5	1.344
89.19	Tuyến Đường Kênh Cây Me (Ấp 5)	Đầu Kênh Xẻo Đìa	Cầu Kênh Cây Me Ngoài	576
89.20	Đường Lương Tâm - Vĩnh Thuận Đông	Đường tỉnh 930B	Giáp ranh xã Vĩnh Viễn	1.600
89.21	Tuyến Kênh Xã Hội	Đầu Kênh Giao Du	Đầu Kênh Xã Hội	576
89.22	Tuyến Đường Kênh 4 Thước	Giáp ranh Ấp 4	Cầu Kênh Cây Me	576
89.23	Tuyến Đường Kênh Giao Du	Cầu Đình	Cầu Kênh Cây Me Trong	576
89.24	Tuyến Đường Kênh Mười Thước B	Cầu nhà bà Lê Thị Bết	Cầu Mười Nhiều	800
89.25	Tuyến Đường Kênh Xẻo Ráng	Cầu Tư Thuần	Đường tỉnh 930	1.142
89.26	Truyến Đường Ba Phát	Cầu Ba Phát	Cầu Trạm bơm áp 10	1.142
89.27	Đường Hội Đồng	Đường tỉnh 930	Sông Nước Đục	1.142
89.28	Đường Hậu Giang 3	Cầu Tư Nhi, đầu Kênh Ngay	Tuyến Đường Lương Tâm - Vĩnh Thuận Đông	1.200
89.29	Đường Kênh Cống Diên	Đầu Kênh Cây Me Ngoài	Đầu Kênh Đê ngăn mặn	1.200
89.30	Đường tỉnh 930B	Cầu Xà Phiên	Giáp ranh xã Lương Tâm	1.904
90	Xã Lương Tâm			
90.1	Đường tỉnh 930B	Giáp ranh xã Xà Phiên	Giáp ranh tỉnh An Giang	2.240
90.2	Đường tỉnh 931	Sông Nước Trong	Cầu Xẻo Vệt	2.240
90.3	Đường Sông Ngan Dừa	Bến đò Hai Học	Cống Hóc Pó	1.120
90.4	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Giáp ranh xã Xà Phiên	Cống Hóc Pó	960
90.5	Tuyến Đường Kênh Xẻo Vệt	Đường tỉnh 931	Kênh Đê ngăn mặn	1.216
90.6	Đường về Chợ Lương Nghĩa	Cầu Chùa, ấp 7	Giáp ranh đầu Chợ Lương Nghĩa	1.120
		Giáp ranh Khu dân cư Thương mại xã Lương Nghĩa	Bến đò Hai Học	1.120

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
90.7	Tuyến Đường Kênh Trà Ban	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Kênh Quan Ba	840
90.8	Tuyến Năm Căn (Đông)	Kênh Long Mỹ II	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	576
90.9	Tuyến Long Mỹ II B	Kênh Năm Căn	Đường tỉnh 931	1.344
90.10	Tuyến Xẻo Mảo Tây	Kênh Long Mỹ II	Sông Nước Trong	1.344
90.11	Tuyến Ngan Mô - Tô Ma	Đường tỉnh 930B	Cầu Tô Ma	1.344
90.12	Tuyến Sông Cái	Bến phà cũ	Cầu Bàn Quỷ	576
90.13	Đường Nam Thủy Lợi 3	Cầu Chín Trung	Cầu Ba Kha	720
90.14	Đường Đông Thủy Lợi 6	Cầu Xóm Tiệm	Kênh Thủy Lợi 3	720
90.15	Đường Tây Thủy Lợi 6	Trường Tiểu học Lương Nghĩa 3	Kênh Thủy Lợi 3	720
90.16	Đường Nam Tô Ma	Đường tỉnh 930B	Kênh Năm Biếc	720
90.17	Đường Kênh Ngan Mô - Kênh Đê ngăn mặn	Kênh Long Mỹ II	Kênh Đê ngăn mặn	720
90.18	Đường Kênh Hóc Pó	Đường tỉnh 930B	Hết ranh Công ty TNHH Công nghệ cao Hậu Giang	720
90.19	Chợ Lương Nghĩa	Các đường theo quy hoạch xây dựng chi tiết (Không áp dụng đối với Khu dân cư thương mại)		3.360
90.20	Khu dân cư Thương mại xã Lương Nghĩa	Các nền vị trí mặt tiền đường cấp sông		3.888
		Các nền vị trí mặt tiền đường có lộ giới 7 mét		3.536
		Các nền vị trí mặt tiền đường có lộ giới 3,5 mét		2.931
90.21	Khu dân cư Thương mại xã Lương Tâm	Các đường D1, D2, D3, D4, D5 theo quy hoạch xây dựng chi tiết		4.936
90.22	Đường Kênh Ngan Mô	Kênh Long Mỹ II	Kênh Đê ngăn mặn	720
91	Xã Thạnh Xuân			
91.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh phường Cái Răng	Giáp ranh xã Đông Phước	5.410
91.2	Quốc lộ 61	Cầu Cái Tắc	Giáp ranh ấp Láng Hàm (Hết Công ty TNHH Trí Hưng)	5.440
91.3	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh ấp Láng Hàm C	Cầu Ba Láng	4.880
91.4	Đường tỉnh 925	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Đông Phước	3.600
91.5	Tuyến cấp Sông Ba Láng (Hướng về Quốc lộ 1A)	Cầu số 10	Cầu Rạch Vong	928
91.6	Hẻm Quán Thi Thơ	Quốc lộ 1A	Cuối hẻm	1.760

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
91.7	Khu dân cư Thương mại đa chức năng Tây Đô	Cả khu		3.488
91.8	Đường ô tô về Trung tâm xã Tân Phú Thạnh	Giáp ranh xã Đông Phước	Hết đường	2.784
91.9	Khu tái định cư phục vụ Cụm công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh (Nay là Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh) do DNTN Vạn Phong đầu tư	Cả khu		3.488
91.10	Khu tái định cư và dân cư thương mại phục vụ Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh (Công ty Cổ phần Thiên Lộc - HG làm chủ đầu tư)	Cả khu		3.488
91.11	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh	Đường số 5 (12 mét)		2.800
		Đường NB1, NB2, NB3, NB4 (12 mét)		2.560
		Đường NB5 (9 mét)		2.560
91.12	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh - giai đoạn 2	Đường số 4 (6,5 mét)		2.560
		Đường số 5 (13 mét)		2.800
		Đường NB3, NB4 (12 mét)		2.640
91.13	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh - giai đoạn 2	Đường NB5, NB6, NB8 (13 mét)		2.720
		Đường NB7 (15 mét)		2.720
91.14	Đường ô tô về Trung tâm xã Thạnh Xuân (đường Nguyễn Việt Hồng)	Quốc lộ 61	Sông Láng Hàm	2.654
		Sông Láng Hàm	Hết Ấp Trầu Hôi	2.160
		Ấp Trầu Hôi	Giáp ranh xã Tân Hòa	1.684
91.15	Đường vào Khu di tích lịch sử “Địa điểm thành lập Ủy ban mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam tỉnh Cần Thơ”	Suốt tuyến		1.684
91.16	Lộ mới Ba Ngoan	Suốt tuyến		1.920
91.17	Đường Nguyễn Trung Trực	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Tân Hòa	2.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
91.18	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Đường nội bộ chợ)	Đường Nguyễn Thị Định	Đường Trần Hưng Đạo	4.788
91.19	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường nội bộ chợ Rạch Gòi)	Đường Nguyễn Thị Định (Cầu sắt cũ)	Cầu Vinh 1	4.788
91.20	Đường Phan Văn Trị (Đường nội bộ chợ Rạch Gòi)	Nguyễn Thị Định (Cầu sắt cũ)	Cầu Vinh 2	4.788
91.21	Đường Nguyễn Thị Định (Đường nội bộ chợ Rạch Gòi)	Cầu Sắt Cũ	Ngã ba Chợ Rạch Gòi	4.788
91.22	Chợ Rạch Gòi	Các đường nội bộ chưa có tên đường		1.800
91.23	Quốc lộ 61C	Suốt tuyến		2.400
91.24	Tuyến lộ nông thôn 3,5 mét (Tuyến cấp sông Ba Láng, bên UBND xã Tân Phú Thạnh)	Rạch Bàng (Giáp ranh phường Cái Răng)	Cầu So Đũa Bé	880
92	Xã Tân Hòa			
92.1	Quốc lộ 61C	Kênh Trầu Hôi	Giáp ranh xã Thạnh Xuân	2.400
		Kênh Tân Hiệp	Kênh 2.000	2.640
		Kênh 2.000	Kênh 8.000	2.400
92.2	Đường Lê Hồng Phong (Đường tỉnh 926B)	Giáp ranh xã Tân Bình	Quốc lộ 61C	2.000
		Quốc lộ 61C	Kênh Xáng Xà No	2.000
92.3	Đường tỉnh 931B	Kênh Xáng Mới	Kênh Trầu Hôi	1.440
		Kênh 1.000	Kênh 5.000	2.800
92.4	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 931B)	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Việt Dũng	6.400
		Đường Nguyễn Việt Dũng	Kênh 1.000	5.040
92.5	Đường 3 Tháng 2 (Lộ 37)	Đường Tầm Vu	Kênh 1.000	7.200
		Cầu Tân Hiệp	Đường Nguyễn Trung Trực	6.400
92.6	Đường 3 Tháng 2 (Đoạn nối dài)	Kênh 1.000	Đường Công Vụ (Trung tâm Y tế Châu Thành A)	6.400
92.7	Đường Công Vụ (Trung tâm Y tế Châu Thành A)	Đường tỉnh 931B	Kênh Xáng Xà No	2.800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
92.8	Đường Chiêm Thành Tấn	Đầu Kênh Tân Hiệp (Bưu điện Châu Thành A)	Đường Nguyễn Việt Dũng (Cầu Bốn Tổng)	5.760
92.9	Đường Tầm Vu	Đầu Kênh Tân Hiệp (Bưu điện Châu Thành A)	Đường 30 Tháng 4	5.120
		Đường 30 Tháng 4	Giáp ranh xã Tân Bình	4.320
92.10	Đường Nguyễn Trung Trục (Đường Công vụ Một Ngàn)	Cầu Xáng Mới	Đường 30 Tháng 4	3.712
		Đường 30 Tháng 4	Giáp ranh xã Thạnh Xuân	2.816
92.11	Đường Nguyễn Việt Dũng	Quốc lộ 61C	Đường 30 Tháng 4	5.376
		Đường 30 Tháng 4	Đường Chiêm Thành Tấn (Kênh Xáng Xà No)	5.040
		Kênh Xáng Xà No	Giáp ranh xã Trường Long Tây	2.048
		Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Tân Bình	2.048
92.12	Đường Võ Thị Sáu (Đường huyện 12 cũ)	Kênh 5.000	Kênh 6.500	1.800
		Kênh 6.500	Kênh 7.000	2.640
92.13	Đê bao Ô Môn - Xà No	Kênh Mường Đình	Kênh Xẻo Trầm	1.344
		Kênh Xẻo Trầm	Kênh 1.000	1.680
		Kênh 1.000	Kênh 8.000	1.344
92.14	Đường huyện 12	Kênh 7.000	Kênh 8.000	3.000
		Đường Nguyễn Việt Dũng (Cầu Bốn Tổng)	Kênh 5.000	1.280
92.15	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường tỉnh 931B	Giáp ranh xã Thạnh Xuân	1.760
92.16	Đường Công Vụ 4.000	Kênh Xà No	Quốc lộ 61C	1.000
92.17	Đường Võ Minh Thiết	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	3.360
92.18	Đường dẫn ra Quốc lộ 61C (Bến xe Châu Thành A)	Quốc lộ 61C	Đường Tầm Vu	2.400
92.19	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường tỉnh 931B cũ)	Kênh 5.000	Kênh 8.000	4.400
92.20	Đường Nguyễn An Ninh (Trung tâm chợ)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường tỉnh 931B cũ)	Đường Võ Thị Sáu	4.400
92.21	Đường Nguyễn Viết Xuân (Trung tâm chợ)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường tỉnh 931B cũ)	Đường Võ Thị Sáu	4.400
92.22	Đường Ngô Hữu Hạnh (Trung tâm chợ)	Đường Lê Thị Chơi	Đường Nguyễn An Ninh	4.400
92.23	Đường Lý Tự Trọng (Trung tâm chợ)	Đường Lê Thị Chơi	Đường Nguyễn An Ninh	4.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
92.24	Đường Lê Thị Chơí (Trung tâm chợ)	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lý Tự Trọng	4.400
92.25	Khu dân cư huyện Châu Thành A (Đường Lê Bình, Đường Trương Thị Bình, Đường Kim Đồng, Đường Nguyễn Ngọc Trai)	Cả khu		3.000
92.26	Khu vượt lũ xã Tân Hòa	Cả khu		840
92.27	Khu vượt lũ xã Nhơn Nghĩa A	Cả khu		1.000
92.28	Khu dân cư vượt lũ 7.000	Cả khu		1.600
92.29	Khu tái định cư Tân Hòa	Đường gom Quốc lộ 61C (14 mét)		4.000
		Đường D1 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (14,5 mét)		3.200
		Đường D1 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (14,5 mét)		3.040
		Đường D1 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (14,5 mét)		2.880
		Đường D2 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (17,5 mét)		3.200
		Đường D2 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (17,5 mét)		3.040
		Đường D2 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (17,5 mét)		2.880
		Đường D3 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (14 mét)		3.200
		Đường D3 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (14 mét)		3.040
		Đường D3 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (14 mét)		2.880
		Đường N1 (14 mét)		3.200
		Đường N2 (14 mét)		3.040
		Đường N3 (14 mét)		2.880

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
92.30	Khu tái định cư Bảy Ngàn phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Đường gom Quốc lộ 61C (14 mét)		4.000
		Đường D1 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (6,5 mét)		2.400
		Đường D1 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (6,5 mét)		2.280
		Đường D1 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (6,5 mét)		2.160
		Đường D2 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (13 mét)		3.200
		Đường D2 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (13 mét)		3.040
92.31	Khu tái định cư Bảy Ngàn phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Đường D2 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (13 mét)		2.880
		Đường N1 (14 mét)		3.200
		Đường N2 (14 mét)		3.040
		Đường N3 (14 mét)		2.880
92.32	Lộ nông thôn 3,5 mét cặp Kênh 4.000 ấp 3B, 5B	Kênh Xáng Xà No	Giáp ranh xã Trường Long Tây	720
92.33	Lộ nông thôn 3,5 mét thuộc ấp Nhơn Xuân	Kênh Xáng Xà No	Kênh Trà Ếch	720
		Kênh Trà Ếch	Giáp ranh xã Nhơn Ái	720
92.34	Lộ nông thôn 3,5 mét cặp Kênh 5.500 (Ấp 2A)	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Tân Bình	720
92.35	Lộ nông thôn 3,5 mét cặp Kênh 7.000 (Ấp 3B)	Kênh Xáng Xà No	Giáp ranh xã Trường Long Tây	720
92.36	Lộ nông thôn 3,5 cặp Kênh 2.000 (Ấp 1B)	Kênh Xáng Xà No	Giáp ranh xã Trường Long Tây	720

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
93	Xã Trường Long Tây			
93.1	Đường ô tô về trung tâm xã Trường Long Tây (Đường tỉnh 926 cũ)	Cầu 1.000	Giáp ranh xã Trường Long Tây (Kênh số 14 hay còn gọi Kênh Mười Thảo)	1.400
		Giáp ranh xã Trường Long A cũ (Kênh số 14 hay còn gọi Kênh Mười Thảo)	Kênh 5.500	1.200
		Cầu 4.000	Cầu 5.500	1.000
		Kênh 5.500	Kênh 8.000 (Giáp ranh xã Vị Bình cũ)	800
93.2	Đường Bốn Tổng Một Ngàn	Giáp ranh xã Tân Hòa	Kênh Bờ Tràm	2.000
		Kênh Bờ Tràm	Kênh KH9	2.000
		Kênh KH9	Giáp ranh xã Trường Xuân	2.000
93.3	Khu vượt lũ xã Trường Long Tây	Cả khu		960
93.4	Khu vực Chợ Trường Long Tây	Đường giáp UBND xã Trường Long Tây đến Kênh 4.000 (Các nền đấu giá quyền sử dụng đất)		2.000
		Đường giáp UBND xã Trường Long Tây đến Kênh 4.000; Đường từ đường 926 đến Kênh KH9		1.360
		Đường số D1, lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3)		1.232
		Đường số 4, lộ giới 12 mét (3 - 6 - 3)		1.232
		Đường số 5, lộ giới 12 mét (3,5 - 7 - 3,5)		1.232
93.5	Khu vượt lũ Trường Long A	Phần đất sinh lợi		1.558
		Cả khu (Trừ phần đất sinh lợi)		960
93.6	Tuyến lộ nông thôn 3,5 mét xã Trường Long Tây	Các tuyến		800
93.7	Tuyến lộ nông thôn 3,5 mét xã Trường Long A	Các tuyến		800
94	Xã Châu Thành			
94.1	Đường Hùng Vương	Giáp ranh xã Đông Phước	Mốc 1,5 km	4.928
		Mốc 1,5 km	Ngã tư Cái Dầu	9.000
		Ngã tư Cái Dầu	Cầu Ngã Cạy	5.280
		Cầu Ngã Cạy	Cầu Cơ Ba	4.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
94.2	Đường 30 Tháng 4	Đường Hùng Vương	Khu dân cư (Đường Võ Thị Sáu)	6.336
94.3	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	Cầu Cái Dầu	6.336
		Ngã tư Cái Dầu	Cầu Cái Dầu	9.000
		Cầu Cái Dầu	Cổng chào Phú Hữu	5.040
94.4	Đường Lê Văn Tám	Đường Hùng Vương	Đường Đồng Khởi	5.280
94.5	Đường Nguyễn Văn Quy	Cầu Xẻo Chòi	Cầu Tràm Bông	4.000
94.6	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường 3 Tháng 2	3.520
94.7	Đường Kim Đồng	Ngã ba Đường Nguyễn Việt Hồng	Hết ranh Trường Mầm non Ánh Dương	3.520
94.8	Đường Đồng Khởi	Cầu Xẻo Chòi	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	5.280
		Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cầu Kênh Tân Quới	3.500
94.9	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cầu Cái Muồng (mới)	Đường Đồng Khởi	5.280
		Đường 3 Tháng 2	Đường Hùng Vương	6.336
94.10	Đường Nguyễn Việt Dũng	Đường 30 Tháng 4	Đường Hùng Vương	4.413
94.11	Đường Ngô Hữu Hạnh	Suốt tuyến		4.413
94.12	Đường Lý Tự Trọng	Suốt tuyến		4.413
94.13	Đường Võ Thị Sáu	Suốt tuyến		4.413
94.14	Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 1	Cả khu		2.880
		Các thửa đất tiếp giáp Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 1 (Không thuộc các lô nền Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 1)		2.880
94.15	Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 2	Cả khu		2.880
		Các thửa đất tiếp giáp Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 2 (Không thuộc các lô nền Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 2)		2.880
94.16	Khu dân cư - Thương mại Thiện Phúc (Gồm khu cũ và khu mới)	Cả khu (Không áp dụng đối với các lô nền mặt tiền Đường Hùng Vương)		6.336
94.17	Khu tái định cư và dân cư thị trấn Ngã Sáu	Cả khu		5.069

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
94.18	Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2	Đường Võ Thị Sáu (Suốt tuyến) - Đường hiện hữu có lộ giới 14 mét; Đường số 9 có lộ giới 22 mét		4.936
		Đường số 22 có lộ giới 19 mét		3.949
		Đường số 1, Đường số 2, Đường số 3 có lộ giới 13 mét		3.455
		Các thửa đất tiếp giáp Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2 (Không thuộc các lô nền Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2)		3.949
94.19	Khu tái định cư Ngã Sáu phục vụ Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam	Đường Võ Thị Sáu (Suốt tuyến) - Đường hiện hữu có lộ giới 14 mét		4.936
		Đường số 22 có lộ giới 19 mét; Đường Lý Tự Trọng có lộ giới 19 mét		3.949
		Đường số 1, Đường số 2, Đường số 4, Đường số 5 có lộ giới 13 mét		3.455
		Các thửa đất tiếp giáp Khu tái định cư Ngã Sáu phục vụ Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc Nam (Không thuộc các lô nền Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2)		3.949
94.20	Khu Trung tâm Thương mại Ngã Sáu	Cả khu		5.808
94.21	Đường về xã Phú An (Cũ)	Cầu Cơ Ba (Cầu Bảy Mộc cũ)	Giáp ranh xã Đông Phước	1.920
94.22	Đường về xã Đông Phú	Cầu Cơ Ba (Cầu Bảy Mộc cũ)	Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1	1.920
94.23	Đường ra Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Chỉ áp dụng cho lộ đal)	Cầu Bảy Ca	Cầu Cái Dầu	1.200
94.24	Lộ Cái Chanh - Phú An - Đông Phú	Giáp ranh xã Đông Phước	Cầu Cái Cui Bé	1.920
94.25	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Cái Cui	Cầu Cái Côn	6.400
94.26	Đường nối Ngã Sáu đến Nam Sông Hậu (Đối với các vị trí đã Hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng)	Cầu Cơ Ba (Cầu Bảy Mộc cũ)	Cầu Phú Hưng	3.360

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
94.27	Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1 (Đợt 1, đợt 2 và đợt 3)	Các nền tiếp giáp mặt tiền Đường số 2 (Song song với Đường Nam Sông Hậu)		7.232
		Các lô nền còn lại		4.973
94.28	Khu tái định cư Đông Phú phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu	Đường số 3, lộ giới 32 mét (Từ nền 1 - 3 của lô N1; Từ nền 1 - 3 của lô N2)		3.967
		Đường N1, lộ giới 24 mét (Từ nền số 4 - 21 của lô N1; Từ nền số 4 - 20 của lô N2), đường N2, N3 lộ giới 15 mét (Từ nền số 1 - 58 của lô N3; Từ nền số 1 - 58 của lô N4), đường D2 lộ giới 15 mét (Từ nền số 1 - 6 của lô N5)		3.772
		Đường N2, N3, D3, D4, D5, lộ giới 15 mét (Từ nền số 59 - 163 của lô N3; Từ nền số 59 - 165 của lô N4)		3.734
94.29	Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu đợt 2 - giai đoạn 1, huyện Châu Thành (do Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh làm chủ đầu tư)	Đường số 5, gồm các lô nền: A1, A2 và A3 (Từ nền số 01 đến nền số 29)		5.928
		Đường số 4: gồm các lô nền A3 (Từ nền số 30 đến nền số 66) và A4		4.973
94.30	Đường tỉnh 927C	Giáp ranh xã Phú Hữu	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	3.776
94.31	Khu dân cư Thương mại, dịch vụ Mái Dầm	Thửa mặt tiền Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)		4.274
		Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu))		2.564
94.32	Khu tái định cư cho Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 2	Đường số 2, 3, 4, 5, 6 có lộ giới 16 mét (4 - 8 - 4)		3.770
		Đường số 7, 8 có lộ giới 15 mét (4 - 7 - 4)		3.369
		Đường số 9, 10, 11, 12, 13 có lộ giới 14 mét (4 - 6 - 4)		3.058
94.33	Trung tâm thương mại và Khu dân cư Thương mại thị trấn Mái Dầm	Cả khu (Trừ các lô giáp Đường Nam Sông Hậu và Đường tỉnh 925)		3.600

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
94.34	Khu tái định cư thị trấn Mái Dầm	Đường số 1 lộ giới 26 mét (4,5 - 17 - 4,5); Đường D5 lộ giới 24 mét (4 - 14 - 4)		3.841
		Đường số 2A, 3, 6, 8, 9A, D7 lộ giới 16 mét (4 - 8 - 4); Đường số 10 lộ giới 16 mét (4 - 8 - 4) và lộ giới 21 mét (5 - 11 - 5)		3.770
		Đường N1, N2, N3, N4, N5, D1, D2, D3, D4, D6, D8 lộ giới 15 mét (4 - 7 - 4)		3.369
94.35	Đường tỉnh 925	Cầu Thông Thuyền	Bến khách ngang sông Mái Dầm	2.560
94.36	Khu dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm	Cả khu (Không áp dụng đối với các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 925)		2.800
		Các thửa đất tiếp giáp Khu dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm (Không thuộc các lô nền Khu dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm)		2.800
94.37	Đường cấp sông Cái Dầu, Cái Muông (Phía chợ Ngã Sáu)	Mốc 1,5 km	Cầu Cái Dầu	2.816
95	Xã Đông Phước			
95.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Thạnh Xuân (Cầu Rạch Vong)	Cầu Đất Sét	4.224
95.2	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1A)	Cầu Đất Sét	Hết Nhà thờ Cái Tắc	7.526
		Hết Nhà thờ Cái Tắc	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	6.048
95.3	Đường Lê Văn Nhung (Quốc lộ 1A cũ)	Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1A)	6.048
95.4	Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)	Ngã ba Cái Tắc (Quốc lộ 1A)	Cầu Cái Tắc	7.680
95.5	Đường tỉnh 925 (cũ) và Đường tỉnh 925 (mới)	Giáp ranh xã Thạnh Xuân	Cầu Cái Chanh và giáp ranh phường Cái Răng	3.599
		Cầu Cái Chanh (mới) và Cầu Cái Chanh (cũ)	Giáp ranh xã Châu Thành	2.800
		Trường Mẫu giáo Họa Mi	Đường tỉnh 925 (Giáp ranh Trụ sở UBND xã Đông Phước A cũ)	1.920
95.6	Đường Nguyễn Văn Quang (Đường ô tô về Trung tâm xã Tân Phú Thạnh)	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1A)	Cầu Ba Láng	5.312
95.7	Đường Đỗ Trọng Văn	Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)	Cầu Mới (Đường Chùa Khmer)	4.704

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
95.8	Đường Đoàn Văn Chia (Đường nội bộ Chợ Cái tắc)	Bưu điện thị trấn Cái Tắc	Cầu Tàu	5.530
95.9	Đường nội bộ Chợ Cái Tắc	Các đoạn còn lại trong Chợ Cái Tắc		5.376
95.10	Đường Chùa Khmer	Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)	Cổng Cả Bảo	5.376
95.11	Đường cặp sông Cái Chanh	Đường tỉnh 925 (cũ)	Cầu Cái Chanh (mới)	1.440
95.12	Đường về xã Đông Phước (Đường huyện 35)	Cầu Cái Chanh (cũ)	Đường dẫn Cầu Ông Hoạch	1.920
95.13	Lộ Cái Chanh - Phú An - Đông Phú	Đường tỉnh 925	Giáp ranh xã Châu Thành	1.920
95.14	Đường dẫn cầu Ông Hoạch	Đường về xã Đông Phước	Trụ sở UBND xã Đông Phước	2.000
95.15	Đường ô tô về Trung tâm xã Đông Phước A	Đường tỉnh 925	Trường Mẫu giáo Họa Mi	1.200
		Trường Mẫu giáo Họa Mi	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	2.800
95.16	Tuyến cặp sông Ba Láng (Hướng về Đường Hùng Vương)	Cầu Đất Sét (Giáp ranh xã Tân Phú Thạnh)	Đường Hùng Vương	1.490
95.17	Khu dân cư Cái Tắc (Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Vạn Phát đầu tư)	Cả khu		3.240
95.18	Khu dân cư ấp Tân Phú A, thị trấn Cái Tắc (Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Bảo Trân đầu tư)	Cả khu		3.000
95.19	Khu nhà ở kết hợp với Thương mại dịch vụ tại thị trấn Cái Tắc	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Quốc lộ 1A)		3.240
95.20	Đường dẫn đi vào Trường Tiểu học thị trấn Cái Tắc (cũ)	Suốt tuyến		1.600
95.21	Tuyến Đường cặp sông Ba Láng	Cầu Móng	Cổng Cả Bảo	1.760
95.22	Tuyến Đường cặp sông Cái Răng (hiện trạng lộ 3,5 mét)	Rạch Bà Nhen	Rạch Chùa	1.440
95.23	Đường vào Khu tập thể Cầu Đường	Suốt tuyến		1.920
96	Xã Phú Hữu			
96.1	Đường tỉnh 925	Cổng chào Phú Hữu	Cầu Thông Thuyền	2.000
96.2	Đường tỉnh 925B	Cầu Tràm Bông	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	1.920

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
96.3	Đường tỉnh 927C	Giáp ranh phường Đại Thành	Giáp ranh xã Châu Thành	2.392
96.4	Đường ô tô về Trung tâm xã Phú Hữu	Đường tỉnh 925	Đường tỉnh 927C	1.196
96.5	Đường Ngã tư Đông Sơn - Bưng Cây Sắn	Cầu BOT Đông Phước	Cầu Kênh thủy lợi Phú Tân (cũ)	670
96.6	Tuyến Đường bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai và xây dựng tuyến Đê bao bờ Nam sông Mái Dầm, huyện Châu Thành	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	Đường ô tô về Trung tâm xã Phú Hữu	537
96.7	Khu dân cư vượt lũ xã Đông Phước (cũ)	Các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 925B		1.920
		Các lô nền còn lại		1.344
96.8	Cụm dân cư vượt lũ xã Phú Hữu	Các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 927C		2.392
		Các lô nền còn lại		1.674
96.9	Đường Căn cứ liên Tỉnh ủy	Cầu BOT Phú Hữu	Cầu Chữ Y Vàm Đường Gổ	838
96.10	Các tuyến Đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã	Suốt tuyến		400
97	Xã Tân Bình			
97.1	Quốc lộ 61	Cầu Ba Láng	Hết ranh Xí nghiệp nước đá	5.200
		Giáp ranh Xí nghiệp nước đá	Hết ranh Cây xăng Hòa Hà	4.600
		Giáp ranh Cây xăng Hòa Hà	Cổng Tám An	4.000
		Cổng Tám An	Hết ranh Cây xăng Hồng Quân	3.456
		Giáp ranh Cây xăng Hồng Quân	Bến xe Kinh Cùng	4.000
		Bến xe Kinh Cùng	Giáp ranh xã Hòa An	4.800
97.2	Đường tỉnh 929 (cũ)	Cầu Tân Hiệp	Giáp ranh xã Tân Hòa	2.240
97.3	Đường tỉnh 929	Quốc lộ 61	Kênh Đường Láng	2.000
		Kênh Đường Láng	Giáp ranh xã Tân Hòa	2.000
97.4	Đường ô tô về Trung tâm xã Bình Thành (Đường tỉnh 925B)	Quốc lộ 61	Cầu Hai Hòe	864
		Cầu Hai Hòe	Cầu Bình Thành	940

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
97.5	Đường vào Khu dân cư vượt lũ Cầu Xáng, Tân Bình	Quốc lộ 61	Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ Cầu Xáng	1.504
		Các đường nội bộ		1.504
97.6	Chợ Rạch Gòi	Quốc lộ 61	Cầu sắt cũ Rạch Gòi	3.120
		Cầu Ba Láng	Cầu sắt cũ Rạch Gòi	1.920
97.7	Khu tái định cư xã Bình Thành phục vụ dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025	Đường ô tô về Trung tâm xã Bình Thành (Đoạn từ kênh Hai Hòe đến UBND xã Bình Thành); Đường tỉnh 925B dự kiến có lộ giới 18 mét (5 - 8 - 5)		3.043
		Đường D1, D2 có cùng lộ giới 14 mét (3,5 - 7 - 3,5)		2.898
		Đường N1, N2 có cùng lộ giới 13 mét (3,5 - 6 - 3,5)		2.760
98	Xã Hòa An			
98.1	Quốc lộ 61	Cây xăng Mỹ Tân	Hết kho vũ khí Quân sự	4.000
		Hết kho vũ khí quân sự	Giáp ranh phường Long Bình (Cầu Xẻo Trâm)	3.360
98.2	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Giáp ranh xã Tân Bình	Hết Cây xăng Mỹ Tân	4.560
98.3	Đường tỉnh 927	Giáp ranh xã Hiệp Hưng (Cầu Xáng Bộ)	Cầu Rạch Cừ	1.792
98.4	Đường tỉnh 927B (Đường tỉnh 927 cũ)	Giáp ranh phường Phương Bình (Cầu Xẻo Sành)	Quốc lộ 61	2.000
98.5	Đường 26 Tháng 3 (Đường ô tô Kinh Cùng - Phương Phú)	Quốc lộ 61	Cầu Kênh Bảy Chồn	864
98.6	Đường ô tô Kinh Cùng - Phương Phú	Cầu Kênh Bảy Chồn	Đường tỉnh 927	864
98.7	Tuyến Kênh Nhà Nước	Kênh Tổng Năng	Giáp ranh xã Phương Bình	1600
98.8	Đường vào Kênh Tám Ngàn cụt	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Cầu Kênh Tám Ngàn cụt	3.848
98.9	Đường Nguyễn Thị Thơ	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Cầu sắt Chợ Hồng Phát	3.848
98.10	Đường Nguyễn Thị Bông	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Cầu bê tông Chợ Hồng Phát	4.736
98.11	Đường Lâm Thị Sáu	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Giáp Kênh Năm Phú	1.600
98.12	Tuyến Đường Lâm Thị Hai	Giáp ranh xã Phụng Hiệp	Đường Kinh Cùng - Phương Phú	1.600
98.13	Đường vào bãi rác Hòa An	Đường tỉnh 927B (Đường tỉnh 927 cũ)	Bãi rác Hòa An	605

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
98.14	Khu dân cư và Trung tâm Thương mại Hồng Phát tại thị trấn Kinh Cùng	Đường số 29 (Từ cầu Xáng Thối đến đường dự mở số 1)		4.092
		Đường số 25 (Từ Đường số 29 đến Đường số 4)		3.142
		Đường số 2 (Từ Đường số 29 đến Đường số 4)		3.142
		Đường số 3 (Từ Đường số 29 đến Đường số 6)		3.142
		Đường số 4 (Từ Đường số 2 đến Đường số 25)		3.142
		Đường số 5 (Từ Đường số 2 đến Đường số 25)		3.142
		Đường số 6 (Từ Đường số 2 đến Đường số 25)		3.142
98.15	Khu dân cư - Tái định cư Kênh Tám Ngàn, thị trấn Kinh Cùng, huyện Phụng Hiệp	Cả khu		3.848
98.16	Chợ Kinh Cùng (Chợ thị trấn Kinh Cùng)	Cả khu		4.488
99	Xã Phương Bình			
99.1	Đường tỉnh 928B	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng (Cầu Ranh Án)	Hết ranh Trường Tiểu học Phương Phú 1	656
		Giáp ranh Trường Tiểu học Phương Phú 1	Hết ranh Trung tâm Văn hóa Thể thao xã Phương Phú (cũ)	848
		Giáp ranh Trung Tâm Văn hóa Thể thao xã Phương Phú (cũ)	Giáp ranh phường Long Phú 1 (Cầu Xẻo Xu)	656
99.2	Đường tỉnh 927	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Rạch Cừu)	Cầu Ông Cò	1.792
		Cầu Ông Cò	Cầu Cả Cường	1.800
		Cầu Cả Cường	Cầu Kênh Bà Bái	1.792
		Cầu Kênh Bà Bái	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xẻo Sành)	1.280
		Kênh Bà Bái	Kênh Xẻo Cao	960
99.3	Đường tỉnh 926B	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu rạch cũ)	Giáp ranh phường Long Phú 1	960
99.4	Đường ô tô Kinh Cùng - Phương Phú	Cầu Lâm Trường Phương Ninh	Giáp ranh Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng (Hết ranh đất Hai Vính)	752
99.5	Đường cấp Kênh Đức Bà	Cầu Đức Bà	Hết Nhà thờ Đức Bà	824

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
99.6	Đường cặp Kênh Xáng Lái Hiếu	Cầu Kênh Cây Mướp	Cầu Kênh Tư So	1.600
		Đường dẫn lên Cầu Cái Sơn	Cầu Kênh Giải Phóng	1.600
		Cầu Kênh Giải Phóng	Kênh Lái Hiếu nhỏ (Giáp ranh phường Long Mỹ)	1.440
99.7	Đường dẫn Cầu Cái Sơn (Hai bên cầu)	Đường tỉnh 927	Đường cặp Kênh Xáng Lái Hiếu	752
99.8	Tuyến Kênh Nhà Nước	Cầu Cái Sơn (Giáp ranh đất Đỗ Thanh Bình)	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Kênh Bờ Chuối)	1.600
99.9	Chợ Cái Sơn	Đường cặp Kênh Tư So		2.705
		Các tuyến đường nội bộ chợ		2.400
99.10	Khu tái định cư Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	Đường số 1, lộ giới 21 mét (5,5 - 10 - 5,5)		1.988
		Đường số 2, 3, 4, 5, 6, 7, lộ giới 11,5 mét (3,0 - 5,5 - 3,0)		1.606
99.11	Chợ Phương Phú	Các tuyến đường nội bộ chợ		1.196
100	Xã Tân Phước Hưng			
100.1	Đường Quản lộ - Phụng Hiệp	Giáp ranh phường Ngã Bảy (Cầu Hai Dướng)	Kênh Cây Mận	1.680
		Kênh Cây Mận	Giáp ranh xã Long Hưng	1.490
100.2	Đường ô tô về xã Tân Phước Hưng (Đường tỉnh 928B)	Giáp ranh phường Ngã Bảy (Cầu Mười Lê)	Đường tỉnh 928	940
100.3	Đường tỉnh 928B	Đường tỉnh 928	Giáp ranh xã Phương Bình	940
100.4	Đường tỉnh 928	Giáp rang đất Trụ sở Công an xã	Giáp ranh xã Hiệp Hưng	1.018
100.5	Đường Chợ Búng Tàu	Giáp ranh móng Cầu cũ Búng Tàu	Giáp ranh đất Nhị Tỷ (Đường cặp Kênh Xáng Búng Tàu)	1.890
		Giáp chân móng Cầu cũ Búng Tàu (Nhà anh Tiên)	Hết ranh đất Nhà anh Nguyễn Văn Mỹ	1.890
		Giáp ranh móng Cầu cũ Búng Tàu	Cầu mới Mười Biều (Đường cặp Kênh Ngang)	1.408
100.6	Hai đường song song sau Nhà lồng Chợ Búng Tàu	Ranh nhà lồng chợ	Ranh đất Hai Thành	1.680
101	Xã Hiệp Hưng			
101.1	Đường tỉnh 927	Cầu Sậy Niều	Cầu Kênh Tây	2.000
		Cầu Kênh 82	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xáng Bộ)	1.792

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
101.2	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Cầu Kênh Tây	Đường 26 Tháng 3	2.912
		Đường 26 Tháng 3	Cầu vượt Cây Dương (Đường 3 Tháng 2)	3.200
		Cầu vượt Cây Dương	Đường Đoàn Văn Chia	3.840
		Đường số 5 (Đường Nguyễn Thị Điền)	Đường Hùng Vương (Đường Lê Thị Tư)	2.208
		Đường Hùng Vương (Đường Lê Thị Tư)	Cầu Kênh T82	1.792
101.3	Đường tỉnh 928	Kênh Châu Bộ	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng	1.260
101.4	Đường Đoàn Văn Chia (Đường tỉnh 928)	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường Võ Thị Tẫu	3.840
		Đường Võ Thị Tẫu	Kênh Trường học	2.720
101.5	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Văn Nét	Cầu Lái Hiếu (Cầu vượt Cây Dương)	2.760
		Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường Võ Thị Tẫu	3.840
101.6	Đường Nguyễn Thị Phấn (Đường số 3)	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường số 1	3.400
101.7	Đường Trần Văn Sơn (Đường số 19)	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường Võ Thị Tẫu	3.520
101.8	Đường Nguyễn Văn Quang (Đường số 17)	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường Võ Thị Tẫu	3.520
		Đường Võ Thị Tẫu	Đường số 20	3.000
101.9	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường số 1	3.400

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
101.10	Đường Nguyễn Văn Nét (Đường số 9)	Kênh Lái Hiếu	Đường vào Khu tái định cư Cây Dương phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	2.880
		Đường vào Khu tái định cư Cây Dương phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Cầu Kênh Châu Bộ	2.160
101.11	Đường Triệu Vĩnh Tường (Đường số 30)	Đường 3 Tháng 2	Đường số 22	3.840
101.12	Đường Hùng Vương (Đường số 31)	Đường 30 Tháng 4 (Trụ sở Công an xã)	Đường 3 Tháng 2	3.920
		Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Chia	4.200
		Đường Nguyễn Thị Điền	Đường 30 Tháng 4	3.920
101.13	Đường Võ Thị Tảo	Đường Đoàn Văn Chia	Đường số 22	3.840
101.14	Đường Trương Thị Hoa	Đường Võ Thị Tảo	Đường số 20	3.000
101.15	Khu dân cư vượt lũ thị trấn Cây Dương	Đường 30 Tháng 4	Hết ranh Khu dân cư	1.408
		Các đường nội bộ		1.400
101.16	Đường vào khu Bờ Tràm	Ranh Khu dân cư vượt lũ Cây Dương	Lộ Kênh Bờ Tràm	960
101.17	Đường Nguyễn Thị Ba	Cầu Ranh Án	Cầu Kênh Bùi Kiệm	1.015
101.18	Đường ô tô về xã Hiệp Hưng	Đường tỉnh 928	Cầu Mười Hùng	864
101.19	Đường số 22	Đường Võ Thị Tảo	Đường Hùng Vương	3.872
101.20	Đường số 20	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	3.120
101.21	Đường số 23	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	3.600
101.22	Đường số 25	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	3.600
101.23	Đường Lê Thị Bông	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	3.600
101.24	Đường Nguyễn Văn Thép	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	3.360

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
101.25	Đường Phạm Thị Dần (Đường D1 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Chia	3.840
101.26	Đường Lê Thị Nương (Đường D2 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Chia	3.840
101.27	Đường Bùi Thị Chăm (Đường D3 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Chia	3.840
101.28	Đường Lê Thị Cảnh (Đường D4 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường D3	Đường 3 Tháng 2	3.840
101.29	Đường Nguyễn Thị Hóa (Đường số 10 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường D3	Đường 3 Tháng 2	3.840
101.30	Đường số 1	Đường Nguyễn Thị Điền (Đường số 5)	Đường Lê Thị Tư (Đường số 6)	3.400
101.31	Đường Nguyễn Thị Điền (Đường số 5)	Đường 30 Tháng 4	Hết đường nhựa	3.400
101.32	Đường Lê Thị Tư (Đường số 6)	Đường Hùng Vương	Đường số 1	3.400
101.33	Đường số 3 Khu dân cư Phụng Hiệp	Đường số 22	Đường số 4	2.880
101.34	Đường số 4 Khu dân cư Phụng Hiệp	Đường số 5 dự mở	Hết lộ nhựa	2.880
101.35	Khu tái định cư tại thị trấn Cây Dương	Đường số 12 (25 mét)		4.240
		Đường số 10 (17 mét)		4.028
		Đường số 23 (17 mét)		4.028
		Đường số 25 (17 mét)		4.028
		Đường Lê Thị Bông (Đường số 27 (17 mét))		4.028

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
101.36	Khu tái định cư Cây Dương phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Đường số 1 (Lộ giới 18 mét)		4.200
		Đường số 2 (Lộ giới 15 mét)		3.990
		Đường số 3 (Lộ giới 14 mét)		3.780
		Đường số 4 (Lộ giới 14 mét)		3.780
		Đường số 5 (Lộ giới 14 mét)		3.780
		Đường số 6 (Lộ giới 14 mét)		3.780
		Đường số 7 (Lộ giới 14 mét)		3.780
102	Xã Phụng Hiệp			
102.1	Đường tỉnh 927	Cầu Sậy Niều	Cầu Đất Sét	2.000
102.2	Đường tỉnh 928	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	Cầu Cây Dương (Ngã tư Máy Cháy)	1.152
		Cầu Cây Dương (Ngã tư Máy Cháy)	Cầu La Bách	1.248
		Cầu La Bách	Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Mỹ	1.300
		Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Mỹ	Giáp ranh xã Hiệp Hưng (cầu Trường học)	1.260
102.3	Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Mỹ	Đường tỉnh 928	Cầu Kênh Tây (Họa Đồ)	864
102.4	Đường về Trung tâm xã Phụng Hiệp	Cầu Kênh Tây (Họa Đồ)	Cầu Ngã tư Đất Sét	816
		Cầu ngã tư Đất Sét	Giáp ranh phường Ngã Bảy (Cầu UBND phường Lái Hiếu)	896
		Đường tỉnh 927 (Cầu Sậy Niều)	Giáp ranh Lộ Xẻo Môn	896
102.5	Chợ Hòa Mỹ	Đường tỉnh 928	Các đường nội ô chợ	1.343
103	Xã Thạnh Hòa			
103.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Đông Phước	Cầu Nàng Mau (Cầu Trắng Lớn)	3.360
		Cầu Nàng Mau (Cầu Trắng Lớn)	Giáp ranh phường Đại Thành	4.512
103.2	Quốc lộ 61	Cầu Cái Tắc	Cống Mâm Thao	4.403
		Cống Mâm Thao	Đường rẽ vào Đường tỉnh 928	4.080
		Đường rẽ vào Đường tỉnh 928	Cầu Ba Láng	5.120

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
103.3	Đường tỉnh 925B	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Phú Hữu	2.880
103.4	Đường tỉnh 928	Cầu Ba Láng	Kênh Mụ Thở	1.654
		Kênh Mụ Thở	Cầu Cây	1.320
		Cầu Cây	Giáp ranh xã Phụng Hiệp	1.152
103.5	Đường tránh Đường tỉnh 928	Quốc lộ 61	Đường tỉnh 928	1.654
103.6	Đường vào Khu tái định cư xã Long Thạnh (Dự án Quốc lộ 1A giai đoạn 2) ấp Trường Khánh 1	Quốc lộ 1A	Khu tái định cư xã Thạnh Hòa (Dự án Quốc lộ 1A giai đoạn 1) ấp Trường Khánh 1	3.786
103.7	Khu tái định cư xã Long Thạnh (Dự án Quốc lộ 1A giai đoạn 1) ấp Trường Khánh 1	Các đường nội bộ		2.160
103.8	Đường song song Quốc lộ 1A (Không áp dụng đối với các thửa đất mặt tiền Quốc lộ 1A)	Cầu Cái Đình	Giáp ranh xã Đông Phước	1.200
103.9	Đường ô tô về Trung tâm xã Thạnh Hòa (Ấp Trường Khánh 1)	Quốc lộ 1A	Hết ranh Trụ sở UBND xã Thạnh Hòa	960
		Giáp ranh Trụ sở UBND xã Thạnh Hòa	Ngã tư Vàm Xẻo Đon	870
103.10	Đường về xã Thạnh Hòa (Đường cũ)	Quốc lộ 1A	Đường về xã Thạnh Hòa	960
103.11	Đường đi xã Đông Phước	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Đông Phước	1.080
103.12	Đường về Cầu Nhị Hồng	Kênh mương lộ Quốc lộ 1A	Đầu Cầu Nhị Hồng	1.531
103.13	Đường đi Phố 10 căn	Cầu Bà Triệu	Cầu Xáng Bộ	920
103.14	Đường Tha La	Quốc lộ 61	Cầu Sơn Đài	1.100
		Cầu Sơn Đài	Cầu Tha La	810
103.15	Lộ Thanh Niên	Quốc lộ 61	Sông Tầm Vu	880
103.16	Lộ Rạch Chanh - Ranh Làng	Quốc lộ 61	Cầu Rạch Chanh	644
103.17	Đường dẫn vào Khu tái định cư Tân Long (Giai đoạn 1)	Quốc lộ 1A	Khu tái định cư Tân Long (Giai đoạn 1)	2.800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
103.18	Khu tái định cư Tân Long (Giai đoạn 1)	Cả khu		2.160
103.19	Khu dân cư - Thương mại - Dịch vụ đa chức năng Minh Trí	Các tuyến đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		2.880
103.20	Khu Thương mại Chợ Cầu Trắng	Đường số 1; Lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3)		3.680
		Đường số 2, số 8; Lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3); Đường số 9; Lộ giới 12 mét (2 - 7 - 3)		3.520
		Đường số 3, số 4, số 6, số 7; Lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3)		2.800
103.21	Khu tái định cư xã Tân Long (Sạt lở)	Đường nhựa đầu nối vào Đường tỉnh 925B		1.300
103.22	Chợ Thanh Hòa	Các đường nội bộ trong chợ		1.380
103.23	Chợ Phú Khởi	Các đường nội bộ trong chợ		1.380
103.24	Chợ Long Thạnh	Quốc lộ 1A	Cầu qua Trường Trung học cơ sở Long Thạnh	1.920
		Các đường nội ô trong chợ		2.016
103.25	Chợ Tân Long (cũ)	Cả khu		2.456